

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG



KỶ YẾU THAM LUẬN
HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2022
VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2023

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2022

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

KỶ YẾU THAM LUẬN
HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC NĂM 2022
VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ NĂM 2023

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

I. Lĩnh vực Bưu chính	7
Phát triển nền tảng thương mại số của các doanh nghiệp Bưu chính phục vụ xây dựng nông thôn mới thông minh, phát triển bền vững	8
Đề xuất một số giải pháp quản lý để thị trường bưu chính chuyển phát cạnh tranh bình đẳng chống bán phá giá	12
II. Lĩnh vực Viễn thông	17
Luật Viễn thông sửa đổi.....	18
Về Phát triển, hoàn thiện hạ tầng Chính phủ số hiện đại, an toàn, hướng tới xây dựng Chính phủ số	22
Chính sách mới thúc đẩy sự phát triển thị trường viễn thông của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện.....	24
Làm sạch không gian tên miền góp phần bảo đảm an toàn thông tin trên không gian mạng	28
Đưa người dân, doanh nghiệp Việt hiện diện trực tuyến và kinh doanh thành công cùng với các dịch vụ số sử dụng tên miền “.vn”	32
Đảm bảo an toàn, bền vững hạ tầng mạng phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp	36
Phát triển thương mại điện tử bền vững với tên miền quốc gia “.vn”	39
Triển khai lộ trình tắt sóng 2G, chuyển đổi sử dụng phổ cập điện thoại thông minh	46
III. Lĩnh vực ứng dụng CNTT, chuyển đổi số	49
Trợ lý ảo - câu chuyện áp dụng công nghệ số vào công tác xét xử của Tòa án...50	
Nền tảng Công dân số (My Portal)	54
Nền tảng cửa khẩu số - câu chuyện chuyển đổi số vì doanh nghiệp	59
Dữ liệu - tài nguyên quốc gia mới	62
Giải pháp đẩy mạnh chuyển đổi số và công tác tuyên truyền thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội.....	67
Cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số thực chất, đồng bộ, nhANH và bền vững - cách làm từ Yên Bái	74

Một số kết quả nổi bật trong công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	79
Giải pháp tích cực hỗ trợ người dân, doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	82
Một số kết quả đạt được trong năm 2022 về chuyển đổi số tại thành phố Cần Thơ.....	85
Câu chuyện người dân Thái Nguyên đi chợ thời 4.0	93
Về triển khai thí điểm nền tảng quốc gia về họp trực tuyến VNPT Gomeet trên địa bàn tỉnh Bình Định	95
IV. Lĩnh vực An toàn thông tin mạng	99
Tình hình bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 và định hướng một số giải pháp triển khai năm 2023.....	100
Giải pháp tích hợp chữ ký số từ xa vào các cổng dịch vụ công.....	105
Hợp đồng lao động điện tử sử dụng chữ ký số.....	110
Giải pháp sử dụng chữ ký số công cộng trên thiết bị di động để thực hiện thủ tục hành chính	113
Triển khai công tác bảo đảm an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa....	116
Thách thức hôm nay với doanh nghiệp ATTT Việt Nam.....	123
An toàn thông tin trong chuyển đổi số.....	126
V. Lĩnh vực Công nghiệp ICT.....	129
Đề xuất định hướng, giải pháp ngành công nghiệp vi mạch bán dẫn Việt Nam ...	130
VI. Lĩnh vực Kinh tế số - Xã hội số	139
Đo lường kinh tế số, xã hội số Việt Nam: Hiện trạng và định hướng thúc đẩy phát triển	140
Chia sẻ cách làm hay tại Hội nghị Tổng kết công tác quản lý nhà nước ngành Thông tin và Truyền thông năm 2022, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 ..	145
VII. Lĩnh vực Báo chí, truyền thông	151
Xây dựng môi trường báo chí nhân văn trong giai đoạn hiện nay.....	152
Giải pháp nâng cao sức ảnh hưởng của báo chí đối ngoại góp phần xây dựng và nâng cao thứ hạng hình ảnh Việt Nam	155
Đánh thức ngành game Việt	160

Hoàn thiện thể chế để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở ..	164
Tính cách mạng tạo nên sức mạnh của báo chí Việt Nam.....	169
Vai trò của công tác tuyên truyền miệng trong hoạt động tuyên truyền chính sách, pháp luật của nhà nước về chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh ở Bắc Ninh hiện nay	173
Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động báo chí trên địa bàn TP. Hải Phòng.....	179
Về dự án hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng CNTT-VT trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	184
Nguồn nhân lực cho phát triển game tại Việt Nam	187
Chuyển đổi số trong phân phối nội dung bằng việc hình thành nền tảng truyền hình số quốc gia của Đài Truyền hình Việt Nam,	190
VIII. Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành	195
Thị trường sách nói - triển vọng trong chuyển đổi số ngành xuất bản	196
In xuất khẩu - cơ hội và thách thức.....	204
Thống nhất mô hình các nhà xuất bản: Một câu hỏi lớn chưa lời đáp.....	218
Chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản	222
IX. Công tác tổng hợp.....	229
Một số kết quả ngành Thông tin và Truyền thông Bắc Giang năm 2022.....	230

I. LĨNH VỰC BƯU CHÍNH

PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG THƯƠNG MẠI SỐ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP BƯU CHÍNH PHỤC VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI THÔNG MINH, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đồng chí Lã Hoàng Trung
Vụ trưởng Vụ Bưu chính

Cơ hội rộng mở

Thương mại dựa trên công nghệ số (thương mại số) đang phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây với sự xuất hiện ngày càng nhiều các nền tảng số và mô hình kinh doanh mới, tạo ra động lực và không gian phát triển mới cho kinh tế số nói chung, kinh tế số nông nghiệp, nông thôn nói riêng. Bưu chính trở thành nền tảng hậu cần cho thương mại số, là công cụ để chuyển giao giá trị trên cả không gian vật lý và không gian số.

Từ tháng 7/2021, Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành và triển khai Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử (TMĐT) của các doanh nghiệp bưu chính. Kế hoạch này nhận được sự ủng hộ, phối hợp của các bộ, ngành, địa phương, mở ra một kênh tiêu thụ sản phẩm mới cho các hộ sản xuất nông nghiệp thông qua các sàn TMĐT. Bên cạnh đó, nền tảng số cung cấp các thông tin hữu ích cho các hộ sản xuất nông nghiệp như thông tin thị trường nông sản, dự báo nhu cầu và năng lực sản xuất nông sản, thông tin thời tiết, mùa vụ... từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

Có thể nói, TMĐT là lĩnh vực tiên phong của nền kinh tế số, nơi các công nghệ tiên tiến của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 được ứng dụng rộng rãi nhằm nâng cao hiệu quả của các mô hình kinh doanh, góp phần hiện đại hóa hệ thống phân phối, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước và thúc đẩy xuất khẩu.

Các hộ sản xuất nông nghiệp, hộ kinh doanh cá thể đã chuyển mình trong nền kinh tế số, đang tăng trưởng nhanh về quy mô. Các doanh nghiệp, cá nhân tăng cường việc chuyển đổi số, xây dựng kênh phân phối mới trên nền tảng TMĐT đã từng bước vượt qua khó khăn, thách thức trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt, ảnh hưởng của dịch bệnh. Sự phát triển của mạng viễn thông băng rộng di động và công nghệ IoT

(Internet vạn vật) đã mở ra cơ hội cho nhà nông tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm nông nghiệp thông qua TMĐT, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn Việt Nam cũng như thu hẹp khoảng cách với khu vực đô thị. Người dân khu vực nông thôn dễ dàng tiếp cận với các giao dịch điện tử, không chỉ mua sắm mà có thể tìm kiếm khách hàng, quảng bá sản phẩm của mình và biến các sản phẩm của mình thành hàng hóa được giao dịch trên sàn TMĐT,...

Hiện nay, từ thành thị đến nông thôn, người tiêu dùng đã dần quen với việc mua sắm trực tuyến. Hình ảnh “bưu tá” đến giao hàng tại nhà không còn xa lạ. TMĐT giúp cho người tiêu dùng thuận tiện hơn trong việc tìm kiếm và lựa chọn sản phẩm phù hợp nhất với mức giá rẻ nhất, trong thời gian nhanh nhất.

Theo các báo cáo TMĐT, tốc độ tăng trưởng của TMĐT trong 5 - 7 năm qua luôn đạt mức 30%/năm, mở ra cơ hội rất lớn cho Bưu chính, là thời điểm để Bưu chính chuyển mình, mở rộng phạm vi, khái niệm, nội hàm cho mình.

Và những thách thức...

Mặc dù có nhiều cơ hội phát triển, nhưng vẫn còn khoảng cách về hạ tầng vật lý và hạ tầng số giữa nông thôn và thành thị. Ở nông thôn, chưa có một hệ thống hạ tầng “gom phát” thống nhất, chuyên biệt phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và TMĐT nông thôn... Nhu cầu bảo quản, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa tại khu vực nông thôn đòi hỏi xây dựng thêm nhiều điểm gom hàng, kho bãi lưu trữ. Những địa điểm này phải được liên kết, đặt gần khu vực nuôi trồng và sản xuất nông nghiệp thay vì tại các khu vực đông dân cư là nơi tiêu thụ hàng hóa.

Việc bảo quản, thu gom, phân phối hàng hóa nông sản tại khu vực nông thôn vẫn còn manh mún, thiếu tính kết nối gây lãng phí, chi phí logistics cao, không tối ưu được nguồn lực. Những điểm nghẽn cần tháo gỡ cho hoạt động dịch vụ hậu cần địa phương (local logistic service) bao gồm: thiếu gắn kết sản phẩm với khách hàng, đứt gãy thông tin để điều phối, kết nối giữa cung và cầu; thiếu nguồn lực nhân sự có trình độ về công nghệ và kinh doanh trên môi trường số; không đồng đều về kỹ thuật sản xuất; thiếu thị trường tiêu thụ ổn định,...

Tóm lại, hoạt động sản xuất của địa phương chưa liên kết được với chuỗi cung ứng để đến tận tay người tiêu dùng.

Hướng tới tương lai...

Để giải quyết bài toán thương mại số ở nông thôn, hướng tới xây dựng nông thôn mới, thông minh, phát triển bền vững, Vụ Bưu chính đề xuất một số mô hình và giải pháp sau đây:

1. Địa chỉ số, bản đồ số - “chuyển mạch” cho dòng dữ liệu hàng hóa

Với nền tảng dữ liệu địa chỉ số, người dùng Việt Nam có thể mong chờ một dịch vụ bưu chính hoàn hảo hơn trong tương lai. Một cá nhân muốn gửi một món hàng chỉ cần chụp ảnh món hàng đó, gửi qua một ứng dụng nhắn tin/chat của nhà mạng (hoặc VNPost, Viettel Post) đến một “thuê bao” khác thì sẽ có bưu tá xuất hiện mang món hàng chuyển đúng địa chỉ yêu cầu. Hiểu theo cách đơn giản, địa chỉ như số điện thoại cố định, bổ sung thông tin tọa độ, định danh khách hàng để “chuyển đổi” một cuộc gửi hàng trở thành một cuộc gọi điện thoại. Mọi khách hàng dù ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo đều có thể truy cập vào mạng lưới phân phối hàng hóa để lựa chọn mua sắm và ra bưu điện gần nhất để trải nghiệm và nhận hàng. Mỗi hộ dân với một máy tính cá nhân, máy tính bảng, điện thoại thông minh đều có thể trở thành một địa chỉ số được phục vụ bởi mạng lưới bưu chính. Nhờ vậy, khách hàng có thể nhận hàng ở bất kỳ nơi đâu trên phạm vi cả nước nhờ vào chức năng định vị và sự phục vụ linh hoạt, tận tụy và chuyên nghiệp của hệ thống bưu chính. Dòng chảy chuyển giao giá trị vật chất là sứ mệnh của khối bưu chính chuyển phát. Dòng chảy thông tin, dữ liệu cần được thực hiện qua hạ tầng mạng lưới viễn thông sẵn có. Điểm mấu chốt là giúp người dân làm quen và sử dụng một giải pháp thanh toán tiện lợi như ví điện tử, Mobile Money và kỹ năng giao dịch qua kênh thương mại số.

2. Mô hình gom phát hàng chặng cuối giúp người dân kết nối với chuỗi cung ứng

Để xây dựng một bức tranh tổng thể hạ tầng gom phát hàng hoá ở nông thôn, cần phải tư duy lại về hạ tầng logistics chuyên biệt cho nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là cần tính đến khâu bảo quản, lưu trữ, truy xuất nguồn gốc, quy trình vận chuyển, giao phát hàng hoá hướng tới khách hàng.

Các doanh nghiệp bưu chính chuyển phát cần ứng dụng các giải pháp công nghệ số để tối ưu hoá theo thời gian thực về hành trình, quãng đường và số lượng chuyến xe di chuyển nhằm giảm thiểu các chi phí, đảm bảo chất lượng khi giao hàng cho khách hàng. Xa hơn nữa, cần lưu tâm phát triển chuỗi cung ứng lạnh, chuỗi cung ứng xanh, ưu tiên tái sử dụng, phát triển bền vững. Các doanh nghiệp bưu chính chuyển phát có thể tận dụng hệ thống kho, điểm giao dịch để trở thành những điểm thu gom, lưu trữ, phát hàng hoá. Khi một lượng lớn các hộ sản xuất nông nghiệp tiếp cận TMĐT, thì các bưu cục, điểm bưu điện văn hoá xã sẽ chính là những điểm giao dịch offline cho thương mại điện tử.

3. Hệ sinh thái dịch vụ xây dựng nông thôn mới thông minh

Nếu đô thị thông minh là trung tâm chuyển đổi số ở các thành phố thì mô hình làng thông minh sẽ là hạt nhân cho chuyển đổi số nông nghiệp, nông thôn. Mô hình làng xã thông minh dựa trên 5 trụ cột thông minh: thiết chế thông minh, hạ tầng thông

minh, sản xuất kinh doanh thông minh, nguồn lực thông minh và dịch vụ thông minh. Tất cả các trụ cột này được ghép nối liên thông quanh một trung tâm số, được coi như bộ não của làng xã thông minh. Nếu nhìn từ góc độ kinh tế số, đây là một mô hình kinh tế “hợp tác, chia sẻ thành viên” với các bên tham gia là chính quyền, người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất...

Theo xu thế chung, các hệ thống TMĐT trung gian sẽ dần bị thu hẹp, trong khi các hệ thống bán hàng offline trực tiếp vẫn mang lại những hiệu quả trải nghiệm khách hàng cao nhất. Theo khảo sát của chúng tôi, người dân ở nông thôn vẫn thích ra chợ, cửa hàng tạp hóa (mà người địa phương hoặc người thân đang kinh doanh) mua đồ hằng ngày. Cửa hàng tạp hóa vẫn là kênh mua sắm chính ở thành thị cũng như nông thôn chiếm hơn 60% thị trường hàng tiêu dùng nhanh (FMCG – Fast Moving Consumer Goods).

Mô hình chuỗi cửa hàng tiện lợi mở ra cơ hội cho Bưu điện “thâu tóm” đa số khách hàng tiềm năng ở các khu dân cư, thôn, xóm ở địa phương. Với hạ tầng các bưu cục và điểm văn hoá xã rộng khắp, Bưu điện vẫn là mạng lưới có độ phủ cao nhất, gần dân nhất, được người dân tin tưởng nhất. Đó chính là lợi thế cạnh tranh tuyệt đối của Bưu điện.

Kết luận

Mặc dù đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do kinh tế toàn cầu giảm sút, ngành Bưu chính vẫn có những cơ hội to lớn để phát triển. Với sứ mệnh chính là hợp tác quốc tế, phổ cập dịch vụ và công ích, mạng lưới các bưu cục vẫn là mạng lưới có độ phủ rộng, kết nối dịch vụ thường xuyên với người dân. Bưu chính có sứ mệnh phục vụ người dân trong mọi hoàn cảnh, mang đến cho người dân giá trị vật chất và tinh thần.

Thương mại số đang tạo động lực phát triển to lớn cho bưu chính, chuyển phát, trong đó các bưu cục là điểm khởi đầu của chuỗi phân phối rộng khắp có tiềm năng thu gom các giá trị vật chất ở địa phương đồng thời lại là điểm phân phối các giá trị vật chất và tinh thần cho người dân địa phương. Công cuộc chuyển đổi số đã biến rất nhiều thứ trở thành một dạng dịch vụ, trong đó mọi dịch vụ đều xoay quanh khách hàng và người dân. Mạng Internet đã trở thành hệ thống chuyển giao giá trị của xã hội. Mọi giao dịch đều chỉ cần “1 cú nhấp chuột” (Just One Click) và công việc vận chuyển vật chất sẽ thuộc về người “chuyển phát xã hội”. Người Bưu tá được trao một sứ mệnh mới, là người phục vụ (Servicer) của xã hội. Bưu chính trở thành bộ đỡ đối với thương mại điện tử, logistics và dịch vụ xã hội mới với lợi thế về mạng lưới cơ sở hạ tầng rộng khắp, gần gũi với các hộ gia đình và người dân và là người vận chuyển dòng chảy vật chất của xã hội./.

ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ ĐỂ THỊ TRƯỜNG BƯU CHÍNH CHUYỂN PHÁT CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ

Ông Hoàng Trung Thành
Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

1. Thực trạng phát triển của ngành bưu chính, thương mại điện tử

Trong những năm gần đây, ngành Bưu chính không chỉ làm dịch vụ chuyển phát thư, báo, mà đang dần trở thành nền tảng cho thương mại điện tử, logistics.

Theo số liệu thống kê, quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông, đến cuối năm 2021 toàn quốc có tổng 728 doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ bưu chính. Thị trường bưu chính đang tiếp tục được mở rộng với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước với tốc độ tăng trưởng dự tính khoảng 20 - 25%.

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số doanh nghiệp, tổ chức được cấp phép hoạt động lĩnh vực bưu chính	315	392	468	573	728
Tốc độ tăng trưởng		124%	119%	122%	127%

Thị trường ngành Bưu chính, chuyển phát nhanh hiện không chỉ được khai thác bởi các công ty truyền thống (Viettel Post, EMS, VNPost) mà các công ty start-up và những công ty đa quốc gia cũng tham gia. Bởi thế, sự cạnh tranh là rất khốc liệt. Đến cuối năm 2021, cả nước có 31 doanh nghiệp bưu chính có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 4% tỷ trọng về số lượng doanh nghiệp nhưng lại chiếm tỷ trọng rất cao về sản lượng doanh thu trong năm 2021 (50 - 60%) với nhiều phương thức triển khai kinh doanh như: nhượng quyền thương mại, áp dụng chính sách đồng giá, phối hợp với các sàn thương mại điện tử (TMĐT) để hạ giá và chiếm thị phần,...

2. Đánh giá nguy cơ

Sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài, nhằm thâm nhập thị trường bưu chính, chuyển phát, logistics, TMĐT Việt Nam rất đáng lo ngại. Phần lớn hàng hóa luân chuyển 2 chiều trong và ngoài nước đều qua các sàn thương mại lớn nhất Việt Nam do nước ngoài nắm giữ. Phần lớn sản lượng hàng hóa trên các sàn này đều do các

công ty chuyển phát của họ vận chuyển, tiềm ẩn nhiều nguy cơ lớn cho nền kinh tế và an ninh quốc gia của Việt Nam. Các công ty chuyển phát có vốn đầu tư nước ngoài mở rộng vùng phủ, mở rộng thị phần dưới nhiều hình thức, cạnh tranh không lành mạnh gây xáo trộn thị trường chuyển phát, cụ thể:

- Rủi ro về quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ bưu chính qua bưu cục nhượng quyền.

- Thực hiện hoạt động theo mô hình nhượng quyền, các đơn vị nhận nhượng quyền thương mại không có ràng buộc pháp lý với người sử dụng dịch vụ. Do đó, dẫn đến nhiều rủi ro trong hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính: mất tiền COD (Cash on Delivery), lộ lọt thông tin, tráo đổi bưu gửi, trộm cắp...

2.1. Phần lớn hoạt động thương mại điện tử, giao thương hàng hóa trong và ngoài nước dần rơi vào tay các doanh nghiệp nước ngoài

Thực trạng cho thấy giai đoạn từ năm 2019 đến nay, các doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát Việt Nam đang dần bị loại khỏi cuộc chơi bởi các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Trung Quốc, Singapore...) đang xây dựng hệ sinh thái khép kín từ sàn thương mại điện tử, vận chuyển giao hàng, thanh toán trên chính các nền tảng của họ tại Việt Nam. Mà các sàn thương mại điện tử lớn ở Việt Nam như: Shopee, Lazada, Tiki, Sendo... đang thuộc sở hữu của các công ty nước ngoài, vì vậy khối lượng hàng hóa trên các sàn này phần lớn do các đơn vị chuyển phát của họ tự vận chuyển.

Sự bắt tay của các sàn TMĐT và các hãng chuyển phát nước ngoài tiềm ẩn nguy cơ hiện hữu là thị phần chuyển phát cho các sàn TMĐT Việt Nam sẽ dần rơi hoàn toàn vào tay các doanh nghiệp nước ngoài. Khi thống lĩnh được thị trường, các doanh nghiệp này sẽ kiểm soát toàn bộ luồng chảy hàng hóa, luồng vận chuyển, nguồn gốc hàng hóa, chất lượng hàng hóa, giá cả hàng hóa,... tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng giữa các doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp nước ngoài, không chỉ ở các doanh nghiệp logistics, TMĐT mà các lĩnh vực khác như: hàng hóa nông, lâm nghiệp; thủy, hải sản; hàng thủ công mỹ nghệ; hàng hóa tiêu dùng trong nước,... cũng sẽ bị cạnh tranh khốc liệt về doanh thu, sản lượng, bị ép về giá thành... Thậm chí một số ngành nghề truyền thống của Việt Nam còn đứng trước nguy cơ không thể tồn tại. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của hàng triệu người dân, nguy cơ thất nghiệp tăng cao, công ăn việc làm không ổn định, an ninh lương thực bị đe dọa, ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội.

Mặt khác, việc bắt tay của các doanh nghiệp nước ngoài cũng gây ra khó khăn rất lớn trong việc quản lý, thu thuế, kiểm soát hàng lậu, hàng cấm, hàng trốn thuế,... của các cơ quan quản lý nhà nước Việt Nam, nguy cơ Việt Nam trở thành nước trung chuyển, thẩm lậu, sản xuất các loại hàng hóa nhập lậu, trốn thuế, hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng giả, hàng cấm,... vi phạm các Hiệp định thương mại Việt Nam đã ký là hiện hữu.

2.2. Thị phần ngành Bưu chính, chuyển phát, logistics phần lớn sẽ bị kiểm soát bởi các doanh nghiệp nước ngoài

Theo tổng hợp các số liệu ghi nhận từ báo cáo tài chính của các đơn vị này, tổng doanh thu của 3 doanh nghiệp lớn có vốn nước ngoài (Giao hàng tiết kiệm, Giao hàng nhanh và J&T Express) lên tới hơn 11.000 tỷ đồng, chiếm gần 33% tổng doanh thu toàn ngành, khoảng 36.000 tỷ đồng (gồm 435 doanh nghiệp bưu chính chuyển phát, trong đó có 2 doanh nghiệp lớn là Viettel Post và VNPost). Về tổng thị phần chuyển phát, các doanh nghiệp nước ngoài đang chiếm giữ là hơn 60% thị phần, còn lại các doanh nghiệp Việt Nam chỉ chiếm khoảng hơn 30% thị phần. Nguy cơ lớn là các doanh nghiệp chuyển phát trong nước sẽ rơi vào cuộc cạnh tranh không bình đẳng, bị ép giá, bị chi phối về sản lượng vận chuyển và dần bị thôn tính, mất dần vai trò dẫn dắt thị trường chuyển phát hàng hóa trong nước, hạ tầng logistics quốc gia sẽ rơi vào tay các doanh nghiệp nước ngoài, điều này có nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh kinh tế, an ninh quốc gia, nếu như Nhà nước không có chính sách điều tiết và quản lý phù hợp.

2.3. Các vị trí đất đai, nhà xưởng các doanh nghiệp nước ngoài đang thuê, mua, liên doanh đặt làm kho bãi chứa hàng hóa, dây chuyền chia chọn, tập kết nhân lực,... cơ bản nằm ở các vị trí địa lý nhạy cảm, trọng yếu về an ninh quốc gia

Cùng với quá trình phát triển và mở rộng phạm vi hoạt động, các doanh nghiệp có vốn nước ngoài đang thuê, mua và sử dụng hệ thống kho bãi, hạ tầng, địa điểm kinh doanh ở những vị trí trọng yếu trên khắp đất nước Việt Nam, như sân bay, cảng biển, cửa khẩu, khu công nghiệp lớn,... Đây chính là hạ tầng logistics quốc gia và là các vị trí yết hầu, vị trí trọng yếu của nền kinh tế và an ninh quốc gia, vì vậy sẽ tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ mất an ninh, chính trị và an ninh quốc phòng.

2.4. Dữ liệu người dùng bị chiếm giữ, sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau, không kiểm soát được

Một nguồn dữ liệu người dùng, thông tin cá nhân cực lớn của người dân Việt Nam đang được các doanh nghiệp này hằng ngày âm thầm thu thập, sử dụng

vào rất nhiều mục đích khác nhau mà chúng ta không thể kiểm soát và đánh giá được mục đích sử dụng, mức độ và nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến người dân và an ninh an toàn thông tin, an ninh quốc gia.

3. Đề xuất

- Các bộ, ban, ngành cần tham mưu cho Chính phủ Việt Nam có cơ chế chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển phát, logistics, TMĐT trong nước về chính sách kinh doanh, ưu đãi đầu tư hạ tầng, đặc biệt là cần có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước được ưu tiên giao, thuê, mua các vị trí đất làm kho bãi, hạ tầng chuyển phát, logistics, TMĐT tại các vị trí địa lý trọng yếu về an ninh kinh tế, an ninh quốc gia và cần có quy hoạch hạ tầng logistics tại các vị trí này trên toàn quốc, đồng thời chỉ có doanh nghiệp 100% vốn trong nước hoặc doanh nghiệp nhà nước mới được giao, thuê, mua và sử dụng.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định pháp luật bưu chính, thương mại điện tử, thuế, cạnh tranh và các quy định khác của pháp luật Việt Nam và thế giới (nhượng quyền thương mại, hoạt động khuyến mại, bán phá giá, chuyển giá, vi phạm quy định bưu chính dành riêng...). Các bộ, ban, ngành cần nghiên cứu quy định một mức giá sàn cho một số sản phẩm bưu chính quan trọng, phổ biến, tránh việc các doanh nghiệp nước ngoài lợi dụng bán dưới giá thành, tạo sự cạnh tranh không lành mạnh.

- Kiểm soát chặt chẽ việc cấp phép bưu chính, sáp nhập, mua bán vốn của tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài, tránh để tập trung kinh tế và hình thành doanh nghiệp nước ngoài thống lĩnh, độc quyền thị trường bưu chính, logistics, TMĐT, dẫn đến có những tác động tiêu cực đến nền kinh tế.

- Nhanh chóng thành lập và phát huy vai trò Hiệp hội doanh nghiệp các ngành, lĩnh vực như: Hiệp hội Bưu chính; Hiệp hội Logistics,... gắn kết các doanh nghiệp trong lĩnh vực bưu chính, logistics, TMĐT. Nhằm xây dựng một hệ thống mạng lưới doanh nghiệp Việt Nam thống nhất về chính sách, quan điểm kinh doanh, hỗ trợ lẫn nhau nâng cao năng lực cạnh tranh. Từ đó các hiệp hội này sẽ trở thành cơ quan đại diện cho các doanh nghiệp tại Việt Nam đề xuất với Chính phủ, các bộ, ban, ngành các cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai, tài chính, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ, tri thức trong từng lĩnh vực. Từng bước đưa các doanh nghiệp phát triển, làm chủ hoạt động trong nước và quốc tế về lĩnh vực bưu chính, logistics, TMĐT tại Việt Nam.

- Xây dựng khái niệm “Bưu chính thương mại điện tử”, hành lang pháp lý cho dịch vụ bưu chính TMĐT, có cơ chế chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển phát, logistics, TMĐT trong nước. Hoàn thiện hệ thống quy định pháp luật trong nước theo các tiêu chuẩn quốc tế, nhằm phục vụ tốt công tác quản lý, giám sát có hiệu quả hoạt động đầu tư trong lĩnh vực bưu chính, logistics và TMĐT. Góp phần nâng cao năng lực và quản lý hiệu quả của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực bưu chính, logistics, TMĐT.

- Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước xây dựng nền tảng công nghệ thông tin hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, từ đó phát huy được thế mạnh và ứng dụng được khoa học công nghệ vào các doanh nghiệp trong nước về lĩnh vực bưu chính, logistics, TMĐT, từng bước giúp các doanh nghiệp trong nước chiếm lĩnh lại thị trường, góp phần phát triển kinh tế, giữ vững chủ quyền và an ninh quốc gia./.

II. LĨNH VỰC VIỄN THÔNG

LUẬT VIỄN THÔNG SỬA ĐỔI

*Đồng chí Nguyễn Hồng Thắng
Cục trưởng Cục Viễn thông*

Xu hướng hội tụ giữa viễn thông, phát thanh truyền hình, công nghệ thông tin và tự động hóa trong thời gian vừa qua đã đặt ra những yêu cầu mới đối với lĩnh vực viễn thông. Công nghệ phát triển tạo ra các loại hình dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới thúc đẩy việc hình thành cơ sở hạ tầng viễn thông mới kết hợp với các hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội, của nền kinh tế. Xu thế mới đặt ra yêu cầu đối với hạ tầng viễn thông là phải trở thành hạ tầng phục vụ kinh tế số, xã hội số. Cách quản lý các dịch vụ viễn thông cũng cần thay đổi cho phù hợp để đảm bảo các dịch vụ kết nối, đảm bảo chất lượng dịch vụ phục vụ hoạt động của các ngành, lĩnh vực trên môi trường mạng.

Luật Viễn thông năm 2009 được ban hành đã giúp thúc đẩy cạnh tranh, phát triển cơ sở hạ tầng mạng viễn thông hiện đại, phát triển thị trường viễn thông với đa dạng các dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, sau hơn 10 năm áp dụng, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật Viễn thông đã bộc lộ một số điểm không còn phù hợp với thực tiễn, cần được điều chỉnh để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong công tác thực thi cũng như đáp ứng xu thế phát triển mới: Các quy định về quản lý và điều tiết thị trường cần được bổ sung để thúc đẩy thị trường mạng di động ảo MVNO (Mobile Virtual Network Operator) phát triển, nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng mạng của doanh nghiệp; quy trình, thủ tục, điều kiện về cấp phép cần điều chỉnh để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp gia nhập thị trường; xu thế phát triển dịch vụ vệ tinh chùm cũng như xu thế hội tụ viễn thông và công nghệ thông tin đòi hỏi phải có thêm các chính sách quản lý một cách phù hợp để đảm bảo an ninh, quốc phòng, an ninh thông tin cũng như đảm bảo quyền lợi của người sử dụng dịch vụ trên môi trường mạng,... Bên cạnh đó, từ năm 2010 đến nay, Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)...., cũng như nhiều luật chung mới được ban hành, sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Quy hoạch,

Luật Quản lý và sử dụng tài sản công..., do đó, Luật Viễn thông cũng cần được xem xét, điều chỉnh để đồng bộ, thống nhất với các luật chung và cam kết quốc tế được ký kết sau năm 2010.

Nhận thấy sự cần thiết phải sửa đổi Luật Viễn thông, Cục Viễn thông đã nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế để đề xuất các chính sách đưa vào hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Viễn thông (sửa đổi). Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Viễn thông (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023. Được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng luật, trong năm 2022, Cục đã khẩn trương dự thảo hồ sơ dự án luật và đăng website lấy ý kiến rộng rãi ngày 22/10/2022 cũng như gửi công văn lấy ý kiến trực tiếp các bộ, ngành, cơ quan, doanh nghiệp, hiệp hội. Ngày 23/11 và 25/11/2022 vừa qua, Cục đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh để tổng hợp các ý kiến, xem xét tiếp tục hoàn thiện hồ sơ dự án luật.

Với việc đánh giá tổng thể Luật Viễn thông năm 2009, đồng thời nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm của các nước tiên tiến mới có sửa đổi, điều chỉnh khung pháp lý về viễn thông trong những năm gần đây, Cục đã tìm hiểu chính sách quản lý của các nước châu Âu, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc và các nước ASEAN như Malaysia, Singapore..., từ đó, đề xuất các chính sách sửa đổi, bổ sung trong luật bao gồm:

1. Chính sách quản lý bán buôn

Luật Viễn thông năm 2009 mới chỉ có quy định về kết nối, chia sẻ hạ tầng viễn thông thụ động, chưa quy định đầy đủ về chia sẻ, sử dụng mạng viễn thông giữa các doanh nghiệp cũng như chưa có quy định về mua bán lưu lượng dịch vụ để bán lại dẫn đến việc các doanh nghiệp khó khăn trong việc đàm phán, hợp tác với nhau.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc gia nhập thị trường, phát triển dịch vụ, ứng dụng mới và quản lý phù hợp với thông lệ quốc tế, Luật sửa đổi đề xuất bổ sung quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp bán buôn, quản lý giá bán buôn đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng cần quản lý tiền kiểm. Chính sách này sẽ giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước cũng như có ảnh hưởng tích cực đến các doanh nghiệp viễn thông.

2. Chính sách cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông

Hiện nay, Luật đang quy định có 02 loại giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng và giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, điều kiện, quy trình thủ tục cấp phép giống nhau với tất cả các loại dịch vụ viễn thông. Do đó, chưa thúc

đẩy các doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ mới trên hạ tầng đã đầu tư, chưa thể hiện được yêu cầu về nghĩa vụ triển khai mạng của doanh nghiệp được cấp phép để đảm bảo mục tiêu phổ cập dịch vụ.

Việc đề xuất đưa vào Luật sửa đổi quy định về 3 hình thức cấp phép (cấp phép riêng, cấp phép nhóm, đăng ký) nhằm mục tiêu duy trì tạo thuận lợi gia nhập thị trường, đơn giản hóa thủ tục cho doanh nghiệp, đồng thời thắt chặt quy định trong một số trường hợp như thiết lập mạng có sử dụng băng tần để tăng cường bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, sử dụng tài nguyên hiệu quả.

3. Chính sách quản lý dịch vụ viễn thông vệ tinh

Vệ tinh chòm (Leo) có xu hướng phát triển mạnh, có nguy cơ cạnh tranh với các doanh nghiệp viễn thông hiện tại, cũng như đặt ra các nguy cơ về đảm bảo an toàn mạng, an ninh quốc gia. Trong khi, các quy định về cấp phép dịch vụ viễn thông vệ tinh đang ở cấp nghị định, chưa có quy định cụ thể về việc doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới phải thông qua thỏa thuận với doanh nghiệp Việt Nam được cấp phép như thế nào.

Học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới, Cục Viễn thông đề xuất bổ sung quy định về cung cấp dịch vụ xuyên biên giới, điều kiện cấp phép đối với việc thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông vệ tinh để giải quyết bài toán tạo dựng thị trường cạnh tranh công bằng, bảo đảm các vấn đề về quản lý viễn thông liên quan đến an toàn mạng lưới, an toàn, an ninh quốc gia.

4. Chính sách quản lý trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây

Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu được xếp vào ngành nghề kinh doanh có điều kiện, trong khi đó, luật chuyên ngành chưa có quy định cụ thể, mới chỉ có Thông tư số 03/2013/TT-BTTTT ngày 22/01/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với trung tâm dữ liệu. Do khung pháp lý chưa đầy đủ nên xuất hiện các nguy cơ như trung tâm dữ liệu không đạt chuẩn, không đảm bảo an toàn, chưa quy định về trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây trong việc bảo đảm an toàn dữ liệu người dùng, an ninh thông tin; chưa có quy định quản lý các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ xuyên biên giới. Nhằm mục tiêu hoàn thiện khung pháp lý để thúc đẩy phát triển trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây ở Việt Nam, quản lý bảo vệ dữ liệu theo thông lệ quốc tế, Cục Viễn thông đã đề xuất bổ sung thêm 01 chương về kinh doanh trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây trong Luật sửa đổi.

5. Chính sách quản lý dịch vụ OTT

Dịch vụ OTT (Over the top - dịch vụ gia tăng trên nền mạng Internet) đã trở nên rất phổ biến trong những năm vừa qua, có tác động đến hoạt động của các nhà mạng viễn thông và đặt ra nguy cơ về lâu dài khó đảm bảo nguồn lực phát triển hạ tầng viễn thông nếu các doanh nghiệp OTT không tham gia chia sẻ chi phí. Luật Viễn thông hiện nay không điều chỉnh các dịch vụ này trong khi nhiều quốc gia trên thế giới đã coi OTT là dịch vụ viễn thông và có các chính sách quản lý. Việc bổ sung các quy định quản lý dịch vụ OTT trong Luật sửa đổi nhằm tạo điều kiện cho các dịch vụ này phát triển nhưng có quản lý để bảo vệ người dùng, đảm bảo các vấn đề về an toàn, an ninh cũng như tạo cơ chế để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ OTT và các nhà mạng chia sẻ chi phí với nhau, đảm bảo nguồn lực phát triển hạ tầng lâu dài.

6. Chính sách quản lý dịch vụ IoT

Trên thế giới, dịch vụ IoT/M2M tăng trưởng mạnh với phương thức kết nối rất đa dạng. Tại Việt Nam, các nhà mạng cũng đã triển khai IoT/M2M trên mạng di động. Do hành lang pháp lý về dịch vụ IoT hiện nay chưa rõ ràng, đầy đủ nên để tạo điều kiện thuận lợi cho dịch vụ IoT phát triển và đảm bảo các vấn đề về an toàn, an ninh, bảo vệ dữ liệu người dùng, Cục Viễn thông đã nghiên cứu, làm rõ các khái niệm trong luật để bao trùm dịch vụ IoT, đồng thời đề xuất bổ sung các quy định cụ thể trong các văn bản dưới luật để hướng dẫn hoạt động thực thi.

Với các chính sách lớn đề xuất đưa vào Luật Viễn thông (sửa đổi) như trên, khung pháp lý về quản lý hoạt động viễn thông sẽ được hoàn thiện đầy đủ hơn, nâng cao hiệu quả quản lý của cơ quan quản lý nhà nước, giải quyết được các vấn đề vướng mắc, bất cập về thực thi trong suốt thời gian vừa qua cũng như đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới. Dự án Luật Viễn thông (sửa đổi) dự kiến sẽ được trình Quốc hội cho ý kiến vào kỳ họp tháng 5/2023 và thông qua vào kỳ họp tháng 10/2023./.

VỀ PHÁT TRIỂN, HOÀN THIỆN HẠ TẦNG CHÍNH PHỦ SỐ HIỆN ĐẠI, AN TOÀN, HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG CHÍNH PHỦ SỐ

*Đồng chí Trần Duy Ninh
Cục trưởng Cục Bưu điện Trung ương*

Ngày 15/6/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 942/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Chính phủ điện tử là chính phủ ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả hoạt động. Chính phủ điện tử là chính phủ tin học hoá các quy trình đã có, cung cấp trực tuyến các dịch vụ công. Mục tiêu chính của chính phủ điện tử là đưa 100% dịch vụ công lên trực tuyến. Chính phủ số thì là toàn bộ hoạt động trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế lại, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số. Chính phủ số là chính phủ đổi mới mô hình hoạt động, thay đổi quy trình làm việc, thay đổi cách thức cung cấp dịch vụ và nhanh chóng cung cấp các dịch vụ công mới. Chiến lược Chính phủ số của chúng ta đặt mục tiêu năm 2025, Việt Nam vào Top 50 và năm 2030 vào Top 30 thế giới. Đây là một mục tiêu rất tham vọng, khi mà năm 2020 Việt Nam xếp hạng thứ 86.

Để đạt được mục tiêu trên, hạ tầng phải đi trước một bước, phải làm chủ hạ tầng số, bởi hạ tầng số đóng vai trò quyết định để phát triển, hướng tới xây dựng chính phủ số như lời Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng phát biểu tại Hội nghị quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 “*Coi hạ tầng số cũng quan trọng như hạ tầng giao thông. Hạ tầng giao thông là dòng chảy vật chất. Hạ tầng số là dòng chảy dữ liệu. Hai dòng chảy này phải luôn tương xứng với nhau*”.

Tại Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số đã chỉ rõ các thành phần của hạ tầng số phục vụ chính phủ số gồm mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước (mạng TSLCD); nền tảng điện toán đám mây Chính phủ và mạng Internet băng rộng. Trong đó, mạng truyền số liệu chuyên dùng do Cục Bưu điện Trung ương quản lý, vận hành là hạ tầng cốt lõi của hạ tầng số phục vụ chính phủ số. Với vai trò là đơn vị chủ trì quản lý vận hành mạng TSLCD,

Cục Bưu điện Trung ương triển khai một số giải pháp sau đây để phát triển, hoàn thiện mạng TSLCD đáp ứng yêu cầu hạ tầng phục vụ chính phủ số:

Một là, Mở rộng phạm vi kết nối

Thực hiện chỉ đạo của Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng, trong vòng 03 tháng trong năm 2022, Cục Bưu điện Trung ương đã chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh/thành phố, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT), Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông quân đội (Viettel) hoàn thành kết nối đến 100% các đơn vị cấp xã trên phạm vi toàn quốc; đảm bảo sẵn sàng hạ tầng phục vụ triển khai các nền tảng, ứng dụng chính phủ số xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương.

Hai là, Hiện đại hóa, tăng cường năng lực mạng

Trong xu hướng chung về chuyển đổi số, với mục tiêu dần chuyển đổi sang xu hướng mạng cung cấp dưới dạng dịch vụ (*NaaS - Network as a Service*), mạng TSLCD được triển khai nâng cấp, hiện đại hóa theo công nghệ mạng định tuyến phân đoạn mạng (*Segment Routing*) kết hợp kiến trúc mạng định nghĩa bằng phần mềm (*SDN - Software Defined Network*).

Ba là, Bảo đảm an toàn thông tin, giám sát kiểm soát truy nhập các kết nối vào mạng

Với nhận thức rằng công nghệ mới, hạ tầng mới đồng hành với những nguy cơ, thách thức về chất lượng dịch vụ, an toàn thông tin. Cục Bưu điện Trung ương đề xuất thiết lập hệ thống giám sát an toàn thông tin (SOC) tập trung mạng TSLCD, kết nối đến SOC của các bộ, ngành, địa phương để chia sẻ thông tin giám sát, kiểm soát truy nhập các nút mạng kết nối vào mạng TSLCD theo chỉ đạo của Bộ trưởng “*phải nhìn thấy được toàn bộ các kết nối đến mạng TSLCD*”.

Các quan điểm chỉ đạo, định hướng của Lãnh đạo Bộ, đặc biệt đồng chí Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng về định hướng phát triển mạng TSLCD đã tạo tiền đề cho Cục Bưu điện Trung ương xác định đúng hướng đi, cách làm để từng bước hoàn thành sứ mệnh mới của mạng TSLCD là “*mạng thống nhất, kết nối đến các cơ quan Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến cấp xã, được giám sát, kiểm soát truy cập tập trung*”.

Từ những định hướng mới và mục tiêu mới của mạng TSLCD, Cục Bưu điện Trung ương đã cụ thể hóa bằng các chương trình hành động, đưa vào Quy hoạch chung ngành Thông tin và Truyền thông và Chiến lược phát triển Hạ tầng số giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

CHÍNH SÁCH MỜI THỨC ĐẨY PHÁT SỰ TRIỂN THỊ TRƯỜNG VIỄN THÔNG CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

*Đồng chí Lê Văn Tuấn
Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện*

Ngày 09/11/2022, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện với 444/447 đại biểu Quốc hội tham gia biểu quyết tán thành, chiếm 89,16% tổng số đại biểu Quốc hội, là dự án luật đầu tiên được thông qua tại kỳ họp thứ 4, Quốc hội khoá XV.

1. Quá trình xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện

Tổng thời gian xây dựng Luật kéo dài 03 năm, bắt đầu từ tháng 11/2019 và kết thúc tháng 11/2022. Trải qua hai giai đoạn là lập đề nghị xây dựng Luật (tháng 11/2019 - tháng 11/2021) và soạn thảo Luật (tháng 11/2021 - tháng 11/2022). Các mốc thời gian chính:

- Tháng 9/2020: Đăng website, lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật.
- Tháng 3/2021: Gửi Bộ Tư pháp thẩm định đề nghị xây dựng Luật.
- Tháng 5/2021: Trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật.
- Tháng 11/2021: Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết đưa dự án Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 của Quốc hội.
- Tháng 10/2021: Thành lập Ban Soạn thảo và Tổ Biên tập Luật.
- Tháng 11/2021: Đăng website, lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo Luật.
- Tháng 01/2022: Gửi Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Luật.
- Tháng 02/2022: Trình Chính phủ dự thảo Luật.
- Tháng 3/2022: Trình Quốc hội dự thảo Luật để cho ý kiến thẩm tra.

- Tháng 5/2022: Trình Quốc hội dự thảo Luật để cho ý kiến chính thức tại kỳ họp thứ 3.

- Tháng 10/2022: Trình Quốc hội dự thảo Luật để thông qua tại kỳ họp thứ 4.

- Ngày 09/11/2022: Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật.

2. Chính sách mới thúc đẩy sự phát sự triển thị trường viễn thông

2.1. Về giới hạn tổng độ rộng băng tần một doanh nghiệp được cấp phép sử dụng

Trong hoạt động của mạng thông tin di động, người dùng kết nối với mạng bằng sóng vô tuyến điện trên các tần số nằm trong băng tần mà nhà mạng được cấp phép sử dụng. Vì thế, băng tần là điều kiện sống còn đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin di động. Nếu so sánh cùng một điều kiện, thì doanh nghiệp có nhiều băng tần hơn sẽ cung cấp được dịch vụ tốt hơn và tiết kiệm chi phí đầu tư hơn.

Trong khi đó, không phải tần số nào cũng có thể sử dụng cho thông tin di động, mà cần có sự thống nhất giữa các quốc gia mới có thể quy hoạch cho thông tin di động. Do thực tế sử dụng tần số vô tuyến điện ở các quốc gia là khác nhau, rất khó khăn mới đạt sự thống nhất của các nước. Hiện nay, tại Việt Nam chỉ có thể sử dụng được 900 MHz dùng cho thông tin di động trong dải tần dưới 6GHz.

Trong 900 MHz này, Việt Nam đã cấp khoảng 340 MHz cho 05 doanh nghiệp viễn thông di động để khai thác 2G/3G/4G (thông qua cấp trực tiếp và thi tuyển), mang lại doanh thu trên 1,2 triệu tỷ đồng trong giai đoạn 2010 - 2020, nộp ngân sách trên 400 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, khi cấp phép theo cơ chế thị trường thông qua phương thức đấu giá, nếu không giới hạn lượng băng tần được phép mua thì doanh nghiệp có tiềm lực tài chính mạnh có thể mua được toàn bộ băng tần còn lại và dẫn đến độc quyền trên thị trường thông tin di động.

Ngoài ra, thông qua cơ chế mua bán, sáp nhập doanh nghiệp và cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng tần số, có thể xảy ra trường hợp doanh nghiệp thực hiện tích lũy được lượng băng tần lớn.

Do đó, Luật mới đã đưa vào quy định về giới hạn tổng độ rộng băng tần một doanh nghiệp được cấp phép sử dụng để tạo lập môi trường viễn thông có cạnh tranh, tránh tích tụ tài nguyên dẫn đến tình trạng độc quyền khi cấp phép sử dụng băng tần và khi xem xét cho phép doanh nghiệp sáp nhập, chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện có được thông qua đấu giá.

2.2. Cấp lại giấy phép sử dụng băng tần

Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009 không quy định cho phép cấp lại giấy phép sử dụng băng tần di động khi hết hạn. Băng tần đã cấp cho các doanh nghiệp sẽ được thu hồi về để đấu giá hoặc thi tuyển khi hết thời hạn của giấy phép.

Thực tế, với chu kỳ giấy phép 15 năm, doanh nghiệp đã có tập khách hàng ổn định và đã đầu tư phát triển được hạ tầng mạng lớn (với 3 băng tần đã cấp phép là 900MHz, 1800MHz, 2100MHz, đến nay các doanh nghiệp đã phủ sóng 99,8% dân số với 300 nghìn trạm phát sóng). Vì vậy, việc thu hồi băng tần sau khi hết thời hạn để đấu giá, thi tuyển đối với doanh nghiệp đang kinh doanh hiệu quả mà không trúng đấu giá hoặc không trúng tuyển băng tần đã sử dụng trước đó, có thể gây lãng phí hạ tầng thụ động, khó khuyến khích doanh nghiệp yên tâm đầu tư dài hạn. Ngược lại, đối với doanh nghiệp sử dụng không hiệu quả băng tần thì việc thu hồi tần số sau khi hết thời hạn để đấu giá, thi tuyển là cần thiết.

Do vậy, Luật mới đã bổ sung quy định cho phép doanh nghiệp được cấp lại giấy phép sử dụng băng tần sau khi hết hạn với thời hạn do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định. Trong đó các điều kiện để được cấp lại bao gồm: (1) Tất cả các khối băng tần đã cấp phù hợp với việc phân chia các khối băng tần của quy hoạch băng tần được áp dụng tại thời điểm giấy phép sử dụng băng tần hết hiệu lực; (2) Doanh nghiệp hoàn thành các nghĩa vụ tài chính về viễn thông, tần số vô tuyến điện theo quy định của pháp luật đối với băng tần, kênh tần số đã cấp trước đó được đề nghị cấp lại; nộp đầy đủ phí, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện và có cam kết triển khai mạng viễn thông đối với băng tần được cấp lại.

Trình tự thực hiện cấp lại được quy định: (1) 03 năm trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hiệu lực, Bộ Thông tin và Truyền thông phải thông báo về quy hoạch băng tần; (2) 06 tháng trước ngày giấy phép sử dụng băng tần hết hiệu lực, doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép.

Quy định về cấp lại giấy phép sử dụng băng tần sẽ hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư, cung cấp dịch vụ, hạn chế được sự xáo trộn thị trường, lãng phí hạ tầng đã đầu tư so với việc thực hiện đấu giá lại tần số.

2.3. Bổ sung quy định về cam kết triển khai mạng viễn thông và quy định về đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng băng tần đã được cấp giấy phép sử dụng khi doanh nghiệp vi phạm cam kết triển khai mạng viễn thông

Theo Luật Tần số vô tuyến điện năm 2009, nếu doanh nghiệp không triển khai nội dung của giấy phép sau thời hạn hai năm, kể từ ngày được cấp giấy phép, thì sẽ bị

thu hồi giấy phép. Tuy nhiên, trên thực tế, khi doanh nghiệp đã triển khai mạng lưới thì sẽ có khách hàng nên việc thu hồi toàn bộ quyền sử dụng tần số sẽ không chỉ ảnh hưởng đến doanh nghiệp mà còn ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng đang sử dụng dịch vụ của doanh nghiệp đó.

Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện bổ sung quy định về cam kết triển khai mạng viễn thông và quy định các nội dung cụ thể về cam kết mạng viễn thông bao gồm: tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới hoặc số lượng trạm phát sóng vô tuyến điện phải triển khai; vùng phủ sóng tính theo dân số hoặc theo khu vực địa lý; thời điểm chính thức cung cấp dịch vụ viễn thông tính từ thời điểm cấp phép; chất lượng dịch vụ viễn thông; chuyển vùng dịch vụ viễn thông. Luật giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định số lượng nội dung cam kết, yêu cầu cụ thể của từng nội dung cam kết triển khai mạng viễn thông đối với từng băng tần, kênh tần số được đấu giá, thi tuyển hoặc cấp lại.

Khi vi phạm cam kết triển khai mạng viễn thông, doanh nghiệp sẽ bị đình chỉ có thời hạn một phần quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần đã được cấp nếu doanh nghiệp vi phạm cam kết. Sau thời hạn bị đình chỉ mà doanh nghiệp vẫn chưa khắc phục xong, khi đó nhà nước mới thực hiện thu hồi giấy phép tần số.

Việc chưa thu hồi ngay toàn bộ tần số cho phép doanh nghiệp giữ lại được một phần tần số đã cấp trong một thời gian nhất định để tiếp tục cung cấp dịch vụ, từ đó có thêm cơ hội để doanh nghiệp khắc phục vi phạm cam kết.

Quy định này vừa đảm bảo phát triển hạ tầng viễn thông hiện đại, cũng như lựa chọn doanh nghiệp có năng lực tốt nhất để cấp phép.

LÀM SẠCH KHÔNG GIAN TÊN MIỀN, GÓP PHẦN BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

*Đồng chí Trần Thị Thu Hiền
Phó Giám đốc Phụ trách Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC)*

Hiện nay, lạm dụng tên miền để thực hiện hoạt động có hại, bất hợp pháp đang trở thành vấn đề thách thức, tác động xấu lên an toàn hoạt động mạng, dịch vụ Internet. Tại Việt Nam, có tình trạng lợi dụng tiện ích hoạt động trực tuyến, đặc biệt là sử dụng tên miền quốc tế (TMQT) thiết lập các website giả mạo cơ quan nhà nước, ngân hàng, trang báo chí, đưa thông tin sai lệch và có nội dung vi phạm trên không gian mạng.

Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) đã triển khai các biện pháp giám sát, ngăn ngừa việc đăng ký sử dụng tên miền không hợp lệ; triển khai các hoạt động rà soát, làm sạch không gian tên miền; phối hợp các đơn vị có thẩm quyền xem xét xử lý vi phạm trên không gian mạng.

1. Biện pháp ngăn chặn, bảo vệ

- Hệ thống quản lý tên miền quốc gia hiện thiết lập **1.166 từ khóa** (các lĩnh vực chính trị, thuần phong mỹ tục, báo chí/tin tức, ngân hàng,...) tiền kiểm yêu cầu đăng ký sử dụng tên miền.

- Giữ chỗ 40.106 tên miền không cho đăng ký tự do (các tên miền là tên cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, an ninh quốc gia, thuần phong mỹ tục,...) tiền kiểm, kiểm soát trước khi cấp.

- Bảo vệ 2.658 tên miền đang hoạt động (là tên cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, an ninh quốc gia): giám sát trạng thái, không tự động sửa đổi thông tin, tạm ngừng, thu hồi tự động... để phục vụ hoạt động CNTT của cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Rà quét làm sạch không gian tên miền

Rà quét bằng công cụ tự động, kết hợp kiểm tra nhân công về dữ liệu, hồ sơ, nội dung website gắn với tên miền; chủ động phát hiện các website có dấu hiệu vi phạm để phối hợp các đơn vị trong và ngoài Bộ xem xét xử lý.

Tần suất thực hiện: Hằng ngày đối với đăng ký mới tên miền “.vn”; 1 lần/Quý tổng thể toàn bộ tên miền (tên miền “.vn” và TMQT do các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam cung cấp). *Kết quả:* Trong năm 2021, 2022 đã xử lý:

- 403 tên miền có dấu hiệu vi phạm hoạt động báo chí, tin tức (là tên cơ quan báo chí; có nội dung đăng tải trang tin tổng hợp không phép).

- 485 tên miền có hoạt động cờ bạc, game bài trực tuyến (90 tên miền “.vn” và 395 TMQT).

- Cung cấp và phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Công Thương xử lý vi phạm 1.010 tên miền (271 tên miền “.vn” và 739 TMQT) trùng tên ngân hàng, trang thương mại điện tử, tín dụng, cho vay trực tuyến của cá nhân (là đối tượng không được cấp phép).

3. Hỗ trợ thực hiện đúng quy định về sử dụng tên miền và lưu trữ thông tin

VNNIC đã triển khai nhiều đợt rà soát việc đăng ký sử dụng tên miền “.vn” và lưu trữ thông tin (máy chủ tên miền, dịch vụ email, cổng thông tin điện tử) của các cơ quan Đảng, Nhà nước, báo chí, trang thông tin điện tử tổng hợp và mạng xã hội, tư vấn, hướng dẫn triển khai đúng quy định pháp luật về đăng ký sử dụng tên miền và lưu trữ thông tin.

Năm 2021: Gửi văn bản hướng dẫn đến từng cơ quan Đảng, Nhà nước (108 cơ quan) sử dụng tên miền “.gov.vn”, lưu trữ website tại nước ngoài chuyển đổi về lưu trữ trong nước.

Năm 2022: Kết quả rà soát:

- *Nhóm cơ quan Đảng, Nhà nước* (2.255 cơ quan đang đăng ký sử dụng 2.930 tên miền):

+ Lưu trữ thông tin website tại nước ngoài: có 81/2.930 tên miền (chiếm 2,8%);

+ DNS Hosting nước ngoài: 797/2.930 tên miền (chiếm 27,2%);

+ Sử dụng lưu trữ email nước ngoài: 347/2.930 tên miền (chiếm 11,8%).

- *Nhóm báo chí - báo chí điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội:* Trong số 1.960 chủ thể đang đăng ký sử dụng 3.252 tên miền (3.125 “.vn” và 127 TMQT):

- Lưu trữ thông tin website tại nước ngoài: 299/3.252 tên miền (chiếm 9,2%);

- DNS Hosting nước ngoài: 1.406/3.252 tên miền (chiếm 43%);

- Lưu trữ email nước ngoài: 553/3.252 tên miền (chiếm 17%).

Trên cơ sở đó, VNNIC đã có văn bản hướng dẫn các cơ quan, tổ chức đăng ký sử dụng tên miền “.vn” và lưu trữ thông tin trong nước để tránh giả mạo, đảm bảo an toàn, tin cậy thông tin.

4. Quản lý bình đẳng, đồng bộ giữa tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, tên miền quốc tế

Hiện nay, tỷ lệ vi phạm trong cung cấp thông tin trên mạng sử dụng tên miền quốc tế rất cao. Một lượng lớn tên miền quốc tế đăng ký sử dụng thông qua các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài, ẩn giấu thông tin chủ thể, lưu trữ thông tin ở máy chủ nước ngoài, không thể chủ động xử lý, ngăn chặn nguồn tạm ngừng hoạt động hay thu hồi tên miền. Thực tiễn phối hợp xử lý vi phạm cho thấy 83% vi phạm trên không gian mạng diễn ra đối với nhóm các TMQT này.

Phụ lục 4 Luật Đầu tư quy định dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền là dịch vụ kinh doanh có điều kiện. Hiện nay, Nghị định số 72/2013/NĐ-CP, Nghị định số 27/2018/NĐ-CP đã có các quy định điều kiện kinh doanh đối với các Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam, tuy nhiên chưa có quy định đối với nhóm các Nhà đăng ký tên miền quốc tế là doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ xuyên biên giới cho tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Để đảm bảo an toàn thông tin, quy định, chính sách quản lý cần được điều chỉnh, bổ sung trên tinh thần quy định bình đẳng, đồng bộ giữa tên miền quốc gia Việt Nam, theo đó cần bổ sung, điều chỉnh quy định quản lý tại Luật Viễn thông; Nghị định số 72/2013/NĐ-CP; Nghị định số 27/2018/NĐ-CP phản ánh rõ phạm vi quản lý của Việt Nam bao gồm tên miền quốc gia và các tên miền quốc tế do tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng. Quy định các chế tài quản lý đồng bộ, bình đẳng trong đăng ký, sử dụng và cung cấp dịch vụ đăng ký, sử dụng tên miền.

Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” - yếu tố gắn kết người dân với hạ tầng số, phục vụ kinh tế số, xã hội số

Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” là hình ảnh quốc gia Việt Nam trên không gian mạng. Với các giá trị “nhận diện - tin cậy - an toàn”, tên miền “.vn” khẳng định thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ của Việt Nam, chủ quyền Việt Nam trên không gian mạng. Thúc đẩy sử dụng tên miền “.vn” là giải pháp căn cơ góp phần đảm bảo thông tin mạng an toàn.

Thông tư số 21/2021/TT-BTTTT ngày 08/12/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông đã mở rộng không gian tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”, quy định thêm 03 đuôi tên miền cấp 2 dùng chung: “.id.vn” (dành cho công dân Việt Nam);

“.io.vn” (dành cho các ứng dụng công nghệ số, nền tảng, dịch vụ số); “ai.vn” (trí tuệ nhân tạo) nhằm tạo ra các không gian tên miền mới phù hợp hơn với xu thế phát triển công nghệ, thuận tiện hơn cho người dùng, hướng tới mục tiêu phổ cập tên miền tới toàn dân, đưa người dân lên không gian mạng với tên miền riêng; bổ sung quy định ưu tiên trong đăng ký sử dụng tên miền “.id.vn” đối với chủ thể cá nhân là công dân Việt Nam có tuổi đời từ 18 đến 23 tuổi; ưu tiên trong đăng ký sử dụng tên miền “.biz.vn” đối với doanh nghiệp mới thành lập, hộ kinh doanh để thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, phát triển kinh tế số.

Việc thực hiện thành công các chiến lược phát triển tên miền “.vn” toàn dân là yếu tố quan trọng góp phần đảm bảo sự an toàn hoạt động mạng, dịch vụ Internet Việt Nam.

ĐƯA NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP VIỆT HIỆN DIỆN TRỰC TUYẾN VÀ KINH DOANH THÀNH CÔNG CÙNG VỚI CÁC DỊCH VỤ SỐ SỬ DỤNG TÊN MIỀN “.VN”

*Ông Huỳnh Việt Phương
Tổng Giám đốc Công ty TNHH P.A Việt Nam*

1. Giới thiệu về đơn vị

Công ty TNHH P.A Việt Nam là Nhà đăng ký tên miền “.vn” chính thức của Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC). P.A Việt Nam được thành lập từ năm 2001, được xếp vào hàng các công ty phát triển nhanh nhất của Việt Nam trong lĩnh vực CNTT. Hệ sinh thái đa dạng với nhiều dịch vụ: tên miền, hosting, email, SSL, hóa đơn điện tử, chữ ký số, phần mềm và website. Đặc biệt, Bộ thương hiệu 30s từ P.A Việt Nam đạt chứng nhận “Make in Vietnam”.

Là một trong những Nhà đăng ký tên miền “.vn” đầu tiên được công nhận, Nhà đăng ký P.A Việt Nam đã đạt được những thành tích đáng kể trong việc đồng hành cùng VNNIC phát triển tên miền quốc gia “.vn”, mang lại những giá trị thiết thực cho người dùng trong thời đại hiện diện trực tuyến, kinh doanh trên Internet bùng nổ. Cụ thể, tới thời điểm hiện tại, Nhà đăng ký P.A Việt Nam đang **dẫn đầu** về số lượng tên miền “.vn” lũy kế trong hệ thống Nhà đăng ký tên miền “.vn” trong và ngoài nước, với hơn 180 nghìn tên miền tương đương thị phần chiếm 33,3%, nhận được nhiều giấy khen về các thành tích trong công tác phát triển và duy trì, chăm sóc khách hàng đăng ký, sử dụng tên miền “.vn” trong những năm gần đây.

Đồng hành cùng các chính sách đổi mới, chiến lược phát triển đột phá của Trung tâm Internet Việt Nam cho giai đoạn 2023 - 2025, P.A Việt Nam đã sẵn sàng nguồn lực để triển khai các hoạt động thúc đẩy phát triển tên miền quốc gia “.vn”, ứng dụng rộng rãi hơn nữa trong các hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

2. Bối cảnh thị trường liên quan đến hoạt động phát triển tên miền “.vn”

Hiện nay, chuyển đổi số là xu hướng tất yếu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Doanh nghiệp dần xây dựng hiện diện trực tuyến trên môi trường số, ứng dụng công nghệ thông tin vào vận hành tổ chức, kết nối với đối tác, khách hàng. Dịch

Covid-19 càng chứng minh cho tầm quan trọng của việc chuyển đổi số, cùng lúc nâng cao kỹ năng và hình thành thói quen sử dụng Internet của người dân.

Theo báo cáo Digital Việt Nam, tháng 01/2022, có 72 triệu người dùng Internet tại Việt Nam, tỷ lệ sử dụng Internet trên cả nước là 73,2%. Bên cạnh sự chuyển đổi số của doanh nghiệp, việc mỗi cá nhân đều tham gia vào công cuộc chuyển đổi số là chuyện không còn xa vời. Cũng theo báo cáo Digital Việt Nam, số tài khoản mạng xã hội ở Việt Nam vào khoảng 77 triệu tài khoản tính đến tháng 01/2022, chứng minh cho nhu cầu hiện diện trên mạng Internet của cá nhân là rất lớn.

Bên cạnh đó, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030” cũng nêu rõ “Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của Việt Nam sử dụng tên miền quốc gia (.vn)”.

Chúng tôi đã được nghe Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông nói về những bài toán lớn để giải quyết những nỗi đau của xã hội. Một trong số đó là Internet Việt Nam cần được phát triển nhanh, hiện đại, bền vững, phổ cập đến toàn bộ người dân để không ai bị bỏ lại phía sau. Muốn vậy, 100% dân số Việt Nam cần được truy cập Internet, được cung cấp dịch vụ Internet tốc độ cao; phổ cập tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” để người dân Việt Nam, doanh nghiệp Việt Nam khai thác giá trị tài nguyên Internet quốc gia, phát triển kinh tế số, xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn.

3. Triển khai tên miền “.id.vn” và các dịch vụ cho giới trẻ

Giới trẻ, tập trung vào nhóm sinh viên là tương lai của đất nước, cần được trang bị những kiến thức số, hành trang số để bước vào đời. Đây là tập khách hàng trọng tâm đầu tiên để làm lan tỏa trong định hướng chiến lược phổ cập tên miền “.vn”. Ước tính có khoảng 8 triệu người trong độ tuổi, mang lại tiềm năng rất lớn để phát triển tên miền “.vn”. Bên cạnh đó, tên miền quốc gia “.vn” còn giúp cho giới trẻ có nhận thức về tài nguyên số quốc gia, cũng như phát triển ý thức sử dụng tên miền “.vn” như một nhận diện tin cậy, nâng cao giá trị, niềm tự hào Việt Nam.

Để chuẩn bị cho việc phân phối tên miền cá nhân, phía Nhà đăng ký đã chuẩn bị sẵn sàng những nền tảng website, bổ sung những lựa chọn cho cá nhân như profile, CV, album ảnh cá nhân,... nhằm mang đến những tiện ích, dịch vụ để giới trẻ sử dụng tên miền cá nhân một cách đa dạng và hiệu quả. P.A Việt Nam hi vọng một ngày không xa, mỗi người dân Việt Nam sẽ có một tên miền cá nhân của mình để hiện diện trực tuyến, ứng dụng trong các dịch vụ số sử dụng hàng ngày. P.A Việt Nam tin

chắc rằng tên miền toàn dân “.id.vn” sẽ đem lại sự bùng nổ, bút phá cho cộng đồng giai đoạn 2023 - 2025.

4. Triển khai tên miền “.biz.vn: và các dịch vụ cho doanh nghiệp khởi nghiệp, hộ kinh doanh cá thể

Mỗi năm thành lập mới khoảng 120.000 - 150.000 doanh nghiệp. Theo dự báo, đến năm 2025, số lượng doanh nghiệp vào khoảng 1,5 triệu doanh nghiệp, hơn 6 triệu hộ kinh doanh. Đây là thị trường rất tiềm năng cho các dịch vụ online, trong đó có tên miền quốc gia “.vn”.

Với chính sách phổ cập người dùng, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, hộ kinh doanh, giải pháp thích hợp nhất trong bối cảnh hiện tại là miễn phí thời gian đầu để người dùng tiếp cận và tạo thói quen tiêu dùng. Sau đó, bằng các biện pháp marketing, chăm sóc khách hàng kết hợp hệ sinh thái dịch vụ phong phú sẽ níu chân khách hàng. Đây là giải pháp được áp dụng khá thành công ở Đài Loan, Indonesia, Malaysia. Trong một thời gian ngắn, số lượng số tên miền cấp cao nhất của quốc gia (ccTLD - country-code-top-level domains) ở các nước này tăng nhanh, cá biệt có tên miền “.tw” của Đài Loan tăng đột biến từ mốc 800 nghìn tên miền năm 2018 lên 6,8 triệu tên miền cuối năm 2019. Mặc dù sau đó, Đài Loan cũng đối mặt tình trạng tên miền hủy nhiều khi hết thời hạn được miễn phí, nhưng số lượng tên miền được tái gia hạn (khoảng 10%) trong số tên miền phát triển đột biến cũng đưa Đài Loan gia nhập quốc gia có ccTLD trên 1 triệu tên miền (chỉ có 39 nước trên thế giới có ccTLD trên 1 triệu tên miền), và đặc biệt tỷ lệ tên miền mã quốc gia “.tw” áp đảo hoàn toàn so với phần còn lại là tên miền cấp cao chung (gTLD - Generic-top-level domains) và tên miền cao cấp mới (New gTLD) (93%/7%) được đăng ký, sử dụng tại Đài Loan.

Chính sách miễn phí tên miền “.biz.vn” cho doanh nghiệp khởi nghiệp và hộ kinh doanh sẽ được triển khai song song trong các hoạt động phối hợp, hỗ trợ các tỉnh. Hiện nay, VNNIC đang phối hợp với các Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh triển khai chương trình “*Chuyển đổi mô hình kinh doanh trực tuyến hiệu quả với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn”*”.

Theo các số liệu của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Tháp - tỉnh đầu tiên triển khai chương trình trên cả nước đã đạt được những kết quả ấn tượng. Tỉnh Đồng Tháp tính đến hết năm 2020 (sau 20 năm), tổng số tên miền trên toàn tỉnh là 838 tên miền. Tỷ lệ tăng trưởng tên miền năm 2020 so với năm 2019 là 11%. Nhưng riêng chỉ trong 9 tháng kể từ thời điểm chương trình triển khai, tỷ lệ tăng trưởng tên miền của tỉnh Đồng Tháp năm 2021 so với năm 2020 đã lên tới 38%, gấp hơn 3 lần.

Và tính tới tháng 10/2022, Đồng Tháp có hơn 1.200 tên miền duy trì. Con số trên thể hiện sự phát triển vượt bậc của Đồng Tháp trong giai đoạn 2021 - 2022.

Với chương trình này, P.A Việt Nam cũng thay mặt cho các Nhà đăng ký nhận thấy tính hiệu quả cao ở các địa phương và riêng Nhà đăng ký P.A Việt Nam sẵn sàng đồng hành cùng chương trình kết hợp 3 bên giữa VNNIC - Sở Thông tin và Truyền thông địa phương và các Nhà đăng ký tên miền quốc gia “.vn”. Nhu cầu chuyển hoạt động trên môi trường Internet giúp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng là xu thế, là cơ hội để doanh nghiệp vươn lên và bứt phá, trong bối cảnh chuyển đổi số là tất yếu, sống còn cho các doanh nghiệp.

Có thể dễ dàng thấy rằng các hoạt động chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ hơn ở những thành phố lớn, nhưng các địa phương cần có thêm nhiều hỗ trợ, định hướng để có thể giúp các doanh nghiệp, hộ kinh doanh chuyển đổi mô hình kinh doanh sang môi trường mạng cũng như nâng cao nhận thức về công nghệ thông tin ở các địa phương.

Là một trong số những Nhà đăng ký tham gia chương trình **“Chuyển đổi mô hình kinh doanh trực tuyến hiệu quả với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn”** tại các địa phương, P.A Việt Nam tạo ra những gói sản phẩm hợp lý nhất cho tính chất của từng địa phương, nhằm cung cấp dịch vụ hoàn thiện (tên miền, hosting, website) để người dân có thể xây dựng được hiện diện trực tuyến nhanh chóng và thuận tiện. Ngoài ra, Nhà đăng ký cũng kết hợp với các Trung tâm CNTT địa phương để hỗ trợ kỹ thuật cho bà con một cách hiệu quả nhất.

Với chương trình này, P.A Việt Nam mong muốn VNNIC tiếp tục là đơn vị tổ chức, cầu nối giữa Nhà đăng ký và Sở Thông tin và Truyền thông tại địa phương để triển khai chương trình một cách đồng bộ, lan tỏa diện rộng, mang lại giá trị thiết thực cho các tỉnh, thành phố, doanh nghiệp, người dân ở địa phương. P.A Việt Nam tin tưởng rằng trong năm 2023 chương trình sẽ được kế thừa, nhân rộng ra nhiều tỉnh và nhận được những kết quả tích cực. *Một lần nữa xin khẳng định rằng đây là một chương trình giúp xoay trục để hướng về chủ quyền và sản phẩm Make in Vietnam.*

ĐẢM BẢO AN TOÀN, BỀN VỮNG HẠ TẦNG MẠNG PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

*Đồng chí Đoàn Thanh Bình
Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Tháp*

Trong những năm qua, tỉnh Đồng Tháp luôn phấn đấu duy trì và nâng cao thứ hạng các chỉ số: PCI năm 2021 xếp thứ 3 cả nước, PAPI năm 2021 xếp thứ 27 cả nước, PAR Index năm 2021 xếp thứ 26 cả nước, Vietnam ICT index tiếp tục thuộc top 20. Bên cạnh đó, việc đảm bảo an toàn, bền vững hạ tầng mạng phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp cũng được ưu tiên tập trung thực hiện và đạt được những kết quả như sau:

Thứ nhất, về chuyển đổi IPv6

Thực hiện Quyết định số 433/QĐ-BTTTT ngày 29/3/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về IPv6; Quyết định số 1509/QĐ-BTTTT ngày 20/10/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 433/QĐ-BTTTT ngày 29/3/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về IPv6; Quyết định số 38/QĐ-BTTTT ngày 14/01/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt “Chương trình thúc đẩy, hỗ trợ chuyển đổi IPv6 cho cơ quan nhà nước giai đoạn 2021 - 2025”; ngày 28/4/2021, Đồng Tháp ban hành Kế hoạch số 140/KH-UBND về triển khai chuyển đổi IPv6 cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025.

Bên cạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi IPv6, Sở phối hợp với Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) tổ chức 02 lớp đào tạo cơ bản, nâng cao về IPv6, 01 lớp DNSSEC cho 200 người là đội ngũ chuyên trách công nghệ thông tin các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, doanh nghiệp viễn thông, Internet. Hằng năm, Sở Thông tin và Truyền thông cử công chức, viên chức tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, tập huấn về IPv6, DNSSEC do VNNIC tổ chức.

Thực hiện rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng mạng lưới, dịch vụ; đăng ký địa chỉ IPv4, IPv6, ASN độc lập để quy hoạch mạng lưới; làm việc với ISP yêu cầu đường truyền Internet hỗ trợ đồng thời IPv4/IPv6, quảng bá vùng địa chỉ IPv4, IPv6, ASN độc lập trên Internet toàn cầu; làm việc với VNNIC để kết nối với VNIX quốc

gia qua IPv4/IPv6. Triển khai thử nghiệm ứng dụng IPv6 cho phân mạng kết nối Internet, dịch vụ DNS và website; thử nghiệm với hệ thống mạng LAN, Wifi kết nối Internet sử dụng IPv6 tại Sở Thông tin và Truyền thông. Yêu cầu các đơn vị cung cấp phần mềm, ứng dụng, giải pháp, thuê ngoài dịch vụ công nghệ thông tin hỗ trợ đồng thời IPv4/IPv6.

Năm 2022, Đồng Tháp đã hoàn thành chuyển đổi IPv6 cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh: Hệ thống mạng lõi, kết nối Internet; Hệ thống DNS; Cấu hình tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh hoạt động được trên nền IPv6 (cổng thông tin điện tử; dịch vụ công; thư điện tử...).

Thứ hai, về triển khai RPKI

Để đảm bảo an toàn hoạt động Internet, an toàn định tuyến cho mạng, dịch vụ khối cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh, ngày 12/12/2017 tỉnh Đồng Tháp đã đăng ký và sử dụng IP/ASN độc lập, vào nhóm 39 bộ, ngành, địa phương sử dụng IP/ASN độc lập. Thực hiện Công văn số 5446/BTTTT-VNNIC ngày 07/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc triển khai công nghệ xác thực định tuyến RPKI đảm bảo an toàn định tuyến trên mạng Internet Việt Nam, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Tháp đã đề nghị VNNIC hỗ trợ khai báo, kích hoạt trạng thái cho bản ghi ROA hoạt động trên dữ liệu RPKI và đồng bộ Whois cho bản ghi Route của vùng IP lớn nhất; triển khai ký số tài nguyên ROA/RPKI cho các vùng IPv4, IPv6, ASN của tỉnh.

Thứ ba, về chuyển đổi các hoạt động chủ thể doanh nghiệp lên môi trường mạng thông qua điểm đăng ký tên miền quốc gia “.vn”

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đồng Tháp đã phối hợp với Trung tâm Internet Việt Nam, Nhà đăng ký tên miền “.vn” iNET triển khai chương trình hỗ trợ cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thực hiện chuyển đổi mô hình kinh doanh trực tuyến hiệu quả với các dịch vụ số sử dụng tên miền quốc gia “.vn”. Ngày 26/3/2021, Cổng đăng ký tên miền “.vn” tỉnh Đồng Tháp tại địa chỉ <https://dtict.vn> chính thức hoạt động. Hỗ trợ xây dựng 13 website miễn phí cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hội quán quảng bá thương hiệu, kinh doanh các sản phẩm OCOP (One commue one product - mỗi xã (phường) một sản phẩm), đặc sản Đồng Tháp, hoa kiểng và du lịch.

Tính đến ngày 31/10/2022, Đồng Tháp có 1.231 tên miền “.vn”, tỷ lệ tăng trưởng đến thời điểm này so với năm 2021 là 22,61% (227 tên miền); tỷ lệ tên miền/1000 dân: 0,77; thứ hạng thứ 40 trong cả nước về tên miền; thứ hạng thứ 49 trong cả nước về tên miền/1000 dân. Tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký tên miền “.vn” trên tổng số doanh nghiệp trên địa bàn đạt 4,5%, thứ 29 trong cả nước.

Với những kết quả đạt được như trên, bước đầu đã góp phần nâng cao Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) và Chỉ số Thương mại điện tử (EBI) của địa phương qua việc đăng ký, sử dụng tên miền “.vn”.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện, tỉnh cũng gặp khó khăn về bổ sung các thiết bị bảo đảm cho chuyển đổi IPv6 tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện do cần nhiều kinh phí nhưng nguồn lực của tỉnh thì có hạn nên không thể triển khai nhanh được mà phải thực hiện theo lộ trình Kế hoạch.

Qua quá trình thực hiện nhận thấy một số kinh nghiệm, Tỉnh sớm ban hành kế hoạch triển khai chuyển đổi IPv6 cho các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời hằng năm, Đồng Tháp ký kết chương trình phối hợp hoạt động với VNNIC tạo thuận lợi, hiệu quả trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện.

Thời gian tới, để tiếp tục thực hiện có hiệu quả hoạt động đảm bảo an toàn, bền vững hạ tầng mạng phục vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, một số nội dung cần tập trung thực hiện:

- Tiếp tục tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về lộ trình chuyển đổi IPv6 của tỉnh, triển khai chương trình truyền thông lan tỏa chiến dịch phát triển tên miền “.vn” tại Đồng Tháp.

- Tập trung triển khai chuyển đổi IPv6 hệ thống mạng của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và hoàn thiện chuyển đổi IPv6, thử nghiệm IPv6-only theo lộ trình của tỉnh giai đoạn 2023 - 2025.

- Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hội quán, chủ thể sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh xây dựng website quảng bá thương hiệu, sản phẩm, bán hàng và đăng ký mới tên miền quốc gia “.vn”.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với VNNIC và các đơn vị liên quan trong triển khai thực hiện chuyển đổi IPv6, triển khai RPKI, chuyển đổi các hoạt động chủ thể doanh nghiệp lên môi trường mạng thông qua điểm đăng ký tên miền quốc gia “.vn” trên địa bàn tỉnh.

PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ BỀN VỮNG VỚI TÊN MIỀN QUỐC GIA “.VN”

Ông Trần Văn Trọng

Tổng Thư ký Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam (VECOM)

1. Các chính sách thúc đẩy phát triển thương mại điện tử có liên quan tới tên miền “.vn”

Trong bối cảnh hiện nay, việc phát triển thương mại điện tử (TMĐT) gắn liền với các chiến lược, chính sách phát triển kinh tế số, xã hội số, chuyển đổi số quốc gia. Điều này đã được cụ thể hóa tại Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020.

Với tầm quan trọng của tên miền “.vn” trong hoạt động về chuyển đổi số quốc gia, “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 đã xác định “... Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của Việt Nam sử dụng tên miền quốc gia (.vn)” là giải pháp để phát triển hạ tầng số và là nhiệm vụ quan trọng, tạo nền móng cho chuyển đổi số quốc gia.

2. Phân tích về vai trò của tên miền “.vn” gắn với sự phát triển TMĐT qua các giai đoạn

Để đa dạng hóa kênh bán hàng và tiếp cận khách hàng tốt hơn, các doanh nghiệp đã sử dụng mô hình bán hàng đa kênh. Tuy nhiên trong mô hình bán hàng đa kênh (dù là Multi-channel hay Omni channel) thì doanh nghiệp cần phải chú ý đến việc xây dựng một website bán hàng chuyên nghiệp, bên cạnh các kênh tiếp cận khác (mạng xã hội, sàn TMĐT,...). Website bán hàng với tên miền riêng được cho là kênh TMĐT bền vững và uy tín, giúp thương hiệu của doanh nghiệp hiện diện, tin cậy trên mạng Internet.

Thực tế, trước làn sóng thịnh hành của kinh doanh online, không sở hữu một website chuyên nghiệp chẳng khác gì doanh nghiệp mở cửa sổ bán hàng nhưng lại chốt cửa chính. Do đó, không phải ngẫu nhiên mà doanh nghiệp khi chuyển hướng

kinh doanh online đều bắt đầu từ việc xây dựng một trang web uy tín, chuyên nghiệp và xem đó là một công cụ bán hàng. Website còn được ví như tấm chứng minh thư giới thiệu danh tính, địa chỉ và nhận diện thương hiệu của chính công ty trên môi trường điện tử. Thương mại điện tử Việt Nam chia làm ba giai đoạn với 3 đặc điểm khác nhau gắn với sự phát triển của tên miền như sau:

- 1998 - 2005: Giai đoạn hình thành TMĐT

+ Hạ tầng cho TMĐT được xây dựng (hạ tầng CNTT và viễn thông, Internet đã đáp ứng bước đầu cho kinh doanh trực tuyến).

+ Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại và một số luật khác đã xuất hiện nội dung TMĐT.

+ Một số doanh nghiệp đã sử dụng email và xây dựng website phục vụ hoạt động kinh doanh.

- 2006 - 2015: Giai đoạn phổ cập TMĐT

+ Ban hành 02 Kế hoạch tổng thể phát triển TMĐT giai đoạn 2006 - 2010 và 2011 - 2015.

+ Nhiều nghị định và văn bản pháp luật khác về TMĐT, CNTT và truyền thông được ban hành.

+ Chính phủ quyết liệt triển khai chính phủ điện tử.

+ Hạ tầng CNTT-TT, Internet và công nghệ di động đã phát triển nhanh.

+ Nhiều doanh nghiệp bắt đầu triển khai TMĐT.

+ Người dùng trực tuyến tăng nhanh, đặc biệt là tại các thành phố lớn.

+ VECOM đồng hành cùng nhiều cơ quan, tổ chức triển khai chiến lược “Mỗi doanh nghiệp một website”, gắn thương hiệu với tên miền.

- 2016 - 2025: Giai đoạn phát triển nhanh

+ Quy mô thị trường TMĐT tăng mạnh.

+ Đầu tư vào thương mại điện tử đa dạng cả về quy mô và mô hình kinh doanh.

+ Người tiêu dùng trực tuyến tăng cao.

+ Doanh nghiệp chuyển đổi số và ứng dụng TMĐT mạnh mẽ, đẩy mạnh việc xây dựng và định vị thương hiệu trên môi trường trực tuyến gắn với giá trị tên miền của doanh nghiệp.

3. Website và thương mại điện tử

3.1. Thương mại điện tử

Trong những năm gần đây, thị trường TMĐT ngày càng được mở rộng và hiện đã trở thành phương thức kinh doanh phổ biến được doanh nghiệp, người dân biết đến. Sự đa dạng về mô hình hoạt động, về đối tượng tham gia, về quy trình hoạt động và chuỗi cung ứng hàng hóa, dịch vụ với sự hỗ trợ của hạ tầng Internet và ứng dụng công nghệ hiện đại đã đưa TMĐT trở thành trụ cột quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế số của quốc gia.

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, thị trường TMĐT càng trở nên sôi động hơn và việc ứng dụng công nghệ số, xây dựng kênh phân phối mới đang trở thành một phương án hữu hiệu cho các doanh nghiệp Việt Nam vượt qua khó khăn mang đến cơ hội mới từ nhu cầu mới phát sinh của thị trường. Thói quen mua hàng của người tiêu dùng Việt Nam tại thị trường nội địa cũng dần dịch chuyển từ mua hàng truyền thống sang hình thức mua hàng online thông qua phương tiện điện tử. Kết quả điều tra, khảo sát của Bộ Công Thương cho thấy, tính đến năm 2020, Việt Nam có 49,3 triệu người tham gia mua sắm trực tuyến (số liệu này năm 2016 mới chỉ ghi nhận 32,7 triệu người).

3.2. Sàn thương mại điện tử

Sàn thương mại điện tử là **website/ứng dụng thương mại điện tử** cho phép các thương nhân, tổ chức, cá nhân có thể tiến hành bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trên website/ứng dụng đó. Người bán trên sàn thương mại điện tử không phải là chủ sở hữu hoặc người quản lý website thương mại điện tử đó.

Sàn TMĐT có ưu điểm là người bán nhanh chóng tiếp cận được các khách hàng trên sàn TMĐT, không cần có kiến thức về quản trị website vì đã có đội ngũ kỹ thuật của sàn TMĐT phụ trách.

Nhược điểm là phụ thuộc hoàn toàn chính sách của sàn TMĐT về chi phí gian hàng, chiết khấu, quảng cáo,...; thương hiệu của doanh nghiệp, sản phẩm, dịch vụ của người bán hàng bị mờ nhạt; tâm lý khách mua không đánh giá cao độ tin cậy cho hàng hóa bán trên sàn TMĐT.

3.3. Website

Không phải ngẫu nhiên mà phần lớn doanh nghiệp khi chuyển hướng kinh doanh online đều bắt đầu từ việc xây dựng một trang web uy tín, chuyên nghiệp. Website là công cụ quan trọng nếu doanh nghiệp muốn kinh doanh bền vững. Hơn cả một công

cụ bán hàng, website còn được ví như tấm chứng minh thư giới thiệu danh xưng, địa chỉ và nhận diện thương hiệu của chính công ty trên thị trường trực tuyến.

Website có các lợi thế:

- Độc lập và chủ động trong quản lý thông tin.
- Cung cấp đầy đủ nhất thông tin về doanh nghiệp, sản phẩm dịch vụ bạn đang kinh doanh nên nhận được sự tin cậy từ khách mua hàng.
- Xây dựng rõ nét thương hiệu của doanh nghiệp, sản phẩm dịch vụ trên Internet.
- Chủ động xây dựng kênh tiếp nhận ý kiến và phản hồi kịp thời tới khách hàng ngay trên chính website của mình, không phụ thuộc nền tảng của sàn TMĐT.
- Website giúp thu hút khách hàng mới thông qua các công cụ tìm kiếm, tăng khả năng tiếp cận khách hàng.

4. Phân tích xu hướng sử dụng tên miền quốc gia “.vn”

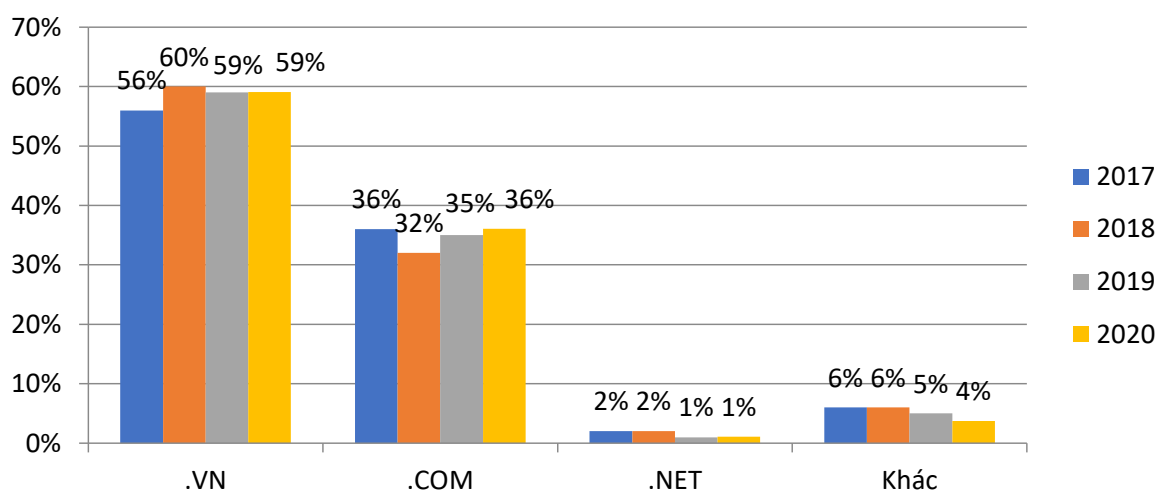
Website là cái gốc của doanh nghiệp khi bắt đầu tham gia thương mại điện tử. Dù doanh nghiệp có bao nhiêu kênh bán hàng trực tuyến, website vẫn là nơi khách hàng tìm đến để tra cứu thông tin và quyết định đặt niềm tin vào doanh nghiệp.

Một cuộc khảo sát được Trung tâm Internet Việt Nam thực hiện năm 2021 cho thấy, có đến gần 98% người tiêu dùng có sử dụng Internet đã từng mua hàng trực tuyến. Điều đặc biệt, những người tiêu dùng trực tuyến này thường xuyên duy trì thói quen truy cập website của sản phẩm/doanh nghiệp để tìm hiểu kỹ lưỡng thông tin trước khi quyết định mua hàng (đặc biệt với các sản phẩm có giá trị lớn, sản phẩm tiêu dùng có ảnh hưởng đến sức khỏe...).

Khi người tiêu dùng được hỏi về độ tin cậy khi mua hàng trên các website có sử dụng tên miền khác nhau, bao gồm tên miền quốc gia “.vn” và tên miền quốc tế, hơn 85% người được hỏi đánh giá họ thấy website với tên miền quốc gia “.vn” có độ tin cậy vượt trội so với tên miền quốc tế. Có thể thấy, tên miền quốc gia “.vn” đã và đang đạt được những giá trị nhận diện nhất định đối với người sử dụng Internet ở Việt Nam, khẳng định được độ tin cậy của website cũng như thương hiệu sản phẩm.

Cũng theo xu hướng đó, theo Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đã quy định “Chuyển đổi toàn bộ mạng Internet Việt Nam sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Dịch vụ trực tuyến của các cơ quan nhà nước, báo điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp, giáo dục, y tế, thương mại điện tử của Việt Nam sử dụng tên miền quốc gia (.vn)”.

Báo cáo Chỉ số Thương mại điện tử Việt Nam (EBI) do Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam xây dựng nhiều năm liền có khảo sát đánh giá về tỷ lệ sử dụng tên miền của doanh nghiệp Việt Nam, khảo sát cho thấy nhiều năm liền tên miền “.vn” đều có tỷ lệ sử dụng cao hơn so với các tên miền khác.

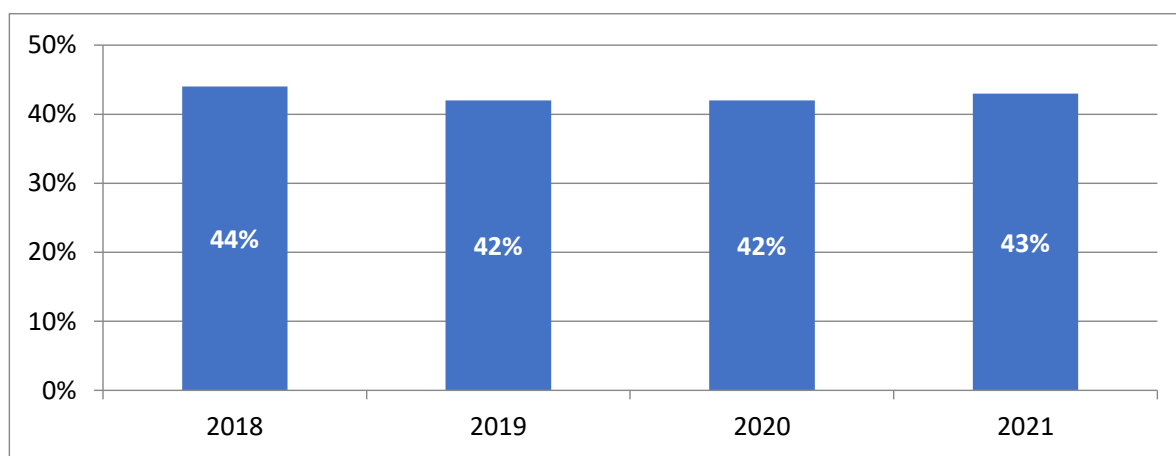


Nguồn: VECOM

Hình 2.1. Tỷ lệ sử dụng tên miền của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2017 - 2020

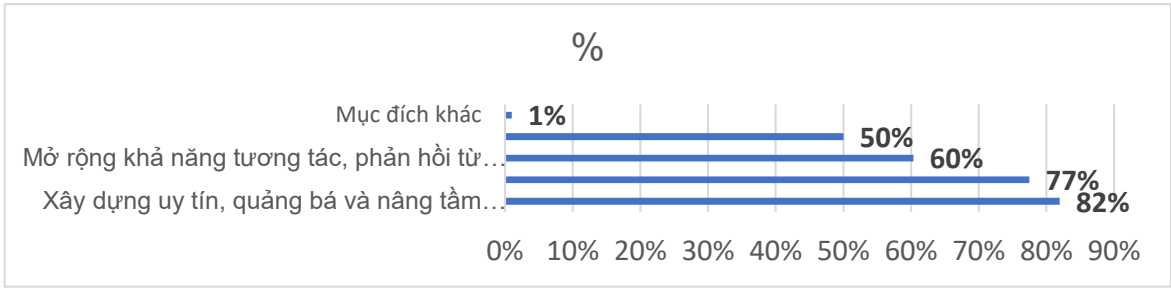
5. Các số liệu, chỉ số đánh giá

5.1. Doanh nghiệp



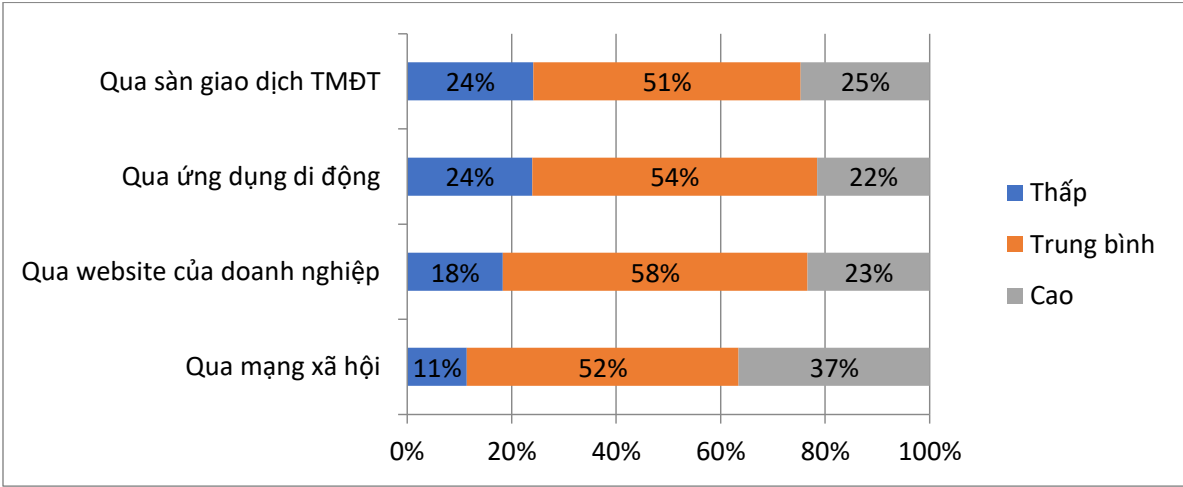
Nguồn: VECOM

Hình 2.2. Tỷ lệ doanh nghiệp có website năm 2022



Nguồn: VECOM

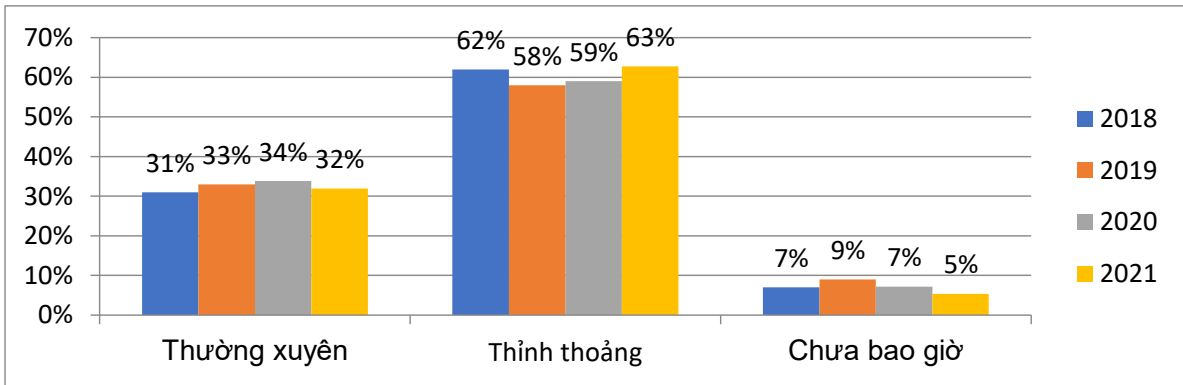
Hình 2.3. Tỷ lệ mục đích xây dựng website của doanh nghiệp



Nguồn: VECOM

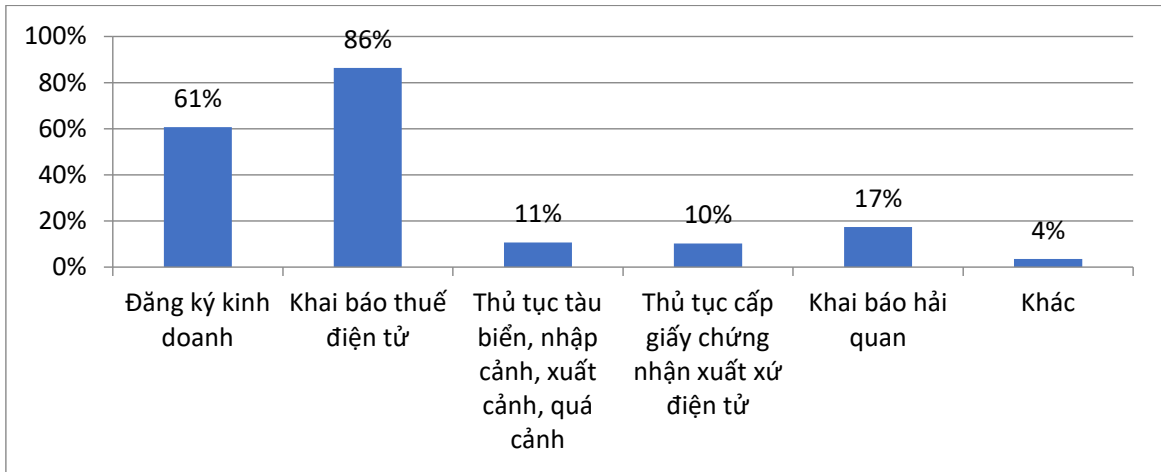
Hình 2.4. Đánh giá hiệu quả qua các kênh bán hàng TMĐT

5.2. Sử dụng dịch vụ công của các doanh nghiệp



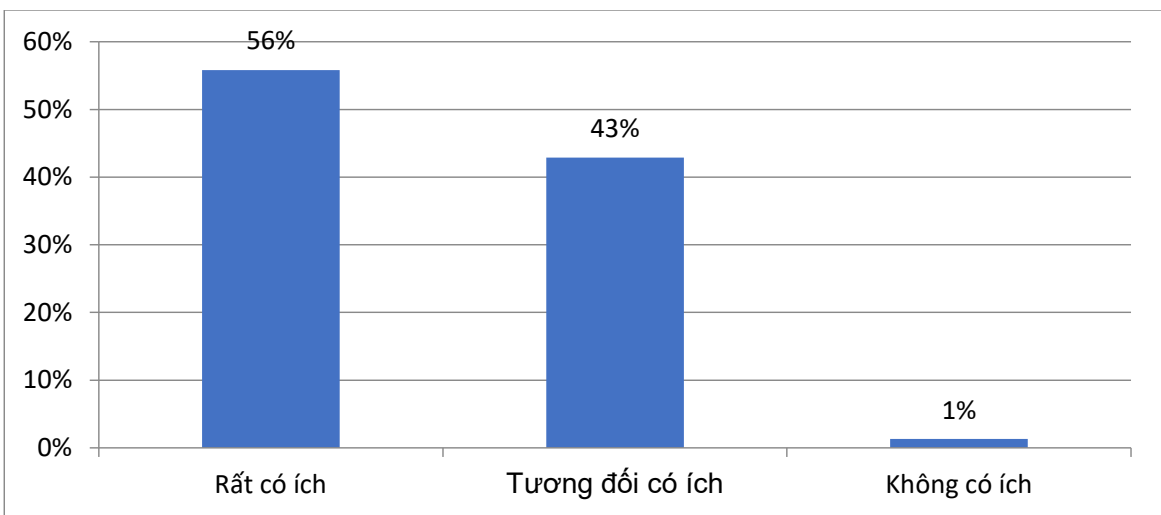
Nguồn: VECOM

Hình 2.5. Tỷ lệ doanh nghiệp tra cứu thông tin trên website các cơ quan nhà nước



Nguồn: VECOM

Hình 2.6. Tỷ lệ các loại dịch vụ công trực tuyến doanh nghiệp sử dụng



Nguồn: VECOM

Hình 2.7. Đánh giá của doanh nghiệp về lợi ích của dịch vụ công trực tuyến

TRIỂN KHAI LỘ TRÌNH TẮT SÓNG 2G, CHUYỂN ĐỔI SỬ DỤNG, PHỔ CẬP ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)

Công nghệ 2G đã được triển khai tại Việt Nam từ năm 1993, tính đến nay đã được gần 30 năm, là công nghệ di động đầu tiên. Hiện nay, mạng di động công nghệ 3G, 4G đã có vùng phủ gần tương đương vùng phủ của mạng 2G; ngoài ra còn có khả năng cung cấp dịch vụ truy nhập Internet tốc độ cao. Do vậy, theo định hướng của Bộ Thông tin và Truyền thông, VNPT đã và đang xây dựng lộ trình dừng công nghệ 2G nhằm tiết kiệm chi phí vận hành và duy trì mạng thông tin di động, dành tần số vô tuyến điện, hạ tầng kỹ thuật cho các công nghệ di động thế hệ tiếp theo và thực hiện mục tiêu chương trình chuyển đổi số quốc gia.

Ngay từ năm 2021, Tập đoàn VNPT đã chủ động kế hoạch tắt dần các trạm 2G có thuê bao và lưu lượng thấp để tối ưu công tác vận hành, khai thác mạng lưới và chuẩn bị cho lộ trình dừng công nghệ 2G. Kết quả từ năm 2021 đến nay, VNPT đã thực hiện tắt được gần 2000 trạm 2G.

Ngoài ra, VNPT đã triển khai các chương trình hỗ trợ máy smartphone tại Hóc Môn, Củ Chi, mới đây là tại Bạc Liêu và Vĩnh Long. Kết quả đến nay, tổng số thuê bao đã chuyển đổi từ 2G sang 3G/4G là khoảng 1,9 triệu thuê bao.

Trong thời gian tới, căn cứ định hướng của Bộ Thông tin và Truyền thông với mục tiêu “hoàn thành việc dừng công nghệ 2G chậm nhất vào tháng 9/2024”, VNPT đang xây dựng kế hoạch thực hiện, căn cứ vào tình hình kinh doanh, mạng lưới của VNPT như: mức độ chuyển đổi đầu cuối thuê bao 2G; sự phối hợp, hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh điện thoại để thúc đẩy chuyển đổi thuê bao 2G; và đặc biệt là sự phối hợp từ phía khách hàng.

VNPT sẽ tích cực triển khai chương trình viễn thông công ích đã được Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện, cụ thể là trợ giá điện thoại thông minh 500.000 đồng/máy cho các thuê bao di động thuộc đối tượng viễn thông công ích theo quy định của Bộ.

Để triển khai thực hiện thành công kế hoạch dừng công nghệ 2G theo lộ trình Bộ Thông tin và Truyền thông đã định hướng, Tập đoàn VNPT đề xuất một số giải pháp như sau:

- Bộ Thông tin và Truyền thông và các nhà mạng truyền thông rộng rãi, thường xuyên trên các phương tiện thông tin đại chúng ngay từ thời điểm hiện tại về định hướng, lộ trình kế hoạch tắt sóng 2G, góp phần nâng cao nhận thức, tầm quan trọng của chương trình đến khách hàng và thúc đẩy khách hàng chuyển đổi đầu cuối di động 2G.

- Các doanh nghiệp sản xuất điện thoại trong nước chung tay trong công cuộc chuyển đổi thuê bao 2G tiếp cận, sử dụng 4G thông qua các chương trình cung cấp điện thoại smartphone giá rẻ.

- Để đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trên thị trường khi dừng công nghệ 2G, Tập đoàn đề xuất các doanh nghiệp cùng chung tay thực hiện, đó là:

- + Các nhà mạng cùng thống nhất thời điểm dừng toàn bộ công nghệ 2G trên toàn quốc và không phát triển thêm thuê bao 2G mới.

- + Là một trong các tập đoàn công nghệ hàng đầu tại Việt Nam, VNPT cam kết, sẵn sàng hợp lực vì quá trình số hóa toàn diện, trong đó bao gồm việc xây dựng và phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Với mục tiêu đồng hành cùng chuyển đổi số quốc gia, VNPT sẽ tiếp tục dành nguồn lực cùng Chính phủ thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia./.

III. LĨNH VỰC ỨNG DỤNG CNTT, CHUYỂN ĐỔI SỐ

TRỢ LÝ ẢO - CÂU CHUYỆN ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ SỐ VÀO CÔNG TÁC XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN

Đại diện Lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao

Trong thời gian qua, tình hình thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh chóng, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước, đối tác lớn ngày càng gay gắt, xung đột dân tộc, tôn giáo, chiến tranh cục bộ, chiến tranh kinh tế, tranh chấp chủ quyền, lãnh thổ, tài nguyên, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh... diễn biến phức tạp; đặc biệt là đại dịch Covid-19 xuất hiện và bùng phát trên phạm vi toàn cầu đã làm ảnh hưởng nặng nề đến tất cả các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực tư pháp nói chung và Tòa án nói riêng. Bối cảnh đó đặt ra nhiều yêu cầu đối với hệ thống Tòa án nhân dân, đó là:

Thứ nhất, 10 năm qua, quy mô dân số và quy mô nền kinh tế nước ta tăng nhanh (tăng thêm gần 11 triệu người và GDP tăng gấp 2,4 lần); trong khi đó nhiều vấn đề xung đột xã hội chưa được quan tâm giải quyết đồng bộ đã kéo theo sự gia tăng mạnh các loại tội phạm, tranh chấp và khiếu kiện, nhất là các tội phạm phi truyền thống, tội phạm xuyên quốc gia và các loại tranh chấp mới. Sự ra đời và phát triển nhanh chóng của kinh tế số, kinh tế chia sẻ đã làm phát sinh nhiều loại tranh chấp chưa từng xảy ra trước đây, đặt ra nhiệm vụ cho Tòa án phải theo kịp xu thế và giải quyết kịp thời.

Thứ hai, quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật thời gian qua đã giao thêm cho Tòa án nhiều nhiệm vụ, thẩm quyền mới để phù hợp với vị trí, vai trò là cơ quan thực hiện quyền tư pháp. Trong đó, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định Tòa án không được quyền từ chối giải quyết vụ, việc dân sự vì lý do không có điều luật để áp dụng. Xu thế mở rộng thẩm quyền, tăng thêm nhiệm vụ cho Tòa án cũng góp phần dẫn tới thực trạng số lượng vụ việc Tòa án phải giải quyết hàng năm tăng trung bình 8%. Thực tế cho thấy số lượng vụ việc Tòa án giải quyết năm 2020 gấp hơn 3 lần so với năm 2005 và gần gấp 2 lần so với năm 2012.

Thứ ba, thực trạng tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân đang tồn tại mâu thuẫn lớn giữa sự gia tăng mạnh về số lượng công việc phải giải quyết với yêu cầu tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; giữa việc thực hiện chế độ, chính sách theo quy định hiện hành với việc bảo đảm chế độ, chính sách

cho cán bộ, công chức tương ứng với sự gia tăng về khối lượng và hiệu quả công tác, cũng như theo yêu cầu ngày càng cao của cải cách tư pháp.

Thứ tư, yêu cầu, đòi hỏi của Nhân dân đối với hoạt động của Tòa án ngày càng cao; nhiệm vụ bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp đặt ra cho hệ thống Tòa án nhân dân trọng trách lớn, phải không ngừng nỗ lực để nâng cao uy tín trước Nhân dân, thực sự là chỗ dựa của người dân trong bảo vệ công lý.

Sự cần thiết của trợ lý ảo

Với số lượng vụ việc cần giải quyết hằng năm lớn và tăng nhanh, bối cảnh biên chế nhân sự của thẩm phán các cấp chưa được mở rộng, hệ thống tòa án nói chung và các thẩm phán nói riêng ngày càng chịu các áp lực công việc và trách nhiệm nặng nề.

Đối với từng vụ án, vụ việc, tình huống pháp lý cụ thể, các thẩm phán cần nhiều thời gian để nghiên cứu, tra cứu thủ công từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, bao gồm hệ thống văn bản luật, các nghị quyết, công văn, giải đáp của hội đồng thẩm phán để tìm ra các chỉ dẫn, hướng dẫn, áp dụng liên quan, cả về mặt tố tụng cũng như nội dung.

Bên cạnh đó, thẩm phán các cấp với tuổi đời, tuổi nghề khác nhau cũng có các kinh nghiệm, tri thức tích lũy khác nhau và việc chia sẻ hay chuẩn hóa tri thức còn rất hạn chế, mang tính chất cục bộ trong hệ thống. Vì vậy, nhiều nơi vẫn xuất hiện tình trạng các vụ án có cùng tình huống pháp lý giống nhau nhưng việc áp dụng luật và ra quyết định, bản án chưa đồng nhất trong toàn hệ thống.

Xét cho cùng, hiệu quả và chất lượng của Tòa án do chính các Thẩm phán quyết định, nên yêu cầu nâng cao hiệu quả và chất lượng hoạt động của Thẩm phán là nhiệm vụ rất quan trọng. Đó cũng là lý do tòa án điện tử nói chung hay trợ lý ảo nói riêng với các công nghệ trí tuệ nhân tạo tiên tiến cần được ứng dụng mạnh mẽ để hỗ trợ Thẩm phán giải quyết án chính xác và giảm bớt áp lực công việc.

Hiện tại

Hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đã đưa vào sử dụng Trợ lý ảo cung cấp các dịch vụ thông minh hỗ trợ Thẩm phán. Trợ lý ảo đóng vai trò như một thư ký riêng, được lập trình am hiểu pháp luật và chuyên môn nghiệp vụ của Tòa án, làm việc 24/7 và luôn bên cạnh Thẩm phán, giao tiếp với Thẩm phán bằng ngôn ngữ nói hoặc chữ viết thông qua điện thoại di động, máy tính cá nhân, đảm bảo tính nhanh chóng, tiện ích. Trợ lý ảo được kỳ vọng là điểm sáng của nền tư pháp trong thời đại 4.0 và là công

cụ giúp việc đắc lực cho Thẩm phán. Trợ lý ảo hỗ trợ Thẩm phán thông qua tính năng Giới thiệu pháp luật và Hỗ trợ xử lý vụ việc:

Về tính năng giới thiệu pháp luật

Thứ nhất, giới thiệu hệ thống pháp luật có liên quan để giải quyết vụ án. Theo đó, Trợ lý ảo có thể giới thiệu các luật, pháp lệnh, thông tư, nghị định chính xác đến từng điều, khoản của văn bản pháp quy và thời điểm có hiệu lực của văn bản phù hợp với thời gian xảy ra vụ án.

Thứ hai, giới thiệu các tình huống pháp lý tương tự đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tổng kết thực tiễn xét xử và đưa ra câu trả lời.

Thứ ba, giới thiệu các án lệ liên quan.

Thứ tư, giới thiệu các bản án tương tự đã có hiệu lực pháp luật. Các bản án được giới thiệu để tham khảo theo thứ tự ưu tiên: án giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, án giám đốc thẩm của 03 Tòa án nhân dân cấp cao, các bản án khác.

Với một vấn đề hay nội dung thẩm phán đang cần quan tâm nghiên cứu, mọi tài liệu liên quan như văn bản, chỉ dẫn, án lệ, giải đáp, bản án, quyết định đều được đưa ra trên cùng một giao diện tra cứu, hỏi - đáp duy nhất, các thẩm phán sẽ không phải tra cứu thêm từ các nguồn văn bản nào khác.

Các tri thức, kinh nghiệm của thẩm phán các cấp cũng được tích lũy, tổng hợp, nạp vào cho Trợ lý ảo và truyền tải đến mọi thẩm phán chỉ với các thao tác đơn giản. Chính nhờ đó mà việc áp dụng pháp luật trong hệ thống tòa án có tính đồng nhất và chính xác hơn

Về tính năng hỗ trợ xử lý vụ việc

Thứ nhất, Trợ lý ảo hỗ trợ lập kế hoạch giải quyết án, tạo lập và quản lý hồ sơ án điện tử, số hóa và sắp xếp hồ sơ theo từng loại tài liệu của vụ án để thuận tiện nghiên cứu; hỗ trợ quản lý công việc, đưa ra các cảnh báo, thông báo, nhắc việc.

Thứ hai, tự động tạo các tài liệu pháp lý mẫu theo quy định của pháp luật tố tụng (như giấy triệu tập, quyết định tạm giam, quyết định đưa vụ án ra xét xử) hỗ trợ viết một phần nội dung biểu mẫu, bản án qua đó giúp giảm 30% khối lượng công việc so với thao tác truyền thống.

Thứ ba, hỗ trợ soạn thảo, tự động mã hóa, đăng tải bản án, quyết định lên Cổng thông tin điện tử của Tòa án và nhiều tính năng khác.

Nhờ việc đồng bộ giữa tri thức áp dụng pháp luật, tri thức tố tụng và quy trình xử lý án, hiện nay, Trợ lý ảo không chỉ hỗ trợ thẩm phán lập các kế hoạch xử lý vụ việc mà trong từng vụ việc, vụ án cụ thể cần giải quyết, thẩm phán có thể nắm bắt nhanh về tình trạng bước xử lý hiện tại cũng như chỉ dẫn thực hiện theo quy trình tố tụng. Tại bước đó, Trợ lý ảo có thể chỉ dẫn cụ thể cho thẩm phán danh sách các công việc nào cần phải thực hiện và các văn bản liên quan, biểu mẫu liên quan để hoàn thành công việc đó.

Việc chỉ dẫn chi tiết cùng khả năng trợ giúp tự động điền biểu mẫu tố tụng, tự động mã hóa và công bố bản án giúp cho thẩm phán vừa hạn chế tối đa được các sai sót về mặt tố tụng, vừa giúp giảm thiểu thời gian thao tác thủ công, nhờ đó nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc. Ngay trong phiên xét xử vụ án, thẩm phán và hội đồng xét xử có thể điều hành phiên tòa theo các bước mà Trợ lý ảo đưa ra, có thể trích dẫn chính xác các văn bản, điều luật trong toàn bộ quá trình xét xử.

Sự đồng hành của tri thức và công nghệ

Với mục tiêu hỗ trợ thẩm phán các cấp nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc, Tòa án nhân dân tối cao được sự tư vấn, định hướng công nghệ của Bộ Thông tin và Truyền thông, đã phối hợp với Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) lên kế hoạch và triển khai thử nghiệm phần mềm Trợ lý ảo trong toàn hệ thống Tòa án nhân dân.

Sản phẩm Trợ lý ảo chính là sự kết hợp, sự đồng hành của tri thức và công nghệ. Tòa án nhân dân tối cao đã thành lập Tổ Biên tập với hơn 100 thẩm phán có kinh nghiệm lâu năm cùng tham gia. Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội cũng giao trách nhiệm cho Trung tâm Không gian mạng Viettel, đơn vị chuyên trách về trí tuệ nhân tạo, tham gia nghiên cứu và áp dụng các công nghệ tiên tiến và phù hợp nhất với lĩnh vực tư pháp và nghiệp vụ của Tòa án./.

NỀN TẢNG CÔNG DÂN SỐ (MY PORTAL)

Đồng chí Trần Ngọc Thạch

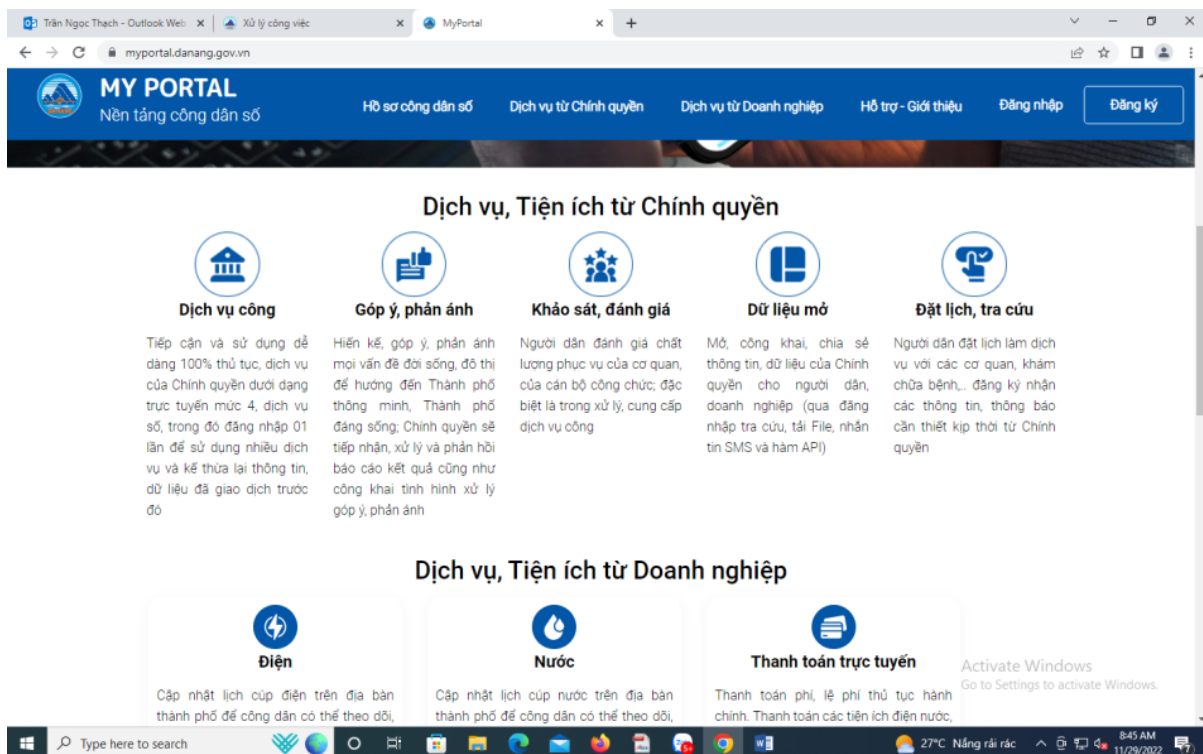
Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Đà Nẵng

I. BÀI TOÁN

Xã hội số được xác định là 01 trong 03 trụ cột chính của công cuộc chuyển đổi số TP. Đà Nẵng (bên cạnh chính quyền số và kinh tế số); trong đó, người dân là trung tâm, là khách hàng của chính quyền và doanh nghiệp, là người quyết định cuối cùng thành công của sản phẩm công nghệ số nói riêng và việc triển khai chuyển đổi số nói chung. Theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, các địa phương cần đưa các hoạt động của người dân lên môi trường mạng, mỗi người dân chỉ cung cấp thông tin lần đầu và sử dụng một tài khoản đăng nhập để dùng tất cả dịch vụ; đặc biệt là sử dụng dữ liệu số để thay thế phần hồ sơ giấy trong các dịch vụ công.

Tuy nhiên, phần lớn thông tin/dữ liệu của đa số người dân chưa được số hóa và quản lý trên môi trường mạng, các dịch vụ và tiện ích được cung cấp một cách rời rạc cho người dân bởi các nhóm cơ quan khác nhau, tải các ứng dụng khác nhau như: dịch vụ hành chính công (của chính quyền các cấp), dịch vụ sự nghiệp công (môi trường, cây xanh, chiếu sáng, nước,...), dịch vụ của doanh nghiệp (điện, viễn thông, ngân hàng,...). Đa số các nhóm dịch vụ này chưa được chia sẻ thông tin người dùng, do đó người dân đều phải khai báo và cung cấp hồ sơ, thông tin cá nhân mỗi lần đăng ký sử dụng một dịch vụ mới.

Nền tảng Công dân số My Portal TP. Đà Nẵng được cung cấp tại địa chỉ <https://congdanso.danang.gov.vn> (và được tích hợp trên ứng dụng di động Danang Smart City), trong đó cho phép mỗi người dân có 01 Kho dữ liệu số (thông qua tài khoản công dân số) để thuận lợi sử dụng tất cả các dịch vụ số, tiện ích (hành chính công, sự nghiệp công, của doanh nghiệp); hay người dân “đứng” ở nền tảng Công dân số, sử dụng (lại) thông tin/dữ liệu của mình và có thể sử dụng tất cả các dịch vụ số, tiện ích số; cũng như tương tác hai chiều với chính quyền (thông qua các hình thức như góp ý, phản ánh, tra cứu thông tin hoặc nhận thông báo/cảnh báo từ chính quyền).



Hình 3.1. Cổng nền tảng Công dân số - My Portal Đà Nẵng

II. TÓM TẮT KẾT QUẢ

Nền tảng Công dân số là nơi thu nhận/lưu trữ/cung cấp hồ sơ công dân số (thông tin hành chính, giấy tờ/dữ liệu số, các giao dịch...) và tích hợp các dịch vụ số từ chính quyền, doanh nghiệp để người dân sử dụng dễ dàng, thuận lợi (kế thừa lại thông tin/dữ liệu trước đó, sử dụng dịch vụ qua mạng hoàn toàn theo hướng cá nhân hoá), cũng như tự quản lý các thông tin, dữ liệu số của mình.

Đến nay, nền tảng Công dân số TP. Đà Nẵng đã đồng bộ dữ liệu người sử dụng từ Hệ thống thông tin chính quyền điện tử thành phố và đăng ký mới từ người dân, lũy kế tổng cộng đã có hơn 250.000 tài khoản công dân số (chiếm hơn 40% người dân có độ tuổi trưởng thành của thành phố). Tài khoản công dân số không chỉ có thông tin về hành chính (định danh) của người dân mà cả các tài liệu, hồ sơ (đã ký số), kết quả giải quyết thủ tục hành chính (căn cước công dân, giấy khai sinh, bằng lái xe, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...), hồ sơ sức khỏe điện tử của người dân,... Tất cả thông tin trên được “gói” trong 01 mã QR cá nhân duy nhất (theo quy chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông) để phục vụ trong các giao dịch điện tử.

Nền tảng Công dân số đã cung cấp 100% dịch vụ hành chính công và sự nghiệp công (gần 2.000 dịch vụ) và 25 tiện ích thường dùng cho người dân.

Ngoài sử dụng tài khoản số để thuận lợi trong sử dụng dịch vụ, tiện ích của người dân, tài khoản số (đặc biệt là QR cá nhân) sẵn sàng và hữu ích trong kiểm soát lây lan khi có dịch bệnh xảy ra.

III. CÁCH LÀM

1. Mô hình tổng thể nền tảng Công dân số My Portal

Nền tảng My Portal được phát triển theo đúng định hướng và các mô hình, tiêu chuẩn kỹ thuật của Khung kiến trúc Chính quyền điện tử 2.0 thành phố, theo đó:

- Kế thừa tất cả tài khoản điện tử và dữ liệu công dân, doanh nghiệp đã có trên Hệ thống thông tin Chính quyền điện tử thành phố.

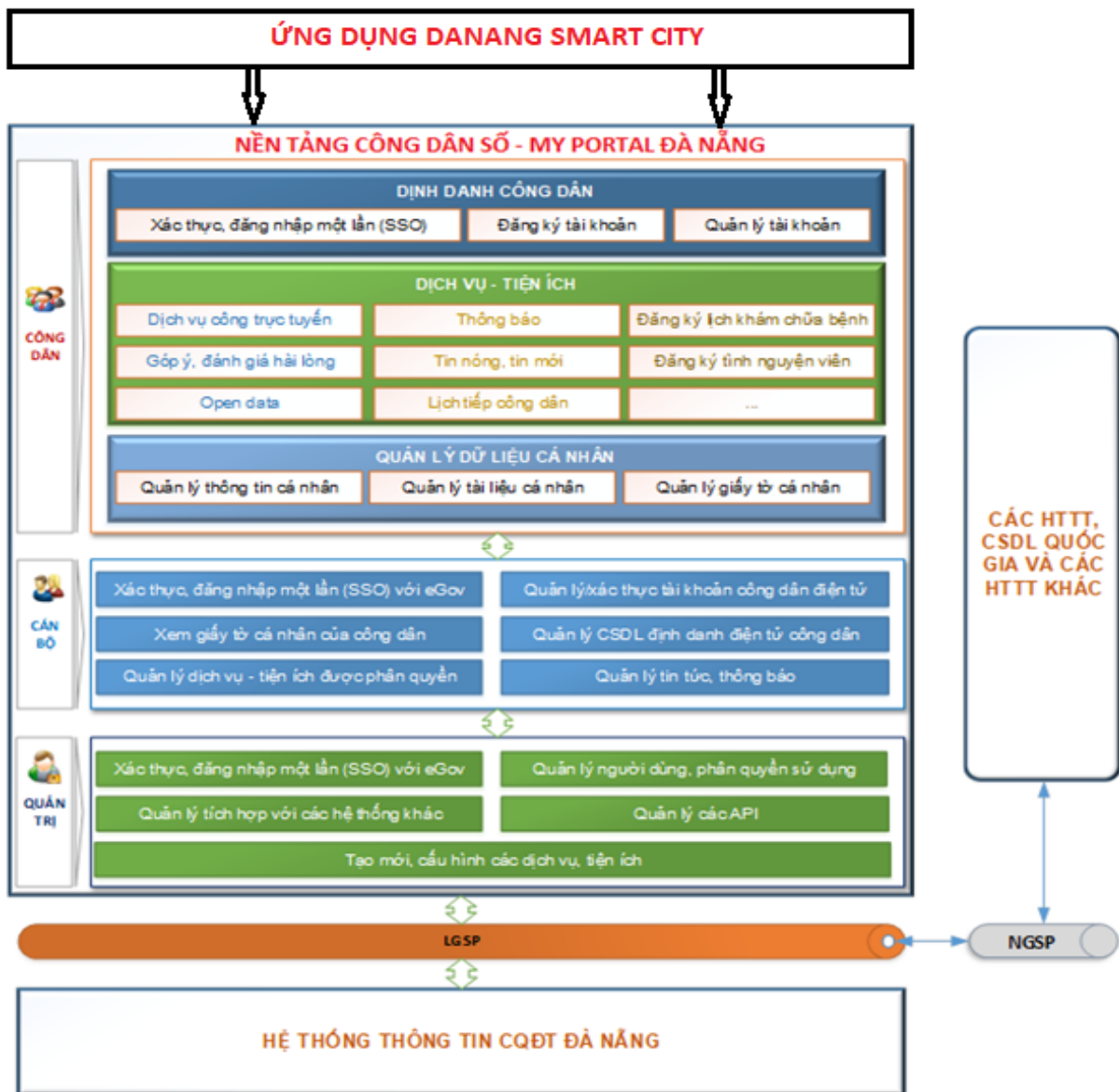
- Tất cả dịch vụ chia sẻ, nhận dữ liệu được thực hiện thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu thành phố (LGSP) và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP).

- Kế thừa, chia sẻ dữ liệu với tất cả dữ liệu, ứng dụng nền tảng (như cổng dịch vụ công trực tuyến, một cửa điện tử, kho dữ liệu,...) và các ứng dụng chuyên ngành cho từng cơ quan, đơn vị sở, ngành xây dựng.

- Đảm bảo khả năng đăng nhập một lần (SSO) cho cả tài khoản người dân, doanh nghiệp (sử dụng dịch vụ) và tài khoản cán bộ, công chức (quản lý, vận hành dịch vụ).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn/tạo tài khoản công dân số cho người dân tại địa phương; Đoàn Thanh niên tạo tài khoản công dân số cho nhân viên/người lao động trong cơ quan/doanh nghiệp mình.

- Sử dụng công nghệ OCR để đọc dữ liệu từ hình ảnh các giấy tờ sử dụng để đăng ký tài khoản (như giấy CMND, CCCD, hộ chiếu) để trích lọc các thông tin cần thiết, giảm thiểu thời gian nhập và sai lệch trong quá trình nhập dữ liệu thủ công. Sẵn sàng kết nối với các hệ thống thông tin định danh quốc gia, bao gồm cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia (khai thác, so khớp thông tin công dân đăng ký mới/thay đổi).



Hình 3.2. Mô hình thiết kế hệ thống

2. Xây dựng các chức năng, dịch vụ chính cho Nền tảng

Quản lý thông tin số công dân; quản lý, khai thác dữ liệu số cá nhân; tích hợp các ứng dụng, tiện ích của hệ thống chính quyền điện tử (dịch vụ công trực tuyến; góp ý/phản ánh; đánh giá hài lòng; dữ liệu mở (Open data); các tiện ích sẵn có của các cơ quan chuyên môn: hẹn lịch khám chữa bệnh, hẹn giờ thực hiện dịch vụ công, tra cứu và thanh toán điện/nước/vệ sinh môi trường; đăng ký trực tuyến học nghề/ tình nguyện viên/hiến máu/thẻ thư viện/vé xe bus...; hồ sơ sức khỏe điện tử (các kết quả khám, xét nghiệm, đơn thuốc,...); cung cấp thông báo/cảnh báo từ chính quyền (chính sách mới, thiên tai,...) đặc biệt là cung cấp các hàm API cho doanh nghiệp sử dụng.

IV. TIẾP TỤC TRIỂN KHAI TRONG THỜI GIAN TỚI

- Bổ sung phân hệ thông tin, dữ liệu số về học tập, phương tiện (xe máy, ô tô,...) vào Kho dữ liệu số cá nhân;

- Tiếp tục tích hợp dịch vụ, tiện ích của doanh nghiệp (điện, viễn thông, ngân hàng, nhà hàng, khách sạn,...) lên Nền tảng để người dân sẵn sàng sử dụng;

- Tiếp tục công khai, cung cấp thông tin an sinh xã hội (mưa lũ, ngập lụt, thiên tai, môi trường,...) cho người dân theo hướng cá nhân hoá dựa vào tài khoản công dân số./.

NỀN TẢNG CỦA KHẨU SỐ - CÂU CHUYỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ VÌ DOANH NGHIỆP

Đồng chí Nguyễn Trọng Hùng

Phó Giám đốc phụ trách Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn

Lạng Sơn là tỉnh miền núi biên giới với 231,74km đường biên giới tiếp giáp với Khu tự trị Dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc; tỉnh có 02 cửa khẩu quốc tế, 01 cửa khẩu quốc gia và 09 cửa khẩu phụ, có hệ thống giao thông quan trọng kết nối trong nước và quốc tế, thuận lợi cho phát triển kinh tế, giao lưu hàng hóa, tạo điều kiện cho phát triển xuất nhập khẩu của cả nước qua địa bàn và là một trong những tỉnh có vị trí đặc địa, đầu cầu quan trọng kết nối khu mật dịch tự do Trung Quốc - ASEAN và Hành lang kinh tế Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Kinh tế cửa khẩu đóng góp 70% GRDP của Lạng Sơn.

Tuy nhiên, trong nhiều năm đã tồn tại một thực tế là để thông quan hàng hóa qua cửa khẩu, các doanh nghiệp xuất nhập khẩu phải khai báo và thực hiện các thủ tục với nhiều lực lượng chức năng (Biên phòng, Hải quan, Kiểm dịch, Thuế,...) trên bản kê giấy hoặc những phần mềm nội bộ khác nhau. Thông tin về doanh nghiệp, hàng hóa phải nhập lại nhiều lần gây lãng phí thời gian và công sức của doanh nghiệp; đồng thời các doanh nghiệp xuất nhập khẩu phải gặp gỡ, tiếp xúc trực tiếp với các lực lượng chức năng cũng tạo nhiều kẽ hở, dễ phát sinh những tiêu cực,...

Thực tế từ chia sẻ của doanh nghiệp A là doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa tại cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị: “Trước đây, khi chưa ứng dụng Nền tảng cửa khẩu số, các doanh nghiệp chúng tôi phải đến cửa khẩu từ sớm để khai báo, các thông tin chủ yếu thực hiện thông qua bản giấy, các giấy tờ khai báo được các lực lượng chức năng nhập vào phần mềm riêng biệt để quản lý, sau đó các doanh nghiệp vẫn phải luân chuyển các giấy tờ đã được lực lượng chức năng xác nhận trước đó để làm các thủ tục tiếp theo. Do đó, chúng tôi mất rất nhiều thời gian, công sức và chi phí để thông quan được một xe hàng”.

Trước các vấn đề bất cập của hoạt động xuất nhập khẩu; đồng thời thực hiện nhiệm vụ trọng tâm được Thủ tướng Chính phủ giao tại Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022, Lạng Sơn đã chọn chuyển đổi số khu vực cửa khẩu làm mục tiêu đột phá trong công cuộc chuyển đổi số của tỉnh và đã giao nhiệm vụ cho Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với VNPT tham mưu xây dựng Nền tảng cửa khẩu số.

Nền tảng cửa khẩu số đã được xây dựng và chính thức đi vào vận hành từ ngày 21/02/2022. Đến nay, 100% các doanh nghiệp đã khai báo trực tuyến trên Nền tảng cửa khẩu số trước khi phương tiện đến cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, cửa khẩu Tân Thanh và được xử lý trên Nền tảng cửa khẩu số. Số doanh nghiệp khai báo thông tin trực tuyến trên Nền tảng cửa khẩu số là 176.467 phương tiện (67.799 phương tiện xuất, 108.668 phương tiện nhập) với tổng lượng hàng là 6.943.300.032kg; thu được 211.500.250.000 VND phí hạ tầng, 20.674.725.000 VND phí sang tải. Nền tảng cửa khẩu số đã 24 lần nâng cấp để phù hợp với tình hình thực tế tại cửa khẩu. Đến nay, Nền tảng cửa khẩu số đã chạy ổn định, đa số các doanh nghiệp thành thạo khai báo thông tin trực tuyến. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu qua địa bàn tỉnh trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt 2.125 triệu USD, trong đó xuất khẩu 630 triệu USD, nhập khẩu 1.495 triệu USD.

Theo doanh nghiệp A: Giai đoạn đầu triển khai thí điểm Nền tảng cửa khẩu số, việc thay đổi thói quen từ cách làm truyền thống sang ứng dụng cửa khẩu số trong hoạt động xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp chúng tôi cũng gặp rất nhiều khó khăn, do nhiều người không biết sử dụng công nghệ thông tin và cũng chưa thực sự tin tưởng vào một ứng dụng mới.

Tuy nhiên, qua một thời gian sử dụng, được sự hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời của đội ngũ hỗ trợ sử dụng cửa khẩu số, các doanh nghiệp nhận thấy lợi ích mà Nền tảng cửa khẩu số mang lại, doanh nghiệp chỉ phải kê khai thông tin một lần và kê khai được từ bất kỳ chỗ nào, bất kỳ thời gian nào, thời gian kê khai thông tin hàng hóa chỉ mất từ 2 - 5 phút nên rất thuận lợi. Quan trọng là toàn bộ hoạt động của cửa khẩu được công khai, minh bạch, doanh nghiệp sẽ biết hàng hóa, phương tiện của mình đang ở đâu, đã được xử lý ra sao. Doanh nghiệp cũng tránh phải tụ tập đông người khi đợi nhập dữ liệu, giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh cho cả doanh nghiệp và cán bộ chức năng trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Hiện nay, đa số các doanh nghiệp xuất nhập khẩu chân chính đều đồng thuận và mong muốn Nền tảng cửa khẩu số tiếp tục được triển khai và nhân rộng ra các cửa khẩu trên toàn quốc để các doanh nghiệp có thể thuận lợi xuất nhập khẩu hàng hóa qua bất kỳ cửa khẩu nào mà không bị giới hạn về mặt thời gian và không gian”.

Đại diện doanh nghiệp A khẳng định: “Việc xây dựng Nền tảng cửa khẩu số là chủ trương đúng, cần thiết được doanh nghiệp ủng hộ, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu cũng như tạo niềm tin với cộng đồng doanh nghiệp. Do vậy, chúng tôi rất mong muốn các đơn vị liên quan cần đẩy nhanh triển khai các phần việc, sớm đưa ứng dụng Nền tảng cửa khẩu số vào vận hành trên tất cả các cửa khẩu, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa ngày càng phát triển”.

Lạng Sơn là tỉnh đầu tiên trong cả nước ứng dụng công nghệ số trong quản lý tổng thể và toàn diện hoạt động cửa khẩu nên trong quá trình thực hiện không hề có hình mẫu, quy định, hướng dẫn nào có thể tham chiếu, học hỏi được. Tuy nhiên, bằng sự quyết tâm, dám nghĩ, dám làm của Lãnh đạo tỉnh cũng như sự vào cuộc một cách nghiêm túc của các cơ quan, đơn vị, Nền tảng cửa khẩu số đã được khẩn trương xây dựng và đến nay có thể khẳng định mô hình Nền tảng cửa khẩu số tại tỉnh Lạng Sơn đã được triển khai thí điểm thành công.

Việc triển khai thí điểm thành công Nền tảng cửa khẩu số giúp đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, công sức, chi phí cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu; giúp minh bạch hóa, hạn chế các tiêu cực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước trong hoạt động xuất nhập khẩu; đảm bảo tính liên tục trong các hoạt động tại cửa khẩu, góp phần hạn chế sự lây lan của dịch bệnh trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp thời gian vừa qua.

Với những kết quả và lợi ích mang lại của Nền tảng cửa khẩu số, tỉnh Lạng Sơn đã được nhận giải thưởng Viet Solutions 2022 cho Bài toán chuyển đổi số xuất sắc cho địa phương. Bên cạnh đó, tỉnh Lạng Sơn đã vinh dự là 01 trong 07 cơ quan, đơn vị trong toàn quốc đạt giải thưởng “Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc” với Nền tảng cửa khẩu số.

Việc triển khai cửa khẩu số tại tỉnh Lạng Sơn có khả năng nhân rộng áp dụng cho tất cả các cửa khẩu trên toàn quốc, góp phần hình thành hệ thống cửa khẩu số quốc gia, phục vụ cho quản lý nhà nước của Chính phủ và các địa phương, các lực lượng chức năng tại các khu vực cửa khẩu. Nền tảng cửa khẩu số được triển khai tại tất cả các cửa khẩu trên toàn quốc sẽ giúp các doanh nghiệp xuất nhập khẩu có thể khai báo trực tuyến, các cơ quan từ Trung ương đến các tỉnh, thành phố có thể dễ dàng giám sát, quản lý và ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, góp phần phòng, chống tiêu cực, phục vụ người dân và doanh nghiệp trong công tác xuất nhập khẩu, phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở mô hình Nền tảng cửa khẩu số đã được tỉnh Lạng Sơn triển khai thí điểm, Lạng Sơn đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương có liên quan đến Nền tảng cửa khẩu số thực hiện kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu chuyên ngành với Nền tảng cửa khẩu số để phát huy tối đa hiệu quả của Nền tảng cửa khẩu số mang lại. Đồng thời, đề xuất Nền tảng cửa khẩu số tỉnh Lạng Sơn áp dụng cho toàn bộ các cửa khẩu trên toàn quốc.

DỮ LIỆU - TÀI NGUYÊN QUỐC GIA MỚI

*Đông chí Nguyễn Khắc Lịch
Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia*

Dữ liệu thì vẫn tồn tại khắp nơi, từ khi vũ trụ hình thành, tồn tại trong mọi sự vận động của sự sống dù là nhỏ nhất. Nếu dữ liệu chỉ tồn tại trong tự nhiên thì chỉ giống như dầu thô tồn tại dưới lòng đất - không có giá trị gì vì không thể thu thập và sử dụng.

Dữ liệu số là dữ liệu được thu thập và tạo ra trên các nền tảng số, các hệ thống thông tin... giống như dầu sau khi được lọc/chế biến, có thể sử dụng, khai thác để tạo ra thông tin, tri thức.

Ngày nay, chúng ta cứ 2 ngày lại tạo ra được lượng dữ liệu số tương đương lượng dữ liệu số được tạo ra từ những ngày đầu của loài người đến năm 2003 (5 exabytes – 1 exabyte = 1 tỷ Gb). Để hình dung về độ lớn của dữ liệu số trên thế giới: cứ mỗi hạt cát trên trái đất tương đương với 400.000 bytes dữ liệu.

Dữ liệu số Việt Nam là tài nguyên quốc gia mới trong công cuộc chuyển đổi số của Việt Nam, Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng đã từng nói: đây là loại tài nguyên mới không tiêu hao, càng dùng thì càng nhiều lên, càng dùng thì càng tạo ra giá trị hơn. Giá trị của dữ liệu thể hiện ở việc biến nó thành thông tin, thành tri thức của đất nước, của nhân loại.

Năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông xác định là năm đưa người dân lên các nền tảng số với 35 nền tảng số quốc gia được công bố phát triển, và hàng trăm nền tảng số khác được các doanh nghiệp ra mắt.

Năm 2023, Bộ Thông tin và Truyền thông xác định là năm dữ liệu số Việt Nam để thúc đẩy sự bùng nổ dữ liệu trên các nền tảng số Việt Nam.

I. NHỮNG YẾU TỐ QUAN TRỌNG VỀ PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ TẠI VIỆT NAM

1. Yếu tố thể chế

Trong bức tranh tổng thể về thể chế dữ liệu số của Việt Nam, việc quản trị và phát triển dữ liệu số đã được quy định rải rác trong các văn bản quản lý chuyên ngành, như Luật CNTT năm 2006, Nghị định 64, Nghị định 47,... và nhiều văn bản

quản lý chuyên ngành khác. Tuy nhiên, có thể nói, hành lang pháp lý về dữ liệu số vẫn chưa hoàn thiện. Thứ nhất là các quy định về dữ liệu số chưa được hệ thống hoá, đồng bộ mà được chỉ được đề cập theo các khía cạnh khác nhau ở các văn bản khác nhau, chưa hình thành một hành lang pháp lý hoàn chỉnh. Thứ hai, các quy định về dữ liệu số hiện hành mới chỉ tập trung ở khu vực nhà nước, chưa đưa ra các quy định quản lý đối với xã hội, người dân, doanh nghiệp.

Có thể nói, một trong những hạn chế lớn nhất đối với thể chế dữ liệu số hiện nay là chưa thể chế hoá được quan điểm “dữ liệu số là một loại tài nguyên mới”. Làm được điều này sẽ giúp rộng đường cho việc xây dựng hành lang pháp lý về dữ liệu số từ các khía cạnh khác: kinh tế dữ liệu số, hạ tầng công nghệ, nhân lực,...

2. Yếu tố kinh tế dữ liệu số

Trước hết, dữ liệu số sẽ là nguồn nguyên liệu đầu vào rất giá trị và vô tận đối với nền kinh tế số. Dữ liệu số sẽ giúp tăng hiệu suất kinh doanh theo cấp số nhân, tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, tạo ra những dư địa phát triển mới cho doanh nghiệp, thậm chí có thể thay đổi cơ cấu nền kinh tế. Thống kê cho biết mỗi ngày các doanh nghiệp ở mọi lĩnh vực tạo ra khoảng *2 tỷ tỷ bytes dữ liệu*. *Theo dự báo của McKinsey, các doanh nghiệp ứng dụng dữ liệu lớn có thể giúp ngay lập tức tăng 60% lợi nhuận kinh doanh và có khả năng tìm kiếm khách hàng mới cao gấp 23 lần các doanh nghiệp khác.*

Khi dữ liệu số được coi là tài nguyên mới, nó sẽ mặc định trở thành một mặt hàng có thể kinh doanh, giao dịch, và điều này đồng nghĩa với việc xã hội sẽ hình thành thị trường dữ liệu số với các quan hệ kinh tế, các hoạt động kinh doanh dữ liệu số. Đây sẽ là một thị trường khổng lồ. *Theo GlobeNewswire, thị trường dữ liệu năm 2021 có tổng giá trị ước tính 162,6 tỷ USD, dự báo vào năm 2026 sẽ có tổng giá trị 273,4 tỷ USD.*

Việc hình thành một thị trường với quy mô lớn và có xu hướng phát triển nhanh chóng, khung pháp lý để điều chỉnh các hoạt động sở hữu, giao dịch, quy định trách nhiệm giữa các bên trở nên cực kỳ quan trọng. Một hành lang pháp lý về dữ liệu số hoàn toàn có thể thiết lập lại luật chơi giữa những người sở hữu, những người thu thập và những người kinh doanh dữ liệu - nơi mà hiện tại lợi ích đang nằm nhiều trong tay các Big Techs toàn cầu.

3. Yếu tố hạ tầng, công nghệ

Hạ tầng, công nghệ chính là yếu tố giúp chuyển dữ liệu số từ dầu thô thành vàng. Hạ tầng dữ liệu số (Cloud, Data Centers, cơ sở dữ liệu quốc gia,...) chính là những nền tảng quan trọng nhất cho phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Trong khi công nghệ dữ liệu đang dần trở thành một nhân tố cốt lõi trong chiến lược và mô hình kinh doanh của các doanh nghiệp. *Từ năm 2019, đã có 97,2% doanh nghiệp cho biết đang đầu tư vào dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo phục vụ hoạt động kinh doanh.*

4. Yếu tố nhân lực

Nguồn nhân lực về dữ liệu số trong kỷ nguyên mới sẽ là những lao động có giá trị cao hàng đầu trên thị trường lao động. Đó là những Data Engineer (kỹ sư), Data Analyst (chuyên gia phân tích dữ liệu) hay Data Scientist (nhà khoa học dữ liệu).

5. Yếu tố nhận thức

Quyền sở hữu của cá nhân đối với tài nguyên mới hiện vẫn chưa được nhận thức đầy đủ và đúng đắn. Người dùng, trong đó có người dùng Việt Nam, hiện đang quá dễ dãi trong việc trao “tài nguyên mới” của mình cho người khác một cách miễn phí hoặc để đổi lấy các dịch vụ miễn phí, người Việt lại càng dễ dãi và thiếu nhận thức trong việc áp dụng các biện pháp để bảo vệ “tài nguyên mới” của mình trên không gian mạng.

II. NHỮNG VIỆC TRỌNG TÂM TRONG PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ VIỆT NAM NĂM 2023

1. Thể chế dữ liệu số

Bộ Thông tin và Truyền thông chủ công cùng các bộ, ngành, địa phương rà soát, sửa đổi, bổ sung, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về dữ liệu số với mục tiêu hài hòa các lợi ích của người dùng, chính quyền và các doanh nghiệp công nghệ để thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, nhanh chóng tạo ra các doanh nghiệp kỳ lân nhờ dữ liệu số và hướng tới bảo vệ quyền lợi chính đáng về sở hữu và bảo vệ dữ liệu cá nhân của người dân.

2. Phát triển dữ liệu số để phục vụ phát triển 3 trụ cột: chính phủ số, kinh tế số và xã hội số

Chính phủ số

Sử dụng dữ liệu số để nghe được tâm trạng người dân, mong muốn của xã hội, từ đó nâng cao chất lượng phục vụ, hiệu quả của các dịch vụ công trực tuyến. Dữ liệu số để phục vụ việc quản lý điều hành, ra quyết định của Lãnh đạo Chính phủ, lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương, đưa ra những dự báo phục vụ xây dựng các chính

sách mang tính chiến lược của đất nước. Dữ liệu số được mở cho xã hội để tạo đòn bẩy phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện đúng chức năng của một Chính phủ kiến tạo.

Năm 2023, Việt Nam sẽ tăng 6 lần việc cung cấp dữ liệu mở cho người dùng từ 10% năm 2022 lên 60% năm 2023.

Kinh tế số

Khai thác hiệu quả những dư địa phát triển kinh tế mà dữ liệu số có thể tạo ra. Tận dụng thời cơ bùng nổ dữ liệu số để ươm mầm phát triển các doanh nghiệp công nghệ mới, doanh nghiệp kỳ lân, làm động lực cho phát triển kinh tế số. Dữ liệu số cũng sẽ là nguồn tài nguyên phục vụ trực tiếp cho chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực kinh tế trọng tâm của đất nước như thương mại, công nghiệp, sản xuất hàng hoá,...

Xã hội số

Dữ liệu số mang lại chất lượng cuộc sống cao hơn nhờ thụ hưởng những dịch vụ an sinh xã hội được cung cấp thông minh, hiệu quả, có tính cá nhân hoá cao (giáo dục, y tế, dịch vụ công...). Giúp hình thành những công dân số - nền tảng cốt lõi của một quốc gia số, giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội: môi trường, khoảng cách xã hội,...

3. Phát triển hạ tầng dữ liệu số quốc gia

Thúc đẩy hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu bộ, ngành, địa phương và khuyến khích hoàn thiện các cơ sở dữ liệu của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế, làm nền tảng cho xây dựng và phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Hoàn thiện, kiến trúc hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu ở cấp độ quốc gia (NDXP - National Data Exchange Platform) và cấp độ bộ, ngành, địa phương (LGSP - Local Government Service Platform) trong cơ quan nhà nước hình thành mạng lưới quốc gia phục vụ việc liên thông giữa các hệ thống thông tin, các nền tảng số, các cơ sở dữ liệu quốc gia, bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ số, dữ liệu số cho người dân tốt hơn trên không gian số.

4. Nguồn nhân lực dữ liệu số

Định hướng phát triển nguồn nhân lực: Tập trung phát triển nguồn nhân lực Data Engineer, Data Analyst và Data Scientist tại các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề.

Cần có sự phối hợp giữa cơ quan quản lý và các trường Đại học trong việc phát triển nguồn nhân lực trình độ cao như Data Scientist.

Có chiến lược phát triển nguồn nhân lực tại chỗ (in-house) về quản trị dữ liệu số trong khối Chính phủ.

5. Vai trò của Bộ Thông tin và Truyền thông

Chủ trì về xây dựng và điều phối thực thi kế hoạch của Chính phủ về phát triển dữ liệu số Việt Nam của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân, xây dựng tiêu chuẩn, ban hành các tiêu chuẩn về dữ liệu; Chủ trì về công tác bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu số; Tăng cường vai trò điều phối về kết nối, chia sẻ dữ liệu số trong cơ quan nhà nước, cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở cho người dân và doanh nghiệp./.

GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đồng chí Nguyễn Việt Hùng

Phó Giám đốc phụ trách Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội

Tại Hội nghị Tổng kết công tác năm 2022 – phương hướng, nhiệm vụ năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội xin báo cáo về kết quả triển khai chuyển đổi số và công tác tuyên truyền chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

I. NHỮNG NỘI DUNG TRỌNG TÂM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện chuyển đổi số tại Việt Nam

Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, trong đó xác định Chương trình Chuyển đổi số quốc gia nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số (ba trụ cột chính của Chương trình Chuyển đổi số), vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu.

Để đạt được mục tiêu đó, Chính phủ xác định nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số với 6 nhóm chính: Chuyển đổi nhận thức; Kiến tạo thể chế; Phát triển hạ tầng số; Phát triển nền tảng số; Tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng; Hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số.

Về Chính quyền số, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phát triển chính phủ điện tử, hướng đến chính phủ số trong đó tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ các cơ quan nhà nước một cách tập trung, thông suốt; tạo lập dữ liệu mở dễ dàng truy cập, sử dụng, tăng cường công khai, minh bạch, phòng, chống tham nhũng, thúc đẩy phát triển các dịch vụ số trong nền kinh tế; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh để người dân, doanh nghiệp có trải nghiệm tốt nhất về dịch vụ, nhanh chóng, chính xác, không giấy tờ, giảm chi phí; cải thiện chỉ số xếp hạng quốc gia về chính phủ điện tử.

Về Kinh tế số, thúc đẩy phát triển kinh tế số với trọng tâm là phát triển doanh nghiệp công nghệ số, chuyển dịch từ lắp ráp, gia công về công nghệ thông tin sang làm sản phẩm công nghệ số, công nghiệp 4.0, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử và sản xuất thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong các doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế.

Về Xã hội số, thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, tập trung vào chuyển đổi kỹ năng, cung cấp các khóa học đại trà trực tuyến mở, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp lớn trên thế giới để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hóa số. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số để phát triển xã hội số, không ai bị bỏ lại phía sau.

Theo đó, Chính phủ đã xác định một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số như: y tế, giáo dục, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường, sản xuất công nghiệp.

2. Việc triển khai, thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội: kết quả, ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân, giải pháp khắc phục

Trên cơ sở Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, ngày 06/9/2021, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 4098/QĐ-UBND phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số thành phố Hà Nội đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Đến nay, một số kết quả đạt được như sau:

Về Chính quyền số

- Thành phố tiếp tục duy trì: Mạng diện rộng của thành phố WAN đến 579/579 xã, phường, thị trấn; Hệ thống họp trực tuyến của thành phố (từ thành phố đến cấp xã) (hệ thống này đã phát huy hiệu quả rõ rệt trong đợt phòng, chống dịch Covid-19 từ năm 2021: triển khai các cuộc họp giao ban Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 thành phố Hà Nội từ thành phố đến cấp xã; triển khai kết nối liên thông Hệ thống họp trực tuyến của thành phố với Hệ thống Họp trực tuyến của Văn phòng Chính phủ. Triển khai nội dung thuê dịch vụ trung tâm dữ liệu thành phố theo công nghệ điện toán đám mây, đáp ứng nhu cầu sử dụng của các cơ quan, bảo đảm an toàn thông tin.

- Tổ chức triển khai các nền tảng cho phát triển chính quyền số như: Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh, thành phố (LGSP) kết nối liên thông qua nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu Trung ương và địa phương (NGSP-National Government Service Platform) theo quy định.

- Sắp đưa vào hoạt động hệ thống giải quyết thủ tục hành chính liên thông 3 cấp thể hệ mới, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và yêu cầu kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu dân cư phục vụ xây dựng chính quyền số.

- Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực: Giáo dục, Giao thông - Vận tải, Xây dựng, Tài nguyên - Môi trường, Nông nghiệp, Đầu tư, Tài chính, Thuế,... đang được triển khai theo hướng tập trung, phục vụ yêu cầu nghiệp vụ, chia sẻ, khai thác thông tin theo quy định, trong đó:

+ Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Thành phố tiếp tục duy trì, thực hiện tuyển sinh đầu cấp trực tuyến vào mầm non, lớp 1, lớp 6. Hệ thống Sổ liên lạc điện tử cung cấp đầy đủ, miễn phí thông báo điểm học tập và rèn luyện của học sinh qua ứng dụng điện thoại thông minh, được áp dụng trong các trường tiểu học, THCS, THPT. Tra cứu điểm miễn phí và đăng ký xác nhận trúng tuyển, đăng ký xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

+ Lĩnh vực Nông nghiệp: Tiếp tục duy trì Hệ thống Truy xuất nguồn gốc nông, lâm, thủy sản thực phẩm thành phố Hà Nội (check.hanoi.gov.vn), ứng dụng mã QR truy xuất nguồn gốc sản phẩm OCOP bằng các thiết bị di động thông minh, đảm bảo an toàn đối với nông, lâm, thủy sản thực phẩm tại các cửa hàng kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Phục vụ người dân và doanh nghiệp: Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị liên quan phối hợp với các cục, đơn vị liên quan thuộc Bộ Công an thực hiện kết nối thành công Hệ thống dịch vụ công trực tuyến thử nghiệm với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sau khi đã được các cục thuộc Bộ Công an xác nhận bảo đảm bảo mật, an ninh, an toàn thông tin. Hiện tại, thành phố Hà Nội đang phối hợp Văn phòng Chính phủ, Bộ Công an và các bộ, ngành liên quan triển khai 02 dịch vụ công liên thông về khai sinh và khai tử.

- Phục vụ hoạt động điều hành nội bộ: Thành phố đã kết nối Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử theo quy định; các cơ quan, đơn vị trong thành phố sử dụng hoàn toàn chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong gửi, nhận văn bản điện tử (không gửi giấy) trong giao dịch hành chính điện tử của thành phố. 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng (trừ văn bản mật). Khẩn trương đưa hệ thống quản lý văn bản điều hành dùng chung toàn thành phố vào khai thác. Triển khai hệ thống thông tin báo cáo kinh tế xã hội của thành phố.

- Ngoài việc triển khai đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số theo chương trình của thành phố, Hà Nội phối hợp Bộ Thông tin và Truyền thông hoàn thành tham gia

bồi dưỡng về: Chuyển đổi số cho Lãnh đạo đơn vị chuyên trách CNTT của thành phố và cán bộ tham gia đội ngũ nòng cốt, cán bộ lãnh đạo cấp xã bồi dưỡng, tập huấn về chuyển đổi số; bồi dưỡng về an toàn thông tin.

Về kinh tế số và xã hội số

Ngay từ đầu năm 2021, trong các Chương trình, Kế hoạch của thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố đã giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các đơn vị liên quan “Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch/đề án hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế số, phấn đấu đến năm 2025 tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GRDP”. Sở Thông tin và Truyền thông đã xây dựng dự thảo Kế hoạch “Phát triển kinh tế số thành phố Hà Nội đến năm 2025”, tổ chức xin ý kiến các cơ quan chuyên môn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công Thương, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã của thành phố Hà Nội và các Hiệp hội, các doanh nghiệp công nghệ thông tin, bưu chính, viễn thông; các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số và hoàn thiện theo các ý kiến góp ý.

Triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Sở Thông tin và Truyền thông đã cập nhật, bổ sung các nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 vào dự thảo Kế hoạch “Phát triển kinh tế số và xã hội số thành phố Hà Nội giai đoạn 2022 - 2025” và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Triển khai Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 20/4/2022 “Triển khai thử nghiệm Nền tảng Địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn thành phố Hà Nội”. Hiện nay, Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nội và các đơn vị thuộc thành phố đang tích cực phối hợp với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam triển khai thực hiện.

Triển khai quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông: Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT ngày 21/7/2021 phê duyệt Kế hoạch “Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn”; Quyết định số 1369/QĐ-BTTTT ngày 06/9/2021 phê duyệt Kế hoạch truyền thông hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 350/QĐ-BTTTT ngày 24/02/2022 phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn năm 2022; Ủy ban nhân dân

thành phố đã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 07/01/2022 “Hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn của thành phố Hà Nội”. Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nội đã gửi các sàn thương mại điện tử (vosovietnam.vn và postmart.vn) danh sách 1329 sản phẩm OCOP đáp ứng tiêu chí 3 sao năm 2019, 2020, 2021 của thành phố Hà Nội để đưa lên sàn thương mại điện tử.

** Hạn chế*

Công tác triển khai chuyển đổi số còn chưa đồng bộ trong khối các sở, ngành và cả quận huyện. Một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành mang tính nền tảng chậm được triển khai. Nguồn lực nhân sự làm công tác chuyển đổi số còn mỏng. Bên cạnh các sở, ngành, quận, huyện đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện chuyển đổi số; có lúc, có nơi người đứng đầu cấp ủy, chính quyền còn chưa thực sự quan tâm với mức độ xác đáng.

** Một số giải pháp*

- Xây dựng Chương trình hành động cụ thể thực hiện Nghị quyết của Thường vụ Thành ủy về Xây dựng thành phố thông minh, chuyển đổi số gắn với trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Tăng cường đôn đốc, kiểm tra giám sát công tác chuyển đổi số. Xây dựng hệ thống đánh giá, chấm điểm độ sẵn sàng chuyển đổi số trong khối sở ngành, quận, huyện.

- Thành lập thêm các nhóm công nghệ số cộng đồng trên địa bàn.

- Tăng cường hợp tác với các bộ, ngành, địa phương và quốc tế trong triển khai chuyển đổi số gắn với các mục tiêu cụ thể.

II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 21/02/2022 về tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội năm 2022, trong đó có nhóm nội dung tuyên truyền cải cách hành chính, trọng tâm là việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 để Nhân dân biết, hưởng ứng và thực hiện các thủ tục hành chính qua hệ thống Cổng dịch vụ công Quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công thành phố Hà Nội. Từ đầu năm đến nay, Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nội đã ban hành hơn **200** văn bản đề nghị các cơ quan báo chí thành phố, báo chí Trung ương ký chương trình phối hợp công tác với thành phố và chỉ đạo hệ thống thông tin cơ sở tuyên truyền đầy đủ các nhóm nhiệm vụ của Kế hoạch 58/KH-UBND.

Căn cứ các công văn của Bộ Thông tin và Truyền thông: Công văn số 4644/BTTTT-CĐSQG ngày 13/9/2022 về việc triển khai Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia; Công văn số 4878/BTTTT-CĐSQG ngày 30/9/2022 về việc phổ cập bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia 10/10, Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội đã có 02 công văn đề nghị các cơ quan báo chí thành phố Hà Nội, các cơ quan báo chí Trung ương ký Chương trình phối hợp thực hiện các nội dung sau:

+ Lan tỏa sự kiện, đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

+ Đề nghị các cơ quan báo chí thành phố Hà Nội, Trung tâm Báo chí Thủ đô Hà Nội phổ cập, truyền thông bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia thông qua việc hiển thị bộ nhận diện, biểu trưng của Ngày Chuyển đổi số quốc gia (đăng tải tại website <http://dx.gov.vn>) trên các báo điện tử của đơn vị và Cổng Giao tiếp điện tử thành phố; đưa bộ nhận diện Ngày Chuyển đổi số quốc gia vào các ấn phẩm trực tuyến và trực tiếp của các sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia.

Căn cứ Quyết định số 922/QĐ-BTTTT ngày 20/5/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án “*Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia*” (gọi tắt tiếng Việt là “Bộ chỉ số chuyển đổi số” cấp bộ, cấp tỉnh, cấp quốc gia; tiếng Anh là “Digital Transformation Index” viết tắt là DTI), trong đó yêu cầu các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố có chuyên mục riêng về chuyển đổi số.

Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Hà Nội đã có Công văn đề nghị các cơ quan báo chí thành phố Hà Nội thực hiện rà soát và xây dựng chuyên mục riêng về chuyển đổi số (nếu chưa có) trên sản phẩm báo chí của đơn vị; tăng cường thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số và phổ biến mục tiêu, nội dung DTI cấp bộ, cấp tỉnh và công tác triển khai, kết quả chuyển đổi số hằng năm của thành phố; nâng cao hiểu biết, nhận thức và sự quan tâm của các cơ quan, tổ chức, người dân và doanh nghiệp về chuyển đổi số.

Hiện nay, 5/5 báo điện tử của thành phố đều đã có chuyên mục “Chuyển đổi số”, thường xuyên tuyên truyền các văn bản, chỉ đạo của Trung ương và thành phố về chuyển đổi số; cập nhật kết quả triển khai công tác chuyển đổi số của các bộ, ngành, đơn vị và địa phương trên cả nước, đặc biệt là những chuyển biến tích cực của thành phố Hà Nội nhằm thực hiện mục tiêu phấn đấu thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về chuyển đổi số vào năm 2025.

III. MỘT SỐ KHÓ KHĂN, KIẾN NGHỊ VỚI BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

- Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp Bộ Công an xem xét báo cáo Chính phủ thống nhất việc quy định **Danh tính điện tử/Danh tính số** tại các văn bản quy phạm liên quan để đảm bảo thống nhất, đồng bộ (Quyết định số 34/2021/QĐ-TTg ngày 08/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử trên nền tảng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu căn cước công dân và cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, trong đó quy định **Danh tính điện tử**; Thông tư số 13/2021/TT-BKHĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê kinh tế số, trong đó có đưa ra chỉ tiêu **tỷ lệ người dân có danh tính số**; đồng thời đưa ra khái niệm **Danh tính số**). Việc đưa ra 02 khái niệm để xác định duy nhất một cá nhân trên môi trường điện tử/số gây lúng túng cho việc hướng dẫn, thu thập thông tin của cơ quan nhà nước tại địa phương và việc sử dụng của người dân đối với các dịch vụ liên quan tới Danh tính điện tử và Danh tính số.

- Bộ Thông tin và Truyền thông sớm trình Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam đến năm 2030 để địa phương có căn cứ xây dựng Kế hoạch, triển khai thực hiện.

- Bộ Thông tin và Truyền thông sớm ban hành các văn bản quy định về chức năng, tính năng kỹ thuật của Cổng thông tin điện tử các cơ quan nhà nước và có hướng dẫn cụ thể công cụ dùng chung để phát triển Cổng thông tin điện tử để các địa phương có cơ sở triển khai xây dựng, nâng cấp, mở rộng Trang/Cổng thông tin điện tử, Cổng dịch vụ công, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, tránh lãng phí. Một số hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu đã được quy định, hướng dẫn về yêu cầu nghiệp vụ, yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật và yêu cầu các tỉnh/thành phố triển khai.

- Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, tham mưu việc triển khai chung các hệ thống này cho các tỉnh/thành phố (như: hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, hệ thống thông tin báo cáo, Trung tâm dữ liệu...) hoặc ban hành đơn giá, định mức, đặc biệt trong lĩnh vực an toàn thông tin mạng để triển khai, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

- Sớm có văn bản hướng dẫn Sở Thông tin và Truyền thông Hà Nội một số vướng mắc trong tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số (Công văn số 869/STTTT-CNTT ngày 14/4/2022 và số 2057/STTTT-CNTT ngày 19/08/2022)./.

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY CHUYỂN ĐỔI SỐ THỰC CHẤT, ĐỒNG BỘ, NHANH VÀ BỀN VỮNG - CÁCH LÀM TỪ YÊN BÁI

Đồng chí Hoàng Minh Tiến

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Yên Bái

Năm 2022, là năm tổng tấn công về chuyển đổi số, là năm đưa người dân lên môi trường mạng; bám sát chủ trương, định hướng của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, tỉnh ủy, trong thời gian qua, tỉnh Yên Bái đã tăng cường chỉ đạo, triển khai đồng loạt các nhiệm vụ trên cả 3 trụ cột: chính quyền số, xã hội số và kinh tế số.

Yên Bái đã làm theo cách đặc trưng riêng của tỉnh đúng theo tinh thần chỉ đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2022: *“Chuyển đổi số: Là cơ hội để một tỉnh nghèo như Yên Bái dù “đi sau”, nhưng có thể “đuổi kịp, tiến cùng”, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các tỉnh, thành phố khác”*.

Chuyển đổi số thực chất:

- Yên Bái đã và đang triển khai quyết liệt chuyển đổi số trên nhiều phương diện và với cách làm riêng, đó là: Triển khai các mô hình thí điểm về chuyển đổi số với các mục tiêu, giải pháp, điều kiện cần cụ thể, rõ ràng và khả thi. Với tinh thần lấy thực tiễn làm thước đo đánh giá kết quả cuối cùng, các mô hình chuyển đổi số vừa làm, vừa điều chỉnh và trên căn cứ đánh giá kết quả, sẽ làm mẫu hình chuyển đổi số để mọi người dân, cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức đều có thể tham chiếu, tự thực hiện chuyển đổi số.

- Tổ chuyển đổi số cộng đồng: Xác định chuyển đổi số cần lấy người dân làm trung tâm, chủ thể và động lực, tất cả các kế hoạch, chương trình, mô hình chuyển đổi số của Yên Bái trong năm 2022 đều đặt mục tiêu phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn. Một trong những giải pháp then chốt thực hiện mục tiêu này là việc thành lập các Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại các xã, phường, thị trấn. Tổ chuyển đổi số cộng đồng tham gia thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh, huyện hoặc xã.

+ Đến hết tháng 6/2022, các địa phương hoàn thành tới 100% cấp xã (173/173) với 1.744 thành viên và 100% cấp thôn (1356/1356) đã thành lập Tổ chuyển đổi số

cộng đồng với 9.107 thành viên. Với kết quả này, tỉnh Yên Bái là **1 trong 3 tỉnh đầu tiên trên cả nước** (cùng Lạng Sơn, Thái Nguyên) thành lập được 100% Tổ chuyển đổi số cộng đồng cấp xã, cấp thôn.

+ Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức tập huấn hướng dẫn cho Tổ chuyển đổi số cộng đồng trên toàn tỉnh cách tạo tài khoản và nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia; hướng dẫn các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt trên các ví điện tử VNPT money và Viettel money; sử dụng nền tảng tư vấn khám, chữa bệnh từ xa VOV Bacsi24; hướng dẫn hộ sản xuất nông nghiệp đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử Voso và PostMart. Hội nghị được triển khai trực tuyến tới 9 điểm cầu cấp huyện và 173 điểm cầu cấp xã với tổng số người tham gia 03 đợt là 11.452 người.

- Mô hình công dân số: Huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái triển khai mô hình công dân số, phấn đấu 50% công dân của huyện đạt tiêu chuẩn công dân số. Phát động phong trào thi đua “*Tự hào Tôi là công dân số*” tại xã Đông Cuông. Gắn việc tuyên truyền, vận động, phát triển công dân số với việc triển khai giải pháp “*Đưa nền tảng số đến người dân*” thông qua việc tổ chức: tuần cao điểm chuyển đổi số, tháng cao điểm chuyển đổi số, ngày hội chuyển đổi số tại các xã, thị trấn, các trường học,... Dự tính, đến hết năm 2022, toàn huyện sẽ có 55.000 công dân số, đạt 67,4% so với tổng số công dân trong độ tuổi lao động của huyện.

- Thiết lập tài khoản hành chính công trên Cổng dịch vụ công quốc gia có bước nhảy vọt, trong năm 2021 chỉ có 2.236 tài khoản được tạo lập nhưng năm 2022: Từ tháng 01/2022 đến nay đã có 50.595 tài khoản được tạo lập (tăng gấp trên 22 nghìn lần).

- Yên Bái là **tỉnh đầu tiên** trong cả nước tổ chức Hội thi truyền thông về chuyển đổi số đến 100% cấp huyện với chủ đề “Chuyển đổi số vì cuộc sống tốt đẹp hơn” với 03 nội dung: đề xuất giải pháp, sáng kiến chuyển đổi số; tìm hiểu kiến thức về chuyển đổi số; và “*Sân khấu hoá*” truyền thông về chuyển đổi số. Qua đó, nhiều sáng kiến hay đang được nghiên cứu, triển khai trên phạm vi toàn tỉnh như: Ngày thanh toán không dùng tiền mặt, tạo mã QRCode cho các cơ sở kinh doanh,...

- Yên Bái là **tỉnh đầu tiên** trong cả nước ban hành Bộ chỉ tiêu đánh giá công nhận xã, phường, thị trấn chuyển đổi số/chuyển đổi số nâng cao trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022 - 2025, gồm 04 nhóm chỉ tiêu với tổng số 17 chỉ tiêu cụ thể.

Dự kiến, Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ thông qua Nghị quyết Quy định chính sách để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022 - 2025. Trong đó, sẽ có cơ chế thưởng cho cấp xã được công nhận chuyển đổi số là 100 triệu

đồng/01 cấp xã và 150 triệu đồng/01 cấp xã được công nhận chuyển đổi số nâng cao. Như vậy, Yên Bái đã biến chuyển đổi số thành **phong trào chuyển đổi số** như phong trào xây dựng nông thôn mới.

Chuyển đổi số đồng bộ:

- Chủ trương, quan điểm về chuyển đổi số: Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái về chuyển đổi số (Nghị quyết số 51) đã xác định rõ quan điểm với 15 mục tiêu của ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; tương ứng với đó là 5 nhiệm vụ, giải pháp lớn xuyên suốt cả giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến 2030.

- Nguồn nhân lực để thực hiện chuyển đổi số: Kết hợp thu hút nhân lực chất lượng cao để phục vụ chuyển đổi số (Nghị quyết 21-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Yên Bái về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025). Năm 2022 là năm tỉnh Yên Bái tổ chức **nhều nhất** các lớp đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số.

- Cách làm: “*Từ trên xuống - Từ dưới lên*” đối với chuyển đổi số:

Yên Bái đầu tư tập trung hạ tầng, hệ thống thông tin (Trung tâm DC, hệ thống SOC, mạng LGSP, hệ thống thư điện tử công vụ, mạng TSLCD đến 100% cấp xã,...) phục vụ chuyển đổi số là từ trên xuống. Yên Bái triển khai các mô hình điểm về chuyển đổi số để từ đó đánh giá, nhân rộng là từ dưới lên.

Yên Bái có sự vào cuộc chuyển đổi số của người đứng đầu tỉnh và toàn bộ hệ thống chính trị là từ trên xuống. Yên Bái thành lập Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại các xã/phường, thôn/bản/tổ dân phố và Câu lạc bộ chuyển đổi số trong các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước là từ dưới lên.

Chuyển đổi số nhanh:

- Yên Bái là **tỉnh đầu tiên trên cả nước** thành lập các nhóm công tác về chuyển đổi số, có thể hình dung như Sở Thông tin số), việc thành lập nhóm công tác như vậy sẽ giúp nguồn lực thực hiện tăng lên 4,5 lần.

+ Sở Thông tin và Truyền thông đã thành lập các Tổ công tác về chuyển đổi số cấp Sở, thành viên tham gia Tổ là các cán bộ, công chức, viên chức của Sở và cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị, địa phương và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Như vậy, 100% cán bộ, công chức Sở Thông tin và Truyền thông đều tham gia một nhiệm vụ chuyển đổi số, lực lượng ngoài Sở tăng 120% lực lượng của Sở.

+ Trên cơ sở kết quả triển khai các mô hình của Tổ công tác, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các Kế hoạch: triển khai nhân rộng mô hình chuyển đổi số tại các sở, ngành; chuyển đổi số tại trường học trên địa bàn tỉnh Yên Bái; xã chuyển đổi số; Tổ chuyên gia tư vấn chuyển đổi số tỉnh Yên Bái; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt; Đề án Sở tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái... và thành lập các Nhóm công tác về chuyển đổi số cấp tỉnh.

- Huy động lực lượng CNTT trong và ngoài tỉnh, trong hệ thống chính trị và ngoài hệ thống chính trị (tư nhân) tham gia các nhiệm vụ chuyển đổi số cấp tỉnh. Trong đó lấy lực lượng cán bộ của doanh nghiệp bưu chính, viễn thông và CNTT làm lực lượng nòng cốt.

Đề nghị các doanh nghiệp cử cán bộ tham gia các Tổ triển khai chuyển đổi số; đào tạo, tập huấn, truyền thông về chuyển đổi số; hỗ trợ cung cấp, triển khai các nền tảng, ứng dụng tại các cơ quan, đơn vị và có hỗ trợ giảm giá cước cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo và nhà văn hoá tại các thôn, bản, tổ... thực hiện chuyển đổi số.

- Trong vòng một năm, tỉnh Yên Bái đã làm được khối lượng công việc khổng lồ. Năm 2022, đã ban hành 26 văn bản quan trọng (09 Quyết định, 01 Chỉ thị, 15 Kế hoạch và 01 Đề án) phát triển ngành Thông tin và Truyền thông tại địa phương. Trong đó, có **21** văn bản về chuyển đổi số, tăng **19** văn bản so với năm 2021 (gấp **10,5** lần). Trong đó có nhiều nội dung quan trọng, khó và **chưa có tiền lệ** ở tỉnh cũng như trên cả nước. Về cơ bản, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện một bước quan trọng về hành lang pháp lý, thể chế triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022 - 2025 và các năm tiếp theo.

Chuyển đổi số bền vững:

- Trong chuyển đổi số, vai trò của cơ quan nhà nước là dẫn dắt ban hành chính sách, kế hoạch và tổ chức thực thi chuyển đổi số là vô cùng quan trọng. Đặc biệt trong đó, các cán bộ kỹ thuật, có vai trò rất lớn trong việc quản lý, tổ chức triển khai các hệ thống thông tin, ứng dụng nền tảng số và bảo đảm an toàn an ninh thông tin mạng.

- Tuy nhiên, bởi vì yếu tố kinh tế thị trường, mức lương chi trả cho 01 cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp ở ngoài thường rất cao, nguy cơ cán bộ nghỉ việc nhiều. Do vậy, đây là vấn đề mấu chốt của việc thu hút và giữ chân cán bộ; để làm việc này, tỉnh Yên Bái làm 3 việc:

+ Cơ chế thu hút đối người tài đối với các cán bộ, công chức, viên chức: Tỉnh Yên Bái đã ban hành Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 19/10/2022 của

Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025.

+ Cơ chế giữ chân cán bộ có năng lực trong hệ thống: Xây dựng nghị quyết trình Hội đồng nhân dân tỉnh có chính sách hỗ trợ hàng tháng đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác công nghệ thông tin, an toàn thông tin, chuyển đổi số. Tuy việc hỗ trợ này không nhiều nhưng mang **tính nhân văn** rất cao.

+ Đào tạo cán bộ: Yên Bái là **tỉnh đầu tiên** trên cả nước có số lượng cán bộ kỹ thuật tham gia đào tạo bài bản lớn, với nhiều loại chứng chỉ quốc tế uy tín về quản trị mạng và an toàn thông tin mạng.

Với cách làm như trên, trong năm 2022, kết quả đã được thể hiện tích cực bước đầu, Yên Bái xếp hạng thứ 27/63 tỉnh, thành phố, nâng **13 bậc** so với năm 2020. Trong đó, về tốc độ phát triển, tốc độ thay đổi xếp hạng đứng thứ nhất trong 14 tỉnh thuộc vùng trung du và miền núi phía Bắc.

MỘT SỐ KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

Đồng chí Đoàn Thanh Hải

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Bình

“Xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế, xã hội, cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả, tính minh bạch trong hoạt động của các cấp chính quyền”. Đây là quan điểm được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình xác định trong Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/4/2021 về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Xác định tầm quan trọng của chuyển đổi số đối với sự phát triển của tỉnh, Nghị quyết cũng đã xác định: Hằng năm, ưu tiên bố trí ít nhất 1% tổng chi cân đối ngân sách địa phương và huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng chính quyền điện tử và chuyển đổi số.

Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị từ tỉnh tới cơ sở, trong năm 2022, Chương trình Chuyển đổi số của tỉnh đạt được nhiều kết quả nổi bật. Nhờ việc đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) năm 2021 đứng thứ 6/63 tỉnh, thành phố (trong đó, xếp hạng chính quyền số: xếp thứ 5; kinh tế số: thứ 8; xã hội số: thứ 5).

Một số kết quả nổi bật như sau:

- Ninh Bình đã cơ bản hoàn thành việc xây dựng và phát triển nền tảng chính quyền điện tử theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh, cụ thể:

+ 100% các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử tích hợp chữ ký số, thay thế hoàn toàn văn bản giấy; Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được triển khai thông suốt từ tỉnh tới cấp xã; đã triển khai và hoàn thành kết nối, liên thông hệ thống thông tin báo cáo quốc gia với hệ thống thông tin, báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã.

+ Các hệ thống thông tin dùng chung trọng yếu của tỉnh được vận hành, khai thác ổn định, hiệu quả: Hệ thống thông tin Quản lý và Điều hành; Hệ thống thông tin

giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; Hệ thống hội nghị trực tuyến, Hệ thống thông tin báo cáo; Hệ thống thư công vụ điện tử.

Trong đó, Cổng dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử tỉnh được tích hợp đồng bộ kết quả xử lý hồ sơ trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, triển khai đồng bộ trong các cơ quan nhà nước, tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 đạt gần 74%. Ninh Bình là địa phương nằm trong tốp đầu của cả nước hoàn thành việc đưa 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện lên cung cấp trực tuyến mức độ 4. Trong Quý III năm 2022, Ninh Bình xếp thứ 3 trên cả nước về tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến (59,34%); tỷ lệ gửi, nhận ký số văn bản điện tử, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng và thực hiện chế độ báo cáo trên hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ đạt 100%. Tỉnh Ninh Bình là 1 trong 6 địa phương được Trung ương biểu dương có thành tích trong triển khai Đề án 06; là 1 trong 5 tỉnh/thành phố (Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bình Dương, Huế, Ninh Bình) được vinh danh có thành tích tiêu biểu trong tổ chức triển khai chủ chương cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và Chương trình Chuyển đổi số quốc gia.

+ Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị được tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả đáp ứng mục tiêu, yêu cầu đề ra. Đặc biệt trong Quý III năm 2022 đã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho 1.675 tổ công nghệ số cộng đồng với 8.424 thành viên được tham gia tập huấn, bồi dưỡng.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh được đầu tư hệ thống trang thiết bị đồng bộ, hiện đại đã chính thức đi vào hoạt động từ tháng 10/2020, cung cấp 1357 thủ tục hành chính của 17 sở, ngành của tỉnh và 03 cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn. Trong đó thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến mức độ 4 tại Trung tâm đạt khoảng 71,2%, tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận và giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ trong 6 tháng đầu năm đạt 65,02%.

- Trung tâm dữ liệu, Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh đã được tập trung triển khai xây dựng dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào khai thác và sử dụng trong Quý III, năm 2022.

- Tỉnh đã xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; là một trong 3 địa phương hoàn thành kết nối chính thức hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ công tác giải quyết thủ tục hành chính cho công dân.

- Tỉnh đã ban hành Kế hoạch để triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh những kết quả trên, công tác chuyển đổi số của tỉnh Ninh Bình còn gặp một số khó khăn sau:

- Trước khối lượng công việc lớn, có nội dung mới, khó, phức tạp nên chất lượng công tác tham mưu chưa cao, công tác triển khai một số nhiệm vụ có kết quả còn hạn chế, chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra.

- Việc triển khai các Nền tảng số của Quốc gia trên địa bàn tỉnh còn lúng túng, gặp nhiều khó khăn.

Với những thành công bước đầu trong xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số, đặc biệt là trong thực hiện mục tiêu đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số cấp cơ sở, phát triển các dịch vụ số phục vụ người dân, Ban Chỉ đạo tỉnh Ninh Bình rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

- Trong chỉ đạo, điều hành phải thống nhất nhận thức: Xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, là giải pháp đột phá để thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế, xã hội, cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả, tính minh bạch trong hoạt động của các cấp chính quyền; phát huy quyền làm chủ của người dân và phục vụ người dân tốt hơn. Vì vậy, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo và sự vào cuộc quyết liệt đồng bộ của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự tham gia của người dân toàn tỉnh,...

- Trong quá trình chuyển đổi số phải lấy người dân làm trung tâm, phát huy vai trò của doanh nghiệp, hình thành văn hóa số. Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị phải nhận thức sâu sắc, đầy đủ bản chất, tầm quan trọng của chuyển đổi số, có cách tiếp cận linh hoạt, tạo mọi điều kiện cho đổi mới, sáng tạo; xác định rõ lộ trình xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án để thực hiện.

- Trong quá trình triển khai các yêu cầu, nhiệm vụ về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số, phải đảm bảo tính kế thừa, phù hợp với xu hướng phát triển và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, chủ động phòng ngừa, hạn chế các tiêu cực tác động trong quá trình thực hiện. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện cả trong cơ quan Đảng, chính quyền các cấp, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp và người dân./.

GIẢI PHÁP TÍCH CỰC HỖ TRỢ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP CHUYỂN ĐỔI SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Đồng chí Trương Hoài Anh

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang diễn ra rất mạnh mẽ. Đây là cuộc cách mạng dựa trên nền tảng công nghệ số và kết hợp, hội tụ nhiều công nghệ, dẫn đến sự thay đổi chưa từng có trong mô hình phát triển kinh tế, cũng như trong đời sống xã hội.

Trên cơ sở đó, tỉnh Đắk Lắk cũng ban hành các chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số trong hệ thống chính trị và cả trong cộng đồng thông qua Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 02/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Để đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp, tỉnh Đắk Lắk đã xác định chuyển đổi số là một trong những đột phá chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội.

Thực tế hiện nay, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã có những nhìn nhận tích cực về tầm quan trọng của chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh. Một số ngành nghề đang có những bước chuyển đổi số rất nhanh, mạnh mẽ như lĩnh vực: tài chính, thương mại điện tử, du lịch. Tuy nhiên, các lĩnh vực: nông nghiệp, sản xuất, chế biến, chế tạo có mức độ sẵn sàng chuyển đổi số còn thấp.

Năm 2022 là năm đẩy mạnh chuyển đổi số theo hướng lấy người dân làm trung tâm, toàn dân và toàn diện. Giai đoạn từ nay đến năm 2025 sẽ là giai đoạn tăng tốc chuyển đổi số với những hành động triển khai cụ thể theo từng ngành, từng lĩnh vực, từng địa phương.

Chuyển đổi số chính là việc ứng dụng công nghệ vào mọi hoạt động của doanh nghiệp, được thực hiện trong thời đại bùng nổ về công nghệ trên nền tảng của hệ thống Internet mạnh mẽ, chính vì vậy đòi hỏi trình độ rất cao cả về kỹ thuật cũng như nhân lực.

Để người dân, các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số thành công cần có cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin (cả phần cứng và phần mềm) phù hợp. Vì vậy, việc sở hữu cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phù hợp đóng vai trò rất quan trọng trong đáp ứng nhu cầu ngày càng mạnh mẽ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong ngắn hạn, cũng như về mặt lâu dài.

Để chuyển đổi số mang lại hiệu quả cho người dân và doanh nghiệp, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Đắk Lắk đưa ra một số giải pháp tích cực hỗ trợ người dân, doanh nghiệp như sau:

1. Người dân, doanh nghiệp cần hiểu rõ bản chất, nhu cầu chuyển đổi số cho ngành của mình là gì? Lãnh đạo doanh nghiệp phải lên kế hoạch, chọn đúng đối tác, nhà tư vấn; triển khai vận hành cho hiệu quả.

2. Chuyển đổi số phải xuất phát từ người đứng đầu doanh nghiệp và cần sự thống nhất cao trong ban lãnh đạo và bộ máy, làm từ dễ đến khó. Tùy theo doanh nghiệp, có thể làm từ trong ra ngoài, từ chuyển đổi số trong nội bộ trước khi làm những ứng dụng phát triển ra thị trường.

3. Giải pháp về nguồn nhân lực: Chuyển đổi số cần có nguồn nhân lực chất lượng cao để có thể làm chủ công nghệ mới, phục vụ cho việc triển khai chuyển đổi số và đó cũng là điều mà các doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp khó khăn. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực phải là một bộ phận trong chiến lược phát triển dài hạn của doanh nghiệp. Trong đó, trước hết, cần có giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hiện hữu của doanh nghiệp, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, chuyên viên chủ chốt thông qua các hoạt động huấn luyện, cập nhật kiến thức, trang bị kỹ năng cần thiết; thành thạo năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; biết ngoại ngữ, trước hết là tiếng Anh; thành thạo công nghệ thông tin, máy tính,... để nâng cao năng suất lao động; coi trọng công tác tuyển dụng, có chiến lược để bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp.

4. Bảo đảm an toàn thông tin là yếu tố sống còn của chuyển đổi số. Mỗi một người dân, doanh nghiệp cần được trang bị kỹ năng số cơ bản về an toàn thông tin, để tự bảo vệ mình, người thân của mình khỏi các nguy cơ tấn công, lừa đảo và các nguy cơ khác trên không gian mạng.

5. Về vốn đầu tư: Đầu tư cho chuyển đổi số là đầu tư để thay đổi, từ nhận thức, chiến lược, nhân lực, cơ sở hạ tầng tới giải pháp công nghệ. Vì vậy, đây là công cuộc đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn. Tuy nhiên, việc sẽ phải đầu tư lớn về tài chính và nhân lực, trong khi chưa chắc chắn về hiệu quả cũng như đối mặt với nguy cơ thất bại, từ đó tạo nên rào cản lớn với các doanh nghiệp hiện nay.

6. Lựa chọn các nền tảng số xuất sắc trong các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đảm bảo phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế để xem xét, ứng dụng.

7. Trao đổi, kết nối thông tin giữa người dân, các doanh nghiệp có nhu cầu chuyển đổi số và các doanh nghiệp cung cấp giải pháp chuyển đổi số xuất sắc. Ký kết thỏa thuận hỗ trợ, hợp tác với các doanh nghiệp cung cấp giải pháp chuyển đổi số xuất sắc để hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

8. Tăng cường cung cấp các dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh liên quan đến hoạt động của người dân, doanh nghiệp; hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến nhằm giảm thiểu thời gian, chi phí đi lại, xử lý thủ tục hành chính.

9. Người dân, doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử điển hình, tham gia các sàn thương mại điện tử, website có chức năng thương mại điện tử, kết nối, liên kết với các sàn giao dịch kết nối cung - cầu theo từng ngành/lĩnh vực. Người dân, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia sàn giao dịch nông sản tỉnh Đắk Lắk nhằm tiếp cận ứng dụng thương mại điện tử trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tìm kiếm thị trường, chào bán sản phẩm trực tuyến trên sàn.

10. Người dân, doanh nghiệp ứng dụng chữ ký số, kê khai bảo hiểm xã hội, khai báo thuế điện tử, hóa đơn điện tử.

MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2022 VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Đồng chí Huỳnh Hoàng Mến

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông thành phố Cần Thơ

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã xác định chuyển đổi số là một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm và ba đột phá của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030.

Trong thời gian qua, Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố rất quan tâm chỉ đạo triển khai công tác chuyển đổi số, phát triển đô thị thông minh, xem đây là động lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của thành phố Cần Thơ. Thành ủy đã ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 11/4/2017 về xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển thành đô thị thông minh giai đoạn 2016 - 2025; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/8/2021 về chuyển đổi số thành phố Cần Thơ đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030. Theo đó, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 1652/QĐ-UBND ngày 02/8/2021 phê duyệt Đề án Xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển thành đô thị thông minh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 241/KH-UBND ngày 30/11/2021 về Chuyển đổi số thành phố Cần Thơ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và các chương trình, đề án, kế hoạch chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực.

I. CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC MỘT SỐ KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU

Công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách được lãnh đạo thành phố, các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện. Các sở, ngành, địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, ban hành các kế hoạch, văn bản chỉ đạo về Chuyển đổi số của ngành, địa phương mình. Tổ công nghệ số cộng đồng được thành lập tại tất cả các ấp, khu vực trên địa bàn thành phố với 607 tổ và 2.417 thành viên.

Lãnh đạo thành phố và một số đơn vị sở, quận, huyện quan tâm tổ chức hơn 22 cuộc buổi hội thảo, hội nghị, lớp tập huấn về chuyển đổi số. Tổ chức cuộc thi đánh giá năng lực ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, lãnh đạo, quản lý. Tổ chức lớp tập huấn (trực tiếp và trực tuyến) về chuyển đổi số cho hơn 3.500 lượt lãnh đạo, cán bộ, công chức từ thành phố đến cấp xã và Tổ công nghệ số cộng đồng. Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu và trực tiếp tổ chức 09 hội thảo, hội nghị, lớp đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên trách, phụ trách CNTT về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu của cơ quan nhà nước (199 học viên); công tác người phát ngôn và thông tin đối ngoại (185 học viên); nghiệp vụ giám sát an toàn thông tin, an ninh mạng năm 2022 (42 học viên); kiến thức quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông, nâng cao nhận thức chuyển đổi số (120 học viên).

1. Phát triển hạ tầng số

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng thành phố Cần Thơ đã triển khai đến 100% xã, phường, thị trấn, các cơ quan Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố. Trang thiết bị máy tính tại các cơ quan, đơn vị được đảm bảo xử lý công việc, 100% cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước các cấp đảm bảo ít nhất có 01 máy tính để bàn để sử dụng trong công việc. Một số lãnh đạo có thêm máy tính xách tay để giải quyết công việc.

- Hạ tầng viễn thông trên địa bàn thành phố đã được chú trọng đầu tư, phát triển. Thúc đẩy phát triển băng rộng cáp quang đến trên 60% hộ gia đình và thiết bị thông minh cho trên 71% người dân trưởng thành. Thành phố đã hoàn thành mạng băng rộng đến 100% xã, phường; Internet kết nối đến 100% trường học trên địa bàn thành phố...

2. Phát triển chính quyền số gắn kết với công tác cải cách hành chính

Phát triển chính quyền số gắn kết chặt chẽ với công tác cải cách hành chính được lãnh đạo thành phố thường xuyên quan tâm chỉ đạo kịp thời.

Hiện tại, thành phố đã triển khai 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đủ điều kiện với 1.160 dịch vụ công trực tuyến và đã tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia với hơn 1.389 thủ tục hành chính, liên thông từ Cổng Dịch vụ công quốc gia với Cổng Dịch vụ công thành phố. Việc số hóa dữ liệu được các cơ quan, đơn vị quan tâm thực hiện, kết quả số hóa giải quyết thủ tục hành chính là 71.461/362.729 đạt tỷ lệ 19,8%.

Việc triển khai các hệ thống dùng chung như: Hệ thống Hội nghị truyền hình được triển khai cho 100% Ủy ban nhân dân quận, huyện, xã, phường, thị trấn với

130 điểm cầu; trong năm đã tổ chức hơn 201 cuộc họp trực tuyến; Hệ thống quản lý văn bản và điều hành được hỗ trợ cài đặt trên thiết bị di động có tích hợp chữ ký số, trong năm 2022, số văn bản điện tử gửi, nhận thông qua Trục liên thông văn bản và có ký số là 825.973/851.518 văn bản đạt tỷ lệ là 97%.

Cổng Thông tin điện tử, Tổng đài 1022; Hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến và một cửa điện tử, giúp tăng cường tính công khai, minh bạch, cung cấp thông tin, tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của người dân được tốt hơn, tính đến ngày 15/11/2022, tổng số hồ sơ giải quyết của các dịch vụ công là 334.558 hồ sơ, trong đó, tổng hồ sơ trực tuyến là 66.930, chiếm tỷ lệ 20%. Triển khai Mô hình điểm tuyên truyền sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại một số Nhà văn hóa, Chung cư, Khu dân cư,...

Thành phố đã xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của thành phố và tích hợp cập nhật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu: công dân với 2.279.713 mẫu tin, cơ sở dữ liệu doanh nghiệp với 95.862 mẫu tin (trong đó doanh nghiệp: 30.543 mẫu tin và Hộ kinh doanh: 65.319), cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức với 39.891 mẫu tin, cơ sở dữ liệu Thủ tục hành chính với 2.198 mẫu tin, cơ sở dữ liệu hồ sơ điện tử với 372.983 mẫu tin, cơ sở dữ liệu danh mục dùng chung: 47.107 mẫu tin, kho dữ liệu Quản lý văn bản và điều hành với 3.019.602 văn bản (Văn bản đến: 2.297.185 và Văn bản đi: 722.417). Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến và số hóa, cập nhật dữ liệu hộ tịch từ các sổ hộ tịch trên địa bàn thành phố Cần Thơ với hơn 1.047.372 trường hợp.

Thành phố Cần Thơ đã khai trương Trung tâm điều hành đô thị thông minh IOC (Trung tâm IOC) và thí điểm các dịch vụ đô thị thông minh. Trung tâm IOC là đầu mối tổng hợp các nguồn thông tin của thành phố trên các lĩnh vực, giúp lãnh đạo thành phố giám sát, điều hành các hoạt động của thành phố, chẳng hạn như hệ thống tổng đài hành chính công 1022 đã giúp cho chính quyền địa phương kịp thời hỗ trợ nhu cầu thông tin của Nhân dân trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19 vừa qua,...

3. Trong phát triển kinh tế số

Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 27/4/2022 về tổ chức thực hiện Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 09/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu Công nghệ thông tin tập trung thành phố Cần Thơ để tổ chức thực hiện nhanh dự án đầu tư xây dựng Khu CNTT tập trung thành phố Cần Thơ. Thành phố đã ban hành Quyết định phê duyệt danh mục ngành, nghề ưu tiên đầu tư vào Khu Công nghệ thông tin tập trung thành phố Cần Thơ. Ngoài ra, thành phố có Khu Tổ

hợp công viên phần mềm Đại học FPT với 03 doanh nghiệp đang hoạt động trong khu (Đại học FPT, THPT FPT và Fsoft).

Về phát triển doanh nghiệp công nghệ số thành phố Cần Thơ đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, thành phố đã có Kế hoạch số 139/KH-UBND ngày 22/6/2022 nhằm phát triển số lượng doanh nghiệp công nghệ số với các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số hiện đại.

Thành phố đang triển khai Chương trình số 05/CTr-UBND ngày 17/02/2022 về phát triển thương mại điện tử thành phố Cần Thơ năm 2022. Hướng dẫn người dân tạo tài khoản, viết bài, chụp hình, xây dựng các video quảng bá về sản phẩm, dịch vụ để đăng trên các sàn thương mại điện tử, trên các mạng xã hội. 100% doanh nghiệp đã triển khai sử dụng hóa đơn điện tử; 100% doanh nghiệp nộp thuế, kê khai thuế qua mạng từ ngày 01/7/2022.

4. Trong phát triển xã hội số

Thanh toán điện tử không dùng tiền mặt được đẩy mạnh với việc thanh toán tiền điện, tiền nước, thanh toán học phí, viện phí, triển khai mô hình chợ 4.0 (đã triển khai được 07 chợ)... các dịch vụ số trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại, du lịch cũng từng bước phát triển,... Hiện tại, một số đơn vị đã được triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile Money).

Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số: Thành phố Cần Thơ có 07 trường đại học trong đó có 06 trường có đào tạo về công nghệ thông tin, viễn thông từ đại học trở lên. Vừa qua, Trường Đại học Cần Thơ đã thành lập Trường CNTT&TT và Trường Bách khoa. Hơn 90% cơ quan nhà nước cấp thành phố, cấp quận, huyện có công chức phụ trách công nghệ thông tin.

5. Trong phát triển Chuyển đổi số một số lĩnh vực ưu tiên

- *Lĩnh vực y tế*: Triển khai thanh toán viện phí không dùng tiền mặt và khám chữa bệnh trực tuyến; phần mềm quản lý khám, chữa bệnh; hệ thống hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân cho khoảng 82% dân số thành phố.

- *Lĩnh vực giáo dục và đào tạo*: Triển khai kho học liệu số toàn ngành, bài giảng điện tử E-learning; sử dụng phần mềm quản lý học sinh SMAS; 100% học sinh có hồ sơ số về việc học tập cá nhân; 100% cơ sở đào tạo triển khai thanh toán học phí không dùng tiền mặt.

- *Lĩnh vực tài chính - ngân hàng*: Đến tháng 06/2022, trên địa bàn thành phố Cần Thơ được lắp đặt 391 máy ATM, 6.160 chiếc POS/EFTPOS và 4.823 đơn vị

chấp nhận thẻ, tính đến cuối năm 2021 có 919.167 người trên 15 tuổi mở tài khoản tại ngân hàng và 1.517.748 tài khoản giao dịch thanh toán.

- *Lĩnh vực nông nghiệp*: Triển khai Cổng thông tin kết nối tiêu thụ nông sản cho một số sản phẩm chủ lực của thành phố, đến nay có: 43 Doanh nghiệp đăng ký; triển khai phần mềm truy xuất nguồn gốc với 232 sản phẩm được đăng tải.

- *Lĩnh vực giao thông vận tải và logistics*: Tiếp tục theo dõi các hệ thống camera giao thông đã lắp đặt; đang lập dự án Hệ thống giao thông thông minh (ITS).

- *Lĩnh vực tài nguyên và môi trường*: Cổng dữ liệu nền tảng quy hoạch không gian thành phố đang vận hành thử nghiệm tại địa chỉ <https://gis.cantho.gov.vn/> với một số ứng dụng như Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, Tra cứu thông tin địa chính, Thông tin quy hoạch sử dụng đất, Thông tin quy hoạch xây dựng; về xây dựng, tích hợp cơ sở dữ liệu đất đai: Cơ sở dữ liệu địa chính huyện Vĩnh Thạnh, quận Ô Môn đang thực hiện chuyển đổi từ phần mềm VILIS sang hệ thống Quản lý đất đai VBDLIS và tích hợp vào cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia.

- *Lĩnh vực du lịch*: Cổng thông tin du lịch thông minh, Ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động, Tích hợp bản đồ số du lịch và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành du lịch và hệ thống phân tích phản hồi về du lịch Cần Thơ từ khách du lịch.

- *Lĩnh vực thuế*: Triển khai thuế điện tử cho thiết bị di động eTax mobile cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp; triển khai hóa đơn điện tử, từ ngày 01/7, 100% doanh nghiệp, hộ kê khai cũng đã sử dụng hóa đơn điện tử.

- *Lĩnh vực an ninh trật tự*: Triển khai các hệ thống camera giám sát an ninh trật tự trên địa bàn; 4/9 quận, huyện có hệ thống Trung tâm giám sát an ninh trật tự gồm: Bình Thủy, Thốt Nốt, Cái Răng và Phong Điền với tổng số 552 đầu camera; 80/83 xã, phường, thị trấn triển khai mô hình “Camera phòng, chống tội phạm” với trên 3.500 đầu camera phòng chống tội phạm...

II. NHỮNG HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN

- *Chính quyền số*: Một số chỉ tiêu chưa đạt yêu cầu như chỉ tiêu số hóa thủ tục hành chính (đạt 19%), tỷ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến còn thấp (đạt 18%),...; một số nhiệm vụ trong kế hoạch chuyển đổi số, các dự án, hạng mục trong đề án đô thị thông minh chậm triển khai.

- *Kinh tế số*: Đa số doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn thuộc loại hình nhỏ và siêu nhỏ, các doanh nghiệp chưa quan tâm nhiều đến việc chuyển đổi số, chưa có cơ chế, chính sách hỗ trợ thiết thực và thường xuyên cho doanh nghiệp vừa và

nhỏ tham gia chuyển đổi số. Hoạt động quản lý thương mại điện tử, công tác tuyên truyền và thu thuế của các cơ quan chức năng còn gặp nhiều khó khăn do các cá nhân có thể dễ dàng tự thiết lập và sử dụng nhiều tài khoản đăng nhập vào các trang mạng Facebook, Zalo,... không khai báo hoặc đăng ký thông tin địa điểm kinh doanh mua bán.

- Xã hội số: Điều kiện tiếp cận công nghệ số, kỹ năng số của bộ phận người dân vùng nông thôn còn hạn chế, nhất là việc tiếp cận sử dụng các dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan nhà nước còn thấp, vẫn có thói quen sử dụng tiền mặt (chưa có ký số, thiết bị di động thông minh, tài khoản thanh toán điện tử,...).

- Chuyển đổi số một số lĩnh vực ưu tiên còn chậm triển khai, do chưa có cơ chế cụ thể để ưu tiên tài chính ngân sách, huy động nguồn lực đảm bảo cho triển khai nên ảnh hưởng đến việc triển khai các hoạt động, dự án.

- Nguồn nhân lực còn thiếu và yếu, nguồn lực (nhân lực, tài chính) triển khai chính quyền số, kinh tế số, xã hội số còn hạn chế.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHUYỂN ĐỔI SỐ THÀNH PHỐ CẦN THƠ TRONG THỜI GIAN TỚI GÓP PHẦN THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức chuyển đổi số

Tổ chức phát động phong trào thi đua chuyển đổi số theo Kế hoạch số 140/KH-UBND của UBND thành phố. Tổ chức sơ kết, tổng kết, xét chọn biểu dương, tôn vinh, khen thưởng các gương điển hình tiên tiến, nhân rộng mô hình tốt, cách làm hay, sáng kiến có giá trị cách làm đột phá, sáng tạo trong chuyển đổi số.

Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức, tập huấn chuyển đổi số theo Kế hoạch số 104/KH-UBND của UBND thành phố. Tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị, tập huấn về chuyển đổi số. Tổ chức sự kiện “Ngày Chuyển đổi số” của thành phố trong tháng 10. Cập nhật chuyên trang thông tin điện tử về Chuyển đổi số thành phố.

Xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số thành phố

Chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, tích hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến thiết yếu phục vụ người dân và doanh nghiệp trên cơ sở sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính.

Nghiên cứu tham mưu có chính sách giảm phí, lệ phí khi sử dụng dịch vụ công

trực tuyến, chính sách giảm thời gian khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến để khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tham mưu chính sách đãi ngộ lãnh đạo, công chức, viên chức phụ trách CNTT cũng như chuyển đổi số; cơ chế ưu tiên bố trí ngân sách đảm bảo chi cho chuyển đổi số của thành phố trong tổng chi ngân sách hàng năm.

Tập huấn đào tạo kỹ năng số, phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số

Tổ chức đào tạo, tập huấn, cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, công nghệ số, công nghệ 4.0 cho lãnh đạo và cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan thành phố, đặc biệt là tổ chức tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng để hướng dẫn người dân tham gia dịch vụ công trực tuyến, các dịch vụ số thiết yếu khác.

Triển khai các nền tảng số để thúc đẩy chuyển đổi số nhanh hơn, giảm chi phí, tăng hiệu quả

Đối với các sở chuyên ngành, nhất là các sở, ngành có lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số triển khai các nền tảng số theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố giao và bộ, ngành chỉ đạo, cũng như hỗ trợ, hướng dẫn cho các quận huyện thực hiện để có hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí. Đối với các sở, ngành được Ủy ban nhân dân thành phố phân công làm chủ đầu tư các dự án, hạng mục trong Đề án phát triển đô thị thông minh, Kế hoạch Chuyển đổi số của thành phố khẩn trương tổ chức lập báo cáo chủ trương đầu tư trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phát triển chính quyền số, tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến

Đẩy mạnh việc giao dịch thanh toán trực tuyến; tăng cường công tác tuyên truyền thực hiện dịch vụ công trực tuyến, tập trung thực hiện đạt tỷ lệ chỉ tiêu giải quyết hồ sơ trực tuyến đã được Ủy ban nhân dân thành phố giao đến từng cơ quan, đơn vị. Trong đó ưu tiên đối với 25 dịch vụ công thiết yếu và các thủ tục hành chính theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022. Nhân rộng Mô hình điểm tuyên truyền sử dụng dịch vụ công trực tuyến tại một số nhà văn hóa, chung cư, khu dân cư,...

Phát triển kinh tế số

Tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 27/4/2022 để sớm hình thành đưa vào hoạt động Khu CNTT tập trung thành phố, thu hút doanh nghiệp công nghệ số. Triển khai Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

Triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuyển đổi

số thành phố Cần Thơ; đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trên địa bàn thành phố. Các cấp, các ngành quan tâm thúc đẩy phát triển kinh tế số của ngành, lĩnh vực, địa phương mình, trong đó quan tâm xây dựng một số hình mẫu phát triển kinh tế số trong một số lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp chế biến, du lịch, thương mại, và logistics theo gợi ý nhóm chuyên gia tư vấn chuyển đổi số.

Phát triển xã hội số

Hỗ trợ người dân có điều kiện tiếp cận dịch vụ công, chuyển đổi số, trong đó chú trọng triển khai chương trình viễn thông công ích thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông thông di động (4G) cho đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo và gia đình chính sách xã hội theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Triển khai các hoạt động hỗ trợ, tuyên truyền người dân có tài khoản thanh toán điện tử.

Nâng cấp, hoàn thiện ứng dụng “Cần Thơ Smart City” như một nền tảng di động cung cấp đa dịch vụ, tiện ích phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Xây dựng các mô hình xã hội số như: Mô hình khu phố số (hay khu phố thông minh), Mô hình nông thôn mới thông minh.

Tiếp tục tập trung triển khai chuyển đổi số một số lĩnh vực ngành ưu tiên.

CÂU CHUYỆN NGƯỜI DÂN THÁI NGUYÊN ĐI CHỢ THỜI 4.0

Đồng chí Nguyễn Xuân Hòa

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên hiện có 139 chợ truyền thống trên địa bàn. Theo khảo sát của các ngành chức năng, không chỉ người dân ở khu vực nông thôn, miền núi, vùng cao mà cả người dân các đô thị vẫn có thói quen sử dụng tiền mặt khi đi chợ. Ngoài việc không thuận tiện, thói quen dùng tiền mặt còn tiềm ẩn nguy cơ rủi ro, mất mát lớn, làm hạn chế cho việc phát triển thanh toán số trên địa bàn.

Từ thực tế đó, cùng với thực hiện chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2025. Thực hiện Kế hoạch trên, tháng 4/2022, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên đã phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ và một số đơn vị thí điểm mô hình Chợ 4.0 tại chợ trung tâm huyện Đại Từ. Đây là khu chợ đầu tiên trên địa bàn Thái Nguyên thí điểm trở thành “khu chợ số” với nền tảng là Mobile Money - dịch vụ cho phép người dân mua bán, chuyển tiền, thanh toán không tiền mặt một cách dễ dàng, nhanh chóng.

Một số tiện ích Chợ 4.0 mang lại đó là: *Người dân sử dụng phương thức thanh toán không tiền mặt thông qua ứng dụng hoặc thẻ của ngân hàng, giúp cho quá trình giao dịch an toàn hơn, giúp người dân tiết kiệm thời gian, chi phí đi lại, tốc độ thanh toán nhanh, xác thực một cách dễ dàng và linh hoạt; đồng thời hạn chế việc bị trộm cướp tài sản, tiền giả. Không những thế, việc thanh toán không dùng tiền mặt thông qua mã QR, ví điện tử, thẻ tín dụng, ... đều an toàn bởi hầu hết chúng được bảo vệ qua hệ thống ngân hàng thông qua vân tay, nhận dạng khuôn mặt, mã OTP,...*

Từ mô hình Chợ 4.0 tại chợ trung tâm huyện Đại Từ, Thái Nguyên đã triển khai mở rộng mô hình chợ 4.0 tại 11 chợ truyền thống khác trên địa bàn TP. Thái Nguyên, TP. Phổ Yên, huyện Đại Từ và huyện Phú Lương. Với sự vào cuộc quyết liệt của các ngành, đơn vị chức năng, Chợ 4.0 đã nhận được sự hưởng ứng tích cực của các tiểu thương và người dân Thái Nguyên. Theo thống kê của chúng tôi, tại 11 chợ đã triển khai, đã có 70% tiểu thương tạo mã QR Code phục vụ thanh toán không dùng tiền mặt và 1 nửa trong số đó đã có phát sinh giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt.

Riêng chợ trung tâm huyện Đại Từ - điểm chợ 4.0 được làm thí điểm đầu tiên, đã có hơn 300 tiểu thương tạo QR Code phục vụ thanh toán không tiền mặt, chiếm tỷ lệ 80% tiểu thương trong chợ. Trong đó, có 200 tiểu thương tham gia tích cực, phát sinh 2.900 giao dịch/tháng với dòng tiền khoảng 3,3 tỷ đồng.

Những kết quả đó đã củng cố niềm tin và giúp chúng tôi khẳng định hướng đi đúng đắn, hiệu quả. Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 20/10/2022 về việc triển khai nhân rộng mô hình chợ 4.0 - chợ thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Đây là một trong những nội dung trọng tâm, quan trọng, hiện thực cụ thể hóa Nghị quyết số 01-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về Chương trình chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng tới năm 2030.

Trước mắt, chúng tôi đặt mục tiêu đến hết năm 2022, toàn tỉnh có tối thiểu 60/139 chợ 4.0. Tại các chợ trong phạm vi triển khai sẽ có 100% các tiểu thương, hộ kinh doanh được trang bị quét mã QR thanh toán không dùng tiền mặt và mỗi chợ đưa được tối thiểu 01 sản phẩm đặc trưng lên sàn thương mại điện tử; 100% các chợ theo danh sách đăng ký thực hiện thu các khoản thu (tiền điện, thuê vị trí,...) bằng hình thức không dùng tiền mặt.

Trong thời gian tới, tỉnh Thái Nguyên sẽ tiếp tục triển khai một số giải pháp nâng cao hiệu quả mô hình chợ 4.0 như: Tăng cường tuyên truyền cho nhân dân về các lợi ích của thanh toán không dùng tiền mặt. Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hướng dẫn, vận động người dân sử dụng, cài đặt nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt. Áp dụng các hình thức thanh toán điện tử thuận tiện cho các dịch vụ công ích, an sinh xã hội, y tế, giáo dục, hộ tịch,... để tạo thói quen cho người dân, đồng thời các đơn vị cung cấp dịch vụ cần có các chính sách ưu đãi khuyến khích người dân sử dụng nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt.

Thái Nguyên kỳ vọng triển khai mô hình Chợ 4.0 sẽ từng bước mở ra một kỷ nguyên mới với làn sóng chuyển đổi số cùng các mô hình 4.0 hiện đại như mô hình khu ẩm thực 4.0 hay bãi gửi xe 4.0,... là giải pháp đưa công nghệ số len lỏi vào góc ngách cuộc sống của người dân một cách gần gũi, thiết thực và hiệu quả nhất, từ đó thúc đẩy nền kinh tế phi tiền mặt, phát triển kinh tế số và xã hội số.

Trên đây là câu chuyện chia sẻ cách làm hay trong quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Thái Nguyên trân trọng cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông trong thời gian qua. Trong những năm tiếp theo, Thái Nguyên mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ các câu chuyện, cách làm và kinh nghiệm hay trong chuyển đổi số của Bộ Thông tin và Truyền thông các các tỉnh, thành phố trên cả nước.

VỀ TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM NỀN TẢNG QUỐC GIA VỀ HỌP TRỰC TUYẾN VNPT GOMEET TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*Đồng chí Nguyễn Minh Thảo
Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bình Định*

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra trên toàn thế giới, tác động mạnh mẽ đến toàn bộ các hoạt động kinh tế, xã hội, văn hóa, các lĩnh vực đời sống, thay đổi thói quen của con người. Chuyển đổi số được coi là xu hướng tất yếu, đóng vai trò rất quan trọng trong cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Đảng và Nhà nước ta đã có những chủ trương, chính sách nhằm tận dụng cơ hội, chủ động và tích cực tham gia cuộc cách mạng này. Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 749/QĐ-TTg “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 nhằm mục tiêu kép là vừa phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu. Theo đó Chính phủ khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam nghiên cứu, đầu tư các nền tảng có khả năng triển khai dùng chung, rộng khắp. Các nền tảng số giúp đẩy nhanh việc hoàn thiện giải pháp và sản phẩm đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số quốc gia. Năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quyết định số 186/QĐ-BTTTT phê duyệt chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Trong đó nền tảng cung cấp dịch vụ họp trực tuyến cho phép nhiều người tham gia họp trên môi trường mạng, hỗ trợ đa nền tảng, thiết bị; các tính năng cần thiết của cuộc họp như: đặt lịch, nhắc lịch, chia sẻ tài liệu, chia sẻ màn hình, chia sẻ video trực tuyến, quản lý, điều hành cuộc họp, biểu quyết,... Quá trình thúc đẩy nền tảng số quốc gia về họp trực tuyến, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thẩm định và đưa vào thí điểm sử dụng 02 nền tảng họp trực tuyến Make in Vietnam gồm GoMeet của Tập đoàn VNPT và MobiFone Meeting của Tổng Công ty MobiFone.

Nhận thấy nền tảng họp trực tuyến là hết sức cần thiết, Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ động tham mưu đề xuất cho Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thí điểm tại Bình Định. Yêu cầu của Tỉnh về hệ thống họp trực tuyến cần đáp ứng cung cấp 2000 tài khoản người dùng, 50 phiên họp đồng thời và mỗi phòng họp tối đa là 500 điểm cầu tham dự. Đại diện tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã tổ chức làm việc và thống nhất kế hoạch cụ thể triển khai thí điểm với Cục Bưu điện Trung

ương là đơn vị chủ trì, thúc đẩy nền tảng họp trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông. Căn cứ trên cơ sở yêu cầu thực tế tại Bình Định và khả năng đáp ứng của hệ thống, Sở Thông tin và Truyền thông đã tiến hành lựa chọn nền tảng GoMeet của Tập đoàn VNPT. Sau đó Sở đã lên phương án, tổ chức đào tạo hướng dẫn đến cán bộ kỹ thuật cấp huyện, sở và 159 xã trên toàn Tỉnh. Tiến hành cung cấp tài khoản quản trị và người dùng hệ thống GoMeet cho các đơn vị trong toàn tỉnh. Thông tin triển khai thực tế thí điểm sử dụng nền tảng đến thời điểm hiện tại đã tạo 36 tài khoản admin cho cán bộ kỹ thuật quản trị, 61 tài khoản người dùng cho các đơn vị sử dụng. Ngoài ra, hệ thống cho phép các điểm cầu dạng khách (Guest) tham gia khi có đường link mời vào phiên họp. Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ trì vận hành, tổ chức 24 phiên họp trong toàn tỉnh và số lượng điểm cầu tham dự phiên lớn nhất ghi nhận là 160 điểm cầu. Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá sơ bộ nền tảng GoMeet và quá trình thí điểm:

Về hệ thống kết nối

Đáp ứng yêu cầu về chất lượng âm thanh, hình ảnh, các kịch bản phiên họp. Cho trải nghiệm người dùng trực quan, dễ thao tác vận hành và sử dụng. Nền tảng đảm bảo yêu cầu về an toàn thông tin theo cấp độ về hạ tầng kỹ thuật, lưu trữ, khai thác thông tin, dữ liệu người dùng theo quy định.

Về mở rộng phạm vi sử dụng

Có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến,... tại tỉnh Bình Định.

Về quá trình thí điểm thực tế

Các đơn vị tham gia thí điểm tích cực nền tảng họp trực tuyến trong xử lý công việc như: Các phiên họp đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, chính trị,... và các cuộc họp hiện nay đa phần thiết lập cho phép người dùng dạng khách không cần đăng nhập có thể tham gia. Tuy nhiên, việc tạo tài khoản người dùng ở các đơn vị vẫn chưa nhiều (tài khoản người dùng thường được tạo cho mỗi phòng, ban, đơn vị 01 tài khoản).

Các quan điểm tham mưu, định hướng của Sở Thông tin và Truyền thông cho lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh về định hướng sử dụng nền tảng họp trực tuyến Make in Vietnam hoàn toàn có thể đáp ứng tốt nhu cầu người dùng nếu được sử dụng, góp ý để hoàn thiện sản phẩm. Nền tảng Việt Nam phục vụ người Việt Nam sẽ nhanh hơn, tốt hơn, vì chỉ sử dụng băng thông kết nối trong nước. Nền tảng Việt Nam được tùy

biến để tăng cường an toàn, bảo mật. Cơ quan, tổ chức có thể linh hoạt triển khai trên hạ tầng của chính mình và tự mình kiểm soát, không sợ bị lộ, lọt thông tin cho bên thứ ba mà mình không kiểm soát được. Cơ quan, tổ chức có thể chủ động phát triển hoặc thuê phát triển tiếp, “may đo” phục vụ nhu cầu của riêng mình.

Từ những định hướng và mục tiêu sử dụng nền tảng họp trực tuyến Make in Vietnam, Sở Thông tin và Truyền thông Bình Định sẽ cụ thể hóa bằng các chương trình hành động, đưa vào chương trình, kế hoạch công tác năm 2023 và các giai đoạn tiếp theo.

Trong thời gian tới, Sở Thông tin và Truyền thông Bình Định kiến nghị đề xuất với Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục quan tâm tạo điều kiện để Sở tổ chức hướng dẫn và đôn đốc các đơn vị khác trong Tỉnh sử dụng nền tảng. Bộ Thông tin và Truyền thông sớm công bố các nền tảng số quốc gia Make in Vietnam về họp trực tuyến.

IV. LĨNH VỰC AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG

TÌNH HÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN MẠNG NĂM 2022 VÀ ĐỊNH HƯỚNG MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI NĂM 2023

*Đồng chí Trần Đăng Khoa
Phó Cục trưởng Cục An toàn thông tin*

1. Tình hình an toàn thông tin mạng Việt Nam năm 2022

- Lần đầu tiên tại Việt Nam, Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia được ban hành theo quy định của Luật. Chiến lược thể hiện rõ quan điểm an toàn, an ninh mạng là trọng tâm của quá trình chuyển đổi số, trụ cột quan trọng tạo lập niềm tin số để phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Đội tuyển Việt Nam đã xuất sắc vượt qua các đội từ 9 quốc gia Đông Nam Á khác để giành giải nhất cuộc thi Cyber SEA Game 2022 được tổ chức vào ngày 10/11/2022 tại Bangkok, Thái Lan. 4 thành viên thuộc đội tuyển do Bộ Thông tin và Truyền thông, Hiệp hội An toàn thông tin Việt Nam lựa chọn đều là những sinh viên rất trẻ sinh năm 2001, 2002, 2003.

Trong 08 lần tham dự từ năm 2015 đến nay, Việt Nam đã 02 lần giành giải Nhất 02 lần, 03 lần giải Nhì, 02 lần giải Ba.

- Số lượng địa chỉ IP Botnet trung bình đã giảm liên tiếp trong những năm vừa qua. Hiện nay, số lượng địa chỉ IP Botnet trung bình đã giảm xuống dưới 500.000 địa chỉ/tháng (479.115 địa chỉ/tháng), giảm gần 50% so với năm 2021.

Tìm và xử lý tận gốc vấn đề là phương pháp hiệu quả nhất: Thay vì chỉ phát động các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân thực hiện rà soát, bóc gỡ mã độc trên thiết bị đầu cuối, Chiến dịch làm sạch mã độc trên không gian mạng năm 2022 đã tìm ra một hướng làm mới là truy tìm và xử lý ngăn chặn triệt để truy cập tới 76 website chuyên phát tán mã độc và Chặn kết nối đến 915 địa chỉ máy chủ điều khiển các mạng botnet tại Việt Nam. Do nguồn phát tán mã độc bị ngăn chặn nên tình hình lây nhiễm mã độc đã giảm đi đáng kể.

- Tấn công mạng vào các hệ thống thông tin Việt Nam vẫn là điểm đáng lưu ý qua các năm. Từ đầu năm đến nay, Cục An toàn thông tin đã ghi nhận, cảnh báo và hướng dẫn xử lý 11.213 cuộc tấn công mạng gây ra sự cố vào các hệ thống thông tin tại Việt Nam (3.930 cuộc Phishing, 1.524 cuộc Deface, 5.759 cuộc Malware).

Số cuộc tấn công mạng tăng 44,2% so với cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, có một hiện trạng đáng lưu ý là mặc dù nhận được cảnh báo về tấn công mạng hoặc các cảnh báo về điểm yếu, lỗ hổng từ Cục An toàn thông tin, nhưng vẫn rất nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chưa quan tâm xử lý hoặc cập nhật bản vá để giảm thiểu rủi ro. Đây là vấn đề về nhận thức và trách nhiệm.

- Hành vi lừa đảo trực tuyến trên không gian mạng trong thời gian qua trở nên phổ biến hơn. Bằng nhiều thủ đoạn tinh vi, phức tạp, đối tượng lừa đảo đã thu thập trái phép thông tin cá nhân của người dân hoặc giả mạo các tổ chức tài chính, ngân hàng để lừa đảo chiếm đoạt tiền.

Theo thống kê của Cục An toàn thông tin, các hình thức lừa đảo trực tuyến chủ yếu là: giả mạo thương hiệu (72,6%), giả mạo chiếm đoạt tài khoản trực tuyến (11,4%), hình thức khác (16%) như lừa đảo trúng thưởng, việc làm online, app cho vay...

Hình thức chủ yếu: Lập website/blog giả mạo, thư điện tử giả mạo, giả mạo cá nhân qua tài khoản trực tuyến.

Người dân Việt Nam dùng Internet nhiều (trung bình 7 tiếng/ngày). Một số người nhẹ dạ, cả tin. Nhận thức về an toàn thông tin của người dân còn hạn chế. Nhiều người ham trúng thưởng, khuyến mại. Vì vậy, rất nhiều người mắc phải bẫy lừa đảo trực tuyến.

Năm 2022, một trong những mục tiêu chính của lĩnh vực an toàn thông tin là bảo vệ người dân trên không gian mạng. Vì vậy, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo quyết liệt để thực hiện các biện pháp bảo vệ người dân trên không gian mạng. Từ đầu năm đến nay, Cục An toàn thông tin đã điều phối ngăn chặn 2.328 website lừa đảo, vi phạm pháp luật. Trong đó, có 1.342 trang website lừa đảo trực tuyến, 986 trang web/blog vi phạm pháp luật. Bảo vệ 4,33 triệu người dân (tương đương 6,8% người dùng Internet Việt Nam) không truy cập website lừa đảo.

Cục cũng cung cấp công cụ tra cứu xác minh lừa đảo trực tuyến trên Cổng khonggianmang.vn. Tất cả các tổ chức, cá nhân có thể truy cập để tra cứu hoặc phản ánh lừa đảo trực tuyến.

- Việc tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng vẫn chưa được chú trọng. Đặc biệt là tuân thủ quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Mặc dù Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ thị, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tích cực đôn đốc, hướng dẫn nhưng đến nay, tỷ lệ hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức nhà nước được phê duyệt cấp độ vẫn còn thấp.

Hiện nay, các cơ quan, tổ chức nhà nước trên cả nước hiện có 3.029 hệ thống thông tin. Tuy nhiên, mới chỉ có 1.661 hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ, chiếm tỷ lệ 54,8%. Tăng 24,8% so với tỷ lệ 30% của năm 2021.

Đáng chú ý, vẫn còn 9 bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và 12 địa phương có tỷ lệ phê duyệt cấp độ thấp hơn 10%.

Hầu hết các bộ, ngành, địa phương chưa triển khai đầy đủ 100% quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

2. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

Cục An toàn thông tin xác định một số nhiệm vụ trọng tâm mà lĩnh vực an toàn thông tin cần chú trọng trong năm 2023 như sau:

- Bảo vệ sự thịnh vượng của Việt Nam trên không gian mạng, đồng nghĩa chúng ta cần phải bảo vệ hơn 3.000 hệ thống thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước, hoạt động trên không gian mạng của 100 triệu người dân, gần 1 triệu doanh nghiệp, 5 triệu hộ kinh doanh cá thể, 26 triệu hộ gia đình, 14.000 cơ sở y tế, 44.000 trường học...

Không một lực lượng đơn lẻ nào có thể làm hết được khối lượng công việc khổng lồ này. Vì vậy, bảo đảm an toàn không gian mạng và an toàn cho các tổ chức, người dân trên không gian mạng là trách nhiệm phải chủ động vào cuộc của tất cả các ngành, các cấp. Nguyên tắc là “thực sao ảo vậy”. Tức là cơ quan quản lý lĩnh vực nào trong đời thực thì cũng có trách nhiệm quản lý nội dung đó trên không gian mạng.

Cục An toàn thông tin trân trọng đề nghị các đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh cần nắm rõ nguyên tắc này để tham mưu đúng, đủ cho các ngành, các cấp trong công tác quản lý về thông tin và truyền thông cũng như các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác.

- Trải qua vài năm triển khai hoạt động an toàn thông tin trong cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đã đến lúc, chúng ta không thể lấy nguyên nhân là còn bỡ ngỡ, chưa nắm rõ các quy định về an toàn thông tin để triển khai.

Cục An toàn thông tin đề xuất năm 2023 là năm nêu cao kỷ cương, tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng theo đúng nhiệm vụ được đề ra tại Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia.

- Với tinh thần này, Cục An toàn thông tin sẽ xây dựng, trình Lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Cục An toàn thông tin trân trọng đề nghị các đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh tham mưu cho các bộ, ngành, địa phương theo tinh thần này. Đối với các hệ thống thông tin, cần:

+ Hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin cho 100% hệ thống thông tin trong Quý I/2023.

+ Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ cho các hệ thống thông tin đang vận hành muộn nhất trong Quý III/2023.

+ Từ 01/01/2024, cho dừng vận hành các hệ thống thông tin không đáp ứng đầy đủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin.

- Năm 2022, theo thống kê của Cục An toàn thông tin thì chỉ có một vài địa phương tổ chức kiểm tra công tác bảo đảm an toàn thông tin. Trong năm 2023, các đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh cần tham mưu cho cơ quan chủ quản tổ chức các đoàn kiểm tra về an toàn thông tin đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý. Cục khuyến nghị 100% đơn vị chuyên trách, Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức đoàn kiểm tra trong năm 2023. Có như vậy, hoạt động bảo đảm an toàn thông tin mới ngày càng trở nên quy củ, hiệu quả.

- Năm 2023 dự kiến sẽ được đề xuất là năm chủ đề về dữ liệu số. Dữ liệu, thông tin cá nhân càng được tạo ra nhiều thì nguy cơ lộ lọt càng lớn. Vì vậy, bảo vệ dữ liệu, bảo vệ thông tin cá nhân càng trở nên quan trọng.

Đối với các tổ chức, nhất là tổ chức có thu thập, lưu trữ, xử lý dữ liệu, thông tin cá nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp viễn thông, bưu chính, mạng xã hội, doanh nghiệp thương mại điện tử. Cục An toàn thông tin khuyến nghị tổ chức cần tuân thủ đầy đủ quy định của Luật An toàn thông tin mạng về bảo vệ thông tin cá nhân, triển khai bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Đối với người dùng Internet, vấn đề gốc, cốt lõi nhất là làm sao để người dân có thể chủ động bảo vệ mình trên không gian mạng. Vì vậy, cần nâng cao nhận thức và trang bị kỹ năng an toàn thông tin cho đông đảo người dân. An toàn thông tin là lĩnh vực khó, mang tính kỹ thuật phức tạp. Để đông đảo người dân ý thức, quan tâm đến vấn đề này thì hoạt động tuyên truyền cần phải đáp ứng 04 tiêu chí: “Rộng”, “Thường xuyên”, “Dễ hiểu” và “Ấn tượng”.

Liên minh Tuyên truyền nâng cao nhận thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho người dân trên không gian mạng được Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì thành lập và công bố tại sự kiện Ngày An toàn thông tin Việt Nam là để thực hiện mục tiêu này.

Hoạt động tuyên truyền về an toàn thông tin đòi hỏi chuẩn bị tốt 2 nội dung chính là “nội dung” và “kênh tuyên truyền”. Quan điểm của Cục An toàn thông tin là “xây dựng nội dung tập trung” và “kênh tuyên truyền phân tán”.

“Xây dựng nội dung tập trung” tức là nội dung tuyên truyền sẽ được Liên minh xây dựng, chú trọng vào chất lượng, sau chia sẻ miễn phí cho tất cả các tổ chức, cá nhân. Mỗi tổ chức, cá nhân có thể sử dụng nội dung này để tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các đối tượng của mình mà không mất kinh phí và thời gian để xây dựng nội dung.

“Kênh tuyên truyền phân tán” tức là sử dụng mọi hình thức có thể lan tỏa nội dung tuyên truyền đến đối tượng cần nâng cao nhận thức. Các thành viên Liên minh với lợi thế là các mạng xã hội, doanh nghiệp viễn thông di động, nhà cung cấp trình duyệt sẽ có thể lan tỏa rất tốt tới người dân. Ngoài ra, các cơ quan, đoàn thể (như ngành Giáo dục - Đào tạo, Đoàn Thanh niên, Tổng Liên đoàn lao động...) cũng có thể sử dụng nội dung được chia sẻ để lan tỏa theo các kênh riêng của mình.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Chỉ thị số 60/CT-BTTTT ngày 16/9/2021 về việc tổ chức triển khai diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Năm 2022, Cục An toàn thông tin đã tổ chức 03 cuộc diễn tập thực chiến quy mô quốc gia. Kết quả và hiệu quả của các cuộc diễn tập thực chiến bước đầu cho chúng ta thấy sự đúng đắn và cần thiết của mô hình diễn tập này đối với cả hệ thống thông tin lẫn năng lực của cán bộ an toàn thông tin.

Tuy nhiên, đến nay số lượng bộ, ngành, địa phương tổ chức diễn tập thực chiến chưa nhiều. Năng lực và hoạt động của các Đội Ứng cứu sự cố còn hạn chế.

Năm 2023, Cục An toàn thông tin sẽ đẩy mạnh và mở rộng quy mô các cuộc diễn tập thực chiến. Đồng thời, phát triển nền tảng hỗ trợ điều tra số để các đơn vị chuyên trách, Sở Thông tin và Truyền thông và các thành viên Mạng lưới Ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia có thể sử dụng miễn phí, nâng cao năng lực cho nhân lực và tăng hiệu quả công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, ứng cứu sự cố.

Cục An toàn thông tin khuyến nghị đơn vị chuyên trách, Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu để 100% bộ, ngành, địa phương tổ chức ít nhất 01 cuộc diễn tập thực chiến trong năm 2023; triển khai các hoạt động để kiện toàn và nâng cao năng lực Đội Ứng cứu sự cố theo đúng Chỉ thị số 18/CT-TTg./.

GIẢI PHÁP TÍCH HỢP CHỮ KÝ SỐ TỪ XA VÀO CÁC CÔNG DỊCH VỤ CÔNG

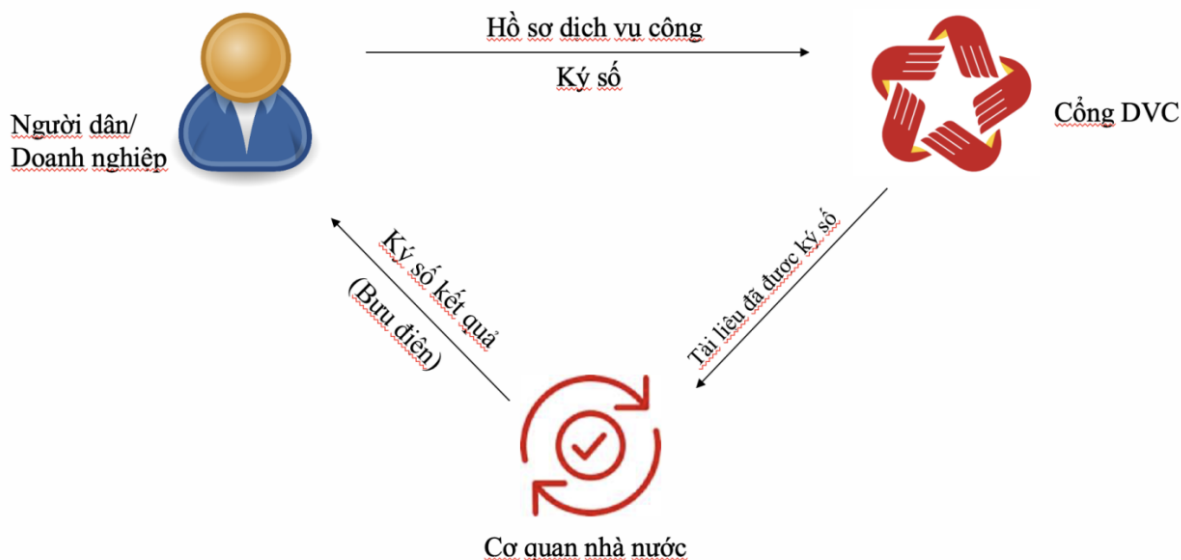
*Đồng chí Tô Thị Thu Hương
Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia (NEAC)*

1. Đặt vấn đề

Từ năm 2021, Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia (NEAC) đã chủ động nghiên cứu, tham vấn các chuyên gia trong và ngoài nước về lĩnh vực ký số từ xa. Đến nay, NEAC đã tham mưu cho Lãnh đạo Bộ cấp phép 06 đơn vị cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số từ xa. Các đơn vị này, về cơ bản, đang cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số đáp ứng được các tiêu chuẩn của châu Âu, nâng cao tính tin cậy của dịch vụ đối với người dân, doanh nghiệp và bên sử dụng kết quả ký số.

Ngày 24/6/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Theo đó, từ ngày 15/8/2022, dịch vụ công trực tuyến chỉ còn 02 mức độ: toàn trình và một phần (thay vì 04 mức độ như trước đây).

Đối với việc áp dụng quy trình toàn trình cho dịch vụ công trực tuyến, việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả đều có thể được thực hiện trên môi trường mạng, từ đó, đặt ra yêu cầu đối với các thủ tục hành chính có yêu cầu người nộp đơn, tài liệu thực hiện dịch vụ công phải ký vào bản giấy thì nay cần phải có giải pháp tương đương trên môi trường mạng. Vì vậy, chữ ký số có thể coi như là một thành tố bắt buộc trong quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến.



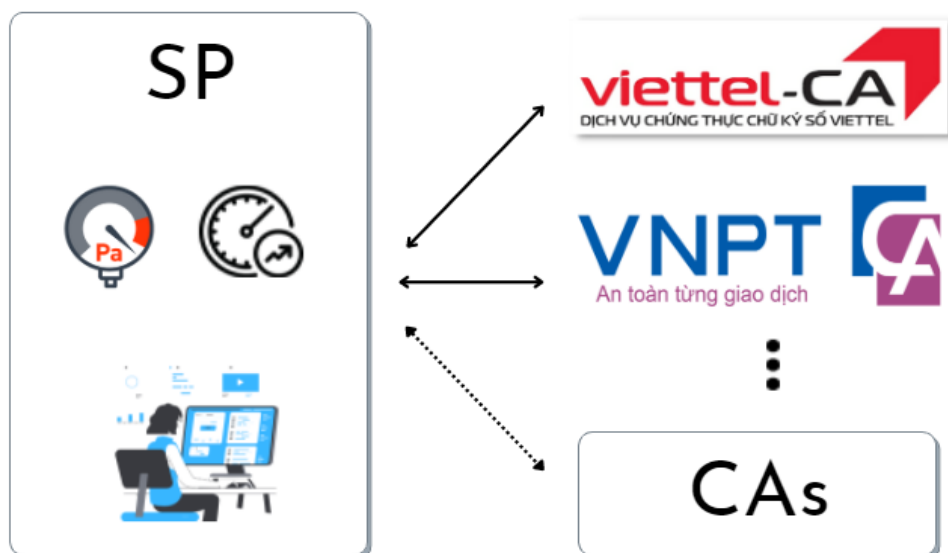
Mô tả quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình

Cùng với sự phát triển của công nghệ, chữ ký số từ xa đem lại rất nhiều ưu điểm cho người sử dụng như không cần phải sử dụng máy tính, đảm bảo an toàn, bảo mật (chỉ người chủ sở hữu thiết bị di động mới có thể thực hiện ký số). Với ước tính 73,5% số lượng người trưởng thành sở hữu smartphone (*Cục Viễn thông*) càng tạo nhiều thuận lợi cho việc thúc đẩy ứng dụng chữ ký số từ xa vào thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

2. Khó khăn, thách thức

Tuy sở hữu nhiều ưu điểm vượt trội, là giải pháp tích cực để thúc đẩy người dân/doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, nhưng ký số từ xa là dịch vụ còn rất mới, kể cả các quốc gia tiên tiến như châu Âu cũng mới đưa dịch vụ này vào triển khai thực tế từ năm 2018. Vì vậy, việc tích hợp chữ ký số từ xa vào các cổng dịch vụ công, cổng tiếp nhận hồ sơ trực tuyến là thách thức không nhỏ đối với các địa phương, bộ, ngành.

Trong thực tế, để kết nối đến 01 tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng (CA) để tích hợp ký số từ xa, các đơn vị quản lý, vận hành cổng cần phải tham khảo, đáp ứng bộ tài liệu hướng dẫn theo hệ thống của CA, thử nghiệm kết nối để triển khai. Việc này trung bình sẽ tốn từ 6 - 8 tuần liên tục, khiến cho việc kết nối đến tất cả các CA trở thành một thách thức to lớn đối với đơn vị quản lý, vận hành cổng.

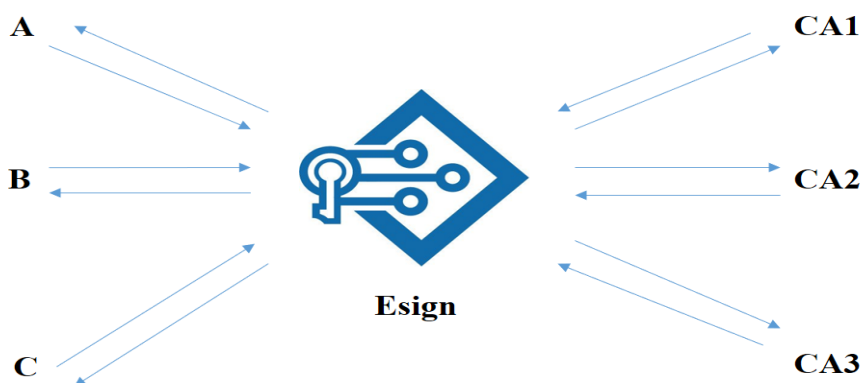


Hiện nay, số lượng CA cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số theo mô hình ký số từ xa mới chỉ phát triển ở 6 đơn vị, trong tương lai, nếu số lượng tăng dần theo thời gian, sẽ phải tiêu tốn rất nhiều thời gian và kinh phí cũng như gây ra sự bất cập khi phải liên tục cập nhật hệ thống.

3. Giải pháp

Dự báo được các khó khăn, thách thức trong việc triển khai cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số từ xa vào các cổng dịch vụ công nói riêng và các dịch vụ có ứng dụng chữ ký số nói chung, NEAC đã chủ động tham mưu và được Lãnh đạo Bộ phê duyệt *Hướng dẫn kết nối ứng dụng sử dụng chữ ký số với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng* đối với hình thức *ký số từ xa* theo Quyết định số 769/QĐ-BTTTT ngày 27/4/2022. Theo đó, việc kết nối từ các hệ thống có nhu cầu ký số từ xa đến các CA được đơn giản hóa thành một tập giao thức thống nhất đối với tất cả các CA.

Tuy nhiên, mặc dù đã được cụ thể hóa nhưng việc tích hợp vẫn cần lặp lại mỗi khi có thêm nhà cung cấp dịch vụ ký số từ xa mới. Từ đó, đặt ra yêu cầu về việc xây dựng một Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số từ xa để tối ưu hóa việc kết nối giữa bên cung cấp dịch vụ trực tuyến và các CA.



Mô hình khung của cổng trung gian kết nối

Theo mô hình nói trên, các bên cung cấp dịch vụ trực tuyến chỉ cần kết nối **MỘT** lần duy nhất đến Cổng kết nối, việc kết nối đến từng CA đã được định nghĩa và xử lý bởi Cổng, từ đó hạn chế tối đa việc phải cập nhật hệ thống do sự biến động của các CA.

Trên thực tế, NEAC đã xây dựng thử nghiệm Cổng kết nối nói trên cùng các thư viện bằng 03 ngôn ngữ chính: C#, Java và PHP để các hệ thống backend chỉ cần gọi đến các thư viện này thì đã có thể kết nối, sử dụng dịch vụ chữ ký số từ xa trên hệ thống của mình.

Đến nay, việc thử nghiệm đang được triển khai tại các cổng dịch vụ công như: Kho bạc nhà nước, tỉnh Yên Bái, tỉnh Thái Nguyên, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh,... và đã kết nối đến 5/6 CA cung cấp dịch vụ chữ ký số từ xa.



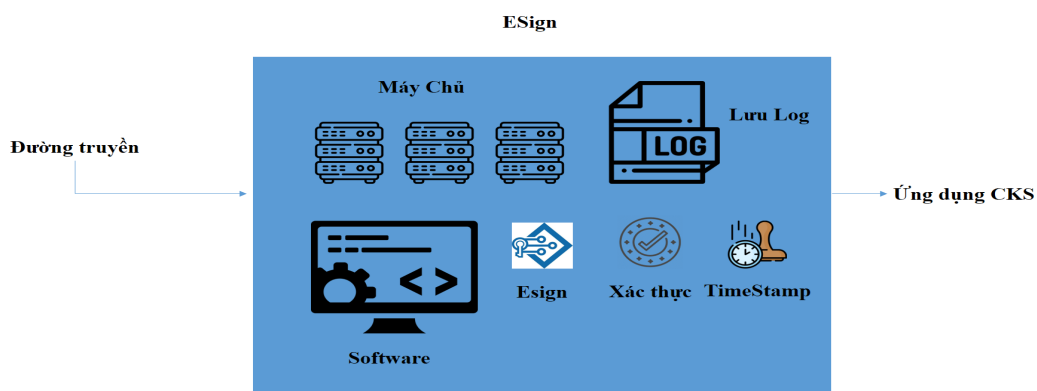
Việc phát triển và triển khai Cổng cũng như các thư viện phần mềm hệ thống đã được các cổng dịch vụ công nhiệt tình tiếp nhận, tiết kiệm được nguồn lực, thời gian

cũng như kinh phí cho các đơn vị vận hành là rất đáng kể. Đến nay, việc thử nghiệm tại một số cổng đã hoàn thành và có thể triển khai lên hệ thống chính thức trong thời gian ngắn.

4. Đề xuất, kiến nghị

Cùng với sự thành công của Cổng kết nối dịch vụ ký số từ xa thử nghiệm kể trên, căn cứ quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ về “Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng do Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng, là hệ thống thông tin kết nối đến các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ.”, NEAC đề xuất Lãnh đạo Bộ xem xét, đồng ý cho nâng cấp Cổng kết nối thử nghiệm thành Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và giao cho NEAC tham mưu, xây dựng.

Ngoài các tính năng về truyền và nhận chữ ký số từ xa, Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng còn phải có chức năng kiểm tra giá trị chữ ký, tính toàn vẹn của văn bản, truyền thông điệp về timestamp cũng như lưu trữ các dữ liệu giao dịch để phục vụ việc đối soát giao dịch khi có xảy ra sự cố.



Mô hình thiết kế Cổng kết nối dịch vụ chứng thực chữ ký số

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ

Ông Hà Thái Bảo

Phó Tổng Giám đốc VNPT-IT, VNPT-CA

1. Hiện trạng của việc giao kết hợp đồng lao động điện tử

- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tính đến tháng 9 năm 2022 cả nước có tổng số 50,5 triệu người trong độ tuổi lao động, tăng 1,5 triệu so với cùng kỳ 2021. Cùng với việc phát triển của Internet, người lao động và doanh nghiệp không chỉ gói gọn ở quy mô làm việc tại 1 nhà máy, 1 tòa nhà văn phòng mà có thể có mặt ở khắp cả nước (Grab, Bee, Freelancer...) dẫn đến nhu cầu của doanh nghiệp và các nhà tuyển dụng trong việc tăng cường sử dụng các phương tiện điện tử trong việc ký kết hợp đồng lao động để có thể: tuyển dụng nhanh chóng, giảm gánh nặng hành chính, quản lý từ xa và hiệu quả tài liệu nhân sự, tiết kiệm chi phí và bảo vệ môi trường...

Cơ sở pháp lý: Luật Giao dịch điện tử năm 2005; Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 130/2018/NĐ-CP; Bộ luật Lao động năm 2019 việc thừa nhận tính pháp lý của Hợp đồng điện tử (HĐgĐT) nói chung và Hợp đồng lao động (HĐgLĐ) điện tử nói riêng đã khá rõ ràng. Tuy nhiên vẫn còn nhiều điểm cần được các cơ quan quản lý nhà nước hướng dẫn và triển khai đồng bộ.

Theo một cuộc khảo sát và nghiên cứu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì mức độ ứng dụng giao kết HĐgLĐ điện tử tại doanh nghiệp vẫn đang mới bắt đầu có xu hướng phát triển từ năm 2021 và chủ yếu mới được áp dụng tại các doanh nghiệp về công nghệ trong khi đó nhu cầu quản lý và số lượng lớn lao động hiện tập trung nhiều ở các ngành nghề khác: dệt may, chế biến,...

- Quy trình giao kết HĐgLĐ điện tử vẫn đang được triển khai dưới dạng mô phỏng lại quy trình giấy của doanh nghiệp. Việc thương thảo chủ yếu được thực hiện bên ngoài quá trình giao kết HĐgĐT chỉ khi đã thống nhất thì các bên mới sử dụng HĐgĐT như một công cụ ký kết.

2. Kinh nghiệm triển khai và giải pháp HĐgLĐ điện tử có sử dụng chữ ký số của VNPT

- Với vai trò là doanh nghiệp tiên phong và dẫn dắt chuyển đổi số quốc gia, VNPT là một trong những doanh nghiệp đầu tiên nghiên cứu và đưa vào triển

khai chính thức dịch vụ Hợp đồng điện tử - VNPT eContract từ năm 2021 với hơn 5.000 doanh nghiệp đã đăng ký sử dụng. Trong đó 20% khách hàng đang sử dụng để ký kết HĐgLD, trong quá trình triển khai ghi nhận nhiều ý kiến của các doanh nghiệp trong quá trình sử dụng.

- Thuận lợi: Thủ tục giao kết mọi lúc mọi nơi, nhanh chóng và thuận tiện; Dễ dàng quản lý, lưu trữ, tra cứu; Tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

- Khó khăn: Thiếu sự công nhận của HĐgĐT nói chung và HĐgLD điện tử nói riêng từ một số cơ quan bên ngoài (BHXH, tòa án...); Chi phí đối với việc sử dụng chữ ký số cao tạo gánh nặng lớn cho doanh nghiệp khi mua chữ ký số trang bị cho người lao động.

Giải pháp eContract và SmartCA của VNPT

- VNPT eContract:

+ Sản phẩm giúp các doanh nghiệp, cá nhân lưu trữ hợp đồng an toàn, tin cậy và minh bạch.

+ Giúp các doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí khi ký hợp đồng.

+ Lưu trữ, tìm kiếm, tra cứu thông tin hồ sơ hợp đồng dịch vụ dễ dàng, thuận tiện.

+ Giúp các doanh nghiệp tiết kiệm chi phí in ấn giấy tờ hợp đồng. Bảo vệ môi trường, tài nguyên.

+ Hệ thống giúp các doanh nghiệp tiết kiệm nguồn lực như nhân lực kiểm soát, quản trị, hành chính đồng thời tăng năng suất lao động.

+ Cung cấp đa dạng dưới nhiều hình thức dịch vụ đáp ứng nhu cầu của mọi khách hàng: Thuê dịch vụ SaaS hoặc giải pháp cài đặt trên hạ tầng của khách.

- VNPT SmartCA:

+ VNPT SmartCA là dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng theo mô hình ký số từ xa. Khi sử dụng dịch vụ, khách hàng có thể thực hiện việc xác thực ký số mọi lúc, mọi nơi, trên mọi thiết bị mà không cần USB Token.

+ Tại Việt Nam, VNPT tự hào là đơn vị đầu tiên được trao giấy phép cung cấp dịch vụ chữ ký số từ xa vào ngày 03/11/2021. Được vận hành và phát triển theo các tiêu chuẩn châu Âu và đạt tiêu chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông, dịch vụ ký số từ xa VNPT mang lại cho người dùng trải nghiệm sử dụng với nhiều tính năng tiện lợi.

+ Tích hợp với đa dạng ứng dụng ký số: Giáo dục, Y tế, Hành chính công, Quản trị doanh nghiệp,...

Cam kết của VNPT khi triển khai cung cấp dịch vụ:

- Đồng hành lâu dài cùng khách hàng, có mặt mọi lúc mọi nơi.
- Cung cấp đa dạng tiện ích phong phú nhờ làm chủ công nghệ.
- Chính sách ưu đãi nhằm thúc đẩy thị trường giao dịch điện tử đến từng công dân.

3. Đề xuất để thúc đẩy Hợp đồng điện tử và chữ ký số

- Về hành lang pháp lý và chấp nhận Hợp đồng điện tử ở mọi lĩnh vực, liên thông dữ liệu giữa các cơ quan quản lý nhà nước.
- Về tuyên truyền thúc đẩy ứng dụng HĐgLD và chữ ký số./.

GIẢI PHÁP SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG TRÊN THIẾT BỊ DI ĐỘNG ĐỂ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Đồng chí Trần Quốc Chính

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Cà Mau

Trong thời đại cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ thông tin được ứng dụng trong hầu hết các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, công nghệ thông tin đã trở thành nền tảng của kinh tế tri thức và là nhân tố then chốt đối với công tác quản lý, phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Chính phủ và chính quyền các cấp mà còn giúp cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp làm việc với cơ quan nhà nước được nhanh chóng và thuận tiện. Qua đó, còn nêu cao tính tiết kiệm và hiệu quả, giảm số lượng văn bản, sao chụp văn bản trong quá trình chỉ đạo, điều hành hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương.

Thời gian qua, tỉnh Cà Mau đã tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4 (nay là toàn trình và một phần) đối với các dịch vụ đủ điều kiện. Người dân và doanh nghiệp có thể thực hiện các thủ tục hành chính trực tuyến trên môi trường mạng thông qua việc sử dụng máy tính, trình duyệt web truy cập vào Cổng dịch vụ công trực tuyến. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, số lượng hồ sơ nộp trực tuyến của người dân và doanh nghiệp chưa nhiều, tỷ lệ thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến còn thấp, hiệu quả triển khai các dịch vụ công trực tuyến chưa đạt như kỳ vọng. Một trong những nguyên nhân chính là do Hệ thống dịch vụ công trực tuyến chưa hỗ trợ cho người sử dụng các tiện ích “Ký số, scan và thao tác trên thiết bị di động”.

Mỗi thủ tục hành chính nói chung hầu hết đều có 2 thành phần chính, đó là mẫu đơn hoặc tờ khai và thành phần hồ sơ liên quan kèm theo, mẫu đơn/tờ khai phải có chữ ký tươi; mà hồ sơ dịch vụ công trực tuyến có giá trị pháp lý khi được ký số.

Các hồ sơ có liên quan kèm theo phải được scan, chứng thực (hiện tại, dịch vụ công “chứng thực bản sao điện tử từ bản chính” đã có tại 9/9 huyện, thành phố, 101/101 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cà Mau).

Theo số liệu thống kê, số hộ gia đình có thiết bị di động nhiều gấp 6 lần số hộ gia đình có máy tính, máy scan. Từ đó cho thấy nếu chỉ sử dụng máy tính, máy scan để thực hiện thủ tục hành chính thì rất hạn chế số người sử dụng.

Vì vậy, vẫn còn những khó khăn nhất định cho người dân và doanh nghiệp khi tham gia thực hiện các thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

Để khắc phục tình trạng nêu trên, Giải pháp Sử dụng Chữ ký số công cộng trên thiết bị di động để thực hiện thủ tục hành chính là một việc làm thiết thực và hết sức cần thiết. Việc triển khai giải pháp này sẽ góp phần thay thế máy tính, máy scan bằng các thiết bị di động thông minh hiện có như điện thoại thông minh, máy tính bảng,... giúp được nhiều người dân và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí, đồng thời góp phần cải thiện tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Cà Mau.

Nội dung của Giải pháp Sử dụng Chữ ký số công cộng trên thiết bị di động để thực hiện thủ tục hành chính, cụ thể như sau:

- Chính quyền: Tích hợp Chữ ký số công cộng trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- Người dân và doanh nghiệp:

+ Đăng ký sử dụng chữ ký số công cộng, hiện tại là miễn phí.

+ Sử dụng Chữ ký số công cộng để thực hiện các thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

Trong quá trình thực hiện giao dịch, người dân và doanh nghiệp không cần in ra các mẫu đơn để ký, scan và để nộp lên hệ thống. Thay vào đó, người sử dụng có thể sử dụng các thiết bị di động có đăng ký Chữ ký số công cộng và tiến hành truy cập vào ứng dụng CaMau-G để thực hiện thủ tục hành chính. Sử dụng chức năng ký số đã được tích hợp sẵn trên hệ thống để ký các mẫu đơn hoặc tờ khai. Đối với hồ sơ đính kèm, người sử dụng có thể sử dụng các file hình ảnh có sẵn để đính kèm hoặc sử dụng các hồ sơ, chứng từ đã được chứng thực trước đó. Đối với hồ sơ đính kèm ở dạng hình ảnh (có sẵn hoặc chụp bởi các thiết bị thông minh khi thực hiện thủ tục), hệ thống hỗ trợ chức năng tự động chuyển đổi từ tập tin dạng hình ảnh sang pdf để tiện cho việc đính kèm trong quá trình thực hiện giao dịch, đồng thời góp phần chuẩn hóa hồ sơ lưu trữ trên hệ thống, phục vụ cho công tác quản lý hồ sơ, tái sử dụng cho người sử dụng ở những lần giao dịch tiếp theo.

Hiện tại, Chữ ký số công cộng chính thức được tích hợp trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Cà Mau và triển khai thí điểm từ tháng 7/2022; việc triển khai sử dụng Chữ ký số công cộng đang trong giai đoạn thử nghiệm, người dân và doanh nghiệp không phải trả chi phí khi sử dụng Chữ ký số công cộng để thực hiện thủ tục hành chính.

Dự kiến trong thời gian tới, khi kết thúc giai đoạn triển khai thử nghiệm, người sử dụng sẽ phải chi trả chi phí sử dụng Chữ ký số công cộng khi thực hiện giao dịch, tuy nhiên, chi phí này không cao (dự kiến khoảng 5.000đ/mỗi chữ ký). Tính năng thanh toán chi phí sử dụng Chữ ký số công cộng sẽ được tích hợp và đồng bộ với các ứng dụng thanh toán trực tuyến hiện có như Mobile Money, nhằm đảm bảo tính tiện lợi cho người dân và doanh nghiệp khi tham gia thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

Giải pháp Sử dụng Chữ ký số công cộng trên thiết bị di động để thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh Cà Mau hứa hẹn sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho người dân và doanh nghiệp. Góp phần tiết kiệm thời gian, giảm chi phí, tăng tính tiện lợi khi thực hiện giao dịch. Đồng thời, tăng hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy nhanh tiến độ xử lý hồ sơ, giảm chi phí, nắm và quản lý được quy trình tiếp nhận và trả kết quả. Ngoài ra, giải pháp có vai trò quan trọng trong việc cải thiện thứ hạng cải cách hành chính của tỉnh Cà Mau./.

TRIỂN KHAI CÔNG TÁC BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA

Đồng chí Đỗ Hữu Quyết

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thanh Hóa

Bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt để chuyển đổi số (CĐS) thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của CĐS. Đặc biệt, khi quá trình CĐS diễn ra nhanh, rộng khắp trên các lĩnh vực cũng đặt ra những thách thức mới về công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

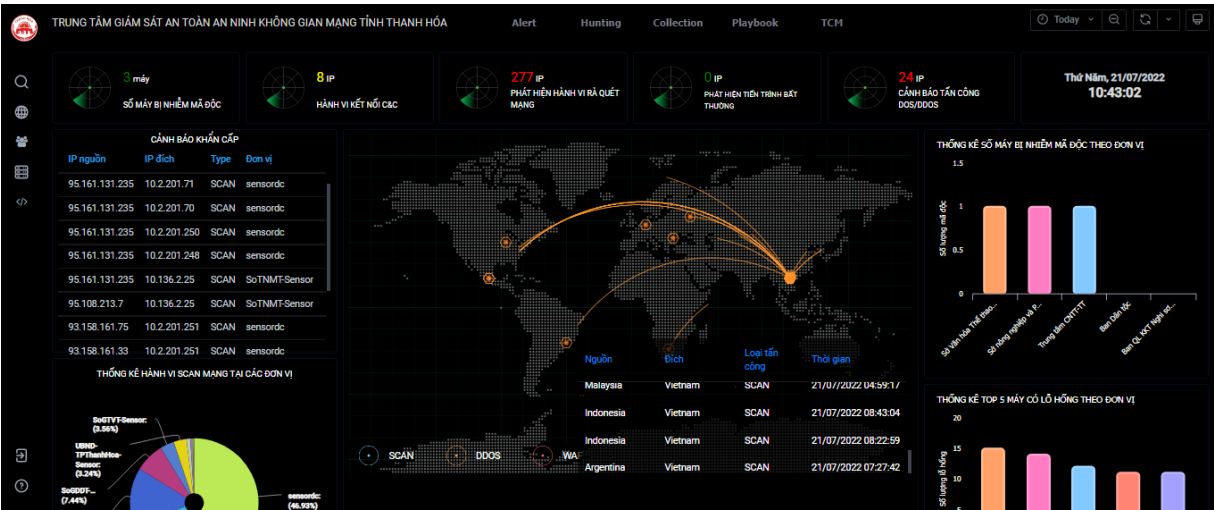
Triển khai Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chuyển đổi số Quốc gia, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thanh Hóa đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và nhiều văn bản quan trọng khác, nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Trong đó, nhiệm vụ bảo đảm an toàn, an ninh mạng được xác định là then chốt để chuyển đổi số thành công và bền vững, đồng thời là phần xuyên suốt, không thể tách rời của chuyển đổi số.



Với sự quan tâm, lãnh đạo của các cấp ủy đảng; quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của cộng đồng

doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã được triển khai và đẩy mạnh thực hiện ở nhiều lĩnh vực một cách toàn diện và đồng bộ. Hoạt động điều hành và tác nghiệp trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước đều thực hiện hoàn toàn trên môi trường mạng, các văn bản, hồ sơ điện tử được xử lý và thực hiện ký số, gửi nhận liên thông 100% giữa các cơ quan, đơn vị trong và ngoài tỉnh. Cùng với đó là việc triển khai đồng bộ, tập trung các hệ thống thông tin dùng chung từ cấp tỉnh đến cấp xã như: Hệ thống đăng nhập tập trung một lần; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; nền tảng liên thông, kết nối chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP); hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc; Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh; hệ thống thư điện tử công vụ,...

Trong đó an toàn, an ninh mạng gắn liền với hoạt động chuyển đổi số của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh cũng đạt kết quả bước đầu quan trọng như 100% các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã được phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn thông tin; xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm điều hành và giám sát an toàn, an ninh mạng của tỉnh; triển khai hệ thống phòng chống mã độc tập trung của tỉnh trên toàn bộ các máy trạm của các cơ quan, đơn vị; các cơ quan, đơn vị được triển khai các hệ thống giám sát vệ tinh về an toàn thông tin mạng và kết nối, gửi nhận dữ liệu giám sát về hệ thống tập trung của tỉnh và Trung tâm giám sát không gian mạng quốc gia (NCSC),... Với những kết quả trên, trong năm 2021, tỉnh Thanh Hóa đứng thứ 6/63 tỉnh, thành phố về chỉ số an toàn thông tin mạng trong bộ Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI).



Hệ thống giám sát tại Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) của tỉnh

Bên cạnh những thuận lợi trong việc triển khai bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh thì cũng đang còn tồn tại nhiều khó khăn, bất cập như: nhận thức và

hành động về công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng tại một số cơ quan, đơn vị, một bộ phận cán bộ và phần lớn người dân chưa rõ, chưa đầy đủ; số lượng các đơn vị hành chính nhiều, phân bố các vùng miền có các điều kiện về hạ tầng, trang thiết bị CNTT không đồng đều; nguồn lực đầu tư cho hoạt động an toàn, an ninh mạng còn hạn chế; việc triển khai đồng bộ các giải pháp, mô hình bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo quy định tại các cơ quan, đơn vị đang còn chưa đầy đủ; nguồn nhân lực về công nghệ thông tin, đặc biệt là về an toàn, an ninh mạng còn thiếu và yếu,...

Đặc biệt, trong thời gian qua đã ghi nhận các cuộc tấn công mạng ngày càng tinh vi, khó dự báo và mang tính toàn cầu, kéo theo tình hình đảm bảo an toàn thông tin trên không gian mạng ở Việt Nam nói chung và ở tỉnh Thanh Hóa nói riêng tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Trong 09 tháng đầu năm 2022, trên hệ thống giám sát an toàn không gian mạng tỉnh Thanh Hóa đã ghi nhận 25 cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đang bị lây nhiễm mã độc kết nối vào mạng máy tính ma botnet. Trên hệ thống điều hành an toàn, an ninh mạng của tỉnh phát hiện 836 máy tính của các cơ quan, đơn vị lây nhiễm mã độc, có 939 kết nối nguy hiểm đến các tên miền độc hại ngoài Internet. Thực hiện ứng cứu hơn 500 lượt sự cố liên quan đến phần mềm dùng chung trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, nhiều trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị đang còn tồn tại nhiều lỗ hổng, điểm yếu bảo mật dẫn đến việc bị rà quét, khai thác dữ liệu,...

Trên cơ sở đó, để chủ động bảo đảm an toàn thông tin mạng trong quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh cần tiếp tục triển khai và đẩy mạnh các giải pháp, cụ thể như sau:

Một là, về xây dựng, ban hành, hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng

Tổ chức thực hiện những nhiệm vụ giải pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin mạng theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông cũng như tiếp tục triển khai thực hiện tốt các nội dung về công tác bảo đảm an toàn thông tin theo các chương trình, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đặc biệt là nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác chỉ đạo, điều hành việc ứng dụng CNTT phục vụ cải cách hành chính nói chung và công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng tại cơ quan, đơn vị mình nói riêng.

Rà soát, chỉnh sửa bổ sung, ban hành đầy đủ các quy chế, quy định về an toàn an ninh thông tin; Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, xác định chiến lược,

quy hoạch chính sách an toàn thông tin của tỉnh; Tại các cơ quan, đơn vị ban hành đầy đủ các quy định nội bộ về công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT phù hợp với tình hình an toàn thông tin mạng trong tình hình mới.

Tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị ban hành đầy đủ các quy định, quy chế nội bộ về công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin trong hoạt động ứng dụng CNTT phù hợp với tình hình an toàn thông tin mạng trong tình hình mới. Đặc biệt là xây dựng Kế hoạch triển khai theo Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 04/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đẩy mạnh bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh.

Hai là, về công tác xác định và thực thi bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ

Đã thực hiện phê duyệt cấp độ cho 48/48 hệ thống thông tin của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh (đạt tỷ lệ 100%), trong đó 45/48 đơn vị được phê duyệt cấp độ 2, 03/48 đơn vị được phê duyệt cấp độ 3. 100% các hệ thống thông tin được phê duyệt cấp độ đã ban hành Phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ thuyết minh đề xuất được phê duyệt.

Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức triển khai bảo đảm an toàn thông tin mạng đầy đủ theo mô hình 4 lớp tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trực thuộc. Xây dựng Hồ sơ đề xuất cấp độ và trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với 100% hệ thống thông tin là các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, cơ sở giáo dục và y tế trên địa bàn tỉnh; Bảo đảm các hệ thống thông tin được triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

Ba là, về triển khai các giải pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn, an ninh thông tin

Để bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được triển khai cài đặt, vận hành và duy trì tập trung tại Trung tâm dữ liệu của tỉnh.



Hoạt động kiểm tra, vận hành và duy trì tại Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC) của tỉnh

Bên cạnh các hoạt động giám sát và bảo đảm an toàn thông tin mạng đang được triển khai thì cần phải tăng cường chủ động kiểm tra, rà soát định kỳ hệ thống máy chủ, máy trạm, thiết bị mạng, phần cứng, phần mềm và các hệ thống ứng dụng nhằm đánh giá tổng thể mức độ an toàn thông tin mạng, kịp thời phát hiện và xử lý sự cố, lỗ hổng, ngăn chặn, bóc gỡ mã độc tấn công vào hệ thống mạng.

Mặt khác cần nghiên cứu chuyển đổi kiến trúc zero-trust, lưới an toàn thông tin trong Trung tâm dữ liệu và ứng dụng tự động hóa trong vận hành và xử lý các cảnh báo an toàn thông tin nhằm bảo đảm khi hệ thống của Trung tâm dữ liệu của tỉnh được mở rộng, triển khai thêm các ứng dụng, phần mềm của các cơ quan, đơn vị thì số lượng cảnh báo cũng gia tăng đi kèm với đó là cảnh báo giả cũng xuất hiện nhiều và nguồn nhân lực thì không đủ để đáp ứng. Do đó, cần triển khai hệ thống tự động hóa quá trình vận hành để lọc bớt được những cảnh báo giả, chỉ tập trung vào các cảnh báo thật và có thể giảm thời gian phát hiện, xử lý tấn công cũng như giảm bớt sai sót của con người trong quá trình vận hành an toàn thông tin.

Bốn là, về tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến

Thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan, Sở Thông tin và Truyền thông đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn, đơn đốc các sở, ban, ngành và địa phương triển khai thực hiện nhiều giải pháp nhằm hạn chế nguy cơ mất an toàn thông tin trên môi trường

mạng. Trong đó, ưu tiên thực hiện một số biện pháp như: nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước về mức độ quan trọng của việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; quán triệt cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thư điện tử công vụ để gửi các văn bản trao đổi công việc trong các cơ quan nhà nước, không sử dụng các hộp thư điện tử công cộng; thường xuyên và định kỳ thay đổi mật khẩu hộp thư điện tử công vụ, máy tính.

Tăng cường tổ chức thông tin tuyên truyền để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng thông qua các phương thức số khác như các ứng dụng di động, kênh Zalo, fanpage,... nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức, trách nhiệm và phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin trong việc sử dụng máy tính, hệ thống mạng và khai thác thông tin trên môi trường mạng; đồng thời trang bị một số kỹ năng cơ bản sử dụng thiết bị và dịch vụ CNTT an toàn trên môi trường số.

Năm là, về xây dựng, kiện toàn chức năng nhiệm vụ và nguồn nhân lực thực hiện công tác an toàn, an ninh thông tin

Tỉnh đã thành lập Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng bao gồm các thành viên là đầu mối của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp CNTT-VT trên địa bàn tỉnh thực hiện nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và tổ chức ứng cứu các sự cố mất an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh khi có sự cố xảy ra. Đồng thời, tại các cơ quan, đơn vị đều thành lập các tổ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng nhằm bảo đảm sẵn sàng nguồn lực tại chỗ trong các hoạt động ứng cứu, xử lý sự cố tại đơn vị mình.

Tập trung xây dựng nguồn nhân lực thực hiện công tác an toàn, an ninh thông tin để vận hành và bảo đảm cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và tại các cơ quan, đơn vị. Trong đó, tăng cường hoạt động của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh thực hiện nhiệm vụ phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và tổ chức ứng cứu các sự cố mất an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh khi có sự cố xảy ra.

Triển khai thường xuyên trong năm các hoạt động đào tạo, tập huấn chuyên sâu về an toàn thông tin mạng, diễn tập thực chiến tấn công mạng vào các hệ thống thông tin đang hoạt động để nâng cao năng lực, kỹ năng xử lý các sự cố tấn công mạng cho cán bộ chuyên trách, phụ trách CNTT tại các cơ quan, đơn vị.

Tiếp tục rà soát, bổ sung các cán bộ chuyên trách, phụ trách về CNTT và an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị để hưởng cơ chế chính sách đặc thù của tỉnh theo Nghị quyết số 337/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân.

Sáu là, về đẩy mạnh phối hợp trong công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

Đẩy mạnh phối hợp với các cơ quan chức năng về an toàn thông tin mạng như: Cục An toàn thông tin, Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp không gian mạng Việt Nam (VNCERT/CC) và các tổ chức khác để thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin cũng như xử lý, khắc phục sự cố về an toàn thông tin mạng.

Trong thời gian tới, với việc đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, trong đó các cơ quan, đơn vị triển khai, đầu tư mới các ứng dụng, phần mềm, thay đổi quy trình hoạt động cũng như việc chuyển dịch các hoạt động của người dân, doanh nghiệp lên môi trường số sẽ tạo ra không gian mới. Do đó, bên cạnh việc tạo ra sự nhanh chóng, thuận tiện cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp và cơ quan, đơn vị cũng đang đặt ra hàng loạt thách thức, tiềm ẩn nhiều rủi ro về an toàn thông tin. Vì vậy, việc quan tâm triển khai đẩy mạnh các hoạt động an toàn thông tin mạng và giám sát cảnh báo sớm, chính xác các nguy cơ gây mất an toàn thông tin, tăng cường khả năng hỗ trợ ứng cứu, tham gia hỗ trợ giải quyết các sự cố là điều kiện tiên quyết nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh được triển khai nhanh chóng và bền vững./.

THÁCH THỨC HÔM NAY VỚI DOANH NGHIỆP AN TOÀN THÔNG TIN VIỆT NAM

Ông Trịnh Ngọc Minh

Giám đốc Phát triển Công nghệ, Công ty HPT Việt Nam

Xây dựng Chính phủ điện tử và Nền kinh tế Số là định hướng chủ đạo của nhà nước ta hôm nay. Xây dựng một chính phủ điện tử (CPĐT) để cung ứng cho người dân, doanh nghiệp những dịch vụ ngày càng tiện dụng, nhanh chóng, minh bạch và phát triển một nền kinh tế số (đề án Chuyển đổi số - CDS) để tạo ra những bước nhảy vọt về kinh tế, đưa Việt Nam trở thành một đất nước phát triển trong tương lai gần, một vài năm tới, là ý chí của lãnh đạo, là ước vọng của mọi người dân Việt Nam ta. Chính phủ đã có những hành động quyết liệt nhưng cụ thể trong định hướng này, thông qua những kế hoạch và công việc cụ thể. Các tiêu chí cũng như các thước đo kiểm thành công hay thất bại theo lộ trình thời gian cũng được vạch ra, cho phép chúng ta, Chính phủ cũng như người dân, doanh nghiệp, nhìn vào, đánh giá và hiệu chỉnh hành động của chúng ta một cách phù hợp. Đơn cử như Hợp định kỳ để rà soát công việc (như Sơ kết 6 tháng đầu năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về an toàn thông tin trong triển khai CPĐT); chỉ đạo cụ thể để tháo gỡ khó khăn (như Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 26/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển Chính phủ điện tử).

Nhìn chung, Chính phủ, doanh nghiệp và người dân Việt Nam đang nhìn về một hướng, kỳ vọng là chúng ta sẽ xây dựng được một đất nước hùng cường dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ.

CPĐT và kinh tế số sẽ mang tới những thách thức mới về an toàn thông tin. CPĐT và Kinh tế số đưa đất nước ta lên một tầm cao mới, nhưng cũng làm cho tất cả các hệ thống của Việt Nam trở nên phức tạp hơn, mỏng manh và dễ đổ vỡ hơn. Đặc biệt các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông, tài chính, giao thông hơn bao giờ hết phải đối mặt với những rủi ro mới về an toàn thông tin.

Thể hiện rõ nhất của thất bại trong xây dựng CPĐT và kinh tế số là người dân, doanh nghiệp quay lưng, ít sử dụng các dịch vụ công, họ không có được lợi ích kinh tế, xã hội với kinh tế số. Có vô số các nguyên nhân có thể dẫn tới tình trạng này. Nhưng rõ nhất có thể thấy là nếu người dân mất niềm tin do các hệ thống ngưng trệ

hoặc thông tin bị lộ lọt thì họ sẽ “sợ” các hệ thống do nhà nước và các tổ chức cung ứng. Vì vậy, có thể nói an toàn thông tin là điều kiện tiên quyết, là điều kiện cần có để xây dựng và làm cho CPĐT cùng kinh tế số được hình thành và hoạt động bền vững.

Việc xác định các rủi ro đặc trưng của CPĐT và kinh tế số là một trong những nội dung quan trọng chúng ta cần thực hiện, luôn rà soát và hiệu chỉnh theo lộ trình phát triển.

Bên cạnh các rủi ro nội tại của CPĐT và CDS một cách tự nhiên, chúng ta còn phải tính đến các rủi ro do các yếu tố phi kỹ thuật, phi CNTT mang tới. Giờ đây giải quyết các mâu thuẫn địa chính trị thường CNTT được tính tới như một giải pháp đầu tiên. Vì vậy có được những sự chuẩn bị kỹ càng để đối phó với những vấn đề phát sinh cũng là một nội dung cần được tính toán.

Doanh nghiệp an toàn thông tin Việt Nam có những thách thức liên quan tới CPĐT, CDS và khả năng đồng hành cùng nhà nước để trở thành một cường quốc về an toàn thông tin. Khi nói về cường quốc quân sự, người ta thường tính tới mức độ đầu tư cho quân sự, khả năng chế tạo/sử dụng vũ khí và lực lượng quân sự (cả số lượng và chất lượng). Với ước vọng để là một cường quốc về an toàn thông tin, chúng ta phải có những kế hoạch để phát triển an toàn thông tin của nước nhà, trong đó, sức mạnh của các doanh nghiệp làm về an toàn thông tin là một tham số quan trọng.

Một số vấn đề về an toàn thông tin sẽ được xem xét, đơn cử như:

- Bẫy thu nhập thấp trong ngày an toàn thông tin;
- Dịch vụ an toàn thông tin còn chưa được đánh giá như giá trị của nó;
- Sản phẩm an toàn thông tin Make in Vietnam vẫn còn chưa tương xứng với nhu cầu và chưa được coi trọng;
- Khả năng và tính cần thiết về đánh giá tính năng và chất lượng của sản phẩm an toàn thông tin Việt Nam.

Doanh nghiệp an toàn thông tin Việt cần gì từ phía lãnh đạo đất nước? Trên cơ sở các phân tích những rủi ro an toàn thông tin cũng như những vấn đề của doanh nghiệp an toàn thông tin Việt, nhu cầu của doanh nghiệp đối với các cơ quan quản lý nhà nước được chia sẻ và đề xuất.

Tạo một nhu cầu đúng đắn về an toàn thông tin với các tổ chức trong và ngoài nhà nước bằng cách đưa ra các quy định về tính khả dụng và khả năng bảo mật thông tin cùng với thưởng phạt nghiêm minh sẽ phát triển thị trường dịch vụ an toàn thông tin

tin, nhu cầu về sản phẩm an toàn thông tin và giúp các doanh nghiệp an toàn thông tin Việt Nam có cơ hội vượt qua được những thách thức hiện nay của mình.

Những biện pháp để đưa tổ chức nghiên cứu phát triển gần hơn với sản xuất với tiêu chí về tính khả dụng cho sản phẩm có thể là lối ra cho các sản phẩm an toàn thông tin Make in Vietnam.

Đào tạo đại chúng, đào tạo công dân số ngày càng hiểu biết, có khả năng tiếp nhận, phân biệt thông tin nhiều chiều hôm nay cũng là một nội dung quan trọng, cho phép phát triển trình độ, mức chín muồi (maturity) của các công dân và doanh nghiệp chúng ta.

Tự lực đi lên trong an toàn thông tin - cách tiếp cận chiến lược của HPT. Thấu hiểu khả năng mỏng manh khi một quốc gia khác giúp chúng ta trở thành hùng cường trong an toàn thông tin, thấm nhuần tinh thần tự lực tự cường, HPT đã lấy phương châm *Tận dụng cơ hội do toàn cầu hóa mang lại và tập trung tự phát triển theo khả năng làm kim chỉ nam cho các hoạt động kinh doanh, nghiên cứu và phát triển của mình.*

Bên cạnh khả năng kinh doanh các sản phẩm an toàn thông tin của các đối tác Microsoft, Fortinet, Cisco, IBM, SAS,... HPT còn nỗ lực trong khả năng hạn hẹp của mình tổ chức R&D và xây dựng một số giải pháp an toàn thông tin của HPT. Các sản phẩm này đã được sử dụng cho khách hàng của HPT, được thử thách qua thực tế khách quan và cũng đã được đánh giá rất cao bởi một số tổ chức an toàn thông tin có uy tín của Việt Nam.

AN TOÀN THÔNG TIN TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ

Ông Nguyễn Minh Đức

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An toàn thông tin Cyradar

Làm sao để an toàn trong môi trường số?

Các cuộc tấn công mạng vẫn không ngừng gia tăng và với mức độ ngày càng tinh vi. Đặc biệt, khi Việt Nam thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, các hoạt động của người dân, doanh nghiệp, tổ chức sẽ thường xuyên hơn trên môi trường mới. Điều này có thể kéo theo nhiều nguy cơ trên môi trường số.

Trong thời đại công nghệ số, rất nhiều các nhu cầu giải trí, trao đổi thông tin, công việc, tài chính,... đều có thể thực hiện trên nền tảng thiết bị di động. Điều này dẫn đến các nguy cơ về lừa đảo, tấn công mạng nhằm vào người dùng thông qua các nội dung trực tuyến ngày càng tăng cao, trong khi hiểu biết của người dùng và các giải pháp bảo mật cho thiết bị đầu cuối đặc biệt là nền tảng di động lại chưa thực sự đầy đủ và phổ biến.

Bên cạnh đó, tỷ lệ trẻ em, tương lai của Việt Nam, cũng đã bắt đầu được cha mẹ cho sử dụng thiết bị thông minh từ rất sớm. Điều này cũng dẫn theo việc người dùng còn chưa giải quyết được mối lo về việc bảo vệ chính mình trên không gian mạng lại phải đối mặt với việc bảo vệ và quản lý các con khi sử dụng thiết bị thông minh.

Mỗi người dân tự có ý thức bảo vệ mình trong môi trường số như bảo vệ mình trong môi trường thực, bảo vệ tài sản vô hình của mình, chẳng hạn thông tin cá nhân, như bảo vệ tài sản hữu hình khác. Chiếc điện thoại thông minh giờ đây trở thành vật bất ly thân với nhiều người và vì thế là điểm yếu nhất.

Vì vậy bên cạnh việc nâng cao ý thức và đào tạo kỹ năng từng cá nhân, thì cơ bản trong việc an toàn trong chuyển đổi số chính là **Bảo vệ thiết bị đầu cuối** - cánh cửa để người sử dụng truy cập vào môi trường số.

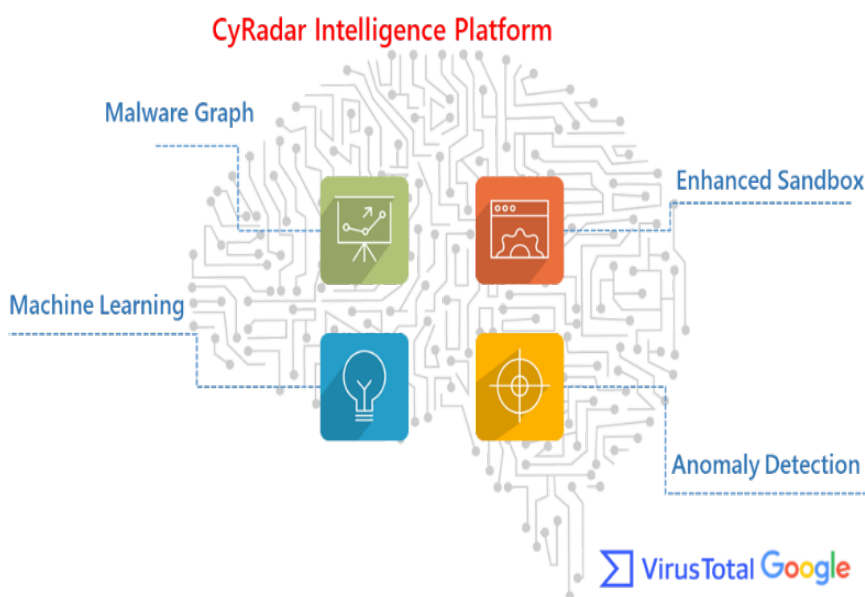
Giải pháp của CyRadar

Ứng dụng CyRadar Mobile Guard sẽ bảo vệ chính thiết bị của người sử dụng khỏi mã độc, đường link độc hại, nội dung không phù hợp với thuần phong mỹ tục, lừa đảo trực tuyến. Cũng đem đến những tính năng tương đương, Mobile Guard for

Kid được cài trên máy của con trẻ sẽ cho phép cha mẹ thiết lập thêm các chính sách quản lý như: thời lượng sử dụng thiết bị hoặc thời gian sử dụng các ứng dụng, trò chơi khác; lịch sử truy cập mạng, YouTube để kịp thời bảo ban nhắc nhở.

Điểm nổi trội nhất của sản phẩm là khả năng truy tìm, phát hiện và ngăn chặn sớm các mối nguy hại trên không gian mạng, đặc biệt với các nguồn độc hại có xuất phát từ Việt Nam hoặc hướng tới thị trường Việt Nam.

CyRadar phát triển hệ thống Threat Intelligence Platform, sử dụng các công nghệ tiên tiến như Machine Learning, Enhanced Sandbox, Anomaly Detection và đặc biệt là công nghệ Malware Graph độc quyền của CyRadar để phát hiện, phân tích các mối nguy hại trên không gian mạng.



Tính năng

Bộ sản phẩm CyRadar Mobile Guard cung cấp khả năng bảo vệ thiết bị trước các mối nguy hại từ môi trường mạng và các tính năng quản lý, thiết lập chính sách sử dụng trên thiết bị khác.

Bảo vệ khỏi các tấn công mạng và nguồn mã độc

Khi thiết bị thông minh truy cập vào nội dung độc hại, có chứa mã độc, các nội dung có dấu hiệu lừa đảo, CyRadar Mobile Guard sẽ phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn các truy cập này, đảm bảo an toàn thông tin cho người dùng.

- Dành cho người sử dụng trưởng thành, cha mẹ, các bậc phụ huynh.
- Bảo vệ bản thân các bậc phụ huynh khỏi link lừa đảo, mã độc,...
- Giúp phụ huynh quản lý hoạt động sử dụng Internet của con cái, thiết lập chính sách chặn phù hợp.

Quản lý ứng dụng

CyRadar Mobile Guard cho phép thiết lập chính sách kiểm soát ứng dụng trên thiết bị được quản lý, cho phép ứng dụng nào được phép hoạt động, ứng dụng nào sẽ bị chặn, không được kích hoạt hoặc cài đặt.

Giới hạn thời gian

CyRadar Mobile Guard cho phép thiết lập giới hạn thời gian hoạt động trên thiết bị được quản lý, bao gồm:

- Tổng thời gian sử dụng thiết bị/sử dụng một ứng dụng cụ thể trong một ngày.
- Khoảng thời gian được phép sử dụng thiết bị/sử dụng một ứng dụng cụ thể.

Lợi ích

Thế giới mạng không có biên giới, không có giới hạn đã thay đổi cách con người kết nối, học tập và làm việc. Lợi ích của Internet và công nghệ quá lớn khiến chúng ta đôi lúc quên mất mặt trái của nó. Người sử dụng nếu không cẩn trọng và thiếu hiểu biết cũng dễ dàng trở thành nạn nhân của các loại hình tấn công, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, danh dự trong thế giới ảo. Bên cạnh đó, trẻ em nếu sử dụng thiết bị điện tử trong thời gian quá lâu và sai mục đích sẽ để lại nhiều hậu quả khôn lường như phát triển lệch lạc về hành vi và nhận thức, bị lạm dụng, xâm hại, thao túng.

Những lợi ích mà CyRadar Mobile Guard mang lại cho người dùng:

- Nâng cao mức độ an toàn cho người dùng khi sử dụng thiết bị thông minh trên môi trường không gian mạng.
- Giảm thiểu nguy cơ truy cập vào các website có mã độc.
- Giảm thiểu nguy cơ bị lừa đảo trên không gian mạng.
- Bảo vệ, quản lý được hoạt động của con trên môi trường không gian mạng.
- Giới hạn các ứng dụng, các website mà con được phép sử dụng, được phép truy cập, ví dụ như các ứng dụng, website học trực tuyến, các chương trình giải trí đã được cha mẹ kiểm duyệt.
- Giới hạn thời gian sử dụng thiết bị thông minh, giúp giảm thiểu nguy cơ mắc chứng nghiện điện thoại, giảm thiểu ảnh hưởng tới sức khỏe thị giác của các con.
- Hỗ trợ đa nền tảng, thiết bị quản lý, thiết bị được quản lý có thể cài đặt trên các dòng điện thoại khác nhau, mang lại sự thuận tiện, tiết kiệm chi phí cho người dùng.

V. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ICT

ĐỀ XUẤT ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP NGÀNH CÔNG NGHIỆP VI MẠCH BÁN DẪN VIỆT NAM

Đồng chí Nguyễn Thiện Nghĩa

Phó Cục trưởng phụ trách Cục Công nghiệp Công nghệ thông tin và Truyền thông

Vi mạch bán dẫn được xem là nền tảng của tính toán hiện đại, giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong bối cảnh thế giới bước sang giai đoạn bùng nổ nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ mới như AI, IoT, 5G, Big Data,...

Công nghiệp vi mạch bán dẫn ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, giữ vai trò quan trọng trong việc quyết định giá thành và làm tăng chức năng hoạt động của tất cả các hệ thống điện tử, công nghệ thông tin, viễn thông, tự động hóa. Theo số liệu của Hiệp hội Công nghiệp Bán dẫn SIA, doanh số của lĩnh vực bán dẫn vi mạch năm 2021 là xấp xỉ 556 tỷ USD và dự đoán đạt 1000 tỷ USD vào năm 2030. Lĩnh vực công nghệ thay đổi nhanh chóng, các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, xe tự hành,... đều được xây dựng dựa trên vi mạch bán dẫn.

I. HIỆN TRẠNG CHUỖI CUNG ỨNG VI MẠCH BÁN DẪN TRÊN THẾ GIỚI

1. Tổng quan chung chuỗi công nghiệp vi mạch bán dẫn

Chuỗi giá trị của sản xuất chip có thể chia thành 4 nhóm: (1) R&D, (2) thiết kế (design), (3) chế tạo (manufacture), (4) lắp ráp và đóng gói (assembly and packaging).

a) Về R&D

Nghiên cứu phát triển của ngành sản xuất chip là một trong những hoạt động tốn kém nhất trong các ngành công nghệ hiện đại. Chi phí R&D trung bình ngành này chiếm tới 14,2% doanh thu, chỉ thấp hơn nghiên cứu dược và sinh học (15,4% doanh thu) nhưng cao hơn nhiều so với các ngành khác, ví dụ phần cứng IT (9,0%), điện tử và thiết bị điện (5,1%), tự động hóa (4,8%), công nghiệp hàng không và quốc phòng (4%), chăm sóc sức khỏe (3,8%), các ngành công nghiệp khác (3,0%).

b) Về thiết kế chip

Thiết kế vi mạch là quá trình tạo ra bản thiết kế của lõi chip mà nhà máy sản xuất vi mạch có thể sử dụng để chế tạo ra chip. Bản thiết kế hoàn chỉnh của lõi chip được gửi đến nhà máy để sản xuất ra vi mạch hoàn chỉnh.

Thiết kế chip là bước quan trọng trong chuỗi giá trị bán dẫn, có giá trị gia tăng cao nhất (50%) và do đó, thu được doanh thu tương ứng lớn nhất so với chế tạo tấm wafer (chỉ chiếm 24% doanh thu) và lắp ráp, kiểm tra và đóng gói (6% doanh thu toàn chuỗi).

c) Sản xuất

Các hãng bán dẫn thiết kế chip nhưng thường thuê sản xuất bên ngoài ở các xưởng gia công. Hai công ty TSMC của Đài Loan (55% thị phần) và Samsung của Hàn Quốc (18% thị phần) sản xuất hơn 70% chất bán dẫn trên thế giới.

d) Về sản xuất công đoạn cuối

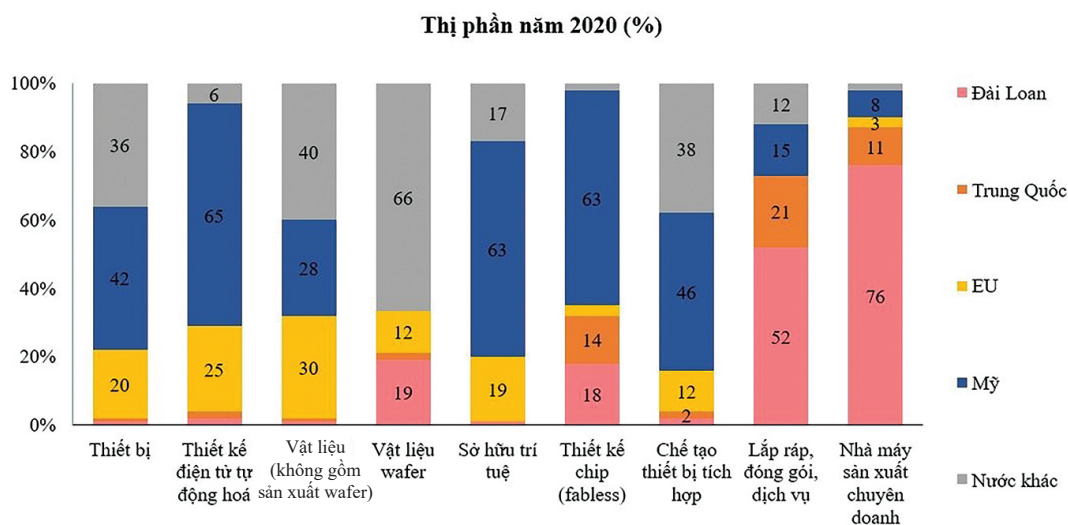
Hoạt động sản xuất back-end (lắp ráp, kiểm tra và đóng gói - assembly, test and packaging, ATP) chủ yếu được gia công cho các nước và vùng lãnh thổ ở châu Á như Đài Loan, Trung Quốc và Malaysia (thuật ngữ outsourced semiconductor assembly and test, OSAT, “thuê ngoài lắp ráp và kiểm tra chất bán dẫn”).

2. Thị phần công nghiệp vi mạch bán dẫn

Trong năm 2021, khu vực châu Á - Thái Bình Dương có nhu cầu sử dụng chip lớn nhất, khoảng 50% toàn cầu với ước tính giá trị khoảng 300 tỷ USD. Các khu vực còn lại là châu Mỹ, châu Âu, Nhật Bản có nhu cầu sử dụng chip của mỗi khu vực có giá trị khoảng 100 tỷ USD.

Thị trường sản xuất và ứng dụng chất bán dẫn chi phối bởi các hãng công nghệ lớn:

- Intel thống trị thị trường CPU máy tính để bàn và máy tính xách tay.
- Qualcomm là công ty dẫn đầu trong thị trường điện thoại thông minh chạy trên hệ thống một chip.
- TSMC ở Đài Loan là nhà sản xuất chip hàng đầu các chip từ 10nm trở xuống.
- ASML, một công ty của Hà Lan, sản xuất hầu hết các thiết bị in thạch bản, đặc biệt là các sản phẩm tiên tiến hàng đầu.
- Samsung tại Hàn Quốc dẫn đầu thị trường bộ nhớ.
- NVIDIA tại Mỹ thống trị thị trường card đồ họa.
- Nhật Bản là nơi sản xuất hầu hết tất cả các hóa chất đặc biệt được sử dụng trong sản xuất chất bán dẫn.
- Các công ty Nhật Bản và Hàn Quốc sản xuất phần lớn các loại wafer (đĩa rất mỏng được sử dụng như một cơ sở để chế tạo mạch điện tử tích hợp và các tế bào quang điện silicon).



Nguồn VNUA. 2020

Hình 5.1. Chuỗi cung ứng vi mạch bán dẫn

Như vậy về tổng quan hiện nay, Mỹ và Nhật Bản có vai trò chủ chốt về nguyên vật liệu và công cụ thiết kế chip; châu Âu nắm thế mạnh về các thiết bị sản xuất chip; và Đài Loan, Hàn Quốc chiếm ưu thế trong lĩnh vực gia công, sản xuất chip bán dẫn.

II. CHÍNH SÁCH, CHIẾN LƯỢC CÔNG NGHIỆP CHIP BÁN DẪN CỦA CÁC NƯỚC

Công nghiệp vi mạch bán dẫn trên thế giới trong những năm vừa qua đã trải qua những biến động phức tạp, từ chu kỳ sụt giảm đầu tư của lĩnh vực vi mạch bán dẫn giai đoạn 2019 và 2020 đại dịch Covid, cuộc chiến tranh thương mại, công nghệ Mỹ - Trung, xung đột quân sự tại Ukraina,... đã dẫn tới tình trạng thiếu nguồn cung chip bán dẫn diễn ra rộng khắp và ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực sản xuất.

Đứng trước thách thức này, công nghiệp vi mạch bán dẫn thế giới diễn ra theo xu hướng:

- Thứ nhất: Nhiều quốc gia đang có xu hướng dịch chuyển sản xuất về trong nước, tập trung hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp bán dẫn nội địa nhằm giảm phụ thuộc vào bên ngoài.

Mỹ: Thông qua đạo Luật CHIPS và khoa học tháng 8/2022 nhằm đảm bảo chuỗi cung ứng và thúc đẩy sản xuất chip bán dẫn trong nước, phân bổ 50 tỷ USD hỗ trợ ngành công nghiệp chip nội địa của Mỹ;

EU: Thông qua đạo luật CHIPS EU tháng 02/2022, phân bổ 49 tỷ USD cho ngành công nghiệp bán dẫn để giảm sự phụ thuộc vào châu Á, hỗ trợ các nhà sản xuất bán dẫn chuyển sản xuất về EU;

Trung Quốc: Chủ trương xây dựng ngành công nghiệp bán dẫn tự chủ, không phụ thuộc vào công nghệ và thiết bị từ bên ngoài, thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ 14 (2021 - 2025);

Nhật Bản: Công bố chiến lược cơ bản nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp bán dẫn trong nước, mục tiêu đảm bảo khả năng cung ứng chip bán dẫn;

Hàn Quốc: Công bố kế hoạch K-semiconductor với nguồn vốn 450 tỷ USD để xây dựng chuỗi cung ứng chip bán dẫn lớn nhất thế giới vào năm 2030;

- Thứ hai: Xu thế tăng cường liên kết, hợp tác song phương, đa phương nhằm chi phối ngành công nghiệp bán dẫn của các nước.

Trong bối cảnh ngành công nghiệp bán dẫn ngày càng đóng vai trò quan trọng trong cạnh tranh chiến lược toàn cầu, các quốc gia có tiềm lực công nghệ lớn đều tăng cường liên kết, hợp tác song phương, đa phương nhằm chi phối ngành công nghiệp bán dẫn, cụ thể:

- Mỹ đã đề xuất thành lập liên minh Chip 4 nhằm thiết lập một chuỗi chế tạo, sản xuất và cung ứng chip bán dẫn quy mô toàn cầu; Mỹ và Nhật Bản cũng phối hợp xây dựng và kêu gọi các nước ASEAN tham gia vào một khuôn khổ chuỗi cung ứng chip bán dẫn mới; Mỹ và một số quốc gia thông qua tiêu chuẩn mới về sản xuất chip (gọi là chiplet) nhằm tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu và chi phối của Mỹ và đồng minh trong lĩnh vực nghiên cứu, chế tạo chip bán dẫn.

- Trung Quốc thành lập cơ quan hợp tác phát triển chip với nước ngoài. Thúc đẩy hợp tác với Nga thông qua việc thiết lập các dự án chung để nghiên cứu, phát triển công nghệ vi mạch bán dẫn.

- Tính đến thời điểm hiện tại, các nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ, Trung Quốc, EU, Hàn Quốc và Nhật Bản đều đã công bố các kế hoạch trợ cấp cho ngành sản xuất chất bán dẫn, tạo nên thế cạnh tranh trong ngành công nghệ thế giới.

Các nước này đều có điểm chung là có chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn theo hướng tự chủ chuỗi cung ứng sản xuất chip của riêng mình. Về giải pháp thực hiện, các nước đều có khoản đầu tư từ Chính phủ rất lớn và có cách đi riêng phù hợp với điều kiện và năng lực của mỗi nước.

Xuất hiện xu hướng các nước lớn liên kết hợp tác song phương, đa phương để tận dụng tiềm năng, lợi thế các nước và xu hướng cạnh tranh làm chủ công nghệ, sản xuất và cung ứng chất bán dẫn đặc biệt giữa Mỹ và Trung Quốc, dẫn đến nguy cơ chuỗi cung ứng bán dẫn chia làm 2 khối cạnh tranh do Mỹ và Trung Quốc dẫn đầu với các nền tảng công nghệ khác nhau.

Các công nghệ bán dẫn thế hệ mới sẽ tạo ra cơ hội xuất hiện các tập đoàn công nghệ lớn với các sản phẩm mới, hiện đại và xuất hiện quá trình thay thế công nghệ cũ bằng công nghệ mới sẽ diễn ra trên quy mô toàn cầu. Theo đó dẫn tới tác động đến làn sóng đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực vi mạch theo 2 hướng là gia công, sản xuất sản phẩm công nghệ bán dẫn mới và chuyển giao công nghệ cũ từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển.

III. CÔNG NGHIỆP VI MẠCH VIỆT NAM

1. Quá trình phát triển và hiện trạng

Đối với sản xuất vi mạch, tháng 9/1979 nhà máy bán dẫn Z181 được thành lập, bắt đầu thực hiện các hợp đồng sản xuất, xuất khẩu diode, transistor. Tới đầu những năm 90 việc sản xuất, đóng gói chip vi mạch của nhà máy Z181 đã dừng lại. Cho đến nay, Việt Nam chưa xuất hiện thêm nhà máy sản xuất bán dẫn, chỉ có nhà máy của Intel và một vài công ty FDI làm công đoạn máy lắp ráp, gia công, đóng gói.

Đối với thiết kế vi mạch, các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu có các công ty VHT (Viettel) và FPT Semiconductor tham gia với khoảng 200 nhân viên. Còn lại khoảng 30 công ty nước ngoài đến từ Nhật Bản, Mỹ, Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc đã đầu tư tại Việt Nam cùng với đội ngũ nhân lực ước tính khoảng 5000 kỹ sư, có thể đảm nhận công việc ở tất cả các mảng việc trong khâu thiết kế. Trong đó, phân bổ nhân lực tập trung nhiều nhất tại thành phố Hồ Chí Minh (85%), sau đó là Hà Nội (8%) và Đà Nẵng (7%).



Nguồn: Cộng đồng vi mạch Việt Nam 2022

Hình 5.2. Một số doanh nghiệp công nghệ vi mạch tại Việt Nam

2. Chính sách phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn

Hiện nay, các hoạt động nghiên cứu, thiết kế, sản xuất vi mạch, bán dẫn hiện *đã được hưởng các ưu đãi cao nhất* trong hệ thống chính sách ưu đãi đầu tư, thuế, tín dụng, thuê đất, thuê mặt nước,... của Chính phủ.

Mặc dù hoạt động nghiên cứu, sản xuất vi mạch, bán dẫn *đã được áp dụng chính sách ưu đãi cao nhất* theo quy định của pháp luật và đã có các công cụ pháp lý cần thiết bảo hộ sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực thiết kế vi mạch. Tuy nhiên, từ kinh nghiệm của các nước có lĩnh vực vi mạch phát triển thì cần phải có sự quyết tâm đặc biệt của Lãnh đạo cao nhất và có các chương trình đầu tư nguồn lực của nhà nước cùng với các cơ chế đột phá. Tuy nhiên, đối với Việt Nam thì mặc dù là lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư nhưng chưa có các giải pháp đặc biệt và đầu tư nguồn lực từ nhà nước để phát triển ngành công nghiệp vi mạch bán dẫn.

3. Cơ hội, thách thức

a) Cơ hội

Việt Nam có lợi thế về quy mô dân số gần 100 triệu người, cùng với định hướng chuyển đổi số của Chính phủ và tham gia đầu tư của nhiều tập đoàn hàng đầu trên thế giới như: Samsung, LG, Foxconn, Panasonic, Cannon,... sẽ là điều kiện thuận lợi cho thị trường công nghiệp chip bán dẫn.

Việt Nam có một yếu tố thuận lợi để gia tăng vị thế trong chuỗi cung ứng bán dẫn toàn cầu, nhất là về vị trí địa lý, có quan hệ gần gũi với các cường quốc bán dẫn như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản.

Việc Mỹ và đồng minh xây dựng chuỗi cung ứng bán dẫn mới, trong đó coi trọng các nước ASEAN và Việt Nam. Hiện đang có làn sóng chuyển dịch đầu tư và hợp tác đào tạo kỹ sư thiết kế chip sang Việt Nam, cụ thể Apple, Samsung, Synopsys,...

Việt Nam vẫn có cơ hội tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng bán dẫn toàn cầu nếu có kế hoạch dài hạn phù hợp thu hút đầu tư, hợp tác, tham gia các công đoạn sản xuất từ thấp đến cao (đóng gói, kiểm tra, sản xuất,...) với các nước sản xuất chip. Ngoài ra, Việt Nam có thể tham gia chuỗi cung cấp nguyên liệu sản xuất chip từ việc hợp tác khai thác các nguồn nguyên vật liệu tiềm năng, đặc biệt là đất hiếm.

Việt Nam có lợi thế nguồn nhân lực dồi dào. Nhu cầu nguồn nhân lực kỹ sư thiết kế chip là rất lớn và cơ hội nghề nghiệp trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn được dự báo sẽ rất phát triển trong một thập kỷ tới đây.

b) Thách thức

Việt Nam chưa có Chiến lược phát triển công nghiệp Vi mạch bán dẫn quốc gia để có kế hoạch phát triển, lộ trình phù hợp, giúp phát huy hiệu quả mọi lực nguồn lực; Chưa có cơ quan/bộ phận chuyên trách về phát triển ngành bán dẫn; Chưa có chính sách ưu đãi và hoặc trợ cấp, hỗ trợ tài chính đặc thù cho lĩnh vực bán dẫn phát triển.

Vấn đề kết nối phát huy nguồn lực của các chuyên gia, doanh nghiệp, nhà nước,... để phát triển công nghiệp chip bán dẫn chưa hiệu quả.

Việt Nam đang phụ thuộc 100% nguồn cung chip bán dẫn từ nước ngoài: Broadcom, Hitachi, Qualcomm, Samsung, SK Hylis,... Các công ty trong nước chỉ có VHT và FPT tham gia với công đoạn thiết kế chip, các công ty trong nước có vốn đầu tư nước ngoài đa phần thực hiện các công đoạn gia công thiết kế vi mạch, lắp ráp, kiểm định.

Về dài hạn, việc triển khai chiến lược chuyển đổi kinh tế số giai đoạn 2021 - 2030 với mục tiêu đến năm 2025, kinh tế số chiếm 20% GDP, đến năm 2030 chiếm 30% GDP, sẽ gặp thách thức do Việt Nam khó chủ động về nguồn cung, giá thành chip và thiết bị công nghệ khiến nguy cơ không đảm bảo an ninh, an toàn thông tin cao hơn.

Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh quyết liệt từ các nước khu vực (Thái Lan, Singapore, Malaysia,...) trong thu hút đầu tư và gia tăng vị thế trong chuỗi cung ứng bán dẫn toàn cầu.

Việt Nam chưa có nhà máy sản xuất chip bán dẫn. Trong trường hợp có xung đột chính trị hoặc có quan hệ căng thẳng với nước sản xuất chip, Việt Nam có thể chịu tác động rất lớn do không làm chủ được công nghệ và sản xuất.

Thách thức nguồn nhân lực chất lượng cao, ngành công nghiệp vi mạch Việt Nam đang ở công đoạn gia công (cả ở công đoạn thiết kế và sản xuất), chưa xuất hiện đội ngũ kỹ thuật ở mức tổng công trình sư làm chủ sản phẩm hoàn chỉnh.

4. Đề xuất định hướng, giải pháp phát triển

- Việt Nam cần xây dựng Chiến lược phát triển công nghiệp Vi mạch bán dẫn quốc gia để có kế hoạch phát triển, lộ trình phù hợp, giúp phát huy hiệu quả mọi nguồn lực.

- Việt Nam khó có thể không trông chờ việc thu hút các doanh nghiệp FDI (Intel, Synopsys,...) để nâng cao năng lực công nghệ sản xuất và thiết kế vi mạch.

- Việt Nam cần có kế hoạch phát triển nhân lực vi mạch bán dẫn và xác định nguồn nhân lực là yếu tố quyết định thành công phát triển của công nghiệp vi mạch Việt Nam.

- Chính phủ cần có chính sách hỗ trợ phát triển các trung tâm đào tạo nhân lực vi mạch tiếp cận theo hướng chuyên sâu phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp, ví dụ như mô hình Trung tâm thiết kế vi mạch tại Khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh (SCDC). Đây là kết quả hợp tác giữa Khu Công nghệ cao và Công ty Synopsys (Mỹ) và được xây dựng trên nguồn lực xã hội hóa. Trung tâm SCDC cung cấp các chương trình phần mềm thiết kế của Synopsys đến các trường, viện thông qua mạng riêng ảo (VPN); tổ chức các khóa đào tạo cao cấp về thiết kế vi mạch, cung cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ đóng gói và thử nghiệm vi mạch, kết nối doanh nghiệp với nhà nghiên cứu, xây dựng thị trường thiết kế vi mạch cho Việt Nam và hợp tác với các trung tâm thiết kế vi mạch của các quốc gia khác như: MOSIS (Mỹ), CMP (Pháp), IMEC (Bỉ), CIC (Đài Loan), IDEC (Korea), VDEC (Nhật Bản).

- Cần có các chương trình tuyên truyền, quảng bá về vai trò quan trọng của nguồn nhân lực đối với phát triển công nghiệp vi mạch bán dẫn của Việt Nam rộng rãi hơn.

- Cần có chương trình kết nối đội ngũ tri thức Việt Nam, chuyên gia đầu ngành chip trên thế giới với các trường đào tạo, doanh nghiệp vi mạch trong nước để hợp tác kinh doanh, tiếp thu kiến thức, công nghệ chuyên sâu trong lĩnh vực vi mạch.

- Chính phủ cần có chính sách phát triển thị trường ngách, đặc thù cho các sản phẩm vi mạch Việt Nam. Lý do:

(i) Việt Nam khó có thể phát triển chip công nghệ tiên tiến với quy mô công nghiệp như các nước và các tập đoàn công nghệ lớn hiện nay. Một trong hướng tiếp cận cho Việt Nam là phát triển chip cho thị trường ngách, đặc thù và tập trung vào các dòng sản phẩm cụ thể, ví dụ chip quản lý IC nguồn, chip hỗ trợ kết nối cho các thiết bị IoT, chip tích hợp các lõi phần mềm,... các chip này luôn có hầu hết trong các loại board mạch, có tính ứng dụng, thị trường lớn, phù hợp với nguồn lực của Việt Nam;

(ii) Về công nghệ sản xuất Việt Nam có thể tiếp cận theo mô hình SIP (System in Packet) với ưu điểm chi phí thấp, thời gian xây dựng và sản xuất chip nhanh, công nghệ phù hợp với nhu cầu của Việt Nam trong sản xuất các thiết bị như IoT, viễn thông, thiết bị thông minh, công nghệ trên ô tô,... mà không đòi hỏi thương hiệu và các công nghệ chip tiên tiến cho các thiết bị như điện thoại và máy tính thế hệ mới nhất.

- Cần có các phòng thí nghiệm, hệ thống mô phỏng thiết kế vi mạch dùng chung để khuyến khích, hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, startup trong lĩnh vực vi mạch có thể tiếp cận các cơ sở đo kiểm, thử nghiệm sản phẩm thiết kế chip để phát triển sản phẩm.

- Cần có nền tảng thiết kế chip ảo để củng cố năng lực thiết kế chip, học theo mô hình châu Âu (virtual design platform to reinforce Europe's design capacity). Theo đó người dân, doanh nghiệp sẽ có cơ hội được tiếp cận rộng rãi các công cụ thiết kế, khai thác các thư viện dữ liệu về thiết kế chip, giúp kích thích sự hợp tác giữa cộng đồng người dùng và các nhà thiết kế chip, các nhà cung cấp công cụ, các startup và doanh nghiệp vừa và nhỏ,...

Kết luận

Trên đây là một số nội dung về hiện trạng công nghiệp vi mạch bán dẫn thế giới, chính sách phát triển của các nước. Căn cứ các phân tích trên xét về tổng thể, nếu Việt Nam đi theo cách làm của các nước là tự chủ toàn bộ chuỗi cung ứng sản xuất chip của riêng mình nước Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc sẽ không phù hợp. Tuy nhiên nếu có chính sách, giải pháp phù hợp, Việt Nam vẫn có cơ hội tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng bán dẫn toàn cầu nếu có kế hoạch dài hạn, chính sách, giải pháp đặc thù để thu hút đầu tư, hợp tác từ các nước cùng với sự quyết tâm mạnh mẽ từ cấp cao nhất của Chính phủ.

VI. LĨNH VỰC KINH TẾ SỐ - XÃ HỘI SỐ

ĐO LƯỜNG KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG THúc ĐẨY PHÁT TRIỂN

*Đồng chí Trần Minh Tuấn
Vụ trưởng Vụ Kinh tế số và Xã hội số*

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ VIỆT NAM TỪ GÓC NHÌN QUỐC TẾ

Chỉ số các nền kinh tế số do Thời báo Kinh tế (Financial Times) và Omdia khảo sát công bố mới nhất (22/11/2022) trên quy mô 39 quốc gia trên toàn cầu, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế số nhanh thứ hai thế giới (12,3%) vào năm 2022 (sau Ấn Độ), nhanh thứ ba thế giới (10,3%) vào năm 2023 (sau Mexico và Ấn Độ) và được dự báo dẫn đầu thế giới về tốc độ tăng trưởng kinh tế số trong giai đoạn 2022 - 2026. Tuy nhiên, điều cần quan tâm hiện nay là quy mô thị trường số của Việt Nam còn nhỏ, xếp thứ 25/39 quốc gia. Việt Nam có tiềm năng phát triển quy mô thị trường hơn thế khi tổng dân số Việt Nam xếp thứ 15 toàn cầu [WorldBank, 2021] và Báo cáo này cũng cho rằng Việt Nam sẽ trải nghiệm sự mở rộng đột phá về khả năng kết nối và thâm nhập thiết bị, tăng trưởng mạnh mẽ trong lĩnh vực thanh toán và giải trí kỹ thuật số.

Báo cáo nền kinh tế số Đông Nam Á e-Conomy SEA lần thứ 7 với chủ đề “Vượt qua sóng cả, vươn mình ra biển cơ hội” do Google, Temasek và Bain & Company thực hiện và công bố vào 27/10/2022, kinh tế Internet của Việt Nam đạt 23 tỷ USD trong năm 2022 và đang trên đà đạt 49 tỷ USD vào năm 2025, mức tăng trưởng nhanh nhất tại khu vực. Người dùng số thành thị tại Việt Nam có mức tiếp nhận dịch vụ số cao nhất, trong đó lĩnh vực thương mại điện tử, dịch vụ vận tải và giao đồ ăn đứng đầu danh sách với tỷ lệ lần lượt là 96%, 85% và 85%. Dịch vụ tài chính số được kỳ vọng phát triển vượt bậc. Lĩnh vực cho vay số đạt tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) nhanh nhất ở mức 114% giai đoạn 2021 - 2022 và duy trì ở mức tăng 56% giai đoạn 2022 - 2025. Lĩnh vực đầu tư dự kiến sẽ có bước nhảy vọt với mức hơn 106% CAGR giai đoạn 2022 - 2025. Hơn nữa, Việt Nam đứng đầu Đông Nam Á trong thị trường tăng trưởng dài hạn của các quỹ đầu tư mạo hiểm với 83% quỹ đầu tư mạo hiểm kỳ vọng hoạt động thương vụ tại Việt Nam tăng trưởng trong dài hạn.

II. ĐO LƯỜNG SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ VIỆT NAM

Kinh tế số có thể xem là một hình thái kinh tế và xã hội mới, được tạo ra sau khi Internet đã phát triển đến giai đoạn trưởng thành, trở thành động lực mới cho tăng trưởng kinh tế. Chính bởi vậy, các hệ thống chỉ số đo lường của nền kinh tế số trên thế giới đang trong quá trình đo lường thử nghiệm và không ngừng hoàn thiện phương pháp và dữ liệu đầu vào để đo lường. Tuy nhiên đến nay chưa có phương pháp thống nhất và kết quả đo lường phần lớn là ước tính và chưa đầy đủ. Khái quát lại các tổ chức, các quốc gia trên thế giới hiện đi theo 02 phương pháp đo lường chính như sau:

(i) Điều tra khảo sát thống kê dựa trên hệ thống tài khoản vệ tinh (điển hình là Mỹ, ADB, OECD,...);

(ii) Ước lượng từ mô hình hạch toán tăng trưởng (điển hình là phương pháp của Học viện về CNTT&TT Trung Quốc (CAICT), Huawei & Oxford Economics,...).

Tại Việt Nam hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao là đơn vị chủ trì cập nhật các chỉ tiêu kinh tế số và hàng năm thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số của quốc gia theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang tích cực phối hợp với các chuyên gia trong nước và quốc tế để chuẩn hóa phương pháp đo lường.

Tuy nhiên trong quá trình chờ chuẩn hóa phương pháp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, để phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế số, xã hội số, cần thiết phải có số liệu đo lường ước tính để theo dõi xu hướng phát triển kinh tế số, xã hội số nhằm đảm bảo tính kịp thời của việc ban hành và điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn và mục tiêu phát triển kinh tế. Bộ Thông tin và Truyền thông đã nghiên cứu, dưới sự hỗ trợ của nhiều chuyên gia trong và ngoài nước để tạm tính các số liệu phát triển kinh tế số và xã hội số liên quan đến việc theo dõi 03 chỉ tiêu: (i) Tỷ trọng kinh tế số trên GDP; (ii) Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực; (iii) Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ.

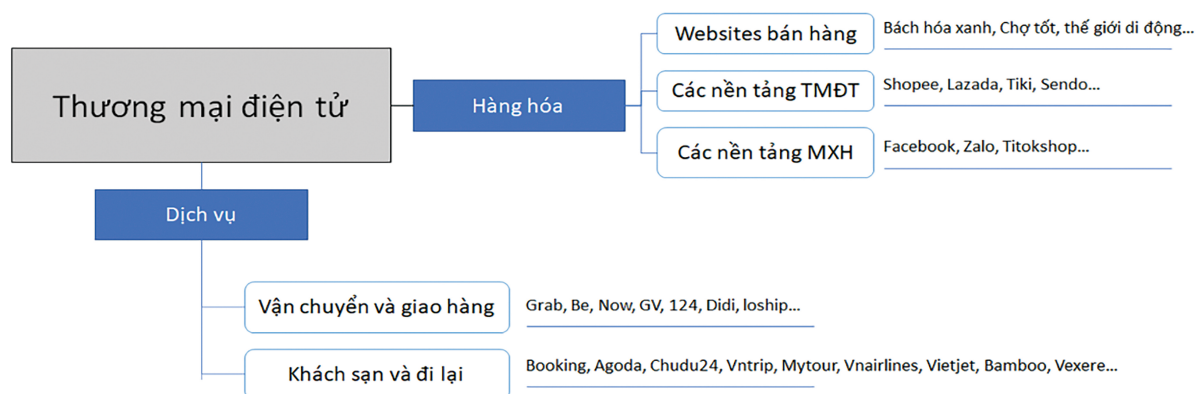
- Về phương pháp đề xuất đo lường:

Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp cận theo khái niệm về kinh tế số được đưa ra tại Quyết định số 411/QĐ-TTg gồm: (i) kinh tế số ICT (công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông); (ii) kinh tế số nền tảng là hoạt động kinh tế của các nền tảng số, các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung và cầu và các dịch vụ trực tuyến trên mạng; (iii) kinh tế số ngành là hoạt động kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực.

Trong đó:

+ Giá trị gia tăng của kinh tế số ICT và kinh tế số nền tảng được tạm tính bằng tích số của doanh thu căn cứ để tạm nộp thuế của các doanh nghiệp có mã ngành tương ứng với lĩnh vực hoạt động được đo lường thuộc danh mục hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và hệ số giá trị gia tăng từ bảng cân đối liên ngành.

Riêng đối với doanh thu từ hoạt động kinh tế của các nền tảng số, Bộ Thông tin và Truyền thông xác định nhóm Top các danh mục nền tảng số có số lượng người dùng lớn nhất của cả nước liên quan đến hoạt động thương mại điện tử và thực hiện khảo sát về mức chi tiêu/mức thu nhập của người dùng (có tham chiếu tới Báo cáo Thương mại Điện tử của Bộ Công Thương).



+ Giá trị gia tăng của kinh tế số ngành, lĩnh vực: hiện nay đang tạm ước tính mức độ đóng góp của công nghệ số đến các ngành, các lĩnh vực dựa trên việc áp dụng mô hình hồi quy với hàm hạch toán tăng trưởng (theo lý thuyết tăng trưởng tân cổ điển, có điều chỉnh để phù hợp với mức độ sẵn sàng của dữ liệu) và dữ liệu đầu vào khai thác từ các bảng cân đối liên ngành (I/O) 2007, 2012, 2016, 2019 để xác định hệ số chuyển đổi. Từ đó xác định mức đóng góp bằng mối tương quan giữa hệ số chuyển đổi và tỷ trọng chi tiêu cho công nghệ số trong tổng tiêu dùng trung gian của từng ngành, lĩnh vực và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Riêng đối với các tỉnh, thành phố, do mức độ chuyển đổi số của các tỉnh, thành phố là khác nhau, hệ số tác động kinh tế số tiếp tục được điều chỉnh theo chỉ số chuyển đổi số DTI của từng tỉnh, thành phố.

III. KẾT QUẢ ĐO LƯỜNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ CỦA VIỆT NAM (TÍNH ĐẾN THÁNG 10/2022)

1. Về xã hội số

Việt Nam xếp thứ 9 toàn cầu về số lượt tải mới ứng dụng trên thiết bị di động với tổng số lượng lượt tải đạt gần 3 tỷ lượt (tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước).

Trong số 20 nhóm nền tảng số có lượng người dùng thường xuyên hàng tháng lớn nhất cả nước, ưu thế thuộc về nhóm ứng dụng mạng xã hội (với số lượng tài khoản hoạt động thường xuyên của ứng dụng top 1 của Việt Nam hiện nay đạt 75 triệu); tiếp đến là nhóm nền tảng số thương mại điện tử, nền tảng số ngân hàng; đây cũng là các nhóm có tốc độ tăng trưởng số lượng người dùng lớn nhất trong năm 2022.

2. Về kinh tế số

Theo tính toán của Vụ Kinh tế số và Xã hội số, quy mô nền kinh tế số ghi nhận sự tăng trưởng trên cả 3 khía cạnh: kinh tế số ICT, kinh tế số nền tảng và kinh tế số ngành trong suốt 3 Quý năm 2022. Trong đó, hoạt động có đóng góp nhiều nhất cho kinh tế số là hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin (chiếm khoảng 30% tổng giá trị đóng góp của kinh tế số), tiếp đến là thương mại điện tử (14,3%), sản xuất phần cứng (12,83%) và hoạt động có tốc độ tăng trưởng cao nhất là thông tin nội dung số (tăng gần 104% so với Quý I/2022).

Theo số liệu tạm tính, đóng góp của kinh tế số cho GDP Quý III/2022 ước đạt tỷ trọng khoảng 14,26%, trong đó: kinh tế số ICT đóng góp khoảng 7,15%; kinh tế số nền tảng ước tính đóng góp 2,84% và kinh tế số ngành ước tính đóng góp khoảng 4,28%.

Ngoài ngành Thông tin và Truyền thông, 03 ngành có tỷ lệ đóng góp nhiều nhất của công nghệ số là các hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ (23,17%); hoạt động của Đảng cộng sản, tổ chức chính trị xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng, đảm bảo xã hội bắt buộc (18,54%) và nghệ thuật, vui chơi, giải trí (12,09%). Xét về mặt giá trị, công nghệ số đóng góp nhiều nhất ở ngành công nghệ chế biến, chế tạo; bán buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy, xe có động cơ khác và các hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ.

Về đo lường tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hiện nay các bảng cân đối liên ngành IO của các địa phương đang được hoàn thiện nên việc đo lường sẽ được thực hiện trong năm 2023.

IV. ĐỊNH HƯỚNG THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ - XÃ HỘI SỐ TRONG NĂM 2023

Năm 2022 là năm khởi động: bước đầu thiết lập thể chế gồm pháp lý, tổ chức quản lý và thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

Năm 2023 là năm nền tảng, có tính chất bản lề thực hiện các mục tiêu đến năm 2025, do đó cần tập trung vào:

- “Thể chế”: hoàn thiện văn bản pháp lý về giao dịch điện tử, chính sách thúc đẩy kinh tế số, xã hội số.

- “Điển hình”: xây dựng các mô hình điểm kinh tế số, xã hội số để rút kinh nghiệm, nhân rộng.

- “Dữ liệu”: chuẩn hóa phương pháp đo và thu thập dữ liệu về kinh tế số, xã hội số.

- “DTI”: Bộ chỉ số chuyển đổi số DTI sẽ là trọng số quan trọng để đánh giá mức độ chuyển đổi số của các Bộ/Ngành/địa phương và từ đó sẽ phản ánh tỷ trọng kinh tế số trong GRDP.

Do đó:

- Các Bộ, Ngành, địa phương cần đẩy mạnh công tác chuyển đổi số của mình; chỉ đạo các doanh nghiệp đầu tư mở rộng và nâng cao chất lượng hạ tầng kết nối, hạ tầng IoT để đưa mọi hoạt động lên môi trường số, phủ sóng vùng lõm, triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ đảm bảo đạt được chỉ tiêu tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt trên 80%, số hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt trên 80% vào năm 2025. Chỉ tiêu này sẽ là cơ sở để điều chỉnh tính toán mức độ đóng góp của công nghệ số trong các ngành, các lĩnh vực tại các Bộ, Ngành, địa phương.

- Định hướng năm 2023 là “năm dữ liệu số” tập trung giải quyết các vấn đề dữ liệu số và nâng cao nhận thức, đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu, đẩy mạnh quản trị số. Tập trung xây dựng hành lang pháp lý thuận lợi cho giao dịch điện tử; xây dựng cơ sở dữ liệu về kinh tế số - xã hội số và đẩy mạnh việc kết nối với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Tiếp tục phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng và nền tảng đào tạo trực tuyến mở đại trà (MOOC) tại địa chỉ onetouch.mic.gov.vn để đào tạo, tập huấn nâng cao kỹ năng số cho cán bộ công chức, doanh nghiệp và người dân hướng tới hình thành thói quen số, văn hóa số.

- Đẩy mạnh các hoạt động thương mại điện tử, hướng tới thương mại điện tử tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

**CHIA SẺ CÁCH LÀM HAY TẠI HỘI NGHỊ
TỔNG KẾT CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG NĂM 2022,
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023**

*Đồng chí Vũ Hùng Dũng
Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai*

1. Xây dựng cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp tại địa chỉ <http://htdn.laocai.gov.vn>

Trong thời gian qua, việc thực hiện các dự án đầu tư còn tồn tại nhiều khó khăn, vướng mắc khi doanh nghiệp chưa thực sự nắm bắt đầy đủ thủ tục cần xử lý. Ngoài ra, các doanh nghiệp cũng thiếu thông tin khi thiếu sót hồ sơ, theo dõi tiến độ yêu cầu và khó khăn trong việc tiếp nhận phản hồi từ xa với các cấp quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, lãnh đạo tỉnh và các cơ quan quản lý nhà nước cũng gặp khó trong việc nắm bắt các vấn đề tồn tại cần tháo gỡ liên quan đến dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh khi chưa có một hệ thống theo dõi, giải quyết những kiến nghị, khó khăn của doanh nghiệp. Các yêu cầu phối hợp xử lý giữa Ủy ban nhân dân Tỉnh và các sở, ban ngành liên quan về dự án đầu tư ngoài ngân sách đang không có công cụ kiểm soát chặt chẽ,...

Từ những khó khăn, vướng mắc trên, với tầm nhìn chiến lược và định hướng cụ thể: “*Biến sự bị động của chính quyền thành sự chủ động trong hỗ trợ doanh nghiệp*”, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lào Cai đã phối hợp với các ngành liên quan dành thời gian nghiên cứu, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai triển khai xây dựng “*Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp Lào Cai*”, nhằm tạo ra môi trường tương tác hai chiều giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước với một số nội dung trọng tâm và đổi mới, cụ thể:

1. *Giúp doanh nghiệp có thể quản lý và theo dõi các dự án xin chủ trương đầu tư qua môi trường số và đưa ra kiến nghị, đề xuất trong quá trình triển khai dự án tới các cơ quan quản lý nhà nước.*

2. *Giúp cơ quan quản lý nhà nước công khai minh bạch các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp dự án đầu tư và trả lời các kiến nghị, đề xuất của doanh nghiệp.*

Ngay sau khi tiếp nhận bài toán trên, Sở Thông tin và Truyền thông đã cùng với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện:

(1) Khảo sát thực trạng quy trình quản lý các dự án đầu tư, quy trình giải quyết các vướng mắc trong quá trình triển khai dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

(2) Từ đó tư vấn tối ưu hóa quy trình và thống nhất quy trình đưa lên môi trường số.

(3) Tiến hành phát triển *Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp*.

Biến chủ trương, định hướng thành kết quả trong thực tiễn, sau hơn 1 năm triển khai xây dựng, Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp đã hoàn thành với đầy đủ các mục tiêu trọng tâm và đổi mới trong việc hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký và tương tác thông tin với Chính quyền, như:

- Tính năng Cập nhật tin tức liên quan đến các lĩnh vực đầu tư trên địa bàn tỉnh và biến động thị trường trong nước và quốc tế.

- Tiếp cận các thông tin xúc tiến đầu tư, tiềm năng thế mạnh, danh mục các dự án kêu gọi đầu tư của tỉnh Lào Cai thông qua các giao diện trực quan, sinh động như sách điện tử, các Video chính thống của tỉnh Lào Cai cung cấp.

- Tính năng Đăng ký thực hiện dự án đầu tư, theo dõi quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư của dự án: Doanh nghiệp thực hiện đăng ký tài khoản của doanh nghiệp theo mã số thuế doanh nghiệp và các thông tin doanh nghiệp để thực hiện đăng ký dự án đầu tư và quản lý các văn bản đăng ký thực hiện dự án đầu tư của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Doanh nghiệp có thể theo dõi quá trình chấp thuận chủ trương đầu tư trên hệ thống từ lúc Doanh nghiệp nộp đơn đăng ký thực hiện dự án đến bước Ủy ban nhân dân tỉnh giao các đơn vị chủ trì tiếp nhận và xin ý kiến các ngành, doanh nghiệp có thể theo dõi các đơn vị tham gia có ý kiến, hạn xử lý, trạng thái quá hạn bằng cách thể hiện các gam màu đặc trưng của hệ thống. Bên cạnh đó, Hệ thống sẽ hiển thị cho doanh nghiệp các văn bản liên quan hoặc tham gia ý kiến, thông tin của người trực tiếp xử lý một cách công khai. Ngoài ra, hệ thống giúp theo dõi quá trình xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh và trình tự các bước còn lại của dự án.

- Gửi, nhận kết quả và theo dõi quá trình giải quyết kiến nghị của Doanh nghiệp mình gửi lên cho cơ quan quản lý nhà nước.

Với các tính năng trên, Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp sau khi được chính thức đưa vào sử dụng sẽ là cầu nối giúp cho việc Số hóa quy trình xúc tiến đầu tư các dự án tại tỉnh Lào Cai, số hóa quy trình hỗ trợ đầu tư cho các Doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh muốn đầu tư các dự án của tỉnh Lào Cai. Các cấp Lãnh đạo sẽ chủ động việc quản lý theo dõi tổng quan các công việc của các cấp, ngành, chuyên viên xử lý và tiến độ thực hiện. Các chuyên viên xử lý trực tiếp công việc sẽ nắm bắt được yêu cầu, tiến độ công việc, đồng thời quản lý công việc liên quan một cách chủ động, khoa học, tránh bỏ sót công việc.

Hệ thống giúp quản lý chặt chẽ, minh bạch các nhiệm vụ được giao từ Ủy ban nhân dân tỉnh đến các đơn vị trực thuộc để giải quyết kiến nghị, đề xuất cho Doanh nghiệp. Hướng tới xây dựng cho Doanh nghiệp 1 hệ thống tương tác với cơ quan quản lý nhà nước duy nhất với định hướng 1 cổng - 1 điểm chạm, hướng tới xây dựng *chính phủ điện tử 4 Không* “*hộp không gặp mặt; xử lý văn bản không giấy tờ; giải quyết thủ tục hành chính không tiếp xúc; và thanh toán không dùng tiền mặt*”.

Có Video giới thiệu kèm theo tại địa chỉ web: https://drive.google.com/file/d/1T-tPZRwUNfMrMrtDfJwWSstmpPEfsYMr/view?usp=share_link

2. Xây dựng Cổng dịch vụ công cửa khẩu quốc tế Lào Cai

Cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu là một trong ba cửa khẩu quốc tế có vị trí quan trọng trong giao lưu kinh tế thương mại qua biên giới đất liền giữa hai nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Hiện nay, cửa khẩu được đầu tư rất quy mô và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, giúp các doanh nghiệp và cá nhân xuất nhập hàng hóa thuận lợi hơn trong quá trình làm việc. Với những gì đã làm được trong thời gian qua và đang phát huy hiện nay, cửa khẩu quốc tế Lào Cai là một cơ quan trọng yếu cả về quân sự, kinh tế và an sinh xã hội của tỉnh Lào Cai.

Tuy nhiên, để đáp ứng đầy đủ các quy trình giải quyết thực hiện dịch vụ công tại cửa khẩu quốc tế Lào Cai nhằm tăng cường công tác quản lý, giám sát của các cơ quan nhà nước trong hoạt động xuất nhập khẩu, công khai minh bạch, đẩy mạnh cải cách hành chính, *đặc biệt hình thành một điểm duy nhất (One Stop)*, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm thời gian luân chuyển giấy tờ, chi phí công sức của doanh nghiệp, góp phần nâng cao năng lực thông quan của cửa khẩu được nhanh chóng, thuận tiện và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu, đồng thời giúp doanh nghiệp và chính quyền dự báo, nắm bắt tình trạng

thông thương tại cửa khẩu để có các điều chỉnh kịp thời trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành. Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Lào Cai và các đơn vị liên quan tham mưu cho tỉnh Lào Cai triển khai xây dựng thí điểm *Cổng dịch vụ công cửa khẩu quốc tế Lào Cai tại Cửa khẩu Quốc tế đường bộ số II Kim Thành*, với mô hình như sau:

*** *Tính năng sản phẩm đáp ứng đầy đủ các quy trình thực hiện, gồm:***

- Có giao diện web, giao diện mobile và app mobile.
- Một cửa liên thông Hệ thống cổng dịch vụ công tại cửa khẩu quốc tế;
- Số hóa quy trình: Tiết kiệm tối đa thời gian và thao tác tại cửa khẩu.
- Phân luồng: Đưa ra các tiêu chí công khai trong việc phân chia các luồng tham gia vào cửa khẩu;
- Công khai - Minh bạch: Cung cấp cái nhìn toàn cảnh về hoạt động Xuất nhập khẩu.
- Nền tảng cửa khẩu số hỗ trợ đầy đủ quy trình nghiệp vụ hoạt động của cửa khẩu,... Ngoài ra các nghiệp vụ quản lý của các cơ quan nhà nước đối với cửa khẩu cũng được tích hợp trên “Nền tảng cửa khẩu số”.
- Nền tảng cửa khẩu số có các module tối ưu cho mọi thiết bị từ máy tính bàn, máy tính bảng, điện thoại đảm bảo kết nối mọi lúc mọi nơi. Đảm bảo tính an toàn bảo mật.

*** *Hiệu quả, giá trị mang lại***

- *Đối với các cấp quản lý cửa khẩu:* Cung cấp cái nhìn toàn cảnh về hoạt động xuất nhập khẩu tại địa phương theo thời gian thực thông qua dữ liệu Dashboard. Dễ dàng nắm bắt thông tin để chỉ đạo, điều hành kịp thời. Cung cấp thông tin thời gian thực giữa các quy trình xử lý tờ khai, tăng cường khả năng kết nối tới doanh nghiệp, minh bạch trong quá trình xử lý thông tin. Nâng cao năng lực thông quan nhờ tiết kiệm thời gian luân chuyển giấy tờ.

- *Đối với cán bộ quản lý tại cửa khẩu:*

+ Cán bộ Thuế và Ban Quản lý cửa khẩu: Hệ thống tính toán phí hạ tầng doanh nghiệp cần thanh toán; Thống kê báo cáo, cập nhật số lượng phí đã thu theo thời gian thực minh bạch thông tin.

+ Cán bộ Biên phòng: Dễ dàng quản lý xe ra vào cửa khẩu, dữ liệu xe được nhận diện từ hệ thống camera AI lắp đặt tại các cổng ra vào; Dễ dàng truy vết dựa theo các

thông tin có trên hệ thống; Hệ thống có liên thông với dữ liệu Cục Đăng Kiểm, tra cứu thông tin các xe nhanh chóng.

+ Cán bộ Hải quan: Đơn giản hóa xử lý thủ tục hải quan, các bước xác nhận thông qua một nền tảng duy nhất; Hệ thống liên thông dữ liệu Tổng Cục Hải quan, đối soát thông tin các tờ khai Hải quan nhanh chóng ngay tại hệ thống.

+ Cán bộ CSGT: Bản đồ trực quan về lưu lượng xe đến/ra khỏi cửa khẩu, số liệu dự báo.

+ Cán bộ Y Tế, Kiểm dịch: Theo dõi khai báo y tế; Truy vết các trường hợp tiếp xúc gần. Hỗ trợ khoanh vùng nhóm đối tượng y tế; Ước tính được số đăng ký kiểm dịch trong thời gian; Tra cứu, tìm kiếm, thống kê các hồ sơ đã kiểm dịch.

- *Đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu:* Doanh nghiệp xuất nhập khẩu dễ dàng khởi tạo bản khai sơ lược thông tin hàng hóa mọi lúc, mọi nơi. Dễ dàng quản lý được các phương tiện đã khai báo trên hệ thống. Theo dõi quy trình tờ khai phí được xử lý theo thời gian thực. Nắm bắt được tình trạng trên cửa khẩu để đưa quyết định xuất hàng, giảm thiểu rủi ro, nhất là với các doanh nghiệp xuất/nhập khẩu nông sản.

- *Đối với các lái xe:* Dễ dàng nắm bắt thông tin giao thông, bến bãi để chủ động điều chỉnh lộ trình, góp phần giảm ùn tắc giao thông tại khu vực cửa ngõ cửa khẩu. Đơn giản hóa việc khai báo các thủ tục tại cửa khẩu. Theo dõi quá trình xác nhận thủ tục hải quan thời gian thực.

- *Đối với các doanh nghiệp bến bãi:* Cung cấp công cụ quản lý bãi xe, kết nối hệ thống camera AI giúp kiểm soát xe ra vào bãi. Cung cấp tình trạng bãi xe thời gian thực giúp doanh nghiệp bến bãi quản lý điều tiết phương tiện ra vào bãi. Tiềm năng mở rộng các tiện ích hỗ trợ các dịch vụ đi kèm.

*** Điểm nổi bật của tỉnh Lào Cai khi thực hiện xây dựng Cổng dịch vụ công cửa khẩu quốc tế Lào Cai:**

+ Nâng cấp quy trình, hoàn thiện các lỗ hổng trong quy trình

+ Bổ sung các nghiệp vụ nâng cao như: Phân luồng xếp chỗ; Tích hợp gọi xe, sang tải 01 xe sang nhiều xe, sang tải nhiều xe vào 01 xe; Thu phí tự động, Quản lý xe; Quản lý người, phương tiện trong cửa khẩu,...

+ Bổ sung tương tác của doanh nghiệp với lực lượng chức năng qua các tính năng: Đánh giá tờ khai, phản ánh kiến nghị trong và ngoài tờ khai.

3. Ban hành Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng mức độ chuyển đổi số của các địa phương, các cơ quan đảng, cơ quan nhà nước, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai, đặc biệt Bộ chỉ số đánh giá, xếp hạng này được triển khai thực hiện đánh giá đến các phòng, ban cấp huyện và các xã, phường, thị trấn.

VII. LĨNH VỰC BÁO CHÍ, TRUYỀN THÔNG

XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG BÁO CHÍ NHÂN VĂN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

*Đông chí Mai Hương Giang
Phó Cục trưởng Cục Báo chí*

Trong sự kiện mới nhất vừa diễn ra ngày 24/11/2022, tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về Truyền thông chính sách với chủ đề “Nhận thức - Hành động - Nguồn lực”, người đứng đầu Chính phủ nhiều lần nhấn mạnh: Mọi chính sách đều hướng đến người dân; Đảng, Nhà nước không có mục tiêu nào ngoài mục tiêu làm cho nhân dân sống trong độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc.

Mọi chính sách đều hướng đến người dân - hay lấy “người dân là trung tâm”, điều này chúng ta đều thấy rõ, được chứng minh qua đại dịch Covid-19. Và báo chí đã thực hiện tốt nhiệm vụ thông tin kịp thời, chính xác, kiến giải, giám sát, phản biện trong phòng, chống dịch Covid-19 với mục tiêu “người dân là trung tâm”, “tính mạng, sức khỏe của người dân là trên hết”. Tham luận tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về Truyền thông chính sách của thành phố Hồ Chí Minh nêu rõ: Đại dịch Covid-19 dẫn đến cuộc khủng hoảng thông tin; thông tin thiếu kiểm chứng, tin giả, tin sai lệch về dịch bệnh lan tràn, gây hoang mang và làm suy giảm niềm tin của người dân. Trong bối cảnh đó, vai trò chủ lực của báo chí, nhất là các cơ quan báo chí chính thống được khẳng định và phát huy, thể hiện trên các phương diện: Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về tình hình dịch bệnh và các giải pháp của Chính phủ; Điều hòa dư luận và thúc đẩy đồng thuận xã hội như một nguồn lực xã hội cho công tác phòng, chống dịch và tăng cường niềm tin của người dân vào hệ thống chính trị.

Báo cáo tin tức số ấn bản thứ 10 năm 2021 được Viện Nghiên cứu báo chí Reuters công bố ngày 23/6 cho thấy: niềm tin vào tin tức báo chí tăng mạnh trong bối cảnh đại dịch Covid-19 (tăng 6 điểm so với năm 2020, với 44% tổng số người được hỏi đặt niềm tin vào báo chí, dựa trên khảo sát trực tuyến 92.000 người ở 46 thị trường khác nhau).

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng cũng đã chỉ rõ: “*Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại*”.

Tại sao phải xây dựng nền báo chí nhân văn? Bởi lẽ, giá trị của báo chí chính là những thông tin khách quan, trung thực, chính xác, nhân văn, bổ ích mà báo chí đã mang lại cho công chúng và xã hội. Tính chính xác, nhân văn là giá trị cốt lõi và là

lý do tồn tại của báo chí. Một nền báo chí nhân văn sẽ có sức mạnh bảo vệ giá trị tốt đẹp, lợi ích tối cao, thiết thực của đất nước và người dân.

Uy tín của phóng viên, của báo chí cũng có lúc đã xuống thấp. Nhưng báo chí đã chủ động “làm sạch”, lấy lại niềm tin của bạn đọc. Báo chí thực hiện đúng tôn chỉ mục đích, hoạt động theo pháp luật, thông tin trung thực, khách quan, vì bạn đọc. Nội hàm của báo chí nhân văn là báo chí vì thân phận của người dân.

Xã hội hiện đại ngày nay đang có rất nhiều câu chuyện liên quan đến thân phận con người cần báo chí hướng đến, như: môi trường ô nhiễm ảnh hưởng đến chất lượng sống của người dân; biến đổi khí hậu, lạm phát giá cả, tai nạn giao thông, dịch bệnh,... Trong xã hội phát sinh những điểm nóng, khi người dân có bức xúc khi đâu đó có việc thực thi pháp luật chưa nghiêm, báo chí cần phản ánh thể hiện tinh thần xây dựng, không làm nóng thêm vấn đề, đi sâu tìm hiểu nguyên nhân để thông tin phản biện, kiến nghị chính sách, giải quyết, đáp ứng nguyện vọng của người dân. Đó chính là thể hiện báo chí nhân văn, luôn hướng đến thân phận của người dân. Báo chí phải khơi dậy khát vọng phát triển, những giá trị cốt lõi của đất nước, dân tộc; cổ vũ mạnh mẽ tinh thần tự lực, tự cường, đổi mới sáng tạo, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với tích cực, chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả. Báo chí cũng phải phát hiện, biểu dương những nhân tố mới, người tốt, việc tốt, “lấy cái đẹp dẹp cái xấu”, “lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực” để nhân dân có niềm tin vào các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; chủ động đấu tranh với những thông tin xuyên tạc, xấu độc, sai sự thật, chống phá Đảng, Nhà nước, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đặc biệt, tham gia tích cực vào công cuộc phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí đang được Đảng ta triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả.

Sức mạnh của báo chí chính là niềm tin của người dân. Báo chí phải nói được tiếng nói của người dân, hướng đến bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người dân. Báo chí làm tốt điều này sẽ có được bạn đọc, từ đó được bạn đọc tin tưởng, gửi gắm, bộc lộ tâm tư, nguyện vọng. Và do đó, báo chí sẽ có chỗ đứng trong lòng bạn đọc. Muốn làm được điều này, đòi hỏi cơ quan báo chí phải tuân thủ đúng quy định pháp luật, thực hiện đúng tôn chỉ mục đích. Người làm báo phải không ngừng trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ, rèn luyện bản lĩnh chính trị, nêu cao trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, nhân văn; nhiệt huyết, thông tin nhanh, chính xác, khách quan, chân thực, kịp thời, có trách nhiệm; không để bị chi phối, suy thoái trước những “cám dỗ”, làm mất đi tính khách quan, trung thực trong mỗi tác phẩm báo chí.

Để xây dựng môi trường báo chí nhân văn trong giai đoạn hiện nay, các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí, cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan báo chí cần phối hợp chặt chẽ, đẩy mạnh triển khai một số giải pháp sau:

- Báo chí cần phát huy hơn nữa vai trò làm chủ của nhân dân, là động lực kích lệ nhân dân, thu hút được sự tham gia tích cực của người dân, làm sao để “dân biết, dân hiểu, dân tin, dân theo, dân làm”, để người dân thực sự là trung tâm, là chủ thể, là mục tiêu, là động lực, nguồn lực cho phát triển; thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí, góp phần xây dựng, phát triển Chính phủ số, Nền kinh tế số, Xã hội số, Công dân số; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, các công nghệ mới vào hoạt động báo chí, truyền thông, tiếp tục khẳng định vai trò dẫn dắt và định hướng dư luận xã hội, phục vụ tốt hơn nhu cầu thông tin của người dân.

- Củng cố và phát huy vai trò của tổ chức Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của cơ quan báo chí; tăng cường trách nhiệm của cơ quan chủ quản và người đứng đầu cơ quan báo chí đảm bảo hoạt động báo chí tuân thủ quy định pháp luật, đúng tôn chỉ, mục đích, coi trọng giá trị tư tưởng, giá trị nhân văn của báo chí, chấn chỉnh và xử lý nghiêm các sai phạm của cơ quan báo chí.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tích cực cung cấp thông tin một cách chủ động, có trách nhiệm để các nhà báo, phóng viên thuận lợi trong quá trình tác nghiệp; đồng thời, cần bảo vệ những phóng viên, nhà báo trong thực thi nhiệm vụ và xử lý nghiêm những hành vi vi phạm.

- Triển khai hiệu quả, thường xuyên, liên tục, thiết thực Phong trào thi đua “Xây dựng môi trường văn hóa trong các cơ quan báo chí” theo Kế hoạch số 154-KH/BTGTW ngày 10/6/2022 của Ban Tuyên giáo Trung ương.

- Phát huy vai trò của Hội đồng đạo đức báo chí thuộc Hội Nhà báo Việt Nam, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

- Rà soát, đề xuất hoàn thiện hành lang pháp lý trong hoạt động báo chí, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người làm báo; có cơ chế, chính sách thúc đẩy, hỗ trợ các cơ quan báo chí phát triển nguồn thu nhằm đảm bảo đời sống ổn định cho người làm báo.

Một nền báo chí nhân văn vì con người - là nền báo chí có được niềm tin của bạn đọc. Đó chính là sức mạnh của báo chí.

Xin trân trọng cảm ơn và kính chúc các quý vị đại biểu sức khỏe và thành công!

GIẢI PHÁP NÂNG CAO SỨC ẢNH HƯỞNG CỦA BÁO CHÍ ĐỐI NGOẠI GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO THỨ HẠNG HÌNH ẢNH VIỆT NAM

*Đồng chí Nguyễn Thị Hoa Mai
Phó Cục trưởng tập sự Cục Thông tin đối ngoại*

Trong 816 cơ quan báo chí được cấp phép, báo chí đối ngoại (BCĐN) được quy hoạch gồm 6 đơn vị: 01 báo in đối ngoại quốc gia; 01 tạp chí in đối ngoại quốc gia; 01 báo điện tử đối ngoại quốc gia; 01 kênh chương trình phát thanh đối ngoại quốc gia; 02 kênh chương trình truyền hình đối ngoại.

1. Kết quả đạt được

- Hệ thống quy hoạch BCĐN bắt đầu được hình thành từ năm 2012, nhưng đã nhanh chóng trở thành “hệ thống loa” phát ra thế giới (với 13 thứ tiếng: Việt, Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Nga, Đức, Trung, Nhật, Hàn Quốc, Lào, Thái, Khmer và Indonesia), góp phần làm cho thế giới thay đổi cách nhìn, cách nghĩ, cách đánh giá về Việt Nam, từ hình ảnh một đất nước anh hùng trong chiến tranh, Việt Nam nay được biết đến là đất nước năng động trong hòa bình, với chế độ chính trị ổn định, chính sách đối ngoại cởi mở và nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao.

- Về địa bàn và phương thức phát hành, truyền dẫn, phát sóng: (i) đối với báo in, tổ chức phát hành đến 706 địa chỉ tại 121 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới; (ii) đối với truyền dẫn, phát sóng kênh phát thanh, truyền hình qua vệ tinh, hiện phát sóng trên hạ tầng của gần 40 đối tác với khoảng 50 triệu thuê bao, tại hơn 30 quốc gia và vùng lãnh thổ (vệ tinh châu Âu và Bắc Mỹ); (iii) đối với trang tin điện tử, hiện có 214 quốc gia và vùng lãnh thổ truy cập trang, số lượng truy cập đến từ 14.480 thành phố trên thế giới.

- Tổ chức đăng, phát trên các nền tảng số, mạng xã hội (Youtube, Facebook, Twitter, Tiktok),... để tăng số lượng người xem. Hiện nay, số lượng người truy cập tăng dần theo năm, theo đó phải kể đến năm 2021, kênh VTV4, phát trên hệ thống VTVgo với hơn 2 triệu lượt xem/tháng; Vietnam Plus với 999.610.045 lượt người xem; Việt Nam News, bản e-paper với 40 triệu lượt đọc trên các kênh Social media.

Nhìn chung, cơ quan BCĐN đã ứng dụng các công nghệ mới vào quy trình sản xuất thông tin điện tử, sản xuất các bài chất lượng cao, theo định dạng phong phú long-form/mega story, infographics, megastory (*tác phẩm báo chí bao gồm âm thanh, video, ảnh, dữ liệu thể hiện bằng công nghệ kỹ thuật số*), timeline (*thông tin tư liệu tổng hợp theo dòng thời gian*),... kết hợp nhiều yếu tố đa phương tiện, cập nhật những xu hướng nổi bật của báo chí thế giới hiện nay là Visual Journalism (báo chí thị giác), Data Journalism (báo chí dữ liệu).

2. Các vấn đề tồn tại

Thứ nhất, thiếu chính sách đặc thù cho BCĐN. Hiện, nhà nước chưa có chính sách, đơn giá để thuê đội ngũ chuyên gia, cộng tác viên, dẫn chương trình nước ngoài; chưa có chính sách đặc thù để đưa kênh truyền hình Việt Nam vào hạ tầng các nước (ở các nước việc đăng, phát tin, bài, đưa kênh vào truyền hình bản địa thực hiện theo Luật Thương mại, không theo Luật Đầu thầu như ở ta).

Hai là, chưa có định mức kinh tế kỹ thuật đặt hàng riêng cho BCĐN. Hiện, BCĐN vẫn áp dụng theo định mức của báo chí đặt hàng trong nước, trong khi để làm được 1 sản phẩm BCĐN đòi hỏi sản phẩm chất lượng cao, từ yêu cầu về phóng viên, biên tập viên (*giỏi ngoại ngữ, bản lĩnh chính trị vững, có kỹ năng nghiệp vụ tuyên truyền đối ngoại*), cho đến chất lượng nội dung, chất lượng kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu của công chúng đối ngoại - đối tượng có trình độ và yêu cầu cao về thụ hưởng thông tin do hơn ½ đối tượng của TTĐN đến từ các nước có trình độ phát triển. Một số định mức chưa có như sản xuất tin, bài, chương trình phát thanh, truyền hình trực tiếp bằng tiếng nước ngoài.

Ba là, hiện tượng chảy máu chất xám đang diễn ra ở nhiều cơ quan BCĐN. Nhiều phóng viên, biên tập viên giỏi ngoại ngữ, bản lĩnh chính trị vững vàng, được đào tạo bài bản ở trong và ngoài nước đã chuyển sang các tổ chức nước ngoài do mức lương hấp dẫn hơn và thời gian làm việc hành chính, không phải trực ngoài giờ.

Thứ tư là, số lượng người đọc, xem, nghe nhìn, truy cập và xếp hạng lượng truy cập chưa cao. Chẳng hạn: Theo Noxinfluencer: (i) thứ hạng kênh VTV4 trên Youtube là 153806, kênh KBS World - Hàn Quốc ở vị trí thứ hạng 388. (ii) VOV5 ở vị trí 466540, kênh BBC tiếng Việt ở vị trí 21172.

Năm là, chưa có công cụ đo lường, đánh giá thống nhất để đánh giá hiệu quả thông tin của BCĐN. Hiện, mỗi cơ quan báo chí sử dụng 1 loại công cụ đo khác nhau.

Sáu là, chưa xây dựng kênh truyền hình đối ngoại quốc gia.

Bảy là, chuyển đổi số trong hoạt động báo chí chưa nhanh, chưa đồng đều. Ở một vài cơ quan BCDN, việc đổi mới về phương thức tác nghiệp chưa theo kịp với sự thay đổi của công nghệ.

Tám là, các cơ quan báo chí thiếu công cụ, thiếu một định hướng về nội dung truyền thông quảng bá theo 1 Khung chung thống nhất để quảng bá hình ảnh quốc gia.

3. Nhìn từ Hàn Quốc

Ở Hàn Quốc, BCDN có sứ mệnh: (i) Tăng cường quảng bá hình ảnh quốc gia. (ii) Bảo vệ quan điểm của Hàn Quốc; cải thiện mối quan hệ với người nước ngoài. (iii) thúc đẩy tăng tính cạnh tranh quốc gia.

Nhà nước đặt ra định hướng rõ ràng để phát triển BCDN. Chẳng hạn hãng thông tấn Yonhap được định hướng phải trở thành hãng thông tấn lớn tương xứng với vị thế trong 10 cường quốc đứng đầu của thế giới.

Để thực hiện sứ mệnh của mình, báo chí Hàn Quốc luôn giữ vai trò trung tâm trong việc hình thành dư luận xã hội ở Hàn Quốc và đẩy mạnh hoạt động truyền thông quảng bá bằng cách:

(i) Đẩy mạnh hợp tác với hãng thông tấn, báo chí nước ngoài qua hình thức hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác, hoạt động liên kết.

(ii) Cung cấp dịch vụ tin tức miễn phí trên website bằng tiếng Anh.

(iii) Tổ chức cung cấp gói dịch vụ nội dung, không cung cấp nguyên kênh. Chẳng hạn: **Korea Now** chỉ cung cấp 2 video clip mỗi tuần để quảng bá đất nước Hàn Quốc.

(iv) Sử dụng điện toán đám mây và trí tuệ nhân tạo trong hoạt động báo chí.

Tôi xin nêu 1 ví dụ về cách làm của **kênh truyền hình đối ngoại quốc gia KBS World**: (i) Kênh KBS World đã sử dụng dịch vụ trí tuệ nhân tạo của Amazon (văn bản thành giọng nói, tìm kiếm khuôn mặt,...). (ii) Triển khai nhà máy sản xuất nội dung số tích hợp hệ thống sản xuất và phân phối nội dung số trên nền tảng đám mây. (iii) Tăng cường áp dụng các công nghệ mới như blockchain và trí tuệ nhân tạo để cải thiện phát trực tuyến video. (iv) Triển khai dịch vụ Content Delivery Network (giúp phân phối video với chất lượng phù hợp tốc độ mạng và thiết bị của người dùng (kích thước, độ phân giải màn hình và các nền tảng hệ điều hành thiết bị khác nhau như iOS, Android, HTML5 web) tạo ra nhiều nội dung mới và các dịch vụ đa dạng hơn.

Nhờ sử dụng công nghệ đã giúp KBS World tăng lợi nhuận quảng cáo từ mạng xã hội nhờ sự tăng trưởng của số người theo dõi kênh (subscribers). Năm 2018, lợi

nhuận của KBS World từ Youtube đạt 2,6 tỷ won, tăng 60% so với năm 2017 (1,6 tỷ won). Cuối tháng 12/2019, doanh số quảng cáo thu được từ Youtube của KBS World đạt 2,8 tỷ Won, tăng 8,6 % từ 2018.

4. Giải pháp cho báo chí đối ngoại Việt Nam

BCĐN quốc gia là lực lượng chủ lực phục vụ công tác tư tưởng và nhiệm vụ TTĐN, do đó, cần xây dựng, củng cố và phát triển các cơ quan BCĐN quốc gia hiện đại, có tầm ảnh hưởng trong khu vực và trên thế giới. Trên cơ sở nắm bắt nhu cầu từ các cơ quan BCĐN và qua nghiên cứu kinh nghiệm của Hàn Quốc, Cục TTĐN xin đề xuất một số giải pháp bước đầu nhằm nâng cao sức ảnh hưởng của BCĐN góp phần xây dựng và nâng cao thứ hạng hình ảnh Việt Nam.

Đối với cơ quan quản lý nhà nước:

- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy BCĐN phát triển ngang tầm khu vực và thế giới, trong đó, chú trọng về cơ chế chính sách đặc thù, định mức kinh tế - kỹ thuật riêng để đặt hàng báo chí thực hiện nhiệm vụ TTĐN, có chính sách thúc đẩy nội địa hóa sản phẩm tuyên truyền ở các nước sở tại.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để phát triển BCĐN, xây dựng kênh truyền hình đối ngoại quốc gia VOV World.

- Đặt ra chỉ tiêu phát triển cụ thể cho BCĐN, định hướng hoạt động truyền thông quảng bá cho các cơ quan báo chí.

- Xây dựng cơ chế hợp tác quốc tế giữa Chính phủ với Chính phủ, trên cơ sở đó, các cơ quan báo chí hai nước có thể ký biên bản ghi nhớ, liên kết để thực hiện. Trong biên bản ghi nhớ, có thể thêm một vài cơ chế khác như cơ chế trao đổi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho lãnh đạo, phóng viên các cơ quan báo chí giữa các nước trong khu vực và trên thế giới. Về việc này, năm 2018, 2019, Bộ Thông tin và Truyền thông Việt Nam, Hàn Quốc ký hiệp định đồng sản xuất chương trình. Trên cơ sở đó, các đài truyền hình trung ương và địa phương hai nước hỗ trợ nhau và đồng sản xuất các chương trình truyền hình.

- Xây dựng bộ công cụ để đo hiệu quả thông tin một cách hiệu quả, thống nhất.

- Đào tạo nâng cao kiến thức chuyển đổi số, ngoại ngữ, kỹ năng, nghiệp vụ TTĐN cho phóng viên, biên tập viên.

Đối với cơ quan báo chí đối ngoại:

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động báo chí, phát triển nội dung số theo hướng dựa trên công nghệ điện toán đám mây và trí tuệ nhân tạo (từ khâu sản xuất

tin, bài, dựng, cho đến truyền dẫn, phát sóng); tổ chức phân phối nội dung trên các nền tảng mạng xã hội nhằm đảm bảo sự đầu tư có hiệu quả vừa thu được lợi nhuận từ quảng cáo, vừa đáp ứng nội dung phục vụ khán giả.

- Tổ chức truyền thông quảng bá theo Khung nội dung thống nhất với 22 Chỉ số cụ thể do cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn.

- Chủ động liên kết trong hoạt động đào tạo nhân lực, công nghệ. Tăng cường hoạt động sản xuất chung với báo chí nước ngoài, báo chí cộng đồng người Việt ở nước ngoài.

- Tổ chức phân phối nội dung trên nền tảng mạng xã hội. Sử dụng hiệu quả các mối quan hệ với các tập đoàn truyền thông, tập đoàn công nghệ trên thế giới để phân phối sản phẩm báo chí đặc sắc lên mạng xã hội và các phương tiện truyền thông mới.

- Tạo diễn đàn tương tác với cộng đồng người nước ngoài tại Việt Nam, gắn kết với các nhà lãnh đạo, hoạch định chính sách của Việt Nam./.

ĐÁNH THỨC NGÀNH GAME VIỆT

Đồng chí Lê Quang Tự Do

Cục trưởng Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử

Thị trường trò chơi điện tử đang ngày càng trở nên sôi động và bắt đầu có những đóng góp rõ rệt vào nền kinh tế toàn cầu. Theo dự báo của Newzoo, thị trường Game toàn cầu ước tính sẽ vượt mốc 200 tỷ USD vào năm 2023, dự kiến đạt 200,3 tỷ USD vào cuối năm 2023, đánh dấu một cột mốc quan trọng đối với thị trường Game toàn cầu.

Tại Việt Nam, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và quá trình chuyển đổi số, ngành công nghiệp game cũng đang phát triển với quy mô và tốc độ tăng trưởng cao, có nhiều cơ hội trở thành ngành xuất khẩu mới, giá trị cao, hỗ trợ quá trình hồi phục kinh tế trong và sau đại dịch Covid-19.

Tiềm năng, lợi thế phát triển

Thị trường game sôi động đã mở ra cơ hội cho các studio, nhà phát hành game có cơ hội thể hiện năng lực sản xuất vượt trội của đội ngũ nhân sự người Việt. Theo bảng xếp hạng của App Annie 2020, Việt Nam đứng thứ 7 trên thế giới và thứ 2 trong khu vực Đông Nam Á về số lượng game download (tải về). Ngoài ra, Việt Nam cũng xếp thứ 3 trong top 10 các nhà sản xuất ứng dụng game của khu vực; Cứ 25 games được download thì có 01 game sản xuất tại studio Việt Nam. Còn theo số liệu thống kê của Sensor Tower và CLB game studio Việt Nam, hiện có khoảng 5000 game do người Việt sản xuất, trong đó tập trung chủ yếu vào các đề tài, nội dung dành cho trẻ em, giải trí, giáo dục.

Lĩnh vực sản xuất game phát triển đã đem đến nhiều cơ hội về việc làm và mức lương hấp dẫn cho các vị trí sản xuất trò chơi tại Việt Nam, với mức lương trung bình cho vị trí Game Developer khoảng 187.000.000 VND/năm, vị trí Game Artist khoảng 389.000.000 VND/năm. Đây là mức lương cao so với mặt bằng thu nhập chung của người Việt Nam. Bên cạnh đó, ngành game còn mở rộng ra nhiều loại hình đa dạng như Marketing, quảng cáo, streamer,...

Hiện nay, nhiều cơ sở đào tạo các chuyên ngành liên quan đến game như lập trình, thiết kế, đồ họa,... cũng đã được các trường Đại học, Trung tâm đào tạo chú

trọng, bổ sung, đáp ứng nhu cầu đào tạo và cung cấp nhân lực có trình độ, chuyên môn cao cho ngành game trong nước.

Doanh thu ngành game trong nước những năm qua cũng đã có sự tăng trưởng dương. Theo báo cáo của các doanh nghiệp, doanh thu ngành game năm 2021 đạt hơn 7 nghìn tỷ đồng, dự kiến sẽ đạt hơn 10 nghìn tỷ đồng vào năm 2022.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng được coi là “đại lộ giao thương” của các công ty phát hành game online hàng đầu trên thế giới đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và khu vực Bắc Mỹ với lợi thế về dân số trẻ, dễ dàng thích nghi và tiếp nhận làn sóng công nghệ mới.

Nhất là từ năm 2021, Việt Nam nổi lên như một “thủ phủ” của game ứng dụng công nghệ blockchain, NFT với hàng loạt tựa game do người Việt sản xuất, phát hành. Thông qua game, Việt Nam có thể xuất khẩu văn hóa ra thế giới.

Nhận thấy được tiềm năng và giá trị kinh tế khổng lồ mà ngành game mang lại, các doanh nghiệp công nghệ tại Việt Nam đang dần tận dụng được lợi thế này để xây dựng đòn bẩy cho nền kinh tế của nước nhà.

Rào cản phát triển

Bên cạnh tiềm năng phát triển, ngành game ở Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những rào cản để vươn lên phát triển.

Thứ nhất: Việc đánh thuế cao, cũng như hành lang pháp lý về hoạt động thanh toán trong game chưa được hoàn thiện đang phần nào hạn chế tiềm năng phát triển, buộc các doanh nghiệp phải đăng ký thành lập, đặt trụ sở, gọi vốn đầu tư từ thị trường nước ngoài. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, nhiều dịch vụ phát sinh cùng với các trò chơi trực tuyến như: blockchain, tài sản mã hóa, tiền ảo,... nhưng chưa có hành lang pháp lý dẫn đến nhiều rủi ro; xu thế lừa đảo người dùng qua không gian mạng từ đó cũng gia tăng nhiều hơn.

Thứ hai: Việc sản xuất game Việt chưa được chú trọng mặc dù tiềm năng phát triển lớn và đang được coi là một trong những ngành xuất khẩu được sản phẩm nội dung số của Việt Nam ra thế giới.

Thứ ba: Các doanh nghiệp nước ngoài, nhất là Trung Quốc đang đẩy mạnh thâm nhập vào thị trường Việt Nam thông qua hoạt động xuất khẩu, mua bán game online nên cũng tiềm ẩn việc bị ảnh hưởng bởi văn hóa, lối sống nước ngoài và nhiều rủi ro về an ninh, chủ quyền biển đảo.

Theo số liệu thống kê từ Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử, có gần 85% trò chơi G1 phát hành hợp pháp tại Việt Nam có xuất xứ từ nước ngoài, trong

đó Trung Quốc chiếm hơn 76% trên tổng số trò chơi G1 phát hành. Vì vậy, doanh nghiệp làm game ở Việt Nam thực chất đang làm thuê cho nước ngoài và doanh thu, tỷ trọng đóng góp cho ngành game tại Việt Nam đang không tương xứng.

Thứ tư: Game không phép, cờ bạc, bạo lực,... cung cấp xuyên biên giới ngày càng gia tăng mặc dù Bộ Thông tin và Truyền thông đã tích cực rà soát, ngăn chặn truy cập vào các website cung cấp game vi phạm và yêu cầu các kho ứng dụng chặn, gỡ bỏ.

Sự nổi lên của nhiều game xuyên biên giới không phép, phát hành qua kho ứng dụng Apple Store, Google Play đã gây thiệt hại lớn cho thị trường game Việt Nam. Theo đó, doanh thu từ game “lậu” chiếm khoảng 30% doanh thu toàn thị trường game. Điều này đồng nghĩa với việc các công ty Việt Nam phải đối mặt với sự cạnh tranh không lành mạnh, suy giảm doanh thu, lợi nhuận và mất khách hàng.

Thứ năm: Nguồn nhân lực phát triển game ở Việt Nam đạt trình độ cao còn hạn chế và chưa đồng đều ở một số vị trí then chốt như thiết kế và lập trình game,... Việc thiếu hụt nhân lực ở thời điểm hiện tại khiến các nhà sản xuất game trong nước buộc phải tuyển dụng nhân sự tại các thị trường nước ngoài hoặc thuê gia công game từ các thị trường khác. Đây là một sự lãng phí lớn trong khi người Việt được đánh giá sở hữu nhiều đức tính phù hợp cho việc phát triển game.

Thứ sáu: Khó khăn và là rào cản lớn nhất, cản trở sự phát triển của ngành game trong nước chính là định kiến của xã hội về ngành game Việt, chưa coi là ngành công nghiệp giải trí nhân lực cao.

Giải pháp đánh thức ngành game Việt

Để có những bước đi, giải pháp phù hợp cũng như khai phá đánh thức ngành game Việt, chiếm lĩnh thị trường, dần thay thế game nhập khẩu rất cần những thay đổi và giải pháp tổng thể, dưới góc độ quản lý, Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử nhận thấy cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Hoàn thiện môi trường pháp lý và có nhiều chính sách ưu đãi như: (1) Miễn, giảm thuế đối với game sản xuất và phát hành tại Việt Nam; (2) Cắt giảm các điều kiện kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong cấp phép phát hành game; (3) Xây dựng chính sách hỗ trợ đầu tư, đặt hàng làm game về giáo dục, lịch sử, game phục vụ công việc chuyên môn; (4) Giới hạn tỷ lệ cấp phép phát hành game nhập khẩu từ nước ngoài; (5) Thí điểm cho phép phát hành thử nghiệm đối với game do Việt Nam sản xuất có nội dung giáo dục.

Đẩy mạnh việc đấu tranh, ngăn chặn việc phát hành game vi phạm pháp luật tại Việt Nam; yêu cầu các trung gian thanh toán không kết nối thanh toán cho các game

vi phạm pháp luật Việt Nam; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, chú trọng giám sát cảnh báo sớm, xử lý nghiêm các vi phạm trong hoạt động kinh doanh game.

Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành game như: (1) Xây dựng cơ chế liên kết, hợp tác giữa công ty sản xuất và phát hành game với các cơ sở đào tạo có chuyên ngành phù hợp để xây dựng chương trình/khóa đào tạo chuyên biệt về lập trình, thiết kế game; (2) Xây dựng chương trình liên kết, hợp tác giữa các Công ty Công nghệ số nước ngoài với các cơ sở đào tạo có chuyên ngành phù hợp, công ty game để đào tạo lập kế hoạch kinh doanh game, mở rộng thị trường phát hành ra nước ngoài; (3) Tổ chức các cuộc thi thiết kế, lập trình game để lựa chọn các sản phẩm tiềm năng kêu gọi đầu tư, hỗ trợ phát hành.

Thành lập Hiệp hội trò chơi điện tử trên mạng, Trung tâm Đổi mới sáng tạo Startup công nghệ và game Việt Nam để nghiên cứu, phát triển công nghệ mới cho thị trường game; Kết nối các quỹ đầu tư mạo hiểm, vườn ươm khởi nghiệp hỗ trợ các nhóm phát triển game trẻ; Xây dựng mạng lưới các trung tâm dữ liệu toàn cầu để cung cấp cho các nhà phát triển, phát hành game tại thị trường Việt Nam.

Gắn phát triển game với phát triển Thể thao điện tử, đồng thời truyền thông nhằm thay đổi định kiến của xã hội đối với ngành game.

Các doanh nghiệp sản xuất, phát hành game cần ưu tiên tập trung hợp tác, phát hành các dòng game trong nước, đặt lợi ích cộng đồng lên trên hết để phát triển bền vững, dài hơi; hỗ trợ các cộng đồng game nhỏ, chia sẻ kinh nghiệm, đặc biệt là các công ty startup vừa bước vào ngành, từ đó, xây dựng một hệ sinh thái ngành game lành mạnh và bền vững tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần tích cực mở rộng thị trường, xuất khẩu game ra nước ngoài. Xu thế này dự kiến sẽ đem lại doanh thu to lớn cho các doanh nghiệp sản xuất game, đồng thời góp phần rất lớn trong việc quảng bá văn hóa và hình ảnh Việt Nam ra thế giới.

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ ĐỂ NÂNG CAO HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN CƠ SỞ

*Đồng chí Lê Hương Giang
Phó Cục trưởng Cục Thông tin cơ sở*

1. Thực trạng các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực thông tin cơ sở

Thông tin cơ sở là một lĩnh vực quản lý nhà nước di chuyển giao sang Bộ Thông tin và Truyền thông (tách từ lĩnh vực văn hóa và thông tin cơ sở thuộc Cục Văn hóa - Thông tin cơ sở của Bộ Văn hóa - Thông tin trước khi chia tách, sáp nhập các Bộ năm 2007). Tuy nhiên, Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông, đã *không đề cập đến lĩnh vực thông tin cơ sở*.

Đến năm 2013, sau gần 7 năm, lĩnh vực thông tin cơ sở mới chính thức được gọi tên là một lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định tại Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013: “*Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về báo chí; xuất bản; bưu chính; viễn thông; tần số vô tuyến điện; công nghệ thông tin, điện tử; phát thanh và truyền hình; thông tấn; thông tin đối ngoại; **thông tin cơ sở** và hạ tầng thông tin và truyền thông quốc gia; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ*”. Theo đó, một đơn vị chuyên trách tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực thông tin cơ sở cũng được thành lập tại Nghị định, đó là Vụ Thông tin cơ sở; thực hiện các nhiệm vụ:

“a) Hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch về hoạt động thông tin tuyên truyền;

b) Xây dựng hoặc thẩm định các nội dung thông tin tuyên truyền thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ theo đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện;

c) Phối hợp hướng dẫn xây dựng và tổ chức hệ thống thông tin tuyên truyền cơ sở trên phạm vi cả nước”.

Như vậy, trong 7 năm gần như bị quên lãng, hầu như không có một chính sách, văn bản quy phạm pháp luật nào được xây dựng cho lĩnh vực thông tin cơ sở. Một lĩnh

vực tồn tại suốt 60 năm, ví dụ như hệ thống đài truyền thanh cơ sở (đài truyền thanh cấp xã) và đài truyền thanh cấp huyện đã góp phần quan trọng phục vụ sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; là hệ thống thông tin chủ lực nhất trong các loại hình thông tin cơ sở, có tác động nhanh nhất và rộng lớn đến người dân nhưng hoạt động với 3 không: *Không chiến lược, không quy hoạch, không văn bản quy phạm pháp luật*. Duy nhất có 01 văn bản được ban hành trong thời gian này ghi nhận sự tồn tại của 01 đối tượng quản lý thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở, đó là Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27/7/2010 giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc UBND cấp tỉnh, *Đài Truyền thanh - Truyền hình thuộc UBND cấp huyện*. Đến thời điểm hiện nay, Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV cơ bản không còn giá trị pháp lý do những văn bản làm căn cứ nguồn của Thông tư đã hết giá trị và chưa có văn bản quy phạm pháp luật thay thế.

Đến năm 2016, lần đầu tiên, khái niệm, phạm vi hoạt động, các đối tượng quản lý và nội dung hoạt động của các đối tượng thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở được quy định tại một văn bản quy phạm pháp luật là Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng chính phủ ban hành quy chế hoạt động thông tin cơ sở (sau đây gọi tắt là Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg). Theo đó, đã xác lập được phạm vi hoạt động của thông tin cơ sở để không trùng lặp với các loại hình, phương tiện truyền thông khác như báo chí; thông tin điện tử,... là: *“hoạt động cung cấp thông tin thiết yếu”, “đến người dân ở xã, phường, thị trấn”*; các đối tượng quản lý cũng được quy định rõ, bao gồm: *“Đài truyền thanh cấp xã; bản tin thông tin cơ sở; tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở; thông tin trực tiếp qua báo cáo viên, tuyên truyền viên thông tin cơ sở; bản tin công cộng”*; các quy định bước đầu về nội dung hoạt động của từng đối tượng cũng được định hình.

Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông, lĩnh vực thông tin cơ sở tiếp tục bổ sung, xác lập rõ thêm một bước về đối tượng quản lý của lĩnh vực tại khoản 10 Điều 2, đó là *“Đài truyền thanh cấp xã; bản tin thông tin cơ sở; tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở; thông tin trực tiếp qua báo cáo viên, tuyên truyền viên thông tin cơ sở; bản tin công cộng và các hình thức hoạt động thông tin cơ sở khác và hệ thống đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện”*.

Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26/7/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông, lĩnh

vực thông tin cơ sở tiếp tục bổ sung, xác lập rõ thêm một bước về đối tượng quản lý của lĩnh vực tại khoản 10 Điều 2, đó là “*Về thông tin cơ sở và hoạt động truyền thanh - truyền hình cấp huyện*”.

Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg đã quy định khá rõ hoạt động của đài truyền thanh cấp xã và bảng tin công cộng; một phần hoạt động thông tin trực tiếp qua báo cáo viên, tuyên truyền viên thông tin cơ sở.

2. Những vấn đề bất cập của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực thông tin cơ sở

- Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg *hiện là văn bản pháp luật duy nhất* điều chỉnh hoạt động thông tin cơ sở. Tuy nhiên, do hạn chế về hiệu lực pháp lý của Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg nên có rất nhiều quy định về mô hình tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, điều kiện, tiêu chuẩn đối với nhân sự quản lý, vận hành đài truyền thanh cấp xã, bản tin, bảng tin, báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở không thể quy định cụ thể tại Quyết định này. Vì vậy, chưa bảo đảm tính thống nhất để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, cũng chưa có quy định thống nhất về chức danh, lương, phụ cấp, chế độ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ,... cho các cán bộ thực hiện nhiệm vụ của các loại hình hoạt động thông tin cơ sở.

Việc sáp nhập đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện với các đơn vị sự nghiệp của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch gây khó khăn trong hoạt động truyền thanh - truyền hình cấp huyện, do chưa xác định rõ mô hình tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các mảng công việc sau khi sáp nhập; chưa có quy định về cơ chế quản lý, trong khi đó Thông tư liên tịch số 17/2010/TTLT-BTTTT-BNV ngày 27/7/2010 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đài Truyền thanh - Truyền hình, Đài Truyền thanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện không còn hiệu lực pháp lý. Chưa có những quy định cụ thể hướng dẫn thực hiện chế độ nhuận bút đối với hoạt động sản xuất, biên tập chương trình phát thanh của cơ sở truyền thanh cấp huyện; chế độ phụ cấp cho cán bộ truyền thanh cấp huyện,... Một số vấn đề thực tiễn đặt ra trong hoạt động của truyền thanh cấp huyện như quảng cáo, vấn đề hội tụ, sản xuất nội dung đa phương tiện chưa có căn cứ pháp luật làm định hướng phát triển. *Về thực chất hoạt động truyền thanh - truyền hình của cấp huyện hiện nay không được điều chỉnh bằng bất cứ văn bản quy phạm pháp luật nào.*

Chưa có sự phân định rõ về hoạt động, trách nhiệm quản lý nhà nước, xây dựng chính sách phát triển cho một số hoạt động do lịch sử để lại từ trước (sáp nhập, chia tách các lĩnh vực) hoặc do chưa làm rõ được các khái niệm, nội hàm hoạt động như: lĩnh vực văn hóa cơ sở (bảng tin quảng cáo có chức năng cung cấp thông tin thiết yếu; tuyên truyền lưu động, cổ động; tờ rời, tờ gấp, poster, infographic,...); lĩnh vực báo chí (bản tin thông tin cơ sở); lĩnh vực xuất bản (tài liệu không kinh doanh); báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng; báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật; báo cáo viên, tuyên truyền viên của các tổ chức thành viên Mặt trận Tổ quốc.

Sự xuất hiện của các phương thức hoạt động thông tin cơ sở mới như: ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông: tin nhắn, nhạc chuông chờ; mạng xã hội: video clip, file âm thanh,... rất cần được quy định bổ sung trong các văn bản quy phạm pháp luật.

3. Một số kiến nghị, đề xuất

Với lực lượng đông đảo hiện nay gồm 9.807 đài truyền thanh cấp xã/10.599 xã, phường, thị trấn, với 13.853 nhân sự; 666 cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện/705 huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, với 7.321 nhân sự; 4.942 tài liệu không kinh doanh/năm; 5.030 trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã; 67.447 bảng tin công cộng các loại; 179.000 tuyên truyền viên cơ sở⁽¹⁾.

Việc bổ sung, xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật đối với lĩnh vực thông tin cơ sở để khẳng định và phát huy vai trò, thế mạnh của toàn bộ hệ thống là rất cần thiết. Đồng thời, góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước đối với hoạt động thông tin cơ sở, để thông tin cơ sở thực sự là kênh thông tin, tuyên truyền thiết yếu, phát huy sức mạnh ở cơ sở.

Thứ nhất, đề nghị mở rộng nội hàm của Luật Báo chí. Bổ sung lĩnh vực thông tin cơ sở trong phạm vi điều chỉnh của Luật Báo chí sửa đổi, bổ sung, quy định quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện hoạt động thông tin cơ sở trong đó có trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động thông tin cơ sở và đổi tên thành Luật Báo chí, truyền thông hoặc Luật Truyền thông.

Thứ hai, đề nghị cho phép xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động thông tin cơ sở thay thế Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg - văn bản duy nhất hiện nay quy định về hoạt động thông tin cơ sở để có căn cứ giải quyết các vấn đề đặt ra đối với toàn bộ hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở và hệ thống cơ sở truyền thanh cấp huyện. Trong đó, ngoài quy định cụ thể hoạt động của các loại hình thông tin cơ sở và hoạt động của cơ sở truyền thanh cấp huyện; bổ sung các quy định về mô hình tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, điều kiện, tiêu chuẩn, chức danh

⁽¹⁾ Cục Thông tin cơ sở, Bộ Thông tin và Truyền thông

đối với nhân sự quản lý, vận hành đài truyền thanh cấp xã, bản tin, bảng tin, báo cáo viên, tuyên truyền viên cơ sở và cơ sở truyền thanh cấp huyện; bổ sung các phương thức hoạt động thông tin cơ sở mới phù hợp với thực tiễn như các ứng dụng công nghệ thông tin, viễn thông, mạng xã hội,...

Thứ ba, đề nghị cần xác định rõ hơn phạm vi, trách nhiệm quản lý của các bộ, ngành trung ương cũng như ở địa phương để bảo đảm các loại hình thông tin cơ sở hoạt động hiệu quả. Theo đó, cần làm rõ các khái niệm, nội hàm một số hoạt động còn có sự giao thoa giữa lĩnh vực văn hóa cơ sở và thông tin cơ sở; phân định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước giữa Bộ Thông tin và Truyền thông và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trách nhiệm quản lý giữa các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc quản lý nội dung thông tin cơ sở và sử dụng các phương tiện, hạ tầng phục vụ hoạt động thông tin cơ sở./.

TÍNH CÁCH MẠNG TẠO NÊN SỨC MẠNH CỦA BÁO CHÍ VIỆT NAM

*Đồng chí Lê Thế Vinh
Phó Tổng Biên tập Báo VietNamNet*

Sức mạnh “nhìn thẳng”

Cách đây 36 năm, tại Đại hội VI, Đảng ta tiến hành đổi mới đất nước, đưa đến những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Từ dấu mốc quan trọng này, báo chí cách mạng đã theo một dòng chủ lưu, phát huy như một vũ khí đặc lực đến tận bây giờ. Đó là sức mạnh “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”.

“Nhìn thẳng vào sự thật” là phương châm hành động, đang tiếp tục được báo chí phát huy mạnh mẽ, đáp ứng trước những đòi hỏi cấp bách về xây dựng Đảng trong sạch, hệ thống chính quyền vững mạnh, củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng.

Những thông tin công khai, minh bạch trên báo chí đã góp phần giúp cho các cơ quan chức năng có thêm căn cứ, bằng chứng để điều tra, xác minh các vụ việc tham nhũng. Mặt khác, đó cũng là tiếng nói của công luận, của nhân dân để tạo ra áp lực dư luận xã hội nhằm thúc đẩy các cơ quan chức năng sớm vào cuộc làm rõ những vấn đề báo chí đã nêu ra.

Báo chí cách mạng được đánh giá, ghi nhận đã phát huy sức mạnh “nhìn thẳng” của mình, hàng ngày hàng giờ truyền đi thông điệp của Đảng một cách rõ ràng, không có vùng cấm, không có đặc quyền, không có ngoại lệ, không chịu sức ép của bất cứ tổ chức, cá nhân nào.

Sức mạnh khơi dậy

Sau Đại hội XIII của Đảng, báo chí được nhắc đến với một sứ mệnh lớn lao. Muốn thực hiện sứ mệnh này, báo chí phải có sức mạnh khơi dậy giấc mơ, khát vọng hùng cường, thịnh vượng và hạnh phúc của đất nước. Khát vọng đất nước sánh vai các cường quốc năm châu, trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phát triển có thu nhập cao vào năm 2045, khi nước Việt Nam tròn 100 năm.

Báo chí cách mạng Việt Nam phải biến khát vọng này thành sức mạnh tinh thần để xây dựng đất nước, sức mạnh tinh thần nhân lên thành sức mạnh vật chất.

Sứ mệnh của báo chí còn là thể hiện trung thực dòng chảy chính của xã hội Việt Nam. Là lan tỏa năng lượng tích cực. Lấy cái tốt dẹp cái xấu. Những năm gần đây, báo chí đã làm được nhiều hơn theo hướng này. Và sẽ làm nhiều hơn nữa để tạo thành sức mạnh tinh thần cho cả dân tộc bứt phá vươn lên.

Lãnh đạo Đảng và Nhà nước luôn luôn nhấn mạnh vai trò đặc biệt quan trọng của báo chí truyền thông. Nói cho người dân biết, người dân hiểu, người dân theo và người dân làm. Đưa cuộc sống vào chính sách và đưa chính sách vào cuộc sống. Đó là những gì mà những người làm báo luôn tâm niệm.

Muốn thực hiện được sứ mệnh thiêng liêng bằng sức mạnh khơi dậy, báo chí trong tình hình mới phải có nhận thức mới, cách tiếp cận mới và năng lượng mới để góp phần thổi bùng lên khát vọng Việt Nam.

Sức mạnh thúc đẩy

Trong ngày 21/6/2022, khi đến dự lễ trao giải báo chí quốc gia lần thứ XVI nhân dịp kỷ niệm 97 năm ngày báo chí cách mạng Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính có những nhấn nhủ vô cùng quan trọng, nhưng cũng là giao nhiệm vụ cho lực lượng báo chí: Báo chí phải tìm giải pháp cho những vấn đề lớn của đất nước!

Thủ tướng yêu cầu báo chí phải nâng cao tính cách mạng, đi đầu trong vấn đề lớn của đất nước, là vũ khí tư tưởng, sắc bén, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, lợi ích của quốc gia, dân tộc; khơi dậy khát vọng phát triển, những giá trị cốt lõi của đất nước và nhân dân. Báo chí tiếp tục đẩy mạnh cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, trung thực, minh bạch, phản ánh và tìm ra những giải pháp cho những vấn đề thực tiễn đặt ra.

Người đứng đầu Chính phủ nhấn nhủ, các cơ quan báo chí Việt Nam hãy mạnh dạn tham gia giải quyết các vấn đề lớn của đất nước, trong đó có câu chuyện phát triển kinh tế, tháo gỡ các rào cản về thể chế để giải phóng sức sáng tạo và tinh thần dám nghĩ dám làm, sức chống chịu dẻo dai, linh hoạt của người Việt Nam.

Và Chính phủ sẽ giao nhiều nhiệm vụ, nhiều đầu bài cụ thể để Bộ Thông tin và Truyền thông cùng các cơ quan báo chí suy nghĩ, tìm cách thực hiện, đóng góp các giải pháp thích hợp cho các vấn đề của đất nước. Báo chí phải tạo ra các không gian cho người dân, chuyên gia tham gia tranh luận, tìm kiếm giải pháp, chính sách để phát triển đất nước. Đây sẽ là đóng góp mới của báo chí.

Sức mạnh số

Công nghệ phát triển mạnh mẽ và ảnh hưởng lên tất cả các lĩnh vực. Ảnh hưởng đầu tiên và rõ ràng nhất là tới lĩnh vực truyền thông. Báo chí muốn tồn tại được thì

phải chuyển đổi số, phải trở thành một tổ chức công nghệ. Không có công nghệ không thể làm báo. Mạng xã hội, nền tảng số đang lấn sân báo chí chính là do họ mạnh về công nghệ.

Chính phủ và các cơ quản lý đã nhận ra rằng, đã đến lúc phải đầu tư mạnh mẽ công nghệ cho các báo đài để giữ vững trận địa. Báo chí tụt hậu về công nghệ thì không thể giữ chân được người đọc, nguy hiểm hơn, là mất báo chí cách mạng. Việc quan tâm đầu tư đổi mới công nghệ cho các cơ quan báo chí là vấn đề sống còn. Và chiến lược Chuyển đổi số báo chí mà Thủ tướng Chính phủ sắp phê duyệt là để hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng về báo chí hiện đại, chuyên nghiệp và nhân văn.

Thực tiễn hiện nay cho thấy, chuyển đổi số báo chí là “vấn đề không còn cách nào khác”. Đó là nhiệm vụ, là lối đi, và cũng chính là sức mạnh số để báo chí tồn tại, thực hiện nhiệm vụ, sứ mệnh của mình. Hiện nay, đã có nhiều cơ quan báo chí đã đầu tư mạnh mẽ về công nghệ để đưa nội dung đến gần với người dân hơn; tạo nền tảng cho người dân tham gia viết báo, làm báo; tương tác với người dân nhiều hơn,...

Dự tính, công nghệ phải chiếm tới 30% hoạt động của một cơ quan báo chí.

Sức mạnh của giá trị cốt lõi

Chúng ta đang sống trong thời đại kỹ thuật số, trong đó có sự phát triển hết sức mạnh mẽ, khó kiểm soát của mạng xã hội. Vì thế thông tin trên mạng Internet rất phong phú, đa dạng nhưng lại xô bồ, phức tạp; những tin giả không được kiểm chứng có thể gây tác hại với xã hội, làm vẩn đục môi trường truyền thông.

Trong bối cảnh đó, vai trò của báo chí rất quan trọng. Có người đặt vấn đề, với sự phát triển mạnh mẽ, mạng xã hội có thể lấn át, thay báo chí để cung cấp thông tin cho xã hội? Tuy nhiên, càng trong bối cảnh như vậy, báo chí càng phải thể hiện vai trò to lớn, không thể thay thế của mình. Báo chí phải trả lời những câu hỏi mà mạng xã hội đưa ra bằng việc đưa những thông tin chính xác, kịp thời, có trách nhiệm.

Thực tế, báo chí khó có thể thắng mạng xã hội về tốc độ đưa tin, nhưng sẽ vượt trội bằng tính chuẩn mực, trách nhiệm và đạo đức làm nghề của nhà báo. Sự tin cậy, sức thuyết phục chính là con đường sống của báo chí trong thời đại truyền thông kỹ thuật số.

Trong hệ thống báo chí của Việt Nam, các cơ quan báo chí chủ lực của nhà nước càng phải phát huy vai trò quan trọng của mình trong việc định hướng thông tin, đấu tranh phản bác lại những thông tin xấu độc, thông tin thiếu trách nhiệm trên mạng xã hội. Muốn làm được điều đó, báo chí không chỉ đúng mà còn nhanh, sắc sảo và kịp thời.

Thời gian qua, đại dịch Covid-19 đi kèm theo đại dịch về tin giả. Và cũng chính qua đại dịch tin giả ấy, người đọc đang quay lại với giá trị cốt lõi của báo chí, đó là tin xác thực. Báo chí chính thống đang được quay lại lựa chọn thay vì bị mạng xã hội nhấn chìm. Và lý do không bị nhấn chìm, là do luôn trung thành với những giá trị cốt lõi của báo chí cách mạng.

Dẫn chứng trong truyền thông cho thấy, trong báo cáo Edelman 2019 cho hay, niềm tin đối với báo chí truyền thống đã tăng lên mức cao là 65% trong khi với truyền thông xã hội tương đối thấp, chỉ là 43%. Người dùng đang quay trở lại với các cơ quan báo chí để tìm kiếm một bộ lọc an toàn cho những thông tin đáng tin cậy./.

VAI TRÒ CỦA CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN MIỆNG TRONG HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH Ở BẮC NINH HIỆN NAY

*Đồng chí Nguyễn Thị Lệ Tuyết
Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Ninh*

Đại hội XIII của Đảng đề cao ý chí, khát vọng phát triển đất nước. Trong đó, chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số là một trong những biểu hiện cụ thể, thể hiện ý chí, khát vọng phát triển đất nước; là lý do để Đại hội XIII của Đảng vừa qua đặc biệt nhấn mạnh chủ trương chuyển đổi số trong các văn kiện Đại hội. *Chuyển đổi số* là một xu thế tất yếu, là một quá trình không thể đảo ngược, và nếu được tận dụng, sẽ tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Đặc biệt, những diễn biến phức tạp, khó lường của đại dịch Covid-19 đã thúc đẩy quá trình này diễn ra với tốc độ nhanh hơn, sâu rộng hơn.

Đối với tỉnh Bắc Ninh, một trong những giải pháp đột phá đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX là “*Nắm bắt cơ hội Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ứng dụng khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và phát huy giá trị bản sắc văn hóa Kinh Bắc, nâng cao chất lượng quản lý điều hành phù hợp với quá trình chuyển đổi số, quản trị điện tử, đô thị thông minh*”. Thực tế, không phải đến Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX mà Bắc Ninh đã có những bước đi rất chủ động, nhạy bén với quá trình chuyển đổi số. Từ năm 2017, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 44/NQ-HĐND18 phê duyệt Đề án Xây dựng triển khai mô hình thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017 - 2022, tầm nhìn đến 2030. Đề án hướng tới xây dựng mô hình thành phố thông minh với 6 lĩnh vực cốt lõi (nền kinh tế thông minh, cư dân thông minh, quản trị thông minh, dịch chuyển thông minh, môi trường thông minh và cuộc sống thông minh) với các khái niệm nội hàm rất gần 03 trụ cột chính của chuyển đổi số là *Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số*. Trong đó, mục tiêu tiến tới chính quyền số (chính quyền thông minh) được tỉnh đặc biệt quan tâm, đầu tư xây dựng. Những năm qua, tỉnh đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật bảo đảm sự kết nối liên thông, chia sẻ, tích hợp dữ liệu,... giữa các cơ quan trong tỉnh với các cơ quan trung ương, giữa các cơ quan trên địa bàn tỉnh với nhau. 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và một số cơ quan trung ương đóng tại địa phương được kết nối với hệ thống mạng WAN nội tỉnh tốc

độ cao với 177 điểm kết nối. Duy trì tốt hoạt động của hệ thống camera giám sát tại các điểm trọng yếu, giúp điều tra nhanh và xử lý các vụ việc nhất là về an ninh trật tự, an toàn giao thông. Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng công nghệ dùng chung thống nhất cho toàn tỉnh, triển khai theo mô hình tập trung tại trung tâm dữ liệu tỉnh nhằm tăng cường kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu, giảm thiểu tình trạng manh mún, phân mảnh ứng dụng và cát cứ dữ liệu. Hệ thống thông tin một cửa điện tử tích hợp Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh đáp ứng đầy đủ các chức năng và yêu cầu kỹ thuật theo quy định và dùng chung cho tất cả các sở, ban, ngành có thủ tục hành chính, 8/8 UBND cấp huyện, 126/126 xã, phường, thị trấn kết nối, đồng bộ với Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Toàn tỉnh thống nhất sử dụng duy nhất 1 phần mềm Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành giúp cán bộ, công chức, viên chức sử dụng văn bản điện tử thay thế văn bản giấy, nâng cao hiệu quả làm việc, tiết kiệm các chi phí văn phòng. Hoàn thành kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia,...

Thực hiện mục tiêu chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh là chủ trương lớn của tỉnh Bắc Ninh, ngày 18/3/2022 Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Nghị quyết số 52/NQ-TU về Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Bắc Ninh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Để triển khai thành công các nội dung của Nghị quyết, ngoài sự vào cuộc quyết tâm của toàn hệ thống chính trị thì sự thấu hiểu, hợp sức của toàn xã hội là yếu tố then chốt. Chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh chỉ thực sự thành công khi mỗi một người dân, doanh nghiệp tích cực tham gia và thụ hưởng các lợi ích mà nó mang lại một cách công bằng, bình đẳng và nhân văn rộng khắp theo đúng tinh thần “không ai bị bỏ lại phía sau”.

Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp, người dân trên địa bàn tỉnh chưa hiểu rõ về chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh cũng như các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong công cuộc này. Chuyển đổi số đã và đang ảnh hưởng, tác động tới mọi thành viên xã hội về nhiều mặt, từ việc làm, tổ chức công việc tới cách thức làm việc, cách sống, bảo vệ lợi ích, an ninh, an toàn, bí mật cá nhân của mỗi người,... Sự thiếu hiểu biết, thiếu chuẩn bị, thiếu sẵn sàng của các thành viên, các tổ chức xã hội sẽ là trở ngại cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Đây cũng là một trong những rào cản chính khiến người dân, doanh nghiệp không tận dụng được các hình thức hỗ trợ từ Nhà nước. Có một thực tế rất đáng băn khoăn là hiện nay, dù các Sở, Ban, ngành địa phương đã hỗ trợ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến với thao tác dễ dàng, thuận tiện, đảm bảo về thời gian, chất lượng đến người dân và doanh nghiệp song tỷ lệ hồ sơ trực tuyến còn thấp. Con số biết nói này cho thấy nhiều người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa thực sự sẵn sàng để làm quen với cách làm việc mới cũng như thụ hưởng các lợi ích mà quá trình xây dựng chính quyền số mang lại.

Bởi vậy, việc chuyển đổi nhận thức, nâng cao nhận thức, hiểu biết về chuyển đổi số trong các thành viên xã hội để mỗi thành viên xã hội có sự chuẩn bị về tâm lý, về điều kiện, kỹ năng cần thiết để có thể chủ động, tích cực tham gia, thích ứng với chuyển đổi số là yêu cầu đầu tiên, rất quan trọng nhằm thực hiện thắng lợi việc chuyển đổi số. Từ đó, công tác tuyên truyền, vận động trong toàn xã hội về ý nghĩa, tầm quan trọng, nội dung chuyển đổi số cũng như các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực này phải được xác định là nhiệm vụ tiên quyết, then chốt trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh ở Bắc Ninh.

Tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên là một trong những kênh thông tin quan trọng nhất của công tác tư tưởng. Đảng ta xác định đây là công cụ quan trọng hàng đầu nhằm tuyên truyền, giáo dục về đường lối, chính sách, truyền bá những chủ trương, quan điểm của Đảng, đưa tiếng nói của Đảng đến quần chúng nhân dân. Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 15/10/2007 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa X) nhấn mạnh: “Tuyên truyền miệng và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên là một mắt khâu quan trọng, trực tiếp nối liền Đảng, Nhà nước với nhân dân, Trung ương với địa phương và cơ sở để vừa đưa chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật, chính sách của Nhà nước đến với nhân dân, vừa nắm bắt, phản ánh trung thực, kịp thời tư tưởng, tâm tư, nhu cầu, lợi ích, nguyện vọng của nhân dân đối với lãnh đạo Đảng, Nhà nước”.

Đối với nhiệm vụ tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh ở Bắc Ninh, vai trò của công tác tuyên truyền miệng, hoạt động của các báo cáo viên lại càng thể hiện vai rõ nét. Thực tế triển khai tại tỉnh Bắc Ninh, hiện nay đã thành lập 733 Tổ công nghệ số cộng đồng đến 100% cấp thôn trên địa bàn tỉnh với 3252 thành viên của Tổ. Điều này xuất phát từ những tính chất của công cuộc chuyển đổi số cũng như từ những ưu thế sẵn có của hình thức tuyên truyền này:

- Chuyển đổi số hay đô thị thông minh đều là các khái niệm mới, khó nắm bắt, phạm vi ảnh hưởng rộng, tác động đến mọi thành phần xã hội. Trong khi đó, tuyên truyền bằng miệng qua hoạt động của báo cáo viên cho phép tác động đến đúng đối tượng (cán bộ Đảng viên, nông dân, công nhân, trí thức,...). Nhờ nghiên cứu trước về đối tượng và nắm bắt thêm đặc điểm đối tượng thông qua giao tiếp trực tiếp, cán bộ tuyên truyền hiểu biết rõ nhu cầu, tâm trạng người nghe, trên cơ sở đó mà xác định nội dung và phương pháp tuyên truyền phù hợp, từ đó đạt hiệu quả tuyên truyền cao hơn.

- Chuyển đổi số, bắt đầu từ những đột phá công nghệ số, nhưng chuyển đổi số không phải chỉ là công nghệ số, mà quan trọng hơn, chuyển đổi số là chấp nhận cái

mới, do đó, chuyển đổi số là cuộc cách mạng về tư duy, nhận thức, thể chế, chính sách nhiều hơn là một cuộc cách mạng về công nghệ. Tuyên truyền miệng có ưu thế là sử dụng ngôn ngữ nói linh hoạt, giao tiếp trực tiếp với đối tượng có thể tác động mạnh mẽ vào tình cảm của con người, khơi dậy tính tích cực nhận thức của đối tượng, thúc đẩy quá trình hình thành niềm tin và cổ vũ hành động.

- Trung ương, Bắc Ninh đã có nhiều nỗ lực trong việc hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh, hướng đến lợi ích của người dân và xã hội. Tuy nhiên, Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 27/9/2019 cũng đã nêu rõ rằng “thể chế, chính sách còn nhiều bất cập”. Tuyên truyền miệng qua giao tiếp trực tiếp với quần chúng nhân dân, nắm bắt được thực trạng nhận thức, tình hình tư tưởng, thái độ của nhân dân đối với chủ trương, đường lối, chính sách, nắm được tâm tư, nguyện vọng, nhu cầu, lợi ích của nhân dân. Thông qua cầu nối này, Trung ương và tỉnh có thể điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn phát triển của xã hội.

- Tuyên truyền miệng có khả năng đưa được những thông tin nội bộ, những thông tin mà về lý do nào đó không thể hoặc không nên đưa trên các phương tiện thông tin đại chúng đến các đối tượng cần tuyên truyền. Trong điều kiện bùng nổ thông tin như hiện nay, tuyên truyền miệng còn góp phần định hướng thông tin, giải thích, phân tích cho quần chúng nhân dân hiểu rõ đâu là thông tin chính thức, chính thống, trên cơ sở đó định hướng dư luận xã hội, góp phần tạo ra sự thống nhất về chính trị - tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội.

- Chuyển đổi số không phải đích đến mà là quá trình không có hồi kết, liên tục vận động, thay đổi. Do đó, thông tin tuyên truyền cần liên tục cập nhật. Trong khi đó, đối tượng cần được tuyên truyền là mọi thành phần xã hội. Với các hình thức tuyên truyền khác có thể cần chi phí lớn, tốn kém. Tuyên truyền miệng có thể sử dụng trong mọi hoàn cảnh, mọi điều kiện, do đó, ít tốn kém kinh phí, không cần nhiều đến phương tiện kỹ thuật phức tạp.

Chúng ta vừa phân tích để thấy rõ vai trò, ưu thế to lớn của công tác tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên trong tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh ở Bắc Ninh. Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, đội ngũ báo cáo viên của tỉnh đã phát huy tốt vai trò tuyên truyền, vận động người dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, nâng cao nhận thức bằng các hình thức phù hợp và thường xuyên để phổ biến, tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, công chức, viên chức, lãnh đạo doanh nghiệp và người lao động về: Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, dịch vụ công trực tuyến, đô thị thông

minh,... Từ đó góp phần tạo đồng thuận xã hội, đóng góp tích cực vào những thành quả bước đầu hết sức phấn khởi trong công cuộc chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh ở Bắc Ninh. Tuy nhiên, thực tiễn đã cho thấy công tác này còn gặp một số **khó khăn, hạn chế** cụ thể như sau:

- Năng lực, nghiệp vụ tuyên truyền của một bộ phận báo cáo viên, tuyên truyền viên (đặc biệt ở cấp cơ sở) còn hạn chế.

- Số lượng hội nghị, hội thảo dành cho báo cáo viên về chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh còn ít. Tài liệu thông tin cung cấp cho đội ngũ báo cáo viên còn chưa nhiều.

- Chuyển đổi số, đô thị thông minh là các khái niệm mới, nội dung liên quan đến mọi mặt của đời sống kinh tế xã hội đòi hỏi đội ngũ báo cáo viên phải tìm hiểu, nghiên cứu sâu. Trong khi đó, một bộ phận báo cáo viên còn chậm đổi mới, cập nhật, trau dồi kiến thức.

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương, Cấp ủy, Lãnh đạo còn chưa thật sự quan tâm đến công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh.

Để phát huy vai trò của công tác tuyên truyền miệng, hoạt động của đội ngũ báo cáo viên trong tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh ở Bắc Ninh hiện nay; Trong thời gian tới Đảng ủy Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng các cấp đối với công tác tuyên giáo trong đó có hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, công tác tuyên truyền miệng, triển khai các giải pháp nhằm đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Quán triệt yêu cầu cả hệ thống chính trị làm công tác tư tưởng, mỗi cán bộ, đảng viên là một tuyên truyền viên trong đó lực lượng báo cáo viên là nòng cốt.

Hai là, các cấp ủy Đảng, lãnh đạo chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp, các ngành, các địa phương, các tổ chức Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các doanh nghiệp phải xem tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh ở Bắc Ninh là trách nhiệm của cơ quan, đơn vị mình. Từ đó, chỉ đạo, giao nhiệm vụ, tạo điều kiện tối đa cho hoạt động của đội ngũ báo cáo viên trong tuyên truyền, vận động tạo sự chuyển biến trong nhận thức về chuyển đổi số cũng như xây dựng đô thị thông minh ở Bắc Ninh của cán bộ Đảng viên và quần chúng nhân dân.

Ba là, thường xuyên quan tâm, củng cố kiện toàn và mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn nhằm hướng dẫn, nâng cao năng lực cho đội ngũ báo cáo viên. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp trong tỉnh không ngừng nỗ lực vượt khó, trau dồi kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, tiếp cận với các phương tiện kỹ thuật hiện đại, sử dụng các phương pháp tuyên truyền miệng phù hợp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các báo cáo viên. Cần đầu tư thời gian, trí tuệ nghiên cứu sâu nội dung các nghị quyết, chương trình hành động, các kế hoạch, đề án của Trung ương, tỉnh về chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh,... để có sự truyền đạt hiệu quả, sinh động, liên hệ các vấn đề một cách linh hoạt, phù hợp với đối tượng. Hiệu quả của công tác tuyên truyền miệng phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó, bản lĩnh chính trị, phương pháp, kỹ năng, trình độ của người tuyên truyền giữ vai trò then chốt.

Bốn là, đổi mới cơ chế cung cấp thông tin, tăng cường tổ chức hội nghị báo cáo viên đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin đến đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Đổi mới, biên tập nâng cao chất lượng các tài liệu về chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh ở Bắc Ninh, phục vụ cho hoạt động của đội ngũ báo cáo viên và các hoạt động sinh hoạt của tổ chức Đảng, đoàn thể.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Đông chí Lương Hải Âu

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hải Phòng

Những năm vừa qua, TP. Hải Phòng là một điểm sáng trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chính vì thế đã thu hút sự quan tâm theo dõi và hoạt động của các cơ quan báo chí Trung ương và tỉnh bạn trên địa bàn. Hiện nay, thành phố có 54 cơ quan báo chí, trong đó có 48 Văn phòng đại diện, Thường trú của các báo trung ương và địa phương khác với khoảng 90 phóng viên của báo, tạp chí Trung ương và tỉnh, thành phố bạn.

Thành phố Hải Phòng luôn coi báo chí là “người bạn đồng hành”, là “chiến sĩ trên mặt trận văn hóa, tư tưởng”; là một lực lượng quan trọng, đi đầu trong công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách pháp luật của nhà nước và cơ chế, chính sách của thành phố; là “cầu nối thông tin” giữa người dân với chính quyền thành phố. Xác định được vai trò quan trọng của báo chí, trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước, thành phố luôn thực hiện phương châm “Hợp tác, chia sẻ vì một Hải Phòng phát triển”. Theo đó, “hợp tác” là cùng với báo chí thực hiện tốt chức năng định hướng tuyên truyền, “hợp tác” là để nâng cao hiệu quả hoạt động của báo chí; “chia sẻ” là cùng với báo chí tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động, xử lý thông tin trên tinh thần xây dựng.

Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan báo chí tại thành phố, Sở tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý hoạt động báo chí trên địa bàn thành phố; Quy chế phối hợp theo dõi, xử lý thông tin xấu, độc trên không gian mạng và các quy định pháp luật liên quan; Kế hoạch hợp tác truyền thông với các cơ quan báo chí tuyên truyền, quảng bá về thành phố Hải Phòng năm 2022; ban hành các văn bản hướng dẫn, tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động báo chí trên địa bàn thành phố.

Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hải Phòng đã tham mưu cho thành phố ban hành quy định về quản lý hoạt động của các Văn phòng đại diện, phóng viên thường trú thuộc các cơ quan báo chí trong nước trên địa bàn. Ứng dụng công nghệ thông tin

trong quản lý hoạt động thông tin báo chí được Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hải Phòng triển khai tích cực, sử dụng phần mềm theo dõi, giám sát thông tin; sử dụng phần mềm GIS để cập nhật thông tin và quản lý hồ sơ của các Văn phòng đại diện và thông tin cá nhân của Phóng viên thường trú.

Việc quản lý nhân sự của Văn phòng đại diện, phóng viên thường trú trên địa bàn được quan tâm thực hiện nghiêm túc, kiên quyết không chấp thuận hoạt động cho các Văn phòng đại diện, phóng viên thường trú không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Thường xuyên rà soát, cập nhật bổ sung hồ sơ, danh sách quản lý phóng viên, nhà báo trên hệ thống thông tin dữ liệu; đăng tải thông tin của phóng viên Văn phòng đại diện, Thường trú trên Cổng Thông tin điện tử thành phố công khai để các cơ quan, đơn vị và người dân biết phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin.

Cơ chế “tiếp nhận và phản hồi thông tin” được thành phố thực hiện có hiệu quả, hàng ngày Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp tình hình thông tin của phóng viên, nhà báo thuộc các cơ quan Văn phòng đại diện và Thường trú đăng tải để lựa chọn những tin, bài phản ánh mà dư luận xã hội quan tâm đề xuất thành phố chỉ đạo xử lý thông tin báo nêu hoặc xử lý các thông tin mà các phóng viên, nhà báo cung cấp; kết quả xử lý được Sở Thông tin và Truyền thông hoặc các cơ quan chức năng thành phố liên quan phản hồi lại với các cơ quan báo chí. Bên cạnh đó, thành phố duy trì tổ chức phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí định kỳ 2 tuần/lần cho các phóng viên thường trú, Văn phòng đại diện (do Ban Tuyên giáo Thành ủy, Sở Thông tin và Truyền thông, Hội nhà báo thành phố chủ trì). Đối với những vấn đề lớn, quan trọng, vấn đề dư luận quan tâm, thành phố tổ chức họp báo cung cấp thông tin như: Họp báo về Đại hội Đảng; Họp báo về bầu cử; Họp báo thông tin về tình hình kinh tế xã hội của thành phố,...

Tạo “sân chơi”, nhằm nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và thúc đẩy sự tìm tòi, sáng tạo trong tác phẩm báo chí, ngoài các giải báo chí do Hội nhà báo và các cơ quan của thành phố tổ chức, Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hải Phòng đã duy trì thường xuyên giải báo chí “Vì một TP. Hải Phòng phát triển” thu hút sự tham gia của hàng chục phóng viên, nhà báo thường trú, Văn phòng đại diện trên địa bàn tham gia với hàng trăm tác phẩm gửi dự thi mỗi đợt phát động. Ngoài ra, Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hải Phòng, cùng Ban Tuyên giáo Thành ủy duy trì tổ chức đi thực tế cho các cơ quan báo chí có phóng viên thường trú và Văn phòng đại diện. Các hoạt động thiện nguyện, hoạt động cộng đồng như: Chung tay ủng hộ đồng bào lũ lụt, Giọt máu cho đi - Cuộc đời ở lại, Sóng và máy tính cho em,... được các cơ quan báo chí tham gia, hưởng ứng tích cực.

Việc xử lý các thông tin sai sự thật trên báo chí luôn hướng tới tinh thần “Thượng tôn pháp luật”, những hành vi vi phạm nghiêm trọng luôn được xử lý công khai, minh bạch, đúng quy định và kịp thời. Quá trình kiểm tra, rà soát, xử lý thông tin luôn được Sở Thông tin và Truyền thông TP. Hải Phòng coi trọng biện pháp hướng dẫn, trao đổi kịp thời với phóng viên thường trú, Văn phòng đại diện nhằm điều chỉnh những nội dung thông tin chưa chính xác, thiếu kiểm chứng, một chiều, tránh phát sinh sai phạm không đáng có,... Vừa qua, đã có hàng chục bài viết liên quan đến địa phương trên các báo, tạp chí được thông tin điều chỉnh kịp thời.

Năm 2022, Sở Thông tin và Truyền thông thành phố đã kiểm tra hoạt động của 02 cơ quan báo chí của thành phố, 10 Văn phòng đại diện. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý thông tin xấu độc trên mạng Internet. Xử phạt vi phạm hành chính đối với 04 đơn vị do đăng thông tin sai sự thật và không đúng tôn chỉ, mục đích với số tiền 307,5 triệu đồng.

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác quản lý báo chí tại địa phương còn một số tồn tại, hạn chế như: Hoạt động của các cơ quan báo chí thành phố còn thiếu tính chủ động trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể. Còn tồn tại tình trạng đưa thông tin thiếu khách quan, sai sự thật gây hiệu ứng xã hội không tốt; Luật Báo chí 2016 ban hành nhưng trong Luật có một số nội dung quy định chưa được rõ nên khó triển khai trong thực tiễn; Việc chấp hành các quy định pháp luật trong hoạt động của các Văn phòng đại diện/Phóng viên thường trú của các báo Trung ương và các địa phương khác trên địa bàn thành phố Hải Phòng còn chưa được thực hiện nghiêm túc,... Từ những hạn chế trên, Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất một số giải pháp.

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan quản lý nhà nước, các hoạt động báo chí và cơ quan báo chí

Tăng cường sự lãnh, chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và các cấp ủy, chính quyền đối với hoạt động quản lý nhà nước về báo chí và hoạt động báo chí; chú trọng công tác xây dựng Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng, ý thức trách nhiệm của Đảng viên trong các cơ quan báo chí.

2. Giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về báo chí

Cần nghiên cứu ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa văn bản của Trung ương thực hiện tại địa phương. Xây dựng, hoàn thiện, triển khai thực hiện có hiệu quả các văn bản pháp quy: Quy chế xử phạt các vi phạm liên quan đến hoạt động báo chí; Quy định về quyền hạn trách nhiệm của cơ quan chủ quản báo chí; Quy định về đôn

giá phát thanh; Quy định rõ về trách nhiệm của phóng viên thường trú, văn phòng đại diện,...

3. Hoàn thiện xây dựng chế độ, chính sách về báo chí

Xây dựng cơ chế mở rộng việc xã hội hóa, khai thác kết hợp với nguồn lực của các thành phần kinh tế khác bằng các hình thức thích hợp theo quy định của pháp luật. Có cơ chế hỗ trợ các cơ quan báo chí thành phố thực hiện chuyển đổi số, đầu tư nguồn lực hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, bảo đảm an ninh và điều kiện tác nghiệp trên môi trường số,... Mở rộng việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của các cơ quan báo chí. Có cơ chế khuyến khích phát triển các dịch vụ thông tin báo chí để tạo nguồn thu hợp pháp, tăng nguồn thu từ quảng cáo, góp phần tăng nguồn thu đầu tư cho hoạt động báo chí.

4. Tổ chức tốt thông tin cho báo chí; quản lý thông tin của báo chí

Tổ chức thực hiện tốt Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước thành phố Hải Phòng, tập trung vào một số nội dung sau: Thành lập đơn vị/bộ phận chuyên trách thực hiện chức năng về hoạt động truyền thông; Nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động cung cấp thông tin cho báo chí, bảo đảm tính chủ động, kịp thời, chính thống, đa dạng về phương thức; Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

Tạo điều kiện cho các cơ quan đại diện, phóng viên thường trú tại TP. Hải Phòng hoạt động theo đúng quy định của pháp luật; Quy định trách nhiệm của cơ quan chủ quản về báo cáo đánh giá hoạt động của văn phòng đại diện, phóng viên thường trú của các cơ quan báo chí tại địa phương định kỳ 1 tháng/lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

5. Đổi mới cơ chế chính sách, nâng cao công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng; tôn vinh, khen thưởng đội ngũ cán bộ làm công tác báo chí

Các cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí rà soát, đánh giá công tác quy hoạch cán bộ hàng năm; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nguồn nhân lực báo chí phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tế phát triển của tổ chức trong từng giai đoạn cụ thể; đào tạo chuyên sâu cho các lĩnh vực liên quan đến các khâu của hoạt động báo chí. Quy định rõ về công tác khen thưởng, biểu dương, tôn vinh đối với hoạt động báo chí, thông tin và tuyên truyền.

6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra báo chí

Chấn chỉnh tình trạng các cơ quan báo chí hoạt động xa rời tôn chỉ, mục đích, vi phạm Luật Báo chí và các quy định khác của pháp luật. Kiên quyết ngăn ngừa và khắc phục xu hướng thương mại hóa báo chí và lợi dụng báo chí để phục vụ mục đích cá nhân, hạn chế những tiêu cực trong báo chí. Xử lý nghiêm minh các cá nhân và tổ chức vi phạm các quy định về pháp luật báo chí.

VỀ DỰ ÁN HOÀN THIỆN HỆ THỐNG TRUYỀN THANH CƠ SỞ ỨNG DỤNG CNTT-VT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

Đông chí Lô Quang Tuyến

Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn

Nhằm mục tiêu hiện đại hóa hệ thống thông tin cơ sở, hình thành cơ sở dữ liệu, số hóa nguồn thông tin cơ sở đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin nguồn phổ biến đến người dân và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về hệ thống thông tin cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin. Ngày 13/5/2020, UBND tỉnh Bắc Kạn đã ban hành Kế hoạch số 248/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

Theo đó, UBND tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố rà soát, đánh giá hệ thống đài truyền thanh cấp xã và hệ thống băng tin công cộng hiện có trên địa bàn, tham mưu UBND tỉnh kế hoạch, lộ trình thiết lập mới đài truyền thanh đối với các xã, phường, thị trấn chưa có đài và chuyển đổi đài truyền thanh hữu tuyến/FM đã hư hỏng, không còn hoạt động sang đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông. Trên cơ sở đó, Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, tham mưu xây dựng Dự án hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở triển khai thực hiện đồng bộ trên địa bàn toàn tỉnh Bắc Kạn.

Dự án hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (CNTT-VT) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khóa X nhiệm kỳ 2021 - 2026 phê duyệt tại Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 14/7/2021. Dự án với tổng kinh phí 23,75 tỷ đồng, từ nguồn ngân sách địa phương, thời gian thực hiện dự án trong năm 2021 và 2022.

Dự án với quy mô đầu tư mới, nâng cấp chuyển đổi cho 93 đài truyền thanh cơ sở trong phạm vi 93/108 xã, phường, thị trấn của 08/08 huyện, thành phố sang đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT, trong đó: Thực hiện đầu tư mới 44 đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT; nâng cấp, chuyển đổi 49 đài truyền thanh hữu tuyến/đài truyền thanh FM là các đài đang còn hoạt động thường xuyên sang phương thức đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT; đầu tư thiết bị số hóa kết nối hệ thống truyền thanh của 08 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh các huyện, thành phố với

hệ thống thông tin nguồn của tỉnh; đầu tư xây dựng mới 01 hệ thống thông tin nguồn của tỉnh. Mỗi đơn vị được đầu tư mới đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT được trang bị các thiết bị bao gồm: 01 máy vi tính để bàn và 10-12 cụm thu loa (mỗi cụm 02 loa); mỗi đơn vị nâng cấp được trang bị 01 máy vi tính để bàn và 3-5 cụm thu loa (mỗi cụm 02 loa), với tổng số cụm loa truyền thanh ứng dụng CNTT-VT được đầu tư mới và nâng cấp trên địa bàn toàn tỉnh là 687 cụm thu loa. 08/08 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông tỉnh được trang bị 01 bộ thiết bị tích hợp tự động để số hóa tín hiệu, cung cấp cho hệ thống phát thanh cấp huyện. Hệ thống thông tin nguồn được triển khai cài đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh để quản lý tập trung và cung cấp thông tin cho đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT trên địa bàn toàn tỉnh.

Sau khi Dự án được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư, để triển khai thực hiện, Sở Thông tin và Truyền thông đã tham mưu UBND tỉnh Bắc Kạn và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan ban hành các văn bản rà soát và chuẩn bị các điều kiện để triển khai dự án. Phối hợp triển khai trong công tác khảo sát, lập dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi, lập thiết kế chi tiết và dự toán trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu và triển khai lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành. Đơn vị nhà thầu được lựa chọn để triển khai thực hiện dự án là Công ty TNHH một thành viên Ứng dụng Công nghệ mới và Du lịch (Công ty Newtatco) là đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện dự án.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Sở thường xuyên phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các sở, ngành liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án rà soát các điều kiện để triển khai đầu tư, nâng cấp, chuyển đổi thành đài truyền thanh xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông; chỉ đạo hướng dẫn việc lắp đặt cụm loa truyền thanh trên các trạm thu phát sóng di động để tuyên truyền phòng, chống thiên tai; phối hợp với Điện lực tỉnh, Điện lực các huyện, thành phố bố trí, cung cấp nguồn điện cho hệ thống truyền thanh cơ sở.

Đến nay sau gần 02 năm triển khai thực hiện. Dự án hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở đã hoàn thành các nội dung nhiệm vụ theo quy mô dự án được phê duyệt. Hệ thống loa truyền thanh ứng dụng CNTT-VT với 687 cụm loa được lắp đặt tại 93 xã trên địa bàn toàn tỉnh, bước đầu đã phát huy hiệu quả trong công tác tuyên truyền tại địa phương. Chất lượng âm thanh tại các cụm loa tốt, rõ ràng và đặc biệt không bị chèn sóng; không bị giới hạn khoảng cách truyền tín hiệu âm thanh; giảm nguồn nhân lực, ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo chuyển thể từ văn bản sang giọng nói; công tác triển khai lắp đặt dễ dàng hơn so với hệ thống truyền thanh FM và truyền thanh có dây trước đây. Chỉ cần máy tính có kết nối Internet và 01 tài khoản đã được cấp sẵn là có thể vận hành hệ thống ngay trên phần mềm phát trực tiếp các

bản tin hay thông báo đột xuất qua micro cho toàn bộ hoặc từng cụm loa riêng biệt, giám sát trạng thái hoạt động của từng chiếc loa, cụm loa và điều chỉnh âm lượng và nhận lệnh tạm dừng khi đang phát nội dung bất kỳ ngay trên phần mềm. Có thể nói, việc triển khai xây dựng Dự án hoàn thiện hệ thống truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông là nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động thông tin cơ sở, góp phần thực hiện thắng lợi chương trình chuyển đổi số quốc gia.

Để đạt được kết quả nêu trên, là nhờ sự chỉ đạo, giám sát sát sao của HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp của các đơn vị, địa phương trong việc triển khai dự án, hệ thống các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện dự án rõ ràng, cụ thể. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh còn một số khó khăn tồn tại đó là: Sóng 3G/4G tại một số thôn, bản vùng sâu, vùng xa chưa đảm bảo ổn định dẫn tới hiện tượng đôi lúc mất kết nối tại một số vị trí cụm loa; việc chuẩn bị các điều kiện lắp đặt và cung cấp nguồn điện cho các cụm loa truyền thanh tại một số địa phương còn khó khăn, lúng túng; Năng lực tiếp cận quản lý, vận hành hệ thống truyền thanh thông minh của cán bộ truyền thanh của một số đơn vị cấp xã còn hạn chế.

Để hạn chế những tồn tại nêu trên, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn xin được rút ra một số kinh nghiệm như sau:

Một là, hệ thống hạ tầng mạng viễn thông phải đảm bảo chất lượng sóng 3G/4G tại vị trí các cụm thu loa.

Hai là, cần tăng cường phối hợp để đảm bảo cung cấp nguồn điện ổn định cho các bộ thu tín hiệu và loa truyền thanh tại các thôn, bản, khu dân cư.

Ba là, các địa phương cần bố trí cán bộ phụ trách vận hành đài truyền thanh có đủ năng lực tiếp cận ứng dụng công nghệ thông tin.

Để tiếp tục phát huy hiệu quả của hệ thống truyền thanh ứng dụng CNTT-VT đã được đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất kiến nghị với Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp tục quan tâm, bố trí kinh phí từ nguồn Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam để đầu tư hạ tầng viễn thông cho các khu vực khó khăn, vùng sâu, vùng xa; chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông triển khai, xây dựng trạm BTS tại các điểm chưa có sóng 3G/4G đảm bảo phủ sóng di động cho 100% thôn, bản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn./.

NGUỒN NHÂN LỰC CHO PHÁT TRIỂN GAME TẠI VIỆT NAM

Ông Phạm Văn Thành

Giám đốc phụ trách Game

Tổng Công ty Truyền thông Đa phương tiện (VTC)

1. Phân tích, đánh giá điều kiện phát triển game ở Việt Nam

- Sự ổn định về an ninh chính trị: Việt Nam là một trong số các nước có độ ổn định cao về an ninh chính trị, nằm trong khu vực châu Á, một khu vực năng động nhất trong lĩnh vực CNTT, Việt Nam sẽ là một địa điểm hấp dẫn các tập đoàn đa quốc gia và các công ty nước ngoài đầu tư mở các chi nhánh công nghiệp nội dung số.

- Đất nước giàu văn hóa, lịch sử: Đây là lợi thế tiềm năng nhằm khai thác tiềm năng kinh tế của lịch sử, văn hóa, phát huy bản sắc dân tộc, thúc đẩy sự sáng tạo, đổi mới. Đây là ưu thế để xây dựng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ nội dung số.

- Việt Nam đứng top đầu thế giới về tỷ lệ thuê bao di động và sử dụng Internet. Công nghệ 5G đã và đang thử nghiệm, chuẩn bị để thương mại hóa dịch vụ. Cơ sở hạ tầng mạnh mẽ, giá cả phải chăng giúp tăng khả năng tiếp cận nội dung kỹ thuật số và cho phép các doanh nghiệp duy trì khả năng cạnh tranh.

- Nguồn nhân lực ICT Việt Nam được đánh giá khá cao (xếp hạng thứ 29 trên thế giới và kỹ năng lập trình viên, xếp hạng 34/128 tại kỳ thi lập trình quốc tế). Sự sẵn có của nguồn nhân tài sáng tạo với hơn 40% trường đại học Việt Nam cung cấp các khóa học về CNTT-TT, tạo điều kiện tạo ra nguồn nhân lực sẵn sàng cho ngành công nghiệp nội dung số, đặc biệt dẫn đầu là lĩnh vực trò chơi.

2. Tiềm năng và lợi thế

Dân số trẻ với hơn một nửa ở độ tuổi dưới 25, cùng với sự phổ biến của Internet và tỷ lệ sử dụng thiết bị di động cao đứng thứ 5 thế giới về tỷ lệ thuê bao điện thoại so với dân số; đứng vị trí thứ 10 trong danh sách các nước có số lượng người dùng smartphone nhiều nhất thế giới (tại khu vực Đông Nam Á, Việt Nam xếp thứ 2 sau Indonesia). Đây là những ưu thế đóng vai trò quan trọng cho sự đột phá của thị trường game Việt Nam. Hơn nữa, chơi game đã trở thành hình thức giải trí không chỉ trẻ em mà cả nhiều người trưởng thành Việt Nam lựa chọn. Theo Statista, Việt Nam là

nước có tỷ lệ người trưởng thành độ tuổi từ 18 đến 64 chơi game trên các thiết bị điện tử cao nhất trên thế giới. Báo cáo của Adsota cho biết, tỷ lệ người Việt Nam chơi game hằng ngày đứng thứ 4, đồng thời dẫn đầu về tỷ lệ người chơi tìm trò chơi mới mỗi tuần trong năm 2020 trong số những nước được khảo sát như Brazil, Singapore, Nhật Bản, Mỹ, Anh và Hàn Quốc. Ngoài ra, theo Báo cáo của We are social 2022, có 92% người Việt Nam đã từng chơi game trên ít nhất một thiết bị, thể hiện sự phổ biến của digital game trong đời sống của chúng ta. Trong đó chủ yếu chơi game trên smartphone (85%), PC (44,4%), Tablet (22,6%), Console (8,6%).

Bên cạnh là một thị trường giàu tiềm năng về khai thác doanh thu trong lĩnh vực game, Việt Nam từ nhiều năm đã trở thành địa chỉ “outsourcing” đáng tin cậy của các công ty phát hành game lớn trên thế giới. Có rất nhiều tựa game nổi danh được sản xuất bởi đội ngũ nhân sự 100% người Việt như: Free Fire, Caravan War, Game 7554, I Squad, Arena of Survivors,...

Trong bảng xếp hạng trong năm 2020, Việt Nam sở hữu 5 trong số 10 nhà phát hành game hàng đầu xét ở khu vực Úc, New Zealand và Đông Nam Á. Các công ty game Việt Nam cũng đứng thứ 7 trong bảng xếp hạng lượt game được tải nhiều nhất thế giới. “Cứ 25 game được tải, có một game do công ty Việt Nam sản xuất”. Và đứng thứ 2 tại thị trường Đông Nam Á về lượt tải game mobile, chiếm 22% tổng lượt tải trò chơi trong khu vực.

3. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Việt Nam cần phải có chính sách cấu trúc lại nội dung đào tạo và mời các chuyên gia hàng đầu trên thế giới để đào tạo nguồn nhân lực cho ngành. Đào tạo chuyên nghiệp cho các ngành trò chơi điện tử, thể thao điện tử, tiếp thị và quảng cáo số bằng việc thành lập, chỉ định các cơ sở đào tạo và đưa các chuyên ngành học về các lĩnh vực này vào trong các trường đại học và cao đẳng. Phối hợp giữa các doanh nghiệp, hiệp hội và cơ sở đào tạo để xác định nhu cầu và nguồn cung cần thiết, định hình sự phát triển tài năng và xác định chương trình giảng dạy phù hợp đáp ứng nhu cầu của ngành.

Phối hợp với Google và Microsoft đưa các chương trình giảng dạy Online trên Cổng game của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử: <http://game.gov.vn>, tập trung vào 3 vấn đề:

- Thứ nhất, nâng cấp năng lực cho các cá nhân và công ty game, từ việc thiết kế game hấp dẫn và mới mẻ, cho đến các chủ đề luôn được nhiều bên quan tâm như xu hướng và thông tin của các thị trường khác nhau cho các loại hình game khác nhau,

phân tích dữ liệu người chơi để tối ưu hóa chiến dịch, cải thiện mô hình tìm kiếm doanh thu trong game,...

- Thứ hai, tìm kiếm nguồn tài chính để phát triển hoạt động của công ty. Với mạng lưới các công ty và nhà đầu tư trong khu vực và trên thế giới cùng các chương trình hỗ trợ startup, Google và Microsoft sẽ nỗ lực hỗ trợ các công ty game Việt Nam thông qua các hoạt động chia sẻ về cách thức tìm kiếm và làm việc với nhà đầu tư.

- Thứ ba, xây dựng một hệ sinh thái ngành game lành mạnh và bền vững tại Việt Nam thông qua việc hỗ trợ các cộng đồng game, đặc biệt là các công ty vừa bước vào ngành, cũng như chia sẻ các giải pháp và tài liệu hữu ích từ Google, Microsoft.

Sau khi kết thúc các khóa học, học viên sẽ trải qua các kỳ thi tại chỗ và cấp chứng chỉ.

Cập nhật chương trình giảng dạy thường xuyên và tạo cơ hội cho sinh viên tham gia các sự kiện/hội thảo. Phối hợp với các chuyên gia từ các doanh nghiệp cho việc đào tạo các kỹ năng và kiến thức phù hợp. Mở rộng nguồn nhân tài (talent pool) bằng cách trao cơ hội cho những sinh viên mới tốt nghiệp (Freshers) vào làm tại các studio game kết hợp với mô hình nuôi dưỡng tài năng nhằm tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển nhân sự bền vững cho doanh nghiệp và Việt Nam.

Khuyến khích tổ chức cuộc thi lập trình game trong khu vực dành cho các cơ sở đào tạo trong nước, khu vực Đông Nam Á để cho phép chia sẻ kiến thức và kỹ năng về công nghệ trò chơi, đồng thời cung cấp mạng lưới kết nối giữa các chuyên gia trong ngành trò chơi tương lai của đất nước và khu vực.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG PHÂN PHỐI NỘI DUNG BẰNG VIỆC HÌNH THÀNH NỀN TẢNG TRUYỀN HÌNH SỐ QUỐC GIA CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

Ông Phạm Anh Chiến

*Phó Giám đốc Trung tâm Sản xuất và Phát triển nội dung số,
Đài Truyền hình Việt Nam*

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Đài Truyền hình Việt Nam là Đài truyền hình Quốc gia, cơ quan thuộc Chính phủ, thực hiện chức năng thông tin, tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; góp phần giáo dục, nâng cao dân trí, phục vụ đời sống tinh thần của nhân dân bằng các chương trình truyền hình và các loại hình báo chí, truyền thông đa phương tiện khác.

Với lực lượng nhân sự sản xuất nội dung nhiều kinh nghiệm, hạ tầng kỹ thuật sản xuất chương trình được đầu tư qua nhiều năm, Đài Truyền hình Việt Nam đã xây dựng được hệ thống chương trình, kênh sóng uy tín. Các kênh truyền hình mang thương hiệu VTV được phát sóng rộng rãi trên nhiều hạ tầng và luôn thu hút lượng khán giả vượt trội so với tất cả các kênh truyền hình khác. Nhờ đó, Đài Truyền hình Việt Nam luôn đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị và có doanh thu lớn từ quảng cáo.

Trên các nền tảng số, Đài Truyền hình Việt Nam cũng đã triển khai các hoạt động phân phối, kinh doanh nội dung như:

- Phát triển các ứng dụng phân phối nội dung như VTVGo, VTV Giải trí, Báo điện tử VTV News;
- Phân phối gói kênh cho hầu hết các dịch vụ IPTV, OTT trong nước;
- Phát triển hệ thống kênh trên mạng xã hội để truyền thông quảng bá cho kênh, chương trình đồng thời gia tăng doanh thu;
- Đầu tư sản xuất một số chương trình dành riêng cho các nền tảng số.

II. TÂM NHÌN CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM VỚI CHUYỂN ĐỔI SỐ

Thực hiện xây dựng và phát triển cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện đồng nghĩa với việc Đài Truyền hình Việt Nam có thể đưa các nội dung sản xuất lên đa nền tảng, đa phương tiện, hình ảnh Đài Truyền hình Việt Nam với vị thế Đài truyền hình Quốc gia được hiện diện mọi nơi, mọi lúc, trên mọi thiết bị. Điều này đang trở thành yếu tố mang tính chiến lược trong sự phát triển của Đài Truyền hình Việt Nam cả về góc độ chính trị và kinh tế, đặc biệt trong điều kiện khán giả, nhất là khán giả trẻ xa rời dần truyền hình truyền thống và tìm đến Internet như một công cụ chính để nắm bắt và chia sẻ thông tin.

Để hiện thực hóa quá trình chuyển đổi số, Đài Truyền hình Việt Nam đã tiến hành hàng loạt các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực như:

1. Chuyển đổi số trong quản lý điều hành tác nghiệp

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, phát triển ứng dụng và dữ liệu.
- + Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng CNTT gồm hạ tầng mạng, máy chủ, lưu trữ theo hướng ảo hóa, thuê dịch vụ cloud đáp ứng các yêu cầu chuyển đổi số.
- + Kết nối liên thông hệ thống phần mềm quản lý điều hành tác nghiệp của Đài với các hệ thống thuộc Chính phủ và các bộ ngành gồm triển khai các dịch vụ kết nối liên thông, tích hợp các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu quốc gia, các hệ thống thông tin/cơ sở dữ liệu có quy mô, phạm vi từ Trung ương tới địa phương.

2. Chuyển đổi số trong sản xuất, phân phối nội dung

Kế thừa và sử dụng các công nghệ đã có trên thế giới như Bigdata, AI,... để phân tích hành vi, thói quen của khán giả cũng như nhận biết và đánh giá nhu cầu, thị hiếu của công chúng và dư luận xã hội. Sản xuất nội dung phù hợp với môi trường phân phối đa nền tảng, tạo ra sản phẩm mang tính “ cá thể hóa ” và tính năng gợi ý nội dung cho từng người, tận dụng tối đa công nghệ mang tính tương thích đa nền tảng, sử dụng trí tuệ nhân tạo để giúp hoạt động phân phối trở nên thuận tiện hơn, hướng tới phục vụ tốt các nhu cầu của khán giả để xây dựng nền tảng phân phối nội dung cá nhân hóa.

3. Chuyển đổi số trong kinh doanh

Ngoài việc khai thác dịch vụ quảng cáo truyền hình trên hệ thống 9 kênh truyền hình quảng bá, Đài Truyền hình Việt Nam đang phát triển các dịch vụ quảng cáo,

truyền thông, marketing đa nền tảng từ truyền hình truyền thống đến các hạ tầng trên Internet.

4. Xây dựng và phát triển cộng đồng khán giả số của Đài Truyền hình Việt Nam (xã hội số)

- Tạo các kênh tương tác đa dạng với khán giả/người dùng, trong đó đẩy mạnh khai thác hiệu quả và ảnh hưởng của nền tảng mạng xã hội;

- Xây dựng hệ thống thu thập, lưu trữ và phân tích hành vi người dùng (Big Data) - được xây dựng, phát triển và vận hành bởi Đài Truyền hình Việt Nam, do Đài Truyền hình Việt Nam sở hữu. Hệ thống sẽ thu thập chi tiết các hành vi của người dùng trên toàn bộ các nền tảng phân phối nội dung của Đài Truyền hình Việt Nam: hệ thống truyền hình, website, các ứng dụng, mạng xã hội,...

Trong các nhóm nhiệm vụ trên, nhiệm vụ xây dựng kênh phân phối trên đa nền tảng đã và đang là nhiệm vụ hàng đầu trong việc phát triển của Đài Truyền hình Việt Nam.

Ra đời vào tháng 4/2015, với mục tiêu “xem TV mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị”, hệ thống VTVgo được phát triển và vận hành bởi đội ngũ kỹ sư công nghệ của Đài Truyền hình Việt Nam. Hiện nay, VTVgo đã được biết đến và đón nhận bởi người dùng như một thương hiệu của Đài Truyền hình Việt Nam, một kênh truyền hình Internet của Đài Truyền hình Việt Nam, phục vụ nhân dân trong nước và nước ngoài. Đặc biệt, VTVgo đã và đang thực hiện rất tốt nhiệm vụ thay thế cho phương tiện truyền dẫn qua vệ tinh các nội dung của Đài Truyền hình Việt Nam ra nước ngoài, phục vụ kiều bào trên khắp thế giới. VTVGo đã được cài đặt và sử dụng trên 28 triệu thiết bị, hơn 7 triệu khán giả thường xuyên sử dụng với trung bình 240 triệu lượt xem hàng tháng.

Hiện nay, VTVGo đã có mặt trên mọi hệ điều hành (Android, iOS, Android TV, Windows,...), trên mọi thiết bị (điện thoại, TV thông minh, desktop, laptop, máy tính bảng). Năm 2018, VTVGo vinh dự được trao tặng Giải thưởng Công nghệ số Việt Nam. Ước tính đến cuối năm 2022, có hơn 1 triệu kiều bào Việt Nam trên toàn thế giới sử dụng VTVGo để xem các chương trình của VTV hàng ngày.

III. PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG TRUYỀN HÌNH SỐ TRỰC TUYẾN QUỐC GIA

Từ thế mạnh về nội dung và nền tảng phân phối hiện có của Đài Truyền hình Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông đã có Quyết định số 186/QĐ-BTTTT ngày

11/02/2022 phê duyệt Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, trong đó đưa ứng dụng VTVGo trở thành nền tảng truyền hình số trực tuyến quốc gia.

VTVGo với vai nền tảng truyền hình số trực tuyến quốc gia sẽ là hệ thống thông tin chính thống của Đảng và Nhà nước; cung cấp đầy đủ, đa dạng và phong phú các kênh, chương trình truyền hình, các nội dung theo yêu cầu; mang đến trải nghiệm và tương tác cho khán giả trong và ngoài nước; có nền tảng hạ tầng và công nghệ hiện đại; giúp tối ưu hóa quản lý và phát triển nội dung, kinh doanh dựa trên dữ liệu số; đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số của Đài Truyền hình Việt Nam, kênh truyền hình các bộ ngành và các đài phát thanh truyền hình địa phương.

Theo lộ trình, VTVGo phấn đấu mục tiêu chiếm lĩnh tập khán giả trên không gian số, trở thành ứng dụng phân phối nội dung chủ lực của Đài Truyền hình Việt Nam trên các nền tảng số, trở thành OTT hàng đầu quốc gia với mục tiêu đạt độ phủ người xem hàng tháng tới 50% người dùng Internet tại Việt Nam đến năm 2030.

Với mục tiêu này, Đài Truyền hình Việt Nam sẽ phối hợp cùng các đối tác công nghệ xây dựng phát triển nền tảng VTVGo ứng dụng các hệ thống quản trị tài nguyên dữ liệu, công nghệ phân tích dữ liệu lớn phục vụ sản xuất, phân phối, kinh doanh. Đầu tư mạnh mẽ cho chiến lược thu thập và phân tích kho dữ liệu lớn của khán giả VTV trên VTVGo, bổ sung dữ liệu từ các nền tảng báo điện tử VTV News, từ nhóm các kênh mạng xã hội, các ứng dụng Internet khác thuộc sở hữu của Đài Truyền hình Việt Nam.

IV. ĐỀ XUẤT

Về kế hoạch triển khai nền tảng truyền hình số trực tuyến quốc gia, Đài Truyền hình Việt Nam sẽ phối hợp với các đơn vị công nghệ hàng đầu trong nước để cung cấp các dịch vụ hạ tầng, dịch vụ kết nối, công nghệ nền tảng để xây dựng, đóng gói thành sản phẩm hoàn chỉnh.

Để việc thực hiện kế hoạch được đảm bảo chất lượng, tiến độ, Đài Truyền hình Việt Nam đề xuất một số ý kiến sau:

- Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp xây dựng và ban hành bộ đơn giá định mức để các Đài phát thanh truyền hình địa phương có cơ sở pháp lý tham gia nền tảng truyền hình số trực tuyến quốc gia. Bộ đơn giá định mức được xây dựng trên cơ sở mức chi phí thực tế trong 03 năm qua của nền tảng bao gồm các hạng mục: hạ tầng kỹ thuật, chi phí vận hành, chi phí khấu hao.

- Đề xuất các sản phẩm điện thoại thông minh, Connected TV sản xuất và bán ra trên thị trường trong nước phải được cài đặt trước (preload) ứng dụng VTVGo để tăng cường vùng phủ các kênh và nội dung của Đài Truyền hình Việt Nam cũng như các Đài truyền hình địa phương.

VIII. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

THỊ TRƯỜNG SÁCH NÓI - TRIỂN VỌNG TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH XUẤT BẢN

Đồng chí Nguyễn Nguyên
Cục trưởng Cục Xuất bản, In và Phát hành

I. XU HƯỚNG TẤT YẾU TRONG CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHỆ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Hoạt động xuất bản điện tử, trong đó có sách nói vẫn đang là xu thế phát triển chính mạnh tại hầu hết các nước trên thế giới với tốc độ tăng trưởng đáng kể trong những năm qua. Theo báo cáo năm 2021 của trang nghiên cứu Grand View Search, thị trường sách nói vào khoảng 2,67 tỷ USD. Trang này cũng đề cập, sách nói đang phát triển cực mạnh và sẽ đạt giá trị 15 tỷ USD vào năm 2027. Trong khi đó, thống kê từ Good E Reader cho thấy khoảng 3 năm trở lại, tốc độ tăng trưởng doanh số sách nói tại Mỹ đã vượt bán sách điện tử. Thị trường Bắc Mỹ dẫn đầu tiêu thụ sách nói, tiếp đến là châu Âu, châu Á - Thái Bình Dương và xếp cuối là khu vực Trung Đông - châu Phi. Nhìn chung, xu hướng này vẫn sẽ giữ nguyên trong khoảng 10 năm tiếp theo.

Báo cáo tổng quan kỹ thuật số toàn cầu năm 2022 cho thấy chỉ tiêu truyền thông kỹ thuật số toàn cầu theo định dạng DataReportal tháng 01 năm 2022 đối với sách điện tử của nhân loại đã đạt mức 27,59 tỷ USD với tốc độ tăng trung bình năm ở mức trên (12%/năm), sự gia tăng nhu cầu và mức phát triển của lĩnh vực sách nói cũng luôn ở mức hai con số.

Hiệp hội các nhà xuất bản âm thanh Mỹ (Audio Publishers Association) công bố 2021 là năm thứ mười tăng trưởng hai con số đối với sách nói tại thị trường Mỹ với mức tăng 25% trong năm vừa qua với doanh số đạt mức 1,6 tỷ USD. Các thị trường Anh, Tây Ban Nha, Trung Quốc, Nhật Bản đều có sự tăng trưởng rất cao thời gian qua. Theo báo cáo vào cuối tháng 4 của Hiệp hội Xuất bản Anh, số lượt sách nói được tải về năm 2021 tăng 14%, đạt 197 triệu USD; trong khi tại Tây Ban Nha, tốc độ tăng trưởng của loại hình sách điện tử này đạt mức 30%. Các chuyên gia cho rằng, tốc độ tăng bình quân của sách nói sẽ tiếp tục ở mức 25% từ nay đến năm 2027.

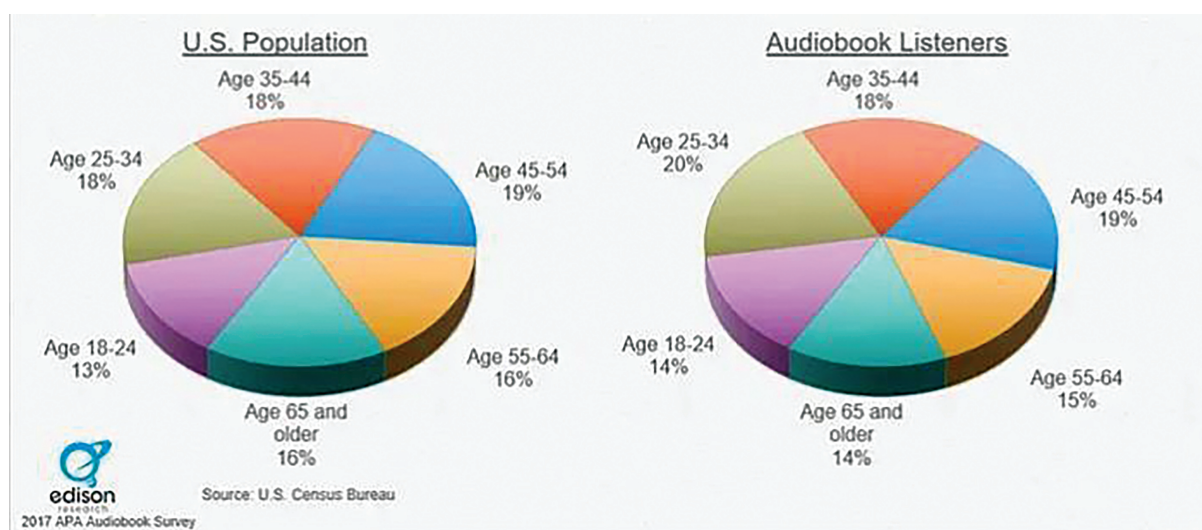
Sự phát triển bùng nổ của thị trường sách nói trên thế giới có thể được lý giải từ quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ và toàn diện trên phạm vi toàn thế giới và xu hướng chuyển dịch của người trẻ từ đã và đang thay đổi phương pháp tiếp cận tri thức từ việc đọc sách truyền thống sang sử dụng sách điện tử và quen dần với việc nghe sách nói như một nhu cầu thường xuyên. Số lượng các nền tảng ứng dụng sách nói thời gian qua gia tăng rất nhanh và 41% người dùng cho biết họ đã ít nhất một lần đăng ký sử dụng một ứng dụng sách nói trên thiết bị di động. Một cuộc khảo sát người tiêu dùng tại Mỹ cho thấy trong năm qua, số người Mỹ trên 18 tuổi nghe sách nói tăng 45% so với năm 2020. Thống kê cũng cho thấy phần lớn người nghe sách nói là những người trẻ với khoảng 54% ở độ tuổi dưới 45 tuổi người nghe sách nói cho biết họ dưới 45 tuổi; 70% người tiêu dùng phản hồi rằng sách nói là một lựa chọn tốt để thư giãn. Với những thói quen tiêu dùng dần thay đổi trong thời đại công nghệ, sách nói sẽ tiếp tục phát triển hơn nữa. Good E Reader dự đoán sách nói thậm chí có thể vượt qua sách điện tử về lượng tiêu thụ trong vòng vài năm tới và sớm thành quả con vàng của ngành công nghiệp sách.

Theo phân tích của một số chuyên gia, việc thay đổi thói quen từ đọc sách giấy truyền thống sang sách điện tử, đặc biệt là sách nói xuất phát từ 02 lý do: (1) Tính tiện ích do người nghe có thể vừa làm việc, vừa đi đường, vừa tập thể thao, vừa nghe đọc sách. (2) Công nghệ đọc tự động (Voice AI) làm cho việc số hoá định dạng âm thanh nhanh chóng, với giá thành giảm, giúp độc giả dễ tiếp cận hơn.

II. THỊ TRƯỜNG SÁCH NÓI TẠI VIỆT NAM

1. Nhu cầu gia tăng

Sự phát triển của khoa học kỹ thuật, quá trình chuyển đổi số đã giúp thế giới ngày càng trở nên phẳng hơn và Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào dòng chảy chung của thế giới. Trong lĩnh vực xuất bản, những gì đang là xu hướng của thế giới, rất nhanh, sẽ là xu hướng ở Việt Nam; những dịch chuyển của thế giới (về nhu cầu, nội dung, phương thức tiếp cận, cách thức nghe, xem và đọc) sẽ nhanh chóng xuất hiện và trở thành xu hướng chính ở trong nước. Việt Nam hiện nay đã và đang có sự tương đồng về nhu cầu nghe sách nói cả về cơ cấu độ tuổi và đối tượng bạn đọc với sự phát triển và gia tăng nhanh chóng (đặc biệt trong nhóm đối tượng sinh viên và nhân viên trẻ).



2. Tăng cường nguồn cung sách nói cho bạn đọc

Trong năm 2022, số lượng nhà xuất bản có xác nhận đăng ký hoạt động xuất bản, doanh nghiệp phát hành xuất bản phẩm điện tử tiếp tục tăng mạnh với 19 nhà xuất bản được xác nhận đủ điều kiện xuất bản điện tử, chiếm 33,3%. Số doanh nghiệp phát hành xuất bản phẩm điện tử cũng tăng mạnh với 12 đơn vị, tăng 21%; trong đó có cả những doanh nghiệp công nghệ hàng đầu như Viettel, FPT, VTC đang hoàn thiện thủ tục để triển khai phát hành sách điện tử cung cấp các định dạng sách hiện đại đến bạn đọc. Số lượng xuất bản phẩm điện tử tiếp tục tăng đáng kể, năm 2021 đã có 2003 đầu sách được xuất bản dưới dạng sách điện tử và đến hết năm 2022 dự kiến đạt trên 3000 đầu sách và khoảng 1500 đầu sách tóm tắt (dạng podcast).

Hiện nay, sách nói tại Việt Nam đang được nhiều doanh nghiệp đầu tư để liên kết xuất bản và phát hành trên thị trường với một số doanh nghiệp đang dần khẳng định thương hiệu, xác lập vị thế trên thị trường như:

- Công ty Cổ phần Waka chính thức thành lập từ năm 2019, dựa trên cơ sở nền tảng Xuất bản điện tử Waka ra đời từ tháng 10/2014. Sau hơn 5 năm xây dựng và phát triển, hiện nay, nền tảng Xuất bản điện tử Waka nói riêng và Công ty Cổ phần Waka nói chung là đơn vị dẫn đầu thị trường cung cấp các ứng dụng đọc sách điện tử (ebook), nghe sách nói (audiobooks) trả phí tại Việt Nam. Là đơn vị tiên phong trong việc ứng dụng công nghệ cao trong triển khai và cung cấp Ebooks trả phí ở Việt Nam, Công ty Cổ phần Waka sở hữu nền tảng công nghệ hiện đại và đội ngũ phát triển sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo xây dựng nền tảng xuất bản tiên tiến, đáp ứng mọi nhu cầu đọc của người dùng từ tìm kiếm nội dung đến trải nghiệm đọc sách, truyện tranh hay sách nói trên bất cứ thiết bị di động thông minh nào, ngay cả khi không có kết nối

Internet. Cùng với đó, Công ty Cổ phần Waka cũng đang là đơn vị đi đầu trong lĩnh vực bản quyền nội dung số với hơn 13.000 nội dung sách điện tử, truyện tranh, sách nói trong và ngoài nước với đầy đủ bản quyền. Đồng thời, công ty cũng đã xây dựng được quy trình riêng để rà soát và bảo vệ các nội dung Bản quyền mà mình sở hữu. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Waka cũng là một trong các đối tác cung cấp các dịch vụ đọc sách điện tử, truyện tranh trả phí trên các nhà mạng trong và ngoài nước (Viettel, Vinaphone, Mobifone, Vietnamobile, Metfone, Natcom, Unitel,...). Thư viện ebook của Waka có 3,5 triệu độc giả và hơn 5 triệu người dùng theo dõi thường xuyên trên mạng xã hội. Riêng đối với sách nói, hiện công ty đã số hóa khoảng 5 triệu phút ghi âm đọc sách. Bạn đọc của Waka có thể trải nghiệm theo hình thức mua theo gói tháng hoặc mua lẻ từng cuốn sách.

Điểm đặc biệt của Công ty Waka là công ty vừa thực hiện việc liên kết, tổ chức xuất bản sách, vừa là đơn vị ứng dụng công nghệ để số hóa sách theo các định dạng, bao gồm cả sách nói. Tổng doanh thu trước kênh thanh toán (thanh toán qua nhà cung cấp viễn thông) của Waka lên 48 tỷ đồng, sau chi trả cho kênh thanh toán là 22 tỷ đồng, trong đó riêng chi phí marketing là 9 tỷ đồng.

- Công ty Cổ phần Công nghệ WeWe là đơn vị chủ quản Voiz FM - nền tảng âm thanh chất lượng cao, 100% bản quyền hàng đầu Việt Nam. Với định hướng sách nói và có bản quyền, chỉ sau 6 tháng ra mắt, Voiz FM đã ký hợp đồng độc quyền gần 2.000 cuốn sách nổi tiếng từ các đối tác uy tín: NXB Kim Đồng, NXB Tổng hợp, NXB Trẻ, First News, Saigonbooks, Quảng Văn,... và các podcaster nổi tiếng như Quốc Khánh, Hana's Lexis,... Đồng thời, WeWe cũng đầu tư phát triển AI Voices để tối ưu chi phí sản xuất, tạo thế mạnh về công nghệ. Hiện tại Voiz FM có gần 2.000 nội dung âm thanh, trong đó có những tên sách nổi tiếng như: Đắc Nhân Tâm, Quảng gánh lo đi mà vui sống, Người mẹ tốt hơn người thầy tốt, Tôi, tương lai và thế giới,... Ứng dụng Voiz FM được đánh giá tiện lợi với các tính năng như đánh dấu trang - quay lại vị trí đang nghe bất cứ lúc nào; tải sẵn nội dung về máy và nghe offline khi không có kết nối mạng; cá nhân hóa nội dung, cho phép người dùng trải nghiệm tối ưu hơn; tích hợp tính năng xem đánh giá nội dung từ các chuyên gia.

Điểm đặc biệt của Voiz FM là bên cạnh cung cấp các bản sách nói đầy đủ, còn cung cấp các bản sách tóm tắt tinh gọn và cung cấp cả thông tin loại Postcard cung cấp thông tin các loại để thu hút thêm độc giả.

- Công ty Cổ phần Fonos thành lập năm 2019, bắt đầu hoạt động thí điểm vào đầu năm 2020, chủ sở hữu của ứng dụng Fonos, một ứng dụng sách nói có bản quyền của các tác giả Việt Nam và nước ngoài. Ứng dụng di động của Fonos có nhiều lựa

chọn với nội dung âm thanh độc quyền, bao gồm cả sách nói tiếng Việt có bản quyền từ những tác giả có sách bán chạy trên thị trường quốc tế và Việt Nam. Ngoài ra, Fonos còn có những nội dung âm thanh về hướng dẫn thiền định, Truyện ngụ, sách tóm tắt, nhạc thư giãn,... dành cho hội viên của mình. Với Fonos, người đọc có thể nghe những nội dung âm thanh chất lượng cao mang tính giáo dục, giải trí và truyền cảm hứng mọi lúc mọi nơi: trên xe bus, trên tàu, trên xe hơi, xe máy, khi tập thể dục, trong khi dọn dẹp hoặc nấu ăn tại nhà, hoặc thậm chí ngay khi đang nằm trên giường. Những nội dung sách mà người đọc nghe dở, có thể tiếp tục ở lần đọc tiếp theo mà không bị mất thời gian tua lại. Hiện Fonos đã số hóa được trên 100 đầu sách chia thành một số mảng gồm: Kinh điển; Tôn giáo, tinh thần; Dạy con; Kinh tế; Văn hóa thế giới; Bán hàng, marketing và PR; Tư duy và kỹ năng; Sức khỏe, nghệ thuật sống,... Các đơn vị liên kết với Fonos chủ yếu là các nhà xuất bản ở TP. Hồ Chí Minh và một số công ty sách có thương hiệu mạnh như Alphabooks, Nhã Nam, Trí Việt Firstnews, Saigonbook, Thaihabook,... Năm 2021, Fonos tăng trưởng gấp 8 lần năm 2020 và dự kiến năm 2022 tăng trưởng gấp 3 lần so với năm 2021. Số lượng người dùng sách nói trên nền tảng Fonox hiện đạt hơn 1,5 tài khoản với hơn 600.000 người dùng thường xuyên hằng tháng. Fonos hiện cung cấp hơn 2000 sách nói, hơn 500 podcast và hơn 300 sách tóm tắt, hiện doanh nghiệp bắt đầu mở rộng hợp tác quốc tế, bước đầu với gần 100 tựa sách từ Mỹ, Pháp, Nhật Bản.

Ngoài các công ty trên, hiện đang xuất hiện một số website cung cấp sách nói miễn phí như sachnoi.com.vn, sachnoi.me. Các kênh YouTube cũng cung cấp sách nói miễn phí với việc đầu tư chuyên nghiệp về thiết bị âm thanh, thu hút hàng nghìn đến hàng trăm nghìn lượt theo dõi, giúp độc giả tiếp cận kho tàng sách với nhiều thể loại như văn học, kinh doanh, kỹ năng sống, sách thiếu nhi,... có những tác phẩm nổi tiếng thu hút vài trăm nghìn lượt nghe.

Nhìn chung, năm 2022 thị trường sách nói ở Việt Nam đã bước đầu được xác lập với đầy đủ các bộ phận cấu thành và đang có nhiều cơ hội để phát triển. Theo khảo sát của một số doanh nghiệp trong ngành xuất bản, chỉ tiêu bình quân cho sách điện tử của độc giả Waka năm 2016 chỉ chiếm khoảng 0,1% thu nhập nhưng năm 2017 tỷ lệ này tăng lên 0,17%, gần bắt kịp con số 0,2% của thế giới. Điều này cho thấy độc giả Việt Nam đang ngày càng có xu hướng ưu tiên cho hoạt động đọc sách điện tử, thể hiện bằng việc tăng tỷ lệ ngân sách dành cho sách điện tử trong cơ cấu chi phí của bản thân và gia đình mình.

3. Hình thành một thị trường giàu tiềm năng

Với sự bùng nổ về công nghệ, sự dịch chuyển mạnh mẽ về phương thức tiếp cận sách của bạn đọc, sự gia tăng nguồn cung sách điện tử từ phía các nhà xuất bản đã thu

hút sự quan tâm lớn từ phía các nhà đầu tư trong và ngoài nước hướng tới hình thành một thị trường tiềm năng cả trong ngắn và dài hạn. Trong khoảng thời gian 02 năm vừa qua, hoạt động phát hành sách nói trên các nền tảng ứng dụng đa phương tiện ở Việt Nam có sự tăng trưởng đột biến cả về mức đầu tư, doanh thu và lợi nhuận. Tổng số lượt tải nghe sách nói của bạn đọc trong năm 2021 đã lên tới trên 25 triệu lượt và còn tiếp tục gia tăng trong thời gian tới. Một số ứng dụng di động chỉ trong thời gian ngắn đã thu hút được hàng triệu người quan tâm. Nền tảng Voiz FM hiện đã đạt gần 2 triệu tài khoản đăng ký với gần 600.000 tài khoản sử dụng thường xuyên hằng tháng; nền tảng Fonos có 1,5 triệu người dùng, số lượng người dùng hằng tháng cũng đạt trên 600.000 tài khoản. Tốc độ tăng trưởng doanh thu của WeWe năm 2021 tăng gấp 7 lần so với năm 2020, tăng từ 1,2 tỷ lên 9 tỷ đồng và dự kiến năm 2022 gấp 3 lần so với năm 2021, đạt mốc 23 tỷ đồng. Fonos cũng có mức tăng nhanh, lần lượt là gấp 8 và 3 lần trong khoảng thời gian tương ứng, 2020 và 2021.

Thông qua các hình thức đầu tư trực tiếp và gián tiếp, các doanh nghiệp như sách nói đã nhận được sự quan tâm, đầu tư và đồng hành của nhiều doanh nghiệp công nghệ lớn như: Viettel, Vega Corporation, FPT,... Tháng 11/2022, Fonos đã huy động được 1,8 triệu USD (Trước đó, vào tháng 9/2021, Fonos cũng đã được 1,1 triệu USD từ vòng gọi vốn hạt giống). Công ty WeWe đã nhận được nguồn vốn đầu tư từ phía các nhà đầu tư chiến lược đạt mức 16,5 tỷ đồng (một con số vốn khá lớn đối với một doanh nghiệp startup ngành sách); Công ty Waka với sự đồng hành của Vega Corporation đã có được nguồn lực mạnh mẽ cho việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật số phục vụ phát triển xuất bản phẩm điện tử trong đó sách nói như một sản phẩm đặc trưng và chủ lực của doanh nghiệp.

III. VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

1. Vấn đề đặt ra đối với thị trường sách nói

Việc phát triển thị trường sách nói ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay vẫn còn một số khó khăn xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu sau:

Một là, tình trạng vi phạm bản quyền trên không gian mạng đang ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng phát triển thị trường và niềm tin của các doanh nghiệp cung cấp sách số hóa. Nhiều nhà xuất bản, công ty sách không mặn mà với việc liên kết cung cấp sách cho các doanh nghiệp. Ngoài ra, do tình trạng vi phạm bản quyền, một số đầu sách dịch, nhất là các sách bestseller trên thị trường châu Âu và Mỹ rất khó mua được bản quyền xuất bản định dạng điện tử. Vì thế, các sách hay, sách có giá trị không được số hóa dẫn đến thiếu hàng hóa cung ứng, giảm tính hấp dẫn, thu hút độc giả.

Hai là, việc sản xuất sách nói ở Việt Nam có chi phí khá cao. Trong khi đó, việc thu hồi vốn khó khăn do nạn xâm phạm bản quyền khiến không ít đơn vị e ngại. Ở Việt Nam, chi phí bản quyền cho nội dung cuốn sách; Chi phí chuyển thể kịch bản hoặc hiệu chỉnh kịch bản để đọc; Chi phí đọc (tính đơn giá theo số phút đọc); Chi phí hoàn thiện file audio thành phẩm: ghép nhạc nền, làm hiệu ứng, lọc nhiễu,... Như vậy, chi phí tăng lên gấp hai đến ba lần so với chi phí bản quyền làm ebook (văn bản, text) thông thường, chưa kể việc đầu tư hạ tầng cho nền tảng nghe sẽ tốn kém hơn nền tảng đọc rất nhiều lần. Trung bình giá thuê đọc một trang khoảng 10.000 - 15.000 đồng.

Mặc dù gần đây, một hướng đi mới hiện nay là sử dụng âm thanh trí tuệ nhân tạo (voice AI) giúp giảm thiểu chi phí sản xuất file audio thành phẩm. Hiện nay, thống kê nền tảng cung cấp voice AI của Việt Nam hiện có 03 đơn vị lớn là Viettel AI Open Platform, FPT, VNG (Vinagame). Ngoài ra, nền tảng thế giới có Google, Microsoft, Voice AI Uniphore,...

Ba là, chưa có các chính sách ưu đãi đặc thù để đẩy mạnh xuất bản điện tử phát triển. Hầu hết các chương trình, đề án, dự án xuất bản sách bằng ngân sách Nhà nước đều tập trung vào sách in và phát đến các đối tượng thụ hưởng qua hệ thống bưu chính; việc xuất bản sách theo định dạng sách điện tử còn rất ít, chưa có sách nói. Tháng 5/2022, Chính phủ Pháp đã tổ chức “Tháng sách nói”, nhằm tập trung vào việc phát triển sách nói tại quốc gia này. Đây là một kinh nghiệm tốt cho chúng ta có thể tham khảo.

Bốn là, nhân lực cho phát triển xuất bản điện tử, đặc biệt sách nói còn nhiều hạn chế. Hiện chưa có chuyên ngành đào tạo về loại hình sách nói ở các cơ sở đào tạo; các nội dung, chương trình đào tạo xuất bản điện tử của các cơ sở đào tạo chưa phù hợp, chưa đáp ứng yêu cầu ứng dụng công nghệ cao của sách nói hiện nay.

2. Giải pháp phát triển thị trường sách nói ở Việt Nam

Thứ nhất, hoàn thiện thể chế, văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách: Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh hành lang pháp lý phù hợp theo hướng cắt giảm các điều kiện, thủ tục hành chính không cần thiết để tạo điều kiện cho hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử phát triển. Ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tham gia thị trường sách nói, trong đó ưu tiên các chính sách về thuế, về nguồn vốn đầu tư tạo điều kiện thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp và các tổ chức tài chính đẩy mạnh đầu tư vào ngành xuất bản sách nói.

Thứ hai, tích cực triển khai các giải pháp đấu tranh vi phạm bản quyền: Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức về bảo vệ bản quyền xuất bản phẩm,

trong đó có sách điện tử và sách nói; Phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền triển khai ngăn chặn các hành vi vi phạm bản quyền, gỡ bỏ triệt để các hành vi chia sẻ lậu, bất hợp pháp các ebook, audiobook trên mạng, YouTube, mạng xã hội,... bằng các biện pháp kỹ thuật, pháp lý. Phát hiện, xử lý các tổ chức, cá nhân xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử mà chưa được cấp phép, vi phạm quyền tác giả.

Thứ ba, nâng cao năng lực xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử của một số nhà xuất bản, cơ sở phát hành: Xây dựng chiến lược xuất bản điện tử, phát triển đội ngũ biên tập viên, cộng tác viên có năng lực và trình độ; Huy động nguồn lực tài chính, đầu tư hạ tầng công nghệ; Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nhân lực bảo đảm nâng cao hiệu quả hoạt động xuất bản, nhất là xuất bản điện tử. Khuyến khích các nhà xuất bản, đơn vị phát hành đầu tư xuất bản sách nói cho người khiếm thị. Khuyến khích các công ty startup trong lĩnh vực podcast và audio nhằm phát triển thị trường sách mới.

Thứ tư, khuyến khích doanh nghiệp công nghệ tham gia vào lĩnh vực xuất bản điện tử, chú trọng đầu tư cơ sở hạ tầng và nền tảng công nghệ. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số, mở rộng thị trường phát hành xuất phẩm.

Thứ năm, hỗ trợ các doanh nghiệp từng bước cải thiện dịch vụ, chất lượng sản phẩm sách nói, đa dạng hóa các thể loại sách, tạo ra những không gian nơi người dùng có thể tương tác với nhau hay ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quá trình sản xuất để phát triển thị trường; chú ý phát triển loại sách tóm lược sách hay, giá trị với thời gian phù hợp để độc giả thuận lợi tiếp cận; phát triển các dịch vụ gia tăng để tăng thêm doanh thu.

Thứ sáu, các cơ sở giáo dục chuyên ngành về xuất bản cần xây dựng và đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm hướng đến phát triển đội ngũ nhân lực đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng có thể đáp ứng nhu cầu của xuất bản điện tử và công nghiệp sản xuất sách nói cả hiện tại cũng như tương lai bằng những chương trình kế hoạch cụ thể./.

IN XUẤT KHẨU - CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC

*Ông Ngô Anh Tuấn
Chủ tịch Hội In TP. Hồ Chí Minh*

Nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua đã hội nhập mạnh mẽ vào nền kinh tế toàn cầu, là một thành phần của nền kinh tế nên ngành in cũng không phải là ngoại lệ. Nhận thức rõ những cơ hội và thách thức, tìm kiếm những giải pháp đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững trong một thế giới nhiều biến động hiện nay là nhiệm vụ của các cơ quan quản lý xây dựng khung pháp lý thông thoáng hướng tới xuất khẩu và trên hết là trách nhiệm của từng đơn vị sản xuất phải thay đổi để đáp ứng những chuẩn mực khắt khe của chuỗi cung ứng toàn cầu.

I. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG IN THẾ GIỚI

Theo báo cáo thị trường mới đây của Smithers, tổng sản lượng ngành công nghiệp in toàn cầu được dự báo sẽ đạt 821 tỷ USD vào năm 2022, nhờ sự tăng trưởng của bao bì và nhãn mác và in kỹ thuật số.

Năm 2020, riêng thị trường in thương mại toàn cầu trị giá 411,99 tỷ USD và dự kiến đạt 472,35 tỷ USD vào năm 2026, tương ứng với tốc độ tăng trưởng hàng năm (CAGR) là 2,24% trong giai đoạn 2021 - 2026. Thị trường in thương mại đã sẵn sàng cho sự tăng trưởng vượt bậc trong 5 năm tới. Sự phát triển về mặt công nghệ, cùng với sự trỗi dậy của các ứng dụng, được dự đoán sẽ kích thích nhu cầu trên toàn cầu. Hơn nữa, nhu cầu sản xuất các đơn hàng số lượng nhỏ cho các dòng sản phẩm in thương mại, chẳng hạn như sách, thư trực tiếp, tài liệu quảng cáo và catalogue đang gia tăng nhanh chóng. Dự kiến có 72% các công ty sử dụng các chiến dịch quảng cáo bằng thư trực tiếp. Lý do là vì thư trực tiếp có chi phí tương đối rẻ và là một cách tuyệt vời để các công ty quảng bá hình ảnh và dịch vụ của họ với công chúng. Mảng in ấn này dự kiến sẽ tiếp tục có xu hướng tăng trong tương lai.

Nhu cầu gia tăng đối với các tài liệu quảng cáo từ các ngành bán lẻ, thực phẩm và đồ uống đang thúc đẩy thị trường. Thị trường in thương mại đang được thúc đẩy chủ yếu bởi các đợt khuyến mãi và quảng cáo. Ngoài ra, một cuộc thăm dò gần đây của Adobe với 1.250 người tiêu dùng ở Mỹ đã nhấn mạnh vấn đề đang diễn ra với

các quảng cáo trực tuyến hoặc quảng cáo trên các nền tảng kỹ thuật số không thu hút được sự chú ý của mọi người, trong khi các quảng cáo dạng bản in thu hút nhiều sự chú ý của người tiêu dùng.

Tuy nhiên, nhu cầu in thương mại đã giảm trong khoảng thời gian bùng dịch Covid-19. Heidelberg đã đưa ra một báo cáo về tình trạng hiện tại của ngành công nghiệp in toàn cầu, trong thời gian bùng dịch Covid-19. Theo báo cáo, trong đợt bùng phát Covid-19, sản lượng in ở Trung Quốc giảm tới 80% so với thông thường nhưng đã phục hồi khi sự lây nhiễm giảm và hiện đã quay trở lại mức năm 2021, ở cả mảng in thương mại và bao bì/nhãn hàng. Ngoài ra, một số nhà in chứng kiến nhu cầu về biển báo liên quan đến Covid-19 tăng lên từ các nhà bán lẻ, những doanh nghiệp muốn đảm bảo với khách hàng rằng họ đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa an toàn cần thiết. Những khách hàng khác lại đang chuyển sang in các mặt hàng, như tấm chắn bằng thủy tinh.

Thị trường in toàn cầu đang thay đổi, nhiều xuất bản phẩm truyền thống đã có phiên bản điện tử thay thế cho sách in. Sách điện tử, báo và tạp chí trực tuyến đang chiếm lĩnh thị phần quan trọng trên thị trường; trong khi các loại niên giám, danh bạ, catalogue và tài liệu quảng cáo đã có bản điện tử thay thế; ngày càng có nhiều giao dịch điện tử hơn làm giảm nhu cầu về giấy tờ và các loại tín phiếu; Bên cạnh đó, các chi tiêu quảng cáo đang chuyển sang các lĩnh vực mới bao gồm cả trực tuyến. Những yếu tố kể trên cùng với sự phát triển không ngừng của mạng xã hội đang dẫn đến việc số lượng xuất bản phẩm suy giảm, trong khi nhu cầu về bao bì và nhãn mác ngày càng tăng.

Công nghệ in cũng đang thay đổi. In kỹ thuật số sẽ tiếp tục phát triển vì nó cho phép sản xuất nhiều bản in được cá thể hoá với giá thành rẻ hơn, về cơ bản nội dung có thể được xác định gần với người dùng cuối hơn nhiều. Do thế hệ máy in mới đẩy mạnh năng suất và chất lượng và thúc đẩy vị thế cạnh tranh của công nghệ số. Thị phần của kỹ thuật số trên toàn thị trường tăng về giá trị từ 15,7% năm 2017 lên 19,3% vào năm 2022.

Ngoài các số liệu về lĩnh vực in và bao bì in mang tính toàn cầu kể trên, mỗi khu vực trên thế giới lại có sự phát triển thị trường khác nhau. Khuynh hướng chung là chuyển giao công nghệ từ các thị trường phát triển ổn định và thiết bị đã qua sử dụng vào các thị trường mới nổi. Tuy nhiên các khách hàng lớn, các nhà quảng cáo, nhà xuất bản và người đặt mua bao bì đang ngày càng yêu cầu các sản phẩm chất lượng cao và đồng nhất ở mọi nơi trên thế giới.

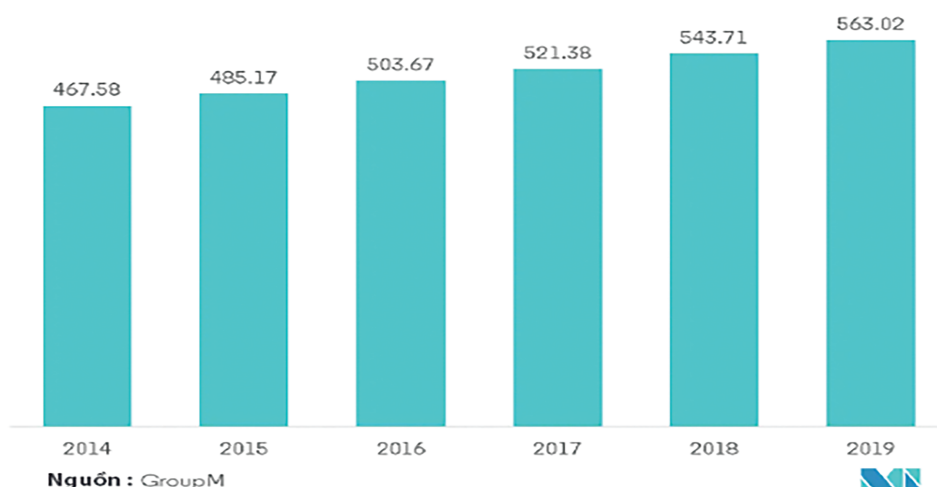
II. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG IN TOÀN CẦU

1. Thị trường sản phẩm in thay đổi liên tục

Sản lượng in thương mại trên toàn thế giới đã ở mức hơn 437 tỷ USD/năm trong nhiều năm. Năm 2024, con số này dự kiến sẽ là 453 tỷ USD. Trong thị trường này, có 3 xu hướng cơ bản mang lại cơ hội tăng trưởng hấp dẫn.

Xu hướng thứ nhất là tính khu vực: Trong khi số lượng in đang tiếp tục tăng trưởng ở các nền kinh tế mới nổi, các nhà cung cấp dịch vụ in ở các quốc gia công nghiệp hóa đang phải đối mặt với sự thay đổi nhanh chóng và năng động của thị trường. Internet ngày càng thay thế các sản phẩm in, văn phòng phẩm và tác động của sự thay đổi nhân khẩu học đến thói quen mua và đọc của người dân đang dẫn đến sự sụt giảm doanh số. Điều này được bù đắp một phần nhờ sự gia tăng các phương pháp gia công bề mặt của các sản phẩm in, nhiều nhất là sản phẩm in cho ngành mỹ phẩm và các sản phẩm mang tính cá nhân hóa, vì quá trình này giúp nâng cao giá trị của các sản phẩm in riêng lẻ. Quá trình này đặc biệt áp dụng cho thị trường bao bì và in nhãn - thị trường đang phát triển một cách toàn diện.

Xu hướng thứ hai liên quan đến công nghệ in. Khoảng hai phần ba khối lượng sản phẩm in được tạo ra bằng công nghệ in offset, flexo và kỹ thuật số, và xu hướng này đang ngày càng tăng lên. In offset tụt rớt chiếm khoảng 35% khối lượng sản phẩm in và hiện vẫn là công nghệ in được sử dụng thường xuyên nhất. Thị phần in kỹ thuật số tăng đều và chiếm thị phần khoảng 18% trong sản lượng in toàn cầu kể từ năm 2000, xu hướng cá nhân hóa và nhu cầu giảm thời gian quay vòng ngày càng tăng có nghĩa là in kỹ thuật số sẽ tiếp tục giữ vị thế quan trọng. In Flexo, một công nghệ quan trọng trên thị trường bao bì, tiếp tục được hưởng lợi từ sự tăng trưởng ổn định và đáng kể trong bao bì và nhãn hàng, đồng thời chiếm khoảng 14% khối lượng in toàn cầu.



Hình 8.1. Chi phí quảng cáo tính theo tỷ USD, giai đoạn 2014 - 2019

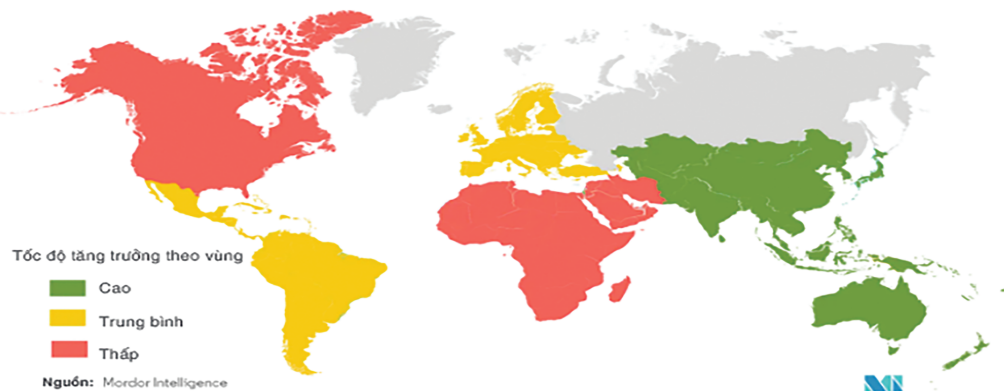
Xu hướng thứ ba được hình thành bởi sự thay đổi cấu trúc trong tất cả các lĩnh vực của ngành In - ngành đang tiếp tục được thúc đẩy bởi công nghiệp hóa, tự động hóa và số hóa. Mặc dù đã từng có mối quan hệ cân bằng giữa ba yếu tố thành công là năng suất hoặc nâng cao giá cả, chất lượng in và sự gắn gũi của khách hàng, nhưng những yếu tố này đã thay đổi theo thời gian và tạo lợi thế cho quá trình hình thành trong ngành in. Ngày nay, tăng năng suất có thể đạt được thông qua việc sử dụng phần mềm và mức độ tự động hóa cao hơn. Điều này giúp tăng khả năng sử dụng công suất và cuối cùng là hiệu quả tổng thể của thiết bị. Ngoài ra, chất lượng in ngày càng ít phụ thuộc vào người vận hành mà trông cậy nhiều hơn vào hệ thống, và mức đầu tư cao vào thiết bị hiện đại giúp quá trình in đạt được sự ổn định cao hơn. Việc này đi đôi với việc cạnh tranh về giá ngày càng tăng, từ đó làm tăng áp lực lên năng suất. Do đó, trên thế giới, chúng ta đang chứng kiến sự phát triển toàn cầu của các nhóm phương tiện in và bao bì ngày càng lớn hơn, cùng với sự sụt giảm đặc biệt các công ty quy mô vừa và nhỏ, còn mang tính thủ công. Cuối cùng, Internet đã thay thế sự gắn gũi của khách hàng bằng dữ liệu di động toàn cầu. Phát minh này còn được gọi là web-to-print (WTP), in trực tuyến, và mô tả các kỹ thuật sản xuất để truyền hoặc tạo các tài liệu in dựa trên Internet.

2. Châu Á - Thái Bình Dương chiếm thị phần đáng kể

Khu vực châu Á - Thái Bình Dương chiếm thị phần đáng kể do nhu cầu ngày càng tăng ở các khu vực quan trọng như Trung Quốc, Ấn Độ, Philippines, Việt Nam và Thái Lan. Sự ra đời của công nghệ mới, thay đổi lối sống, sự gia tăng của thương mại điện tử và đô thị hóa, đang thúc đẩy sự phát triển của thị trường in ấn trong khu vực. Châu Á - Thái Bình Dương được kỳ vọng sẽ phát triển và trở thành thị trường lớn thứ hai về tiếp thị và in thương mại (chiếm 30,9% thị phần toàn cầu). Điều này được thúc đẩy nhờ tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ ở các quốc gia như Indonesia (tốc độ tăng trưởng 8,2% từ 2017 - 2021 tính theo đồng nội tệ), Ấn Độ (tốc độ tăng trưởng 7,7%) và Việt Nam (tốc độ tăng trưởng 6,2%). In thương mại dự kiến sẽ tiếp tục xu hướng này trong những năm tới, tăng trưởng với tốc độ CAGR 2,7% từ 2020 - 2025, trong đó châu Á - Thái Bình Dương tăng trưởng nhanh nhất.

Hơn nữa, Trung Quốc đang chứng kiến quá trình nâng cao mức lương và chất lượng sống, do đó thúc đẩy chi tiêu của người tiêu dùng. Đây là động lực chính thúc đẩy nhu cầu về dịch vụ in ấn. Bao bì chiếm khoảng một nửa doanh số bán hàng trong ngành in của Trung Quốc và xuất bản phẩm chiếm gần 30%. Không giống như ở phương Tây, nơi các ấn phẩm in đang giảm đáng kể trong bối cảnh người dùng ưa chuộng đọc trên các nền tảng kỹ thuật số, lượng đọc giả của nhóm tạp chí, sách và báo vẫn đang tăng lên ở Trung Quốc.

Tốc độ tăng trưởng của thị trường in thương mại theo vùng (2020 -2025)



Hình 8.2. Tốc độ tăng trưởng của thị trường In thương mại theo vùng

Theo Liên đoàn Công nghiệp Ấn Độ (CII), Ấn Độ được dự đoán sẽ trở thành thị trường tiêu dùng lớn thứ năm vào năm 2025. Ngoài ra, theo một nghiên cứu chung từ ASSOCHAM-EY, ngành in và bao bì ở Ấn Độ tăng lên 72,6 tỷ USD vào năm 2020, đạt tốc độ tăng trưởng lên đến 18%/năm.

Tổng Liên đoàn Doanh nghiệp in Ấn Độ (AIFMP) ước tính rằng quốc gia này có hơn 250.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ (MSME) và doanh nghiệp lớn. Dữ liệu từ AIFMP cũng cho thấy rằng in thương mại trong nước đang tăng với tốc độ hàng năm khoảng 10%, trong khi in kỹ thuật số đang tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ 30%.

Hơn nữa, ở Nhật Bản, các công ty đang tập trung vào việc cung cấp các dịch vụ cải tiến, như máy in phun. Chẳng hạn như, vào tháng 11 năm 2019, Fujifilm Holdings Corporation, một tập đoàn về nhiếp ảnh, công nghệ hình ảnh, in ấn và công nghệ sinh học có trụ sở tại Tokyo, Nhật Bản, đã ra mắt Samba JPC. Máy in phun này kết hợp phần mềm và các bộ phận cốt lõi cần thiết để phát triển các thiết bị in công nghiệp in một lượt cho các sản phẩm bao bì và in thương mại. Công nghệ này ngày càng được áp dụng rộng rãi cho việc in thương mại sách, áp phích, bao bì hộp giấy gấp, bao bì bì cứng bồi sóng và nhãn hàng.

3. Chuyển đổi số dẫn đến những cải tiến trong doanh nghiệp và mô hình kinh doanh mới - dữ liệu mang lại giá trị gia tăng

Thời gian sản xuất ngắn hơn, tự động hóa quy trình làm việc, kiểm tra thường xuyên và tinh chỉnh hiệu quả chi phí đang ngày càng trở thành một phần của cuộc sống hàng ngày đối với các hoạt động in ấn. Ngoài việc mở rộng quy mô công ty, một yêu cầu để phát triển khả năng sử dụng và tiềm năng năng suất là gói gọn công suất in và trên hết là số hóa, ví dụ: tối ưu hóa quy trình do phần mềm kiểm soát. Nhờ đó, phân tích và diễn giải dữ liệu ngày càng trở nên quan trọng hơn để cho phép sử

dụng mạng lưới các quy trình tự quản và tương tác. Sự phát triển này ngày càng dẫn đến các cải tiến trong doanh nghiệp và các mô hình kinh doanh mới giữa các khách hàng, chúng đang định vị lại bản thân dưới nhiều hình thức khác nhau: chuyển từ doanh nghiệp chỉ đơn thuần tạo ra các bản sao sang hướng trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn và đổi mới, hoặc bằng cách tiếp cận các khía cạnh thượng nguồn và hạ nguồn của chuỗi giá trị. Ví dụ, trên thị trường trọng điểm về đóng gói bao bì, khách hàng thường không chỉ in hộp gấp mà còn xử lý sản xuất và tái chế bìa cứng, điều này mang lại cho khách hàng lợi thế cạnh tranh, đặc biệt là đối với bao bì thực phẩm, vì họ kiểm soát được chất lượng của nguyên liệu thô và có thể loại trừ các vấn đề sai lệch tiềm ẩn. Để cho phép các dịch vụ của họ trở nên nổi bật, các nhà in phải đầu tư nhiều vào các mối quan hệ cộng tác kỹ thuật số ngày càng tăng của chính họ. Tiếp thị kỹ thuật số, sự hiện diện của Internet và số hóa các kênh đặt hàng cho khách hàng in đang ngày càng trở thành những yếu tố quyết định thành công, cũng như tối ưu hóa hàng tồn kho và hậu cần.

4. Mạng quảng cáo được kỳ vọng sẽ chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể

Nhu cầu quảng cáo ngày càng tăng trong các doanh nghiệp trên toàn thế giới, cùng với sự phát triển rộng rãi về công nghệ, hiện đang là những nhân tố chính thúc đẩy sự tăng trưởng của thị trường. Các tổ chức đang ngày càng sử dụng máy in thương mại vì chúng tiết kiệm chi phí và hiệu quả hơn cho việc in số lượng lớn.

Lĩnh vực quảng cáo đã đạt được sức hút cao trong quảng cáo kỹ thuật số. Sự gia tăng của quảng cáo kỹ thuật số tác động đáng kể đến thị trường in ấn thương mại trong lĩnh vực quảng cáo. Việc triển khai tương tác cảm giác tận dụng lợi thế của biển báo kỹ thuật số tại các vị trí chiến lược đã làm giảm việc sử dụng quảng cáo dạng in.

5. Tập trung nhiều hơn vào môi trường

Việc áp dụng các phương pháp thân thiện với môi trường, giảm tác động của ngành in lên môi trường sẽ giúp thúc đẩy thị trường. Thị trường đang có những thay đổi lớn trong hoạt động và quy trình, chẳng hạn như dần bị thay thế bởi các hệ thống bền vững. Một số sáng kiến mới đang được thực hiện cho các ngành công nghiệp in bằng cách xem xét các tác động môi trường lớn. Mực gốc thực vật là loại mực thân thiện với môi trường được làm từ dầu thực vật. Mặc dù mực gốc thực vật mất nhiều thời gian hơn để khô, những loại mực như vậy được xem là tốt hơn về mặt hiệu suất vì giảm đáng kể lượng hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs). Những loại mực này chỉ giải phóng khoảng 2 – 4% hợp chất VOC, ít hơn nhiều so với mực gốc dung môi.

Ngoài ra, nhiều nhà in thương mại đang triển khai dùng giấy tái chế trong quy trình. Tháng 3 năm 2020, Verso Corporation đã giới thiệu Velocity, một loại giấy

cuộn có chất lượng tráng phủ lý tưởng cho nhiều sản phẩm offset cuộn in thương mại, bao gồm tạp chí, catalogue, phụ trang bán lẻ cao cấp, thư trực tiếp và thư nhẹ. Nó đang được sản xuất với nội dung tái chế và sử dụng giấy FSC bền vững và thân thiện với môi trường.

III. TÌNH HÌNH IN XUẤT KHẨU TẠI VIỆT NAM

Do tính mở của nền kinh tế, ngành in và bao bì Việt Nam cũng có đầy đủ các đặc tính và xu hướng phát triển của ngành in thế giới. Tuy nhiên vẫn có những phát triển đặc thù. In xuất khẩu hiện nay đang được hiểu là:

(1) *Sản xuất và xuất khẩu trực tiếp*: Khách hàng từ các nơi trên thế giới đặt hàng ấn phẩm, các nhà in Việt Nam tạo ra ấn phẩm và xuất khẩu trực tiếp cho khách hàng.

(2) *In gia công xuất khẩu*: Khi khách hàng nước ngoài chỉ yêu cầu nhà in gia công một phần đoạn cho họ. Thông thường là gia công in hay gia công thành phẩm và chuyển vào các khu chế xuất tại Việt Nam.

(3) *Khách hàng nước ngoài đặt mua các ấn phẩm đang phát hành tại Việt Nam*. Đây là trường hợp phổ biến khi các khách hàng là Việt kiều đặt mua sách, lịch, kinh phật,... đang bán ở Việt Nam.

Trong 3 trường hợp nêu trên thì trường hợp (1) được xem là in xuất khẩu đúng theo nghĩa của nó.

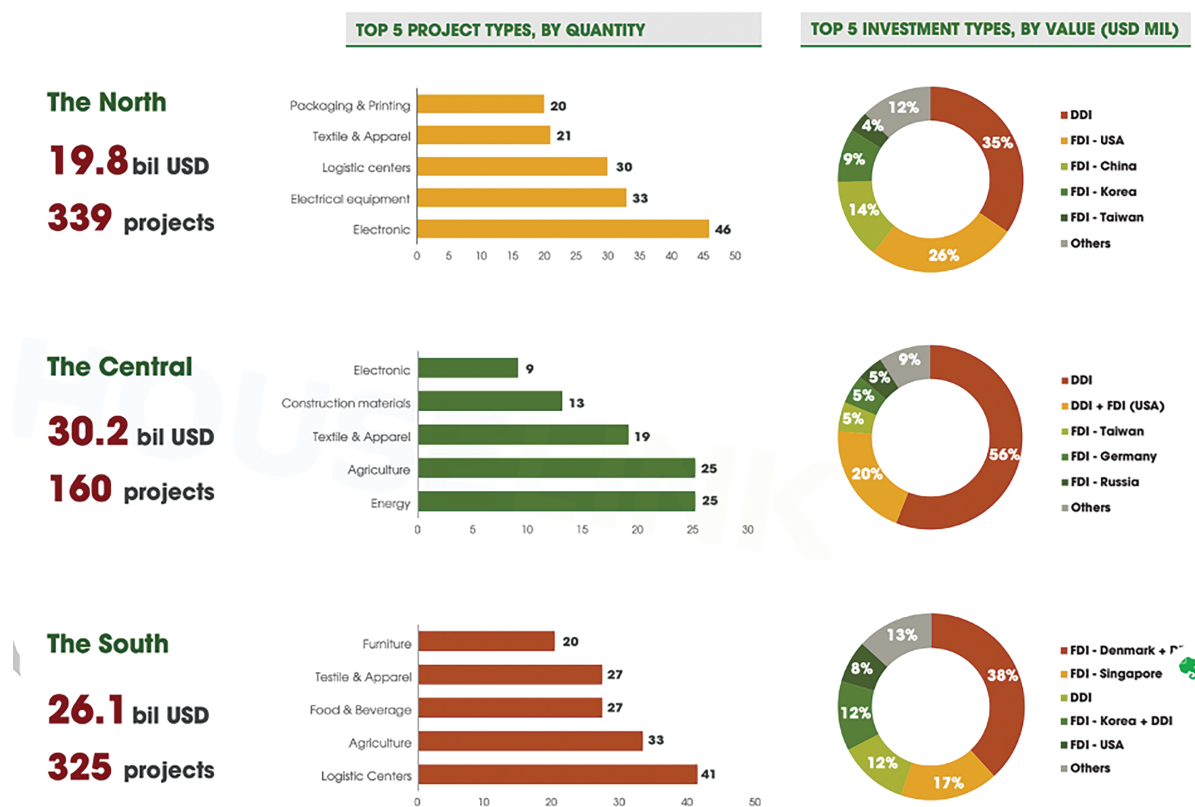
Trên thực tế ngành In chỉ đóng góp một phần trong giá trị sản phẩm xuất khẩu và tiêu biểu nhất là bao bì đóng gói sản phẩm. Việt Nam xuất khẩu trong năm 2020 đạt giá trị gần 300 tỷ USD và câu hỏi là ngành in-bao bì đóng góp là bao nhiêu? Tổng giá trị sản xuất của ngành in trong năm 2018 - 2019 đạt gần 6 tỷ USD nhưng không có số liệu thống kê giá trị xuất khẩu vì nó còn quá nhỏ bé và các sản phẩm xuất khẩu không được tính như một sản phẩm độc lập mà thông thường tính vào giá trị hàng hóa. Như vậy chúng ta chỉ có thể nêu một vài ví dụ về in xuất khẩu cho các tập đoàn đa quốc gia ở các khu chế xuất như Samsung, LG,... Đó là một hình thức xuất khẩu gián tiếp khi cung cấp bao bì cho các doanh nghiệp FDI sản xuất ở Việt Nam. Các nhà cung ứng cấp 1 cho Samsung, LG có thể kể như các công ty FDI, Bao bì Việt Hưng, Goldsun,... Tại TP. Hồ Chí Minh một số doanh nghiệp đã có hơn 10 năm xuất khẩu trực tiếp các sản phẩm bao bì và sách cho thiếu nhi vào các thị trường khó tính nhất trên thế giới như Mỹ, Nhật Bản, Canada, châu Âu.

Cho đến nay, chúng ta chưa có số liệu cụ thể về hoạt động in xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam. Tuy nhiên các số liệu thống kê chưa chính thức cho thấy chỉ

riêng doanh số in bao bì của các doanh nghiệp tại Việt Nam lên đến trên 2 tỷ USD và đang tăng trưởng khoảng 38% mỗi năm, trong đó phần lớn là các doanh nghiệp FDI với các ấn phẩm thương mại cho thị trường Mỹ, bao bì thuốc lá, bao bì thực phẩm, bao bì nhựa các loại,...

Đặc biệt trong thời gian qua, rất nhiều doanh nghiệp in và bao bì Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc đã chuyển dịch ô ạt sang Việt Nam và đó là những tập đoàn lớn, họ không chỉ sản xuất ấn phẩm mà sản xuất hàng hoá đa dạng dựa trên nền tảng của công nghiệp in và đóng gói, chỉ riêng các doanh nghiệp lớn về ngành giấy và các sản phẩm giấy của Trung Quốc cũng đã tuyển hàng chục ngàn lao động trong năm 2018 - 2021.

Hiện nay, các công ty in và bao bì nước ngoài đang mở rộng các hoạt động tại Việt Nam để phục vụ cho nhu cầu của các doanh nghiệp FDI và xuất khẩu. Chỉ riêng 8 tháng đầu năm 2021 đã có 20 doanh nghiệp In và bao bì được thành lập tại các tỉnh phía Bắc. Số lượng và số vốn đầu tư đủ lớn để được nêu trong báo cáo của House Link 2021.



Source: HOUSELINK Data

Hình 8.3. Công ty In và Bao bì có vốn đầu tư Nước ngoài được thành lập trong 8 tháng đầu năm 2021 ở các tỉnh phía Bắc

Chúng ta thấy về quy mô ngành in và thị trường có sự tương đồng nhưng sự khác biệt lớn nhất đó là giá trị xuất khẩu của ngành in tạo ra. Thị trường in thương mại/bao bì nội địa hiện đang bão hòa và có sự cạnh tranh gay gắt. Tiềm năng tăng trưởng và cơ hội chỉ có thông qua định hướng xuất khẩu trực tiếp sản phẩm. Hiện nay với làn sóng đầu tư trực tiếp của các nhà sản xuất hàng tiêu dùng, điện, điện tử sẽ kéo theo các nhà cung ứng trong chuỗi cung ứng của họ.

Thực tế này đã diễn ra với các tập đoàn in lớn của thế giới như Avery Dennison, CCL, StarPrint, SML,... Các doanh nghiệp này hoạt động trong khu chế xuất và các sản phẩm của họ xuất khẩu trực tiếp cho các đối tác trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Các tập đoàn in lớn trên đây có những ưu thế về chuỗi cung ứng, quan hệ khách hàng và môi trường hoạt động có nhiều ưu đãi của đầu tư trực tiếp FDI, điều này dẫn đến sự cạnh tranh không công bằng với các nhà sản xuất - nhà in nội địa. Các cơ quan quản lý nhà nước cần rà soát các quy định pháp luật phân biệt rạch ròi giữa ấn phẩm và bao bì, nhãn hàng tạo môi trường thông thoáng cho hoạt động sản xuất của các cơ sở in và bao bì nội địa. Ngành sản xuất bao bì trong đó có ngành in nên được coi như một ngành công nghiệp phụ trợ, nội dung thông tin trên bao bì nên được kiểm soát bằng Luật Thương mại. Đối với văn hóa phẩm - sản phẩm chính của in thương mại việc quản lý nội dung là bắt buộc nhưng nếu xây dựng được cơ chế hậu kiểm hiệu quả, các nhà in sẽ có được thời gian phản ứng nhanh với các đòi hỏi của thị trường và thu ngắn khoảng cách cạnh tranh với các đối tượng FDI.

Vấn đề của các doanh nghiệp Việt Nam là làm sao có thể tham gia vào chuỗi cung ứng và có thể xuất khẩu trực tiếp sản phẩm in. Vốn, con người, thiết bị, điều kiện của chúng ta tương đồng với Thái Lan nhưng trình độ tổ chức sản xuất và mức độ hội nhập còn nhiều điều cần phải cải thiện.

In xuất khẩu bao gồm cả in thương mại lẫn in công nghiệp. Để ngành in tăng trưởng và giảm bớt các áp lực cạnh tranh trên sân nhà thì thị trường in xuất khẩu là một giải pháp tốt nhất.

IV. CÁC YÊU CẦU CỦA THỊ TRƯỜNG IN XUẤT KHẨU VÀ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG CỦA NHÀ IN

Các thị trường xuất khẩu khác nhau có những yêu cầu khác nhau, trong đó có thể thấy thị trường Mỹ là tiêu biểu. Nếu đạt yêu cầu vào thị trường Mỹ thì việc chuyển sang các thị trường khác là điều dễ dàng. Xuất khẩu bao bì và ấn phẩm vào thị trường Mỹ là một hướng đi nhiều công ty đã theo đuổi trong nhiều năm và đã có những thành công nhất định.

Giữa bạt ngàn hàng hóa trong các siêu thị hay nhà sách ở nước ngoài, chúng ta phải trả lời câu hỏi “Ai là người cung cấp các ấn phẩm? Họ đã làm điều đó như thế nào? Nói rộng ra là làm cách nào chúng ta có thể tham gia chuỗi cung ứng hàng hóa của các hệ thống phân phối lớn trên thế giới với các sản phẩm là bao bì và ấn phẩm cho các chủ sở hữu thương hiệu. Sản xuất bao bì và ấn phẩm cho các thương hiệu được bán trong các hệ thống như Lowe’s, Target, Walgreens, CVS, Walmart hay Homedepot,... luôn đòi hỏi các yêu cầu như trong hình 8.4.



Hình 8.4. Khái quát các yêu cầu đối với nhà cung ứng bao bì cho hàng hóa vào hệ thống các siêu thị Mỹ

Các tiêu chí “Level of Service - Mức độ đáp ứng các dịch vụ”, “Partnership - Hợp tác” và “Sustainability & Social Responsibility - Phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội” là những điều kiện cần. Thỏa mãn tất cả các tiêu chí là điều kiện đủ.

Các nhà In ở Việt Nam thường rất tự hào quảng cáo về năng lực sản xuất, trình độ công nghệ, trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng to lớn và chất lượng sản phẩm cao. Tuy nhiên chúng ta lại chưa có minh chứng cho những tiêu chí này ngoài việc cho khách hàng thấy là nhà xưởng rất rộng, máy móc mắc tiền và hiện đại! Ngoài giá thành sản phẩm ra, tất cả các tiêu chí trên cần có sự chứng nhận của bên thứ ba thông qua các hệ thống kiểm định và cấp chứng chỉ. Việc lấy các chứng chỉ phải được coi như sự công nhận năng lực và khả năng của đơn vị và được áp dụng vào thực tế sản xuất hàng ngày. Đây là một thực tế vì giao được hàng hay không phụ thuộc vào việc chúng ta có tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, yêu cầu thể hiện qua các chứng chỉ. Để làm rõ hơn chúng ta sẽ đi vào chi tiết từng yêu cầu.

1. Mức độ đáp ứng

“Cost - Giá” là yếu tố thuần túy thương mại. Dù xuất khẩu hay nội địa thì khách hàng luôn tìm kiếm giá tốt. Có thể thấy tỷ suất lợi nhuận của in xuất khẩu có thể cao hơn nội địa nhưng nó tồn tại khả năng trả hàng rất cao nếu chúng ta không tuân thủ các quy định. Ba tiêu chí: Giá - Giao hàng đúng hạn - Chất lượng là các tiêu chí được đánh giá định kỳ thường là hàng quý. Tùy theo mức đạt được chúng ta sẽ được dồn nhiều đơn hàng hơn hay chấm dứt đặt hàng. Các chương trình đánh giá này được các công ty kiểm định bên thứ ba tiến hành và phụ thuộc vào chủ sở hữu nhãn hiệu. Nó rất khác nhau giữa các hệ thống.

Trong báo cáo về các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam của Robert Ara Bellotti nêu rõ “Các doanh nghiệp FDI của nước ngoài có tỷ lệ nội địa hoá thấp vì các công ty trong nước không có đủ năng lực đáp ứng xét về quy mô, giá thành và chất lượng sản phẩm. Báo cáo cũng nói rõ các nhà cung cấp dịch vụ In và bao bì trong nước có dịch vụ với các giá trị cộng thêm thấp nên chỉ làm nhà thầu phụ thứ cấp (Tier 2 hay Tier 3).

Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng quốc tế, nhà in cần chất lượng dịch vụ và khả năng nghiên cứu phát triển sản phẩm, điều này phụ thuộc vào nguồn nhân lực chất lượng cao. Nếu doanh nghiệp không đầu tư cho nguồn lực từ 5 năm trở lên thì chúng ta khó đạt yêu cầu khi khách hàng đánh giá.

Một loạt các cam kết về môi trường, PCCC, an toàn lao động, trách nhiệm xã hội và các điều khoản thi hành cần được đánh giá bởi các cơ quan chuyên môn trước khi khách hàng đặt các điều kiện tiếp theo và đa số các nhà in của chúng ta chưa quan tâm đến điều này.

2. Chất lượng in

Chất lượng in ở đây được hiểu là sản phẩm in thỏa mãn các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế, có thể đo đạc được và đánh giá khách quan. Phần quan trọng hơn trong vấn đề chất lượng này là chúng ta có một hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng QA/QC tuân thủ các quy định của khách hàng và các tổ chức mà khách hàng tham gia. Một nhà in có khả năng in đạt chất lượng và có hệ thống quản lý chất lượng phù hợp phải được đánh giá và kiểm định bởi bên thứ 3. Ví dụ trong trường hợp xuất khẩu vào Mỹ, thông thường khách hàng sẽ yêu cầu nhà In phải có chứng chỉ GMI - Graphic Measures International.

Nếu nhà In có hay đã từng có chứng chỉ ISO 12647 thì các khách hàng châu Âu sẽ nhẹ nhàng hơn rất nhiều vì bản thân các nhà In lớn trên thế giới cũng khó đạt được tiêu chuẩn này.

Chúng chỉ GMI trong ngành in giống như giấy thông hành để tham gia vào chuỗi cung ứng. Khi có GMI - khách hàng trong hệ thống sẽ tự tìm đến nhà In. Tuy nhiên nhà in có in được cho họ hay không lại là câu chuyện khác. Hầu như tất cả các thương hiệu lớn đều dựa trên cơ sở GMI để đánh giá chất lượng in và dùng GMI để giải quyết các tranh chấp về chất lượng in. Trên thế giới có khoảng gần 1000 nhà in có GMI, trong đó Trung Quốc chiếm hơn 300. Tại Việt Nam, số nhà in có GMI có thể đếm trên đầu ngón tay, tất cả doanh nghiệp có GMI đều là các công ty FDI như Avery Dennison, CCL, R-pack, Star Print,...

Qualification Process Workflow



Hình 8.5. Quá trình kiểm định GMI

Việc lấy chứng chỉ GMI rất công phu và phải mất nhiều tháng làm việc với cường độ cao, nó yêu cầu nhà In cần có đầu tư lớn và nó nên xuất phát từ yêu cầu của chủ hàng. Nhiều khách hàng chỉ quan tâm rằng nhà in có hay không có GMI và quá trình in hay QA/QC có thực hiện theo tiêu chuẩn GMI?

3. Hợp tác

Một trong những rào cản khi làm việc với các chủ hàng quốc tế là ngôn ngữ. Các nhân viên thương mại, các nhân viên điều hành sản xuất, QA/QC và các kỹ sư in - bao bì của công ty In phải thông thạo tiếng Anh để phụ trách các khách hàng cụ thể. Luôn luôn có vấn đề phát sinh - tiêu chí quan trọng nhất là thời gian phản ứng và cách giải quyết vấn đề thể hiện tinh thần hợp tác.

Làm việc trong môi trường thế giới phẳng và Internet cho nên doanh nghiệp phải được số hóa sâu rộng với mục đích dữ liệu luôn sẵn sàng cho việc truy cập, truy xuất, thống kê, theo dõi,...

4. Phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội

Ngoài các tiêu chí về Chất lượng, Giá thành, Khả năng hợp tác, doanh nghiệp in phải thỏa mãn các tiêu chí về phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội. Câu chuyện lại lặp lại với việc kiểm định và lấy chứng chỉ của SA 8000, ICTI, hay SMETA,... Khi thực thi các chứng chỉ này chúng ta đã tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về điều kiện sản xuất, sử dụng lao động, quyền lợi người lao động và việc tuân thủ luật pháp. Chất lượng nguyên vật liệu đầu vào được quy định bởi các chứng chỉ như FSC với nguyên liệu giấy được sản xuất từ rừng tái tạo,...

Việc in bao bì và ấn phẩm xuất khẩu vào các thị trường lớn trên thế giới đòi hỏi doanh nghiệp phải tự mình thay đổi phương cách sản xuất, quản lý và cách tiếp cận khách hàng. Xây dựng doanh nghiệp của mình ngang tầm các đối thủ cạnh tranh trong chuỗi cung ứng và duy trì nó theo thời gian. Để không thua ngay trên sân nhà và thị trường lọt vào tay các doanh nghiệp FDI ngành In Việt Nam cần có các doanh nghiệp nội địa thật sự hướng tới xuất khẩu. Con đường đơn giản nhất là tổ chức sản xuất và có hệ thống chứng chỉ giống như các doanh nghiệp FDI.

Chứng chỉ GMI đóng một vai trò vô cùng quan trọng vì nó quyết định năng lực nhà in trong lĩnh vực chất lượng và bảo đảm chất lượng. Việc lấy chứng chỉ GMI dẫn đến việc tổ chức sản xuất và quy trình kiểm phẩm phải đạt tiêu chuẩn quốc tế và hơn hết nó phải được ứng dụng trên từng đơn hàng xuất khẩu. Trong thời gian qua nhiều nhà in đã lấy các chứng chỉ ISO 12647-2 hay G7 nhưng đó là những chứng chỉ về khả năng in đạt chất lượng chứ không phải chứng chỉ có hệ thống bảo đảm chất lượng. Đó là điểm khác biệt lớn nhất giữa GMI với ISO 12647 hay G7.

Tổ chức lại sản xuất, lấy các chứng chỉ cần thiết là những việc cần làm nếu muốn khai thác thị trường in Xuất khẩu. Một thị trường nhiều tiềm năng có nhiều dư địa phát triển bền vững mà chúng ta cần khai phá.

V. KẾT LUẬN

Thị trường in xuất khẩu có nhiều cơ hội cùng với đà phát triển của kinh tế Việt Nam nhưng kèm theo nó là nhiều thách thức. Nếu chúng ta không nâng tầm lên ngang bằng những công ty đa quốc gia thì có nguy cơ thị trường bị chiếm lĩnh bởi các công ty này.

Đối với quản lý nhà nước điều cần thiết là thiết lập được môi trường kinh doanh công bằng giữa các nhà sản xuất nội địa và FDI, trong đó trọng tâm là thuế, ưu đãi đầu tư, mặt bằng cũng như giấy phép.

Đối với cơ sở sản xuất trên cơ sở đầu tư thiết bị nâng cao năng lực sản xuất thì những mục tiêu sau là vô cùng quan trọng để có thể khai thác tối đa năng lực sản xuất phục vụ xuất khẩu:

- Tối ưu hóa quá trình quản lý sản xuất công nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc tế. Bảo đảm chất lượng, phát triển bền vững với vật liệu thân thiện môi trường.
- Số hóa, phát triển doanh nghiệp năng động, linh hoạt hội nhập thương mại toàn cầu.

- Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng các đòi hỏi của thị trường in xuất khẩu. Nguồn nhân lực ở đây không giới hạn trong kỹ thuật in thuần túy mà còn vô cùng cần thiết trong lĩnh vực vật liệu, kiểm định, thương mại, quản lý sản xuất, QA/QC.

In xuất khẩu là con đường phát triển bền vững của ngành in Việt Nam. Nhiều cơ hội nhưng cũng nhiều thách thức. Với sự hỗ trợ mạnh mẽ và thiết thực của các cơ quan quản lý, sự năng động và tinh thần thương trường như chiến trường của các cơ sở in - bao bì, sự đóng góp của ngành in Việt Nam trong sự phát triển của nền kinh tế sẽ có những tiến bộ vượt bậc.

THỐNG NHẤT MÔ HÌNH CÁC NHÀ XUẤT BẢN: MỘT CÂU HỎI LỚN CHƯA LỜI ĐÁP

Đồng chí Nguyễn Anh Vũ

Giám đốc - Tổng Biên tập Nhà xuất bản Văn học

Trong khoảng gần 10 năm trở lại đây, đặc biệt là sau khi Luật Xuất bản 2012 chính thức có hiệu lực, hoạt động xuất bản đã ngày càng đi vào hoạt động quy củ, thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật. Đồng thời với đó, hoạt động xuất bản cũng ngày càng hướng đến tính chuyên nghiệp, dần dần nỗ lực chuyển mình để thích ứng với sự “nóng lạnh” của kinh tế thị trường. Tuy nhiên, có thể thấy rằng những thành quả của hoạt động xuất bản trong thời gian qua vẫn chỉ là những nỗ lực *tự phát* của một số nhà xuất bản có tiềm lực. Còn lại, bức tranh chung của ngành xuất bản vẫn chưa thực sự phát triển đúng với tiềm năng sẵn có, hoạt động xuất bản ngày càng tụt hậu so với các nước trong khu vực, hoạt động thiếu chiều sâu, doanh thu thấp, vẫn còn dễ xảy ra những sai phạm bởi sự lệ thuộc vào đối tác liên kết,...

Nguyên nhân chính dẫn đến thực trạng trên là bởi ngành xuất bản chưa có một chiến lược phát triển tổng thể có tính chất lâu dài, bền vững. Điều đó đã dẫn đến việc không có cơ chế đầu tư, hỗ trợ về chi phí cho hoạt động xuất bản, cơ sở vật chất ngày một lạc hậu, xuống cấp, chất lượng nguồn nhân lực ngày càng đi xuống,... Trong đó, nguyên nhân căn cốt chính là việc không thống nhất về mô hình các nhà xuất bản.

I. QUY ĐỊNH CỦA LUẬT XUẤT BẢN VỀ MÔ HÌNH CÁC NHÀ XUẤT VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Theo quy định của Luật Xuất bản, các nhà xuất bản được tổ chức và hoạt động theo hai loại hình: đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp kinh doanh có điều kiện do Nhà nước là chủ sở hữu. Hiện nay, toàn ngành xuất bản có 57 nhà xuất bản, trong đó có 15 nhà xuất bản tổ chức hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên 100% vốn nhà nước, tự hạch toán kinh doanh.

Có thể thấy rằng mô hình hoạt động, tổ chức của các nhà xuất bản hiện nay chưa thống nhất để có thể đưa ra cơ chế chính sách chung, sao cho các nhà xuất bản đều được hưởng những cơ chế, chính sách một cách hợp lý, chưa tạo điều kiện thuận lợi

để một số nhà xuất bản phát huy hết nội lực của mình để phát triển. Ngay trong nội tại mô hình tổ chức và hoạt động của các nhà xuất bản hiện nay cũng đang tạo ra sự cạnh tranh không bình đẳng, các nhà xuất bản tự hạch toán, tự chủ về tài chính trong hoạt động lại phải cạnh tranh với các sản phẩm của các nhà xuất bản được đầu tư hạ tầng, hỗ trợ chi phí.

Trong bối cảnh đó, khó khăn đặc biệt tập trung vào nhóm các nhà xuất bản hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước. Bên cạnh việc phải tự trang trải toàn bộ chi phí cho hoạt động của đơn vị, các nhà xuất bản này còn phải chịu giá thuê nhà đất, trụ sở rất cao, việc áp dụng mức lương tối thiểu vùng, các quy định về lợi nhuận hàng năm, về bổ sung vốn điều lệ trong bối cảnh lợi nhuận kinh doanh ngày một xuống thấp,... cũng đang là gánh nặng cho các nhà xuất bản trong khối doanh nghiệp. Cũng bởi những hạn chế, bất cập trong mô hình hoạt động nên ngay cả việc bổ sung vốn, hỗ trợ nguồn kinh phí đảm bảo hoạt động cho các nhà xuất bản (khối doanh nghiệp) thực hiện nhiệm vụ xuất bản theo tôn chỉ, mục đích của đơn vị theo quy định của Luật Xuất bản, đến nay vẫn chưa thực hiện được.

II. GIẢI PHÁP THÁO GỖ KHÓ KHĂN, BẮT CẬP VỀ MÔ HÌNH CÁC NHÀ XUẤT BẢN VÀ THỰC TIỄN TRIỂN KHAI

Trước yêu cầu phát triển sự nghiệp xuất bản trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trong nhiều năm qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản liên quan đến hoạt động xuất bản để điều chỉnh từng mặt của hoạt động xuất bản, trong đó có đặt ra vấn đề mô hình nhà xuất bản như: Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản, văn bản số 289-TB/TW ngày 04/12/2009 thông báo kết luận của Ban Bí thư Trung ương Đảng về xây dựng mô hình nhà xuất bản trước yêu cầu mới, Thông báo kết luận số 19-TB/TW ngày 29/12/2016 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42 của Ban Bí thư khóa IX về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản, và gần đây nhất là Nghị quyết Trung ương 6 khóa 12, Nghị quyết số 08/2018/NQ-CP của Chính phủ.

Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, mặc dù một số bộ, ngành, địa phương đã tích cực nghiên cứu việc chuyển đổi hoạt động từ loại hình doanh nghiệp sang đơn vị sự nghiệp theo tinh thần chỉ đạo của Đảng, Nhà nước nhưng vẫn rất khó khăn để có phương án phù hợp. Vấn đề cốt yếu ở đây là chưa có những quy định hướng dẫn cụ thể để triển khai thực hiện. Đơn cử như Nhà xuất bản Thanh Hóa đã triển khai việc chuyển đổi về mô hình đơn vị sự nghiệp từ năm 2015 đến nay vẫn đang còn ách tắc.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Về cơ chế chính sách

Để giải quyết tồn tại trên nhằm đưa ngành xuất bản ngày một phát triển, tương xứng với tiềm năng sẵn có, thực sự trở thành một ngành công nghiệp văn hóa, tri thức, cần gấp rút xây dựng một chiến lược phát triển tổng thể ngành xuất bản lâu dài, bền vững, vừa đảm bảo tính chất đặc thù của hoạt động xuất bản phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, vừa thích ứng với quy luật phát triển của khu vực và thế giới.

Cần sớm có sự thống nhất về mô hình của các nhà xuất bản vì chỉ như vậy mới có thể đưa ra những cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển đồng nhất cho các nhà xuất bản.

Để ngành xuất bản có thể phát triển ở thời điểm hiện tại và cả trong tương lai xa giữa bối cảnh hội nhập hiện nay, nhìn nhận một cách khách quan, mô hình doanh nghiệp là mô hình thích hợp nhất. Tuy nhiên, cần phải xây dựng những cơ chế, chính sách đặc thù đối với loại hình doanh nghiệp các nhà xuất bản với tư cách là những đơn vị hoạt động trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng. Đó là cơ chế, chính sách về giá thuê nhà đất, trụ sở, về miễn, giảm các loại thuế, về đầu tư cơ sở hạ tầng, chi phí xuất bản, đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ, ưu đãi lãi suất vay vốn ngân hàng, các dự án đặt hàng lâu dài, có chiều sâu,...

Trong bối cảnh thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, của chuyển đổi đang ngày một ảnh hưởng, tác động mạnh mẽ, sâu rộng đến từng lĩnh vực, từng ngành nghề, đây cũng chính là một cơ hội lớn để hiện đại hóa ngành xuất bản. Cần gấp rút xây dựng một chiến lược, một lộ trình áp dụng thế mạnh của công cuộc chuyển đổi số vào hoạt động xuất bản ở cả ba công đoạn: xuất bản, in, phát hành. Có thể, ở một vài công đoạn những ứng dụng của khoa học công nghệ chưa thay thế được hoàn toàn trí tuệ con người, tuy nhiên xét một cách tổng thể, chắc chắn, những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ phục vụ hữu ích cho ngành xuất bản trong việc tiết kiệm chi phí, tiết giảm nguồn nhân lực, ở góc độ nào đó là giảm thiểu ô nhiễm môi trường, không gian lưu trữ,... và đặc biệt là khả năng kết nối trong việc khai thác nguồn dữ liệu, tìm hiểu, khai thác nhu cầu thị trường, thị hiếu người đọc giữa bối cảnh thế giới ngày một “phẳng”.

2. Về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

Xây dựng kế hoạch và nguồn kinh phí đào tạo nguồn nhân lực ngành xuất bản theo hai nhóm:

- Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức lý luận, chính trị, chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao về hàm lượng tri thức trong nội dung xuất bản phẩm.

- Đào tạo, nâng cao về ứng dụng khoa học công nghệ để đáp ứng yêu cầu của công cuộc chuyển đổi số nhằm hiện đại hóa ngành xuất bản.

3. Về chính sách đầu tư hạ tầng, hỗ trợ chi phí sản xuất kinh doanh

Nghiên cứu ban hành chính sách đặc thù về đầu tư tài chính, bổ sung vốn cho các nhà xuất bản để nâng cấp hạ tầng, cơ sở vật chất, thiết bị sản xuất, xây dựng nguồn nội dung cơ sở dữ liệu,...

Đầu tư, nâng cấp về ứng dụng khoa học công nghệ để từng bước hiện đại hóa, nâng cao chất lượng kỹ, mỹ thuật các sản phẩm truyền thống, đổi mới phương thức quản trị sản xuất kinh doanh; tiếp cận và sản xuất các loại hình xuất bản mới như sách điện tử, sách nói,...; phát triển các hình thức quảng bá, kinh doanh phát hành trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin như trang thông tin tuyên truyền, trang thương mại điện tử bán hàng trực tuyến, thư viện sách điện tử,...

Có chính sách đặt hàng với nguồn kinh phí lớn để các nhà xuất bản thực hiện lâu dài, có trọng điểm, có chiều sâu.

Có chính sách đặc thù về hỗ trợ lãi suất vay vốn ngân hàng đối với các nhà xuất bản có nhu cầu mở rộng sản xuất, kinh doanh.

Có thể nói, tất cả những bất cập dẫn đến những khó khăn trong hoạt động của các nhà xuất bản, đồng thời hạn chế sự phát triển của ngành xuất bản trong bối cảnh hiện nay đều bắt nguồn từ mô hình hoạt động của các nhà xuất bản. Vấn đề bao giờ thống nhất được mô hình các nhà xuất bản lâu nay vẫn là một câu hỏi lớn, tồn tại dai dẳng chưa có giải pháp. Giải quyết được vấn đề này, chắc chắn sẽ tháo gỡ được những khó khăn mang tính hệ thống của ngành xuất bản, đưa ngành xuất bản ngày một phát triển, tương xứng với tiềm năng sẵn có, thực sự trở thành một ngành công nghiệp văn hóa, tri thức./.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

Ông Đinh Quang Hoàng

Giám đốc Công ty Cổ phần Sách điện tử Waka

Dẫn nhập

Ngành xuất bản, trong thập kỷ qua, đã trải qua một sự thay đổi lớn: Công nghệ kỹ thuật số đã và đang là nhân tố thay đổi cuộc chơi thực sự đối với thế giới xuất bản sách. Sự bùng nổ của các thiết bị kỹ thuật số bao gồm điện thoại di động, máy tính bảng và máy đọc sách Kindle, cùng với các kỹ thuật sản xuất bản in theo yêu cầu và tiếp thị truyền thông xã hội đã kết hợp để mang lại sự chuyển đổi sâu sắc.

Chuyển đổi kỹ thuật số đã làm tăng khả năng tiếp cận của sách với công chúng bằng cách tăng tính linh hoạt của tiêu dùng. Năm 2007, Amazon Kindle được ra mắt đã phổ biến khái niệm sách điện tử LẦN ĐẦU TIÊN, giúp bất kỳ ai có quyền truy cập Internet đều có thể truy cập tất cả các loại nội dung văn học chỉ bằng một nút bấm. Và từ đó đến nay, độc giả kỹ thuật số đang ngày càng ưa chuộng các định dạng sách nói động, một xu hướng tương quan với sự gia tăng của podcast và việc sử dụng thiết bị di động.

Đối với các tác giả và nhà xuất bản, số hóa mang đến sự tự do tiếp thị và cơ hội sáng tạo. Những nhà bán sách điện tử trực tuyến như Apple Books, Smashwords và Amazon cũng như các điểm tiếp xúc kỹ thuật số mang lại lợi ích về tiết kiệm chi phí và sự tiện lợi. Chuyển đổi kỹ thuật số triệt để giúp các tác giả đầy tham vọng trên khắp thế giới có thể tự xuất bản thông qua các nền tảng phân phối sách điện tử (ví dụ như KDP - Kindle Direct Publishing).

Trong các công ty phát hành sách, chuyển đổi kỹ thuật số cho phép cộng tác tự động trong đó tác giả và nhà xuất bản làm việc cùng nhau - ví dụ: chỉnh sửa trực tiếp tài liệu chính. Việc phát triển nội dung trở nên nhanh hơn, hợp lý hóa và dễ dàng hơn trong khi các nhà quản lý biên tập có được sự giám sát vượt trội ngay từ bản thảo đến bản in thử cuối cùng. Lưu trữ nội dung trên các nền tảng hợp nhất, chẳng hạn như nền tảng dựa trên đám mây, giúp loại bỏ các phần riêng biệt, tăng tính thuận tiện trong quản trị.

=> Lợi ích lớn nhất của công nghệ kỹ thuật số đối với thế giới xuất bản sách nằm ở quy trình làm việc hợp lý, cải thiện quá trình ra quyết định với dữ liệu và phân tích cũng như khả năng nắm bắt các xu hướng đọc đang thay đổi. Đối với độc giả, khả năng tiếp cận các đầu sách được cải thiện và giảm chi phí rất hấp dẫn.

NHỮNG XU HƯỚNG TIẾP THEO

Trong hội nghị thượng đỉnh về tăng trưởng kỹ thuật số Twipe 2022 diễn ra ở London có hơn 100 giám đốc phát triển (cải cách) và gần 20 diễn giả về chuyển đổi số đã cùng nhau thảo luận về xu hướng công nghệ chính ảnh hưởng đến báo chí và xuất bản trong hiện tại và tương lai dài hạn.

Xu hướng số 1: Truyền thông tổng hợp đang gia tăng

- Những tiến bộ đáng kinh ngạc về nội dung do AI tạo ra:
- Chuyển văn bản thành hình ảnh
- Tạo văn bản dài
- Quy trình làm việc AI.
- Và nội dung (content) cũng đang được tạo ra bởi AI.

Những sự khác biệt giữa nội dung mà con người tạo ra so với nội dung mà máy tính tạo ra hầu như không đáng kể. Tiến bộ này sẽ khiến thế giới thay đổi nhanh hơn cách chúng ta tưởng. Nếu chuyển đổi kỹ thuật số là mô hình chính trong thập niên qua thì sự chuyển đổi của kỹ thuật số sẽ có thể là mô hình tiếp theo trong 2 thập kỷ tới.

Các công cụ trước đây chỉ có trong tưởng tượng thì giờ trở thành xu hướng chủ đạo, như “hollywood to home effect” - “mang hiệu ứng hollywood đến tận nhà bạn” mang đến những thách thức và cơ hội mới. Có rất nhiều cơ hội để các nhà xuất bản tận dụng tốt những công cụ này. Sofie Hvitved đã chứng minh điều này rất rõ bằng cách sử dụng giấy nhắc: chỉ với một vài dòng văn bản đơn giản là đủ để tạo nên toàn bộ câu chuyện hoặc video. Đây là một cách mạnh mẽ để các tác giả kể chuyện và thu hút khán giả. Thay vì ở trong một thế giới đầy giả tạo, chúng ta có thể có một thực tế khác.

Phương tiện truyền thông tổng hợp đã có mặt ở nhiều tòa soạn, thông qua hoạt động của rô-bốt báo chí do AI tạo ra. Nhà xuất bản USA Today Gannett đã xây dựng một công cụ mới, Localizer, để tự động tạo các câu chuyện đậm chất địa phương dựa trên dữ liệu y tế địa phương hoặc giao dịch bất động sản. Những câu chuyện này rất phù hợp với cộng đồng địa phương. Nhờ đó, các nhà báo có nhiều thời gian hơn để tập trung đưa tin chuyên sâu. Lời khuyên quan trọng nhất từ việc tung ra thành

công Localizer, đối với Kara Chiles, Phó Chủ tịch cấp cao về Sản phẩm tiêu dùng tại Gannett, là cần có sự tham gia chặt chẽ của nhóm biên tập ngay từ đầu. Như vậy họ hiểu rằng những “nhà báo người máy” này sẽ không chiếm công việc của họ.

Xu hướng 2: TikTokization đang lan rộng một cách nhanh chóng

TikTok không chỉ thay đổi phương thức tiêu dùng của chúng ta mà còn thay đổi cách cư xử và hành động của thế hệ trẻ. Điều này có thể thấy rõ ràng với việc “Tiktok hóa” mọi thứ. Ví dụ cách Gen Z hiện nay sử dụng TikTok để tìm kiếm, tìm kiếm công thức nấu ăn thay vì chỉ đơn giản là Google. Điều này đã mang lại cho nền kinh tế sáng tạo một động lực mới, khi chứng kiến những người sáng tạo nội dung (content creator) như Kat Norton, hay còn gọi là Miss Excel, kiếm được 100.000 USD cho mỗi video về lớp học Excel nâng cao của cô ấy. Thú vị nhất, dường như chúng ta đang chuyển từ trao đổi tin tức và thông tin phong phú bằng văn bản sang các định dạng video trực quan hơn nhiều. Đối với các nhà xuất bản, chúng ta có nghĩ rằng xuất bản 1 cuốn sách bằng video sẽ thống trị? Điều này mang đến những thách thức mới về xây dựng kỹ năng đối với các nhà xuất bản truyền thống. Các nhà đổi mới cũng như nhà xuất bản đều phải đối mặt với lựa chọn theo xu hướng hay nguyên bản.

“Giới trẻ sử dụng TikTok cho mọi thứ, từ giải trí đến thông tin và tìm kiếm. Đây là một mối đe dọa thực sự đối với Google và Facebook của thế giới này.

Sander Duivesteyn, Nhà lãnh đạo Tư tưởng và Tác giả của Real Fake”

Xu hướng 3: “Chúng tôi sẽ tiếp tục in 7 ngày một tuần trong thập kỷ tới”

Trong một cuộc thăm dò ý kiến, khán giả đã khẳng định tầm quan trọng của sách báo in trong vài năm tới. Bản in giúp các thương hiệu xây dựng niềm tin và hình thành các mối quan hệ lâu dài, kể cả trong không gian kỹ thuật số.

Theo Nick Hugh, Giám đốc điều hành của The Telegraph, báo in sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh cốt lõi của The Telegraph trong những năm tới.

“Chúng tôi sẽ tiếp tục in 7 ngày một tuần trong thập kỷ tới.” - Nick Hugh.

Tuy nhiên, tầm quan trọng đã được tái khẳng định của bản in không có nghĩa là nó không thể trở nên thông minh hơn. Schibsted sử dụng AI để làm cho quy trình sản xuất và phân phối bản in trở nên hiệu quả và bền vững hơn đáng kể. Các thuật toán học máy của họ tính toán chính xác số lượng giấy tờ họ sẽ bán vào một ngày nhất định và chỉ in khi cần thiết. Nó cũng đảm bảo các tờ báo đến đúng người để bán chúng và cung cấp thông tin về các tuyến đường tốt nhất có thể cho hành trình, để chúng gây ô nhiễm ít nhất có thể.

Xu hướng 4: Từ “always on” đến “always in”, âm thanh ở khắp mọi nơi

Âm thanh vẫn là một định dạng có tiềm năng to lớn. Trong một cuộc thăm dò ngắn, 80% số người được hỏi đều cho rằng “âm thanh là định dạng chính trong 5 - 10 năm tới”. Giọng nói là định dạng thân mật và được cá nhân hóa nhất, vì không có gì riêng tư hơn việc ai đó đang nói chuyện với bạn. Theo CDO Han-Menno Depeweg của NRC, âm thanh đang “biến những dòng chữ thành người thật”.

Schibsted đã sử dụng giọng nói tổng hợp của AI cho các bài báo của họ ở Na Uy, với giọng nói của podcaster nổi tiếng nhất Na Uy - Beyond Words, họ đã dành một ngày trong phòng thu âm để sử dụng giọng nói của cô ấy và huấn luyện mô hình AI của họ đọc các bài báo một cách tự nhiên nhất có thể. Giờ đây, người tiêu dùng có thể nghe tin tức được gửi từ podcaster yêu thích của họ dưới dạng giọng nói tổng hợp và nó đã thành công. Giọng nói tổng hợp được ưa thích hơn so với các bài viết do con người đọc. Nếu công nghệ tin tức chuyển văn bản thành giọng nói này đã tốt như vậy, thì tiềm năng sẽ lớn đến mức nào?

Âm thanh đã giúp nhà xuất bản Hà Lan NRC thu hút một lượng độc giả mới. Han-Menno Depeweg giải thích rằng trong số 300.000 người nghe podcast của NRC hàng tuần trên ứng dụng âm thanh của họ, một nửa dưới 35 tuổi và có sự phân chia giới tính 50 - 50.

Có 5 lý do thiết thực giải thích tại sao các nhà xuất bản nên đặt niềm tin vào âm thanh, đó là:

- Những bằng chứng trong tương lai
- Sự xây dựng thói quen
- Mở rộng hơn của đọc
- Thị trường đang phát triển
- Đáng tin cậy

Xu hướng 5: Rủi ro càng lớn, càng thúc đẩy sự đổi mới

Một cụm từ thường được nhắc lại nhiều lần tại hội nghị tăng trưởng kỹ thuật số này là “di sản”. Việc ít chấp nhận rủi ro là yếu tố cản trở chính đối với sự đổi mới. Với sự ra mắt thành công gần đây của FT Edit, cách tiếp cận đổi mới dường như đã thay đổi. Nó đòi hỏi sự liên kết liên tục giữa tất cả các bên liên quan trong tổ chức.

Khi chấp nhận rủi ro, các nhà xuất bản không nên sợ thất bại. Mathieu Halkes, Trưởng bộ phận Sản phẩm của Schibsted nói rằng thất bại luôn xảy ra ở Schibsted, nhưng nó phải được coi là một cách tốt để học hỏi từ bên trong. Sự linh hoạt hơn và khả năng thay đổi sẽ là chìa khóa cho sự tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Những bước để chuyển đổi số trong ngành xuất bản với những xu thế mới là gì?

Sự chuyển đổi kỹ thuật số trong xuất bản là một phản ứng trước những thay đổi trong thói quen của người tiêu dùng và sự phổ biến ngày càng tăng của các thiết bị di động được sử dụng như một nguồn thông tin hàng ngày. Công nghệ kỹ thuật số đóng một vai trò quan trọng trong ngành xuất bản và không có dấu hiệu nào cho thấy xu hướng này có thể thay đổi.

Do đó, chuyển đổi không phải là một khả năng mà là một điều cần thiết đối với nhiều công ty, nhà xuất bản.

Trước hết, chuyển đổi kỹ thuật số trong xuất bản không có nghĩa là loại bỏ hoàn toàn bản in. Đó là về hợp lý hóa quy trình - định dạng kỹ thuật số là một bổ sung tuyệt vời cho chiến lược kinh doanh giải quyết các thách thức thị trường công nghệ ngày nay. Những độc giả thích sách in vẫn chiếm tỷ lệ cao trong tổng số độc giả và sự chuyển đổi trong lĩnh vực này có thể hạ thấp chi phí xuất bản cuối cùng và tăng khả năng cạnh tranh.

Một trong những lĩnh vực quan trọng nhất bị ảnh hưởng bởi chuyển đổi kỹ thuật số là công việc biên tập nói chung. Các công ty đang tổ chức lại toàn bộ nhóm - nhóm quản lý quy trình sáng tạo và cung cấp nội dung, nhóm chịu trách nhiệm phân tích và phát triển dữ liệu hoặc CNTT và quản trị.

Cần chia quá trình chuyển đổi thành nhiều giai đoạn và tóm tắt từng giai đoạn trong hội thảo kiểm tra - thích ứng - việc phân tích tiến độ liên tục cho phép tổ chức thực hiện thay đổi có giá trị và đo lường được. Điều quan trọng là phải lên lịch và sắp xếp không gian để học các công cụ mới mà nhóm biên tập sẽ sử dụng sau khi thay đổi. Sử dụng các phương pháp linh hoạt trong quá trình triển khai đảm bảo sự thành công của quá trình chuyển đổi. Quá trình chuyển đổi sang giai đoạn tiếp theo của quá trình chuyển đổi sẽ diễn ra khi tổ chức đã trở nên quen thuộc với cách thức làm việc mới trong một giai đoạn cụ thể.

6 bước chuyển đổi số ngành xuất bản

Số hóa nền tảng xuất bản - Chuyển đổi trong 6 bước:

Dựa trên kinh nghiệm của chúng tôi về chuyển đổi kỹ thuật số trong ngành xuất bản, chúng tôi đã xác định 6 giai đoạn của quy trình.

- *Quyết định*: Ở giai đoạn này, chúng tôi hỗ trợ quá trình ra quyết định của các đơn vị về các lĩnh vực cần cải thiện. Các hội thảo kỹ thuật, trong đó chúng tôi xác định các quy trình sẽ được tối ưu hóa, hỗ trợ quá trình ra quyết định.

- *Lập kế hoạch triển khai*: Bước tiếp theo là lập kế hoạch triển khai và tích hợp với các hệ thống hiện có. Đồng thời, nhóm biên tập nên phát triển một quy trình làm việc mới đáp ứng nhu cầu của nhóm về các công cụ sẽ được triển khai.

- *Phiên bản tối ưu duy nhất*: Chuyển đổi số chủ yếu tập trung vào việc tối ưu hóa toàn bộ dữ liệu và nội dung. Đồng thời tăng khả năng thử nghiệm A/B ban đầu

- *Phạm vi thực hiện đầy đủ*: Việc chuyển đổi mở rộng ra toàn bộ trang web/ứng dụng, trong phạm vi đã được thỏa thuận với khách hàng trong quá trình ra quyết định.

- *Tổ chức chấp nhận*: Trong giai đoạn này, các kết quả và sản phẩm bàn giao đầu tiên được trình bày để thuyết phục các biên tập viên và nhóm kinh doanh về những thay đổi. Hệ quả của giai đoạn này là loại bỏ hoàn toàn một số tác vụ thủ công. Cần lưu ý rằng một số công việc, chẳng hạn như viết quảng cáo, sẽ vẫn thuộc phạm vi công việc thủ công.

- *Tùy chỉnh*: Đây là giai đoạn cuối cùng diễn ra quá trình so sánh thêm giữa thử nghiệm thủ công và thử nghiệm A/B tự động.

Chuyển đổi trong dài hạn

Lĩnh vực xuất bản là lĩnh vực chắc chắn bị ảnh hưởng bởi thời đại kỹ thuật số và sự phát triển của các công nghệ mới đã tác động đến nhiều lĩnh vực hoạt động truyền thông, đặc biệt là sách, báo in. Tuy nhiên, hành vi của người tiêu dùng và ngành công nghiệp vẫn đang phát triển. Các công ty nên thực hiện các thay đổi và vạch ra các bước khả thi để theo kịp sự phát triển và duy trì tính cạnh tranh trong thời gian dài.

IX. CÔNG TÁC TỔNG HỢP

MỘT SỐ KẾT QUẢ

NGÀNH THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG BẮC GIANG NĂM 2022

Đồng chí Trần Minh Chiêu
Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Giang

Bước vào năm 2022, cùng với cả nước, tỉnh Bắc Giang tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức. Nhờ sự vào cuộc quyết liệt, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy; sự chủ động, tích cực, đồng hành, phối hợp chặt chẽ của HĐND tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội; sự nỗ lực, sáng tạo, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh, các sở ngành và chính quyền các cấp; sự ủng hộ, tham gia tích cực của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, tình hình kinh tế - xã hội năm 2022 đạt được kết quả nổi bật, toàn diện trên các lĩnh vực, vị thế, uy tín của tỉnh ngày càng được nâng lên. Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP đạt 19,8; GRDP bình quân đầu người đạt 3.400 USD.

Cùng với sự phát triển chung của tỉnh, trong những năm qua, ngành Thông tin và Truyền thông Bắc Giang đã và đang có những bước phát triển mới, khẳng định vị trí, vai trò của một ngành nhiều lĩnh vực, có tác động sâu rộng đến mọi mặt đời sống chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Công tác quản lý nhà nước của Ngành từ tỉnh đến cơ sở được tăng cường, phát huy hiệu quả trên cả 6 lĩnh vực chuyên ngành (bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin (CNTT), an toàn thông tin, công nghiệp công nghệ thông tin - truyền thông, thông tin - tuyên truyền), tạo thế và lực mới cho sự phát triển thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh. Công tác xây dựng quy hoạch, đề án, cơ chế, chính sách được chú trọng. Bắc Giang đã xây dựng: *Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025; Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và định hướng đến 2030; ban hành Nghị quyết số 433/NQ/TU ngày 04/5/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019 - 2025; Nghị quyết số 111-NQ/TU ngày 11/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.*

Những kết quả nổi bật năm 2022 đó là: Trong năm, Sở Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát bảo đảm an toàn, an ninh bưu chính phục tốt các quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước. 100% khu dân cư, khu đô thị mới được ngầm hóa; chấp thuận mới 82 vị trí xây dựng trạm BTS cho các

doanh nghiệp viễn thông; 100% xã có hạ tầng Internet cáp quang băng rộng cố định; 96% thôn, tổ dân phố có hạ tầng Internet cáp quang băng rộng cố định đạt; 82% hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng. Tổng doanh thu viễn thông, Internet ước đạt 2.670 tỷ đồng, bằng 104,6% so với cùng kỳ. Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các ngành, địa phương tập trung thực hiện Chuyển đổi số của tỉnh; chính thức vận hành Kho dữ liệu số; triển khai 15 nền tảng số trên địa bàn tỉnh; triển khai hiệu quả dịch vụ công, thanh toán không dùng tiền mặt. Qua đó, năm 2022, Bộ Thông tin và Truyền thông xếp hạng chỉ số chuyển đổi số - DTI tỉnh Bắc Giang năm 2021 đứng thứ 10/63 tỉnh, thành phố, đây là năm thứ 2 liên tiếp Bắc Giang giữ thứ hạng này (trong đó chỉ số nhận thức số đứng thứ 3, thể chế số đứng thứ 10, nhân lực số đứng thứ 14, hoạt động chính quyền số đứng thứ 23, hoạt động kinh tế số đứng thứ 6, hoạt động xã hội số đứng thứ 5). Bộ Nội vụ xếp hạng chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2021 tỉnh Bắc Giang đứng thứ 7/63 tỉnh, thành phố (tăng 6 bậc so với năm trước) trong đó Chỉ số thành phần về hiện đại hóa nền hành chính nhà nước là năm thứ 2 liên tiếp xếp thứ 1/63 tỉnh, thành phố. Làm tốt công tác quản lý nhà nước về báo chí trên địa bàn; chỉ đạo tuyên truyền toàn diện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, thông tin đối ngoại; trực tiếp quản lý, điều phối hoạt động của các nhà báo quốc tế và báo chí Trung ương về tác nghiệp SEA games 31 tại Bắc Giang; ban hành văn bản nhắc nhở một số cơ quan báo chí đăng tải thông tin để cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Chỉ đạo ban hành 14 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 94,5 triệu đồng đối với các hành vi vi phạm về cung cấp, chia sẻ thông tin bịa đặt, giả mạo, thông tin sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức, danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

Xác định việc phát triển và ứng dụng CNTT, chuyển đổi số là khâu then chốt trong cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, Bắc Giang tiếp tục luôn quan tâm phát triển cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông, CNTT đồng bộ, rộng khắp. Đến nay, hạ tầng mạng viễn thông phủ sóng di động đến 100% trung tâm các xã, phường, thị trấn, trên 95% thôn, bản. Hạ tầng kỹ thuật CNTT hiện đại, đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã. Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh được đầu tư, nâng cấp, mở rộng đáp ứng yêu cầu triển khai các ứng dụng dùng chung của tỉnh, đảm bảo an toàn, bảo mật dữ liệu và phục vụ cho việc triển khai chuyển đổi số. Việc phát triển và ứng dụng CNTT đã góp phần từng bước thay đổi phương thức làm việc truyền thống sang làm việc trên môi trường số hiện đại, công khai, minh bạch, trách nhiệm, giảm giấy tờ, tiết kiệm chi phí, thời gian, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân và doanh nghiệp.

Với kết quả đã đạt được, chắc chắn trong những năm tiếp theo, ngành Thông tin và Truyền thông Bắc Giang còn tiến xa hơn nữa, góp phần vào sự nghiệp phát triển chung của tỉnh, của đất nước./.

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

In ... bản, khổ 20,5 x 29,5 cm tại Công ty TNHH In Hải Nam

Địa chỉ nơi in: Số 18 ngách 68/53/9 Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản: ...-2022/CXBIPH/...-.../TTTT.

Số quyết định xuất bản: .../QĐ-NXB TTTT ngày tháng 12 năm 2022.

In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2022.

ISBN: 978-604-80-.....-

SÁCH KHÔNG BÁN

